PHẠM MINH LĂNG

S. Freud & TÂM PHÂN HỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

PHẠM MINH LĂNG

FREUD VÀ TÂM PHÂN HỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN
HÀ NỘI - 2000

Thay lời nói đầu

TÁC PHẨM "FREUD VÀ TÂM PHÂN HỌC"

Như chúng ta đã biết học thuyết do Freud sáng lập, ra đời cách đây gần 100 năm nếu lấy thời điểm Freud cho ra đời giáo trình "Những bài giảng nhập đề môn Tâm phân học" được giảng dạy cho các sinh viên chuyên ngành Tâm thần học tại các trường đại học vào năm 1915 - 1916.

Số người hoan nghênh, ủng hộ tuy chiếm số đông cũng như sự công nhận của thế giới với sự ra đời của hội Tâm phân học quốc tế thì cũng còn không ít người hoặc là hoài nghi, hoặc là không đồng tình về điểm này hay điểm khác. Đó là chưa nói đến một số người chưa hề biết đến Freud, đến Tâm phân học, hoặc biết một các không đầy đủ với những thông tin thiếu tin cậy. Tình trạng trên cũng là tình trạng rất bình thường đối với nhiều lí thuyết khác nhau đã từng xuất hiện trong lịch sử.

Nhưng điều cần nói thêm là từ sau Thế chiến thứ hai, tại nhiều nước phương Tây, nhất là vào vai ba thập niên gần đây, có một số người hoặc là nhân danh Freud, hoặc là nhân danh chủ nghĩa Freud mới, hoặc là không công khai nhân danh một ai hết nhưng mọi

người đều cho là từ những ý tưởng của chính Freud, đã tung ra nhiều phong trào rất xa lạ với ý tưởng của Freud, thậm chí còn đi ngược lại với ý tưởng nhân bản của chính người sáng lập ra Tâm phân học. Với danh nghĩa trên, người ta có thể nói đôi điều về Freud nhưng lại toàn là những điều thứ yếu hoặc là những điều Freud đã đoạn tuyệt trong quá trình hoàn thiện học thuyết. Họ cũng có thể nhân danh những người phát triển học thuyết Freud để giới thiệu những điều xa lạ với Freud để gây sự ngộ nhận trong dư luận, làm tổn hại đến mục đích trong sáng và lành mạnh của học thuyết Freud. Đó là những phong trào làm ra vẻ rất cách mạng, rất tiến bộ có sức hấp dẫn với nhiều người nhất là thế hệ trẻ, như: "Tự do tình dục", "Cách mạng tình dục", "Giải phóng tình dục" và nhiều trào lưu khác tương tự.

Thực ra thì những phong trào này hoàn toàn xa lạ với chính Freud và có thể nói thẳng ra là nó đã xuyên tạc một cách trắng trợn học thuyết Freud, đã xuyên tạc những tư tưởng lành mạnh của Freud thành những ý tưởng của những kẻ suy đồi.

Không hiểu có phải Freud đã tiên đoán được những ý đồ xấu xa này hay không mà khi còn đương thời Freud đã nhiều lần khẳng định là ông và những đồng nghiệp của ông chỉ là những người thầy thuốc có tâm huyết, hết lòng vì người bệnh mà không bao giờ dám nghĩ đến việc trở thành những nhà cải cách xã hội với những phong trào xã hội như những nhà cải cách xã hội thường làm. Ý đồ của những phong trào xã hội nói trên đã thực sự đi ngược lại ý tưởng nền tảng của Freud khi họ đòi xã hội

phải để cho họ hưởng thụ một đời sống tình dục tuỳ thích, tối đa, cái mà Freud gọi là tình dục sa đọa mà ông kiên quyết lên án xuyên suốt toàn bộ học thuyết mang tên ông.

Trong những năm gần đây trên thế giới đã có rất nhiều công trình được công bố và đã được nhiều phương tiện thông tin đại chúng đăng tải mà nội dung đều nhất trí rằng những phong trào trên đã hoàn toàn thất bại. Đây là sự phá sản của những người đã đi chệch ý tưởng của người sáng lập ra Tâm phân học chứ đâu có phải là sự thất bại của chính học thuyết Freud. Sự thất bại ở đây không chỉ ở số người phản đối nhiều hay ít, hưởng ứng hay không mà là tác hại của nó đến đời sống xã hội hiện nay và còn nhiều năm sau cũng như đối với nhiều thế hệ mai sau.

Hơn nữa các phong trào nói trên còn làm cho người ta nghĩ rằng lí thuyết Tâm phân học chỉ đơn giản là vấn đề tình dục. Ngay trong phạm vi vấn đề tình dục các phong trào trên cũng cố tình làm cho những người có nhân cách e ngại khi họ tước đi cái tinh thần trong sáng tự nhiên, lành mạnh của Tâm phân học và biến vấn đề thành một cái gì dung tục đáng phải e ngại, thậm chí còn đáng sợ trước con mắt của những con người bình thường.

Vì vậy vấn đề lúc này là phải tạo điều kiện cho đông đảo mọi người, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên trong nhà trường, có được hiểu biết đúng đắn về Tâm phân học nói chung và vấn đề tình dục nói riêng. Hiện nay chúng ta đang có

chủ trương đưa vấn đề giới tính vào để giáo dục trong nhà trương cũng như ngoài xã hội. Đã là vấn đề giáo dục thì không chỉ những người thuộc đối tượng giáo dục cần biết mà những bậc làm cha làm mẹ, các nhà giáo dục cũng cần am hiểu. Tâm phân học không chỉ là một giáo dục học như Freud đã quan niệm mà nó cũng là một phương pháp điều trị có hiệu quả những chứng bệnh tâm thần. Vì vậy Tâm phân học cũng là một lí thuyết mà những người thầy thuốc nên tham khảo khi chưa được công nhận là một phương pháp điều trị chính thức, ít nhất là về mặt lí thuyết.

Do đó chúng tôi cho ấn hành ấn phẩm "Freud và Tâm phân học" do nhà nghiên cứu triết học và xã hội phương Tây Phạm Minh Lăng biên soạn từ những ý tưởng, những quan niệm, những khảo nghiệm cũng như những kết luận của chính Freud, người sáng lập ra Tâm phân học mà không qua một khâu trung gian nào.

Trong ấn phẩm này, hầu hết những ý tưởng cơ bản của lí thuyết Tâm phân học đều được đề cập đến một cách tương đối có hệ thống nhằm giúp cho người đọc thâu tóm được một cách tương đối đầy đủ những vấn đề cơ bản nhất của Tâm phân học.

Để bạn đọc có thêm những điều kiện cần thiết thuận lợi cho việc tiếp nhận công trình, chúng tôi xin phép được giới thiệu đôi điều về những tư tưởng cơ bản cũng như những vấn đề chính của tác phẩm không ngoài mong muốn làm rõ bản chất và mục đích của tác phẩm cũng như ý tưởng chủ đạo của Freud với tư cách là người sáng lập ra môn học.

Như chúng ta đã biết, Freud là người sáng lập ra môn Tâm phân học, tức môn Tâm lí học dùng phương pháp phân tích và cũng là người có công lớn nhất làm cho môn học từ chỗ chỉ đơn giản là một phương pháp điều trị nhiều chứng bệnh tâm thần có hiệu quả trở thành một lí thuyết xã hội được nhiều người trên thế giới biết đến như một phát minh lớn trong đời sống khoa học cũng như trong đời sống tinh thần của con người.

Trong đời sống tinh thần của con người, ý thức hay còn gọi là cái hữu thức (conscient) đã được con người biết đến từ lâu. Loài người đã khám phá được nhiều bí ẩn về cái hữu thức và con người đã phát huy được vai trò to lớn của nó trong mọi hoạt động hàng ngày. Con người cũng đã biết đến một hiện tượng tinh thần khác. Đó là cái vô thức (inconscient). Nhưng người ta lại cho rằng cái vô thức là cái không có nội dung gì và vì thế nó cũng không có vai trò gì trong đời sống tinh thần của con người. Do đó các nhà triết học, các nhà xã hội học, các nhà tâm lí học trước Freud nói chung chẳng quan tâm gì đến việc tìm hiểu về hiện tượng này.

Freud vốn là một bác sĩ về Thần kinh học chuyên chữa trị một căn bệnh cũng thuộc loại tinh thần như người ta thường quan niệm, nhưng nguồn gốc chủ yếu lại là do tổn thương của hệ thần kinh với tư cách là một cơ quan phủ tạng như các cơ quan phủ tạng khác gây ra. Với loại bệnh này người thầy thuốc phải sử dụng thuốc hay phẫu thuật khi cần thiết mới hi vọng chữa trị có hiệu quả. Trong trường hợp này người thầy thuốc có coi yếu tố tinh thần quan trọng đến đâu cũng không thể thay thế

hoàn toàn thuốc (chí ít cũng là quan niện chung của nền y học thời Freud).

Với sự hiểu biết thời đó người ta chưa biết đến một loại bệnh có nhiều triệu chứng như bệnh thần kinh mà ngày nay được chính thức gọi là những loại bệnh tâm thần. Đó là một loại bệnh không phải do những tổn thương của hệ thần kinh với tư cách là một cơ quan phủ tạng là thủ phạm chính gây ra bệnh. Thủ phạm chính của loại bệnh này là do những hụt hẫng, những cú sốc về tinh thần gây ra. Vì thế người ta còn gọi là bệnh thần kinh tinh thần để phân biệt với loại bệnh thần kinh theo nghĩa cổ điển. Với loại bệnh này việc chữa trị theo phương pháp cũ là không có tác dụng, hoặc nếu có tác dụng thì chỉ là tạm thời không triệt để. Đây là loại bệnh tinh thần với đầy đủ ý nghĩa của nó. Nó là do trạng thái tinh thần trong một hoàn cảnh nào gây ra và cũng chỉ chữa trị nó có hiệu quả, vững chắc và triệt để bằng những tác động tinh thần mà Freud gọi là bằng giáo dục, một phương pháp khoa học thích hợp và bằng lòng nhân ái, thương yêu chân thành. Cũng vì thế mà nhiều lần Freud đã gọi Tâm phân học là một giáo dục học theo phương pháp của Tâm phân học. Tất cả những thủ pháp chữa trị bằng thuốc và phẫu thuật chỉ là sự hỗ trợ khi cần thiết mà thôi.

Kết luận trên là kết luận đầu tiên có ý nghĩa vô cùng quan trọng vào những năm 80 và 90 của thế kỉ trước, khi ông còn là một bác sĩ về thần kinh học qua nhiều lần thực nghiệm và quan sát khi tiếp xúc với hàng loạt bệnh nhân. Đứng về mặt phương pháp thì đây là một phương pháp trị bệnh thông qua giao tiếp, trò chuyện

thân tình và tự nhiên với người bệnh để phân tích trạng thái tinh thần, tình cảm của người bệnh. Cũng vì thế mà môn học này được gọi là Tâm phân học (Psychanalise là một từ được ghép từ Psycho - tâm lí và analise - phân tích). Từ sự phân tích trạng thái tâm lí và tình cảm của người bệnh, người thầy thuốc Tâm phân học tiến hành một sự giáo dục kiên trì, cởi mở và thân tình, để giúp người bệnh tìm lại được chính con người họ khi chưa rơi vào bệnh hoạn tức là một con người bình thường, lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy lí thuyết Tâm phân học được xem như là một giáo dục học.

Vào thời kì này, phương pháp chữa trị các chứng bệnh thần kinh phổ biến là dùng thôi miên (hipnosie) phương pháp này cũng mang lại những kết quả nhất định. Chính Freud và những cộng sự thân tín nhất của ông cũng đã từng dùng thôi miên để chữa trị. Nhưng sau một thời gian, ông đã phát hiện ra rằng việc chữa trị bằng thôi miên chỉ mang lại những kết quả rất hạn chế, không triệt để, chỉ có tính chất tạm thời vì nó chỉ đánh vào triệu chứng bên ngoài mà không đụng chạm gì đến cái gốc sâu xa làm phát sinh ra bệnh.

Từ bỏ phương pháp chữa trị bằng thôi miên và thay thế vào đó bằng phương pháp giáo dục của Tâm phân học được coi như là một bước đột phá, một bước ngoặt trong y học mà trực tiếp là trong tâm thần học thời đó. Nhưng chính phát kiến này đã bị người đời mà trực tiếp là thầy thuốc tâm thần học thời đó quá sùng bái thôi miên lên án. Họ quả quyết rằng nếu không dùng thôi miên thì chỉ có thể là tà thuật, nếu không thì làm thế nào để tiếp cận được với người bệnh chứ đừng nói gì đến

chữa trị. Đó là thời kì đen tối nhất trong cuộc đời khoa học của Freud, sống trong sự cô đơn, bị tẩy chay, kể cả những người đã từng hợp tác với ông trong nhiều năm cũng nghi ngờ và xa lánh ông chỉ vì một điều đơn giản là khoa học không thể chung sống với tà thuật.

Đau khổ vì bị hiểu lầm, nhưng tin tưởng vào con đường mà mình đã lựa chọn, một mình quyết tâm làm sáng tỏ vấn đề. Từ đó một mặt ông tìm cách áp dụng phương pháp chữa trị bằng giáo dục sao cho có kết quả cao. Mặt khác ông tìm cách học hỏi những bậc thầy nổi tiếng trên thế giới trong lĩnh vực tâm thần học. Đồng thời đúc rút kinh nghiệm, xây dựng lí thuyết chữa trị bằng giáo dục mà không cần đến thuốc, không cần đến thôi miên mà người đời biết đến với cái tên là Tâm phân học, một phương pháp có cơ sở khoa học chứ đâu là tà thuật như một thời người ta đã gán cho nó một cách áp đặt tuỳ tiện. Vì thế chỉ là một thầy thuốc mong muốn chữa trị có hiệu quả cho người bệnh một cách thiết thực như ông đã từng gọi là mang tính thực dụng đến chỗ trở thành một lí thuyết gia, người sáng lập ra một ngành học mới một chủ nghĩa như người đời đang gọi với nhiều hiệp hội Tâm phân học trên rất nhiều nước và trên hết là hiệp hội Tâm phân học quốc tế. Hơn thế, Tâm phân học còn được coi là môn học chính thức trong nhiều trường Đại học. Giáo trình đầu tiên của môn học này được chính thức giảng dạy trong nhà trường được mang tựa đề "Những bài giảng nhập đề của môn Tâm phân học" (Les lectures d'introduction de la Psychanalise) do chính Freud biên soạn và trực tiếp giảng dạy ra đời vào năm 1915 - 1916.

Gọi là "Những bài giảng nhập đề của môn Tâm phân học" và như có nhiều người gọi vắn tắt là "Tâm phân học nhập môn" nhưng đây thực chất là giáo trình cơ bản của môn học vì nó bao gồm tất cả những vấn đề chính yếu của môn học và được trình bày ở mức cơ bản nhất. Đây thực sự là một công trình đồ sộ thâu tóm tất cả những vấn đề quan trọng nhất đã được Freud bàn đến trong hàng loạt công trình đã được ông công bố trong thời gian trên dưới ba mươi năm kể từ 1885 - 1886 đến 1915 - 1916. Công trình này cho đến nay đã trải qua hơn tám mươi năm. Nhiều vấn đề đã được những người kế tục ông làm cho phong phú hơn, đầy đủ hơn kể cả việc khắc phục những thiếu sót mà Freud chưa kịp làm. Nhưng những quan điểm cơ bản của Freud vẫn còn nguyên giá trị của nó.

Tuy nhiên cũng phải nói ngay rằng Tâm phân học không phải là một lí thuyết được tất cả mọi người nhất nhất đồng tình. Sự không đồng tình đó lại rất đa dạng, trên nhiều cung bậc khác nhau với những nguyên nhân cũng như nguyên cớ rất phong phú, nhiều màu sắc bao gồm cả tính tích cực lẫn tính tiêu cực, vừa xác đáng lại vừa ngộ nhận đan xen vào nhau. Ở đây chỉ xin nêu một sự ngộ nhận đáng tiếc nhất trong nhiều sự ngộ nhận của một số nhà nghiên cứu ở ngay những nước có nền khoa học phát triển khi họ khẳng định rằng Tâm phân học là một lí thuyết về đời sống tinh thần nhưng chỉ biết đến cái vô thức, không biết gì đến cái hữu thức, coi cái vô thức là hình thức tinh thần duy nhất chi phối mọi hành vi của con người, biến con người chỉ còn sống và hành động như các loài sinh vật khác.

Sự thực thì hoàn toàn không phải như vậy. Tâm

phân học lấy cái vô thức làm đối tượng nghiên cứu chủ yếu của mình, đương nhiên nó phải chú trọng nhiều đến đối tượng nghiên cứu của mình. Còn cái hữu thức là đối tượng nghiên cứu của tâm lí học cổ điển và đã được các nhà tâm lí học, các nhà triết học, các nhà xã hội học và nhiều ngành khoa học nghiên cứu về con người đã nghiên cứu và kết quả là người ta đã hiểu được khá đầy đủ về nó. Công lao đó thuộc về họ. Vì vậy Freud không còn gì nhiều để nói về nó. Tuy nhiên Freud đã dành cho cái hữu thức một vị trí xứng đáng trong học thuyết của mình. Đồng thời Freud còn chỉ ra những mặt mạnh cũng như những mặt hạn chế của cái hữu thức. Và rằng cái hữu thức không phải là hình thức tinh thần duy nhất chi phối mọi hoạt động của con người cũng như vai trò của nó không phải là tất cả. Vấn đề này được Freud trình bày khá thuyết phục trong phần "lí luận về cơ cấu nhân cách toàn diện" hay còn gọi là tâm lí học về Ngã tức cái Tôi, cũng như trong phần "phương pháp điều trị các chứng bệnh tâm thần theo phương pháp Tâm phân học". Đó là những phần có vai trò quan trọng trong toàn bộ hệ thống lí thuyết của Tâm phân học vì nó là mục đích cao nhất có tính nhân bản mà Freud mong muốn trong cả cuộc đời làm khoa học của mình.

Điều đó được thể hiện rõ nhất khi ông đòi phải thực hiện cho được quá trình hữu thức hoá cái vô thức bằng phương pháp tâm phân nghĩa là bằng giáo dục, bằng việc xây dựng cho được những nhân cách toàn diện mà cơ cấu của nó là cái vô thức, cái hữu thức và cái siêu thức.

Không những thế Freud còn phân biệt rõ ràng hai loại tâm lí học với hai đối tượng khác nhau. Đó là tâm lí học

về những bề mặt (Psychologie des surfaces) là tâm lí học lấy cái hữu thức làm đối tượng và đó là tâm lí học cổ điển. Tâm lí học lấy cái vô thức làm đối tượng là tâm lí học về những miền sâu (Psychologie des surfaces) tức tâm lí học về cái vô thức, là Tâm phân học, là học thuyết Freud. Hai loại tâm lí học này cùng tồn tại song song, hỗ trợ cho nhau nhằm giúp cho con người sống tốt hơn. Tâm lí học về cái vô thức do Freud sáng lập tuy có khác với tâm lí học cổ điển nhưng không cái nào loại trừ cái nào mà bổ sung cho nhau làm cho ngành tâm lí học thêm phong phú, thêm hoàn chỉnh.

Chúng ta có thể dẫn ra trường hợp sau đây để chứng minh cho ý tưởng trên. Vào thời kì Freud còn là một bác sĩ như mọi bác sĩ thần kinh học khác, ông cũng như các thầy học và các cộng sự đã áp dụng việc chữa trị bằng thôi miên (hipnosie). Cách chữa trị này cũng mang lại những kết quả rõ rệt nhưng chỉ là tạm thời. Chúng ta biết rằng thôi miên tức bằng ám thị người thầy thuốc đưa người bệnh vào giấc ngủ nhân tạo. Người bệnh ở trong trạng thái nửa ngủ nửa thức và người thầy thuốc vẫn có thể trò chuyện được với người bệnh. Qua trò chuyện người thầy thuốc giúp cho người bệnh nhận ra tính cách khó hiểu và vô nghĩa những hành vi của họ khi họ lên cơn tức những triệu chứng. Từ đó làm cho những triệu chứng thuyên giảm rõ rệt nhưng chỉ được một thời gian nhất định nào đó mà thôi. Freud cho rằng sở dĩ như vậy là vì phương pháp dùng thôi miên này chỉ đánh trực tiếp vào triệu chứng, chỉ đánh vào ngọn, chỉ đánh vào hiện tượng. Vấn đề là phải tìm ra cái gốc, tức nguyên nhân gây ra bệnh. Từ đó ông cho

rằng chỉ dừng lại ở triệu chứng là chỉ dừng lại ở những hiện tượng bề mặt, bằng những hiểu biết của tâm lí học cổ điển, tâm lí học về những bề mặt. Muốn tìm ra cái gốc của bệnh, cái nguyên nhân sâu xa thì phải có một tâm lí học khác. Đó là môn tâm lí học về những miền sâu, tức tâm lí học về cái vô thức, là cái nằm sâu trong tâm khảm của mỗi người. Vì chính cái vô thức là cái bị dồn nén tới mức quá mức chịu đựng thì phát sinh ra bệnh tâm thần. Còn những triệu chứng chỉ là sự biểu hiện ra bề mặt do cái vô thức bị chèn ép gây ra mà thôi. Muốn khỏi bệnh lâu dài và vững chắc thì phải nhờ đến tâm lí học miền sâu để tìm ra cái gốc gây ra bệnh, cái nguyên nhân chính làm phát sinh ra bệnh.

Thôi miên tức ám thị theo lối cũ, theo tâm lí học cổ điển đã bất lực. Vì thế phải thay thế bằng phương pháp tâm phân tức phương pháp của tâm lí học miền sâu, tìm ra cái vô thức bị chèn ép trong miền sâu của tâm trí người bệnh.

Theo phương pháp này nhà Tâm phân học không nhất thiết phải đưa người bệnh vào giấc ngủ nhân tạo. Họ có thể tiến hành giáo dục thông qua việc trò chuyện thân tình và cởi mở với người bệnh như với những người bình thường mà vẫn thực hiện được sự ám thị của nhà Tâm phân học, một phương pháp ám thị có thể tìm ra cái gốc của bệnh, tức cái vô thức bị dồn ép. Và chính sự dồn ép quá tải này đã làm cho cái vô thức nổi dậy như một quả bom nổ chậm làm cho người lành mạnh trở thành người mắc bệnh với những triệu chứng bệnh hoạn, khó hiểu, kì quặc như chúng ta thường bắt gặp ở những người bệnh tâm thần.

Tâm phân học hiện nay được đông đảo những nhà khoa học cũng như đại chúng coi như một lí thuyết (théorie) hoàn chỉnh. Thậm chí còn được nâng lên thành một chủ nghĩa (doctrine, isme). Đó là chủ nghĩa Freud. Với Freud, người sáng lập ra môn Tâm phân học, thì trước hết nó vẫn là một phương pháp thiết thực để điều trị nhiều chứng bệnh tâm thần và ngăn ngừa những người khỏe mạnh rơi vào bệnh hoạn bằng cách làm chủ bản thân và đừng bao giờ trở thành nô lệ của những ham muốn thấp hèn, tự biến mình thành những con người sa đọa cả về thể chất và tinh thần. Nhiều lắm thì Freud cũng chỉ gọi Tâm phân học là một môn tâm lí học về cái vô thức, về những miền sâu thẳm trong tâm hồn con người.

Tuy gọi là tâm lí học về cái vô thức, nhưng trong hệ thống lí luận của Tâm phân học lại có ba bộ phận rõ rệt tuy chúng có liên quan chặt chẽ với nhau. Đó là:

- Lí thuyết về cái vô thức.

- Lí thuyết về tình dục (hiểu theo nghĩa của Tâm phân học).

- Lí thuyết về cơ cấu nhân cách toàn diện hay còn gọi là tâm lí học về Ngã, tức cái Tôi (le moi).

Trong ba bộ phận này thì lí thuyết về cái vô thức giữ vai trò nền tảng.

Cùng với ba bộ phận chủ yếu nói trên, chúng ta còn thấy nhiều vấn đề rất đáng quan tâm và được người đời coi là những phát minh giá trị của Freud. Ví như lí thuyết về những giấc mơ với những lí giải đầy tính thuyết phục, có tính khoa học cao về nhiều vấn đề trong

đó có những vấn đề về cơn ác mộng, về mặc cảm Oedipe (Ơ-díp) đã được nhiều nhà khoa học rất quan tâm và đánh giá khá cao và được coi như một bi hài kịch của cuộc sống người... Tất cả những vấn đề nói trên đều được làm rõ trong công trình này.

Tâm phân học là một hệ thống lí luận vô cùng phong phú với rất nhiều vấn đề đáng để cho chúng ta quan tâm. Nhưng với khuôn khổ có hạn của công trình cũng như sự hạn chế về nhiều mặt của người chịu trách nhiệm biên soạn, chắc chắn còn tồn tại hiều điều bất cập. Rất mong bạn đọc thân tình chỉ giáo. Nhà xuất bản và tác giả xin cám ơn.

TÁC GIẢ VÀ NXB. VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Chương I
KHÁI LUẬN

Tâm phân học ra đời đã được 100 năm nếu tính từ khi Freud tuyên bố với "chi hội y học thành Vienne" vào tháng 5 năm 1896, rằng ông đã khám phá được phương pháp chi phối bệnh nhân tâm thần mà không cần thôi miên họ như Breuer đã làm.

Trên 100 năm đã trôi qua, biết bao công trình đã nghiên cứu về Freud và sự đóng góp của ông cho đời. Nhưng cũng ít có lí thuyết nào gây nhiều tranh cãi như đối với Tâm phân học. Mặc dù cho đến hôm nay lí thuyết Tâm phân học đã được nhiều người biết đến và đã có một cái nhìn thiện cảm hơn trước, nhưng sự đánh giá còn rất khác nhau, thậm chí còn khá nhiều điểm trái ngược nhau. Chúng ta có thể tạm chia làm ba loại ý kiến sau đây.

1/. Coi lí thuyết Tâm phân học như là một học thuyết hoàn chỉnh đóng vai trò nền tảng cho các lí thuyết xã hội khác. Một phát minh khoa học lớn nhất về xã hội trong thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX. Một ý kiến khác tương tự nhưng mềm mỏng hơn coi lí thuyết Tâm phân học là

một trong hai phát minh vĩ đại nhất về khoa học xã hội trong thế kỉ XIX, cùng với chủ nghĩa Mác.

2/. Coi lí thuyết Tâm phân học như là một lí thuyết phản khoa học, có hại thậm chí là phản động về chính trị. Nó có hại vì là một lí thuyết vô luân khuyến khích tình dục bừa bãi. Là phản khoa học vì đã biến nhu cầu tình dục nơi con người như là nhu cầu sinh lí thuần tuý nơi các loài vật. Là phản động vì đây là lí thuyết tư sản nhằm bảo vệ chế độ tư bản một cách tinh vi và đầu độc những người lao động, chống lại chủ nghĩa Mác...

3/. Coi lí thuyết Tâm phân học là một lí thuyết đã cống hiến cho đời một số luận điểm có giá trị nhưng cũng còn nhiều hạn chế cần phải hoàn chỉnh thêm. Tỷ lệ về những điểm tích cực và những điểm hạn chế có thể ngược nhau. Với một số người này thì cho điểm tích cực là chủ yếu, còn những điểm hạn chế là thứ yếu. Với một số khác thì ngược lại.

Bên cạnh ba loại ý kiến trên còn không ít người phân vân hoài nghi mọi cách đánh giá đã biết, mong muốn được tìm hiểu để tự tìm lấy lời giải.

Ở Việt Nam đã từng có một công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du dưới ảnh hưởng của Tâm phân học. Đáng tiếc là tác giả đã không hiểu đúng Freud và đã gán cho nàng Kiều mắc phải căn bệnh dâm dục. Từ đó đã làm cho không ít người cho rằng thực chất của Tâm phân học là sự khuyến khích bệnh hoạn đó, rằng Freud là đồng nghĩa với một lối sống buông thả về tình dục, một thứ tình dục xấu xa, sa đoạ bẩn thỉu đáng ghê tởm và cần lên án.

Thông thường mà nói thì bất cứ một lí thuyết nào mới ra đời cũng ít nhiều gặp tình trạng tương tự. Nhưng đối với lí thuyết tâm phân của Freud thì tình trạng kể trên lại diễn ra một cách gay gắt và thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau bởi một lẽ nó liên quan trực tiếp đến từng cá nhân, từng số phận, nhất là nó dụng chạm đến nhiều lí thuyết xã hội khác cũng như nhiều ngành khoa học khác như y học và giáo dục học...

Nguyên nhân của tình trạng trên có thể có nhiều. Xin phép được dẫn một vài trường hợp để chúng ta chú ý trong khi tìm hiểu lí thuyết tâm phân, hạn chế tới mức tối đa những nhìn nhận thiếu vô tư khách quan, thiên kiến theo cảm tính, nhìn nhận vấn đề tương đối mới bằng những quan niệm cũ kĩ thiếu tính chất khoa học, thiếu trong sáng cần thiết.

Những nguyên nhân đó có thể là:

1/. Quan niệm khác nhau về thế giới quan, cụ thể là về triết học, về truyền thống đạo đức, tập quán... nhất là sự khác nhau về quan điểm chính trị, xã hội.

Vì sự khác nhau nói trên đặc biệt là về triết học, về chính trị xã hội mà có không ít người hoặc chấp nhận cũng như phủ nhận một lí thuyết nào đó nói riêng, một vấn đề xã hội nào đó nói chung một cách không cần tìm hiểu đến nơi đến chốn và cũng không cần bàn cãi. Đành rằng những quan niệm nói trên có liên quan rất nhiều đến những suy nghĩ cũng như những hành vi của mỗi cá nhân, nhưng sự liên quan này rất phức tạp và đa dạng. Một Pasteur rất chăm đi lễ nhà thờ nhưng cũng

đồng thời là nhà khoa học nổi tiếng. Một V. Hugo chăm đến với Chúa không kém, lại là một nhà văn lớn với những tác phẩm có một không hai. Nhiều khi ta cứ tưởng họ theo triết học, chính trị này hay đạo đức xã hội kia nhưng lại chỉ là sự suy diễn thuần tuý chủ quan của chúng ta. Xin hãy tiếp cận với công trình một cách vô tư khách quan khoa học trước đã rồi hãy phán xét tác giả theo khuynh hướng tư tưởng, đạo đức, chính trị xã hội nào.

Con người ta lại cũng rất dễ bị cầm tù bởi những quan niệm, những hiểu biết cũ kĩ đã được thấy trong sách, đã được học trong nhà trường. Nếu thấy ở đâu có điều gì không phù hợp với những điều đã học, đã đọc là bác bỏ ngay không cần đắn đo gì.

Một điều mới mẻ chưa thấy trong sách là điều bình thường với người này những lại là điều không thể hiểu được với người khác. Biết bao phát minh vĩ đại trong lịch sử nhân loại gắn liền với những tên tuổi mà cứ nhìn bề ngoài hình như họ không có thế giới quan khoa học. Trái lại, chỉ riêng về mặt xã hội cũng cho ta biết không ít những nhà tư tưởng có những tư tưởng tiến bộ về mặt triết học nhưng lại rất thiển cận về mặt chính trị. Một Héraclite với tư tưởng nổi tiếng về biện chứng duy vật lại có thái độ chính trị không tương ứng với tư tưởng triết học nổi tiếng nói trên. Một Hégel lừng danh với hiện tượng luận tinh thần lại là người ra sức bảo vệ chế độ chuyên chế, v.v... và v.v...

2/. Nguyên nhân thứ hai phải kể đến là xem xét và đánh giá vấn đề theo cảm tính. Trong xã hội bên cạnh

số người có ẩn ý thiếu trong sáng còn có biết bao người thực sự vô tư. Nhưng trong số những người tốt bụng này không ít người chỉ sống theo cảm tính, cả tin. Do không có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với vấn đề nên khi nghe người khác nói hay, hay nói dở là tin ngay, nhất là trong trường hợp những điều đó lại từ những người có chút học vấn. Trong số này có không ít những người đã từng làm công tác nghiên cứu, đôi khi còn để lại một vài ấn tượng trong lòng một số người. Cái thiếu xác đáng trong số đông, cộng thêm sự xác tín này thì thật không dễ khắc phục chút nào. Việc tin hay không tin dựa trên cảm tính tự nó không phải là cái tôi, nhưng nó lại là cái rất khó khắc phục và vô cùng tai hại trong việc thẩm định giá trị của các hiện tượng trong đời sống xã hội mà mỗi cá nhân rất khó tránh. Nó càng tai hại khi sự thẩm định cảm tính này đối với những phát minh khoa học lớn có tác động nhiều đến đời sống bình thường của những con người bình thường. Hậu quả của nó chỉ phụ thuộc đơn giản vào một từ tốt hay là xấu. Nghe thì rất nhẹ nhàng nhưng sức nặng của nó là không giới hạn. Bao nhiêu ý hay lời đẹp có thể bị chôn vùi vô thời hạn chỉ vì sự nhẹ dạ này. Biết bao phát minh khoa học có thể đưa nhân loại tiến nhanh trên con đường văn minh lại bị gạt sang một bên và nằm trong quên lãng chỉ vì sự cả tin dễ dãi đến cuồng dại của đám đông đó.

Tâm phân học từ một hiện tượng thành một phong trào, từ một sáng kiến đến một lí thuyết là một chặng đường đầy sóng gió. Cuộc đời người khởi xướng ra phong trào cũng không may mắn gì hơn. Chính Freud là con người một thời bị ruồng bỏ và sống trong cô đơn

trên 10 năm ròng chỉ vì đã cống hiến cả một đời cho nhân loại, cho một nền khoa học chân chính. Freud chính là một khởi điểm cho một đường hướng mới vô cùng quan trọng về kiến thức trong một lĩnh vực vô cùng quan trọng và phức tạp là lĩnh vực tâm thần với một phương pháp trị liệu có hiệu quả căn bệnh tinh thần này. Đó là thời kì coi Tâm phân học còn là một hiện tượng khá xa lạ với nhiều người kể cả những nhà chuyên môn về thần kinh học nói chung và bệnh tâm thần nói riêng.

Sigmund Freud sinh năm 1856 tại Fribourg - Moravie, Năm lên 3 tuổi ông theo gia đình sang sống tại thành Vienne. Cũng ở tại thành phố này, năm 1873 ông ghi tên vào học ngành y tại đại học thành Vienne.

Trong thời gian đầu ông chuyên về thần kinh học và đã có những đóng góp quan trọng bằng những nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Những công trình đó đã được xuất bản vào năm 1885 và năm 1886 ông còn cho xuất bản một số nghiên cứu về bệnh viện học. Trong quá trình nghiên cứu và điều trị nhiều bệnh nhân bị bệnh thần kinh, Freud đã cộng tác chặt chẽ với Breuer và học được nhiều điều bổ ích ở các bậc thầy chuyên về bệnh thần kinh tại Pháp như Charcot và Bernheim. Đó là những người thầy thuốc nổi tiếng trong lĩnh vực điều trị những chứng bệnh thần kinh vào thời điểm đó.

Kết quả của quá trình điều trị nhiều bệnh nhân thần kinh và sự học hỏi những người thầy nổi tiếng kể trên, Freud đã rút ra được một kết luận quan trọng mở

đường cho việc trị liệu những chứng bệnh tâm thần. *Freud không nghi ngờ gì và không cho rằng những rối loạn thần kinh mà không do hệ thần kinh gây ra lại có thể giải thích được theo thần kinh sinh lí học.*

Như vậy, trong các bệnh thần kinh có một số bệnh là do những rối loạn, những tổn thương *các cơ cấu thần kinh hệ* (vật chất) gây ra và gọi là bệnh thần kinh theo nghĩa thông thường của nó. Còn một số bệnh thần kinh khác lại không phải là do cơ cấu thần kinh hệ gây ra mà là do *mặt tâm lí, mặt tinh thần gây ra* và được gọi là những *chứng bệnh tâm thần.*

Sự chuyển biến này coi như một bước ngoặt quyết định trong cuộc đời khoa học của Freud: từ quan điểm thần kinh học thuần tuý sang quan điểm nghiên cứu những khía cạnh tâm lí (tinh thần) của hệ thần kinh.

Nói việc trị liệu những bệnh thần kinh không phải do nguyên nhân thần kinh với tư cách là những cơ năng nội tạng không thể điều trị theo phương pháp đã biết mà phải do phương pháp hoàn toàn mới mẻ vì đối tượng trị liệu đã thay đổi: từ cơ năng vật chất sang mặt tâm lí, mặt tinh thần.

Để cho dễ hình dung, chúng ta có thể viện đến một vài ví dụ đơn giản dưới đây, vấn đề sẽ trở nên dễ hiểu không đến nỗi phức tạp như người ta tưởng.

Với bệnh thần kinh bắt nguồn từ sự rối loạn các cơ năng trong hệ thần kinh, người thầy thuốc có thể dùng thuốc hay những tác động khác như châm cứu, bấm huyệt... để điều chỉnh lại sự hoạt động của những cơ năng đó kể cả dùng thôi miên hay phẫu thuật. Trái lại

để trị liệu loại bệnh thần kinh không do các cơ năng của hệ thần kinh gây ra mà chúng ta gọi là bệnh tâm thần thì thuốc hay các thủ pháp như bấm huyệt, châm cứu, thôi miên hay phẫu thuật cũng không còn hiệu quả nữa. Đôi khi người thầy thuốc có áp dụng những thủ pháp đó cũng chỉ có mục đích hỗ trợ, thậm chí chỉ có ý nghĩa tâm lí để làm yên lòng người bệnh. Freud đã từng khẳng định như sau:

"Môn Tâm phân học chỉ ra đời khi người ta bỏ không dùng thôi miên nữa"[1].

Phương pháp trị liệu các chứng bệnh tâm thần rất phong phú và linh hoạt. Nhưng tất cả chỉ để *giáo dục người bệnh*.

Freud viết: "Cho nên người ta có lí khi cho rằng việc chữa bệnh theo Tâm phân học chính là một lối giáo dục"[2].

Chính cách trị liệu mới mẻ này đã gây phản ứng mạnh mẽ trước những người chỉ quen chữa bệnh bằng thuốc hoặc những thủ pháp cũ vẫn quen dùng. Người ta vu cáo cách chữa bệnh của Freud là ma thuật trừ tà là phản khoa học... Sự phản ứng này lại xảy ra với phần lớn những người có học, những thầy thuốc. Họ quên mất một điều là với một số loại bệnh mà nguồn gốc gây bệnh là những yếu tố tâm lí, tinh thần thì không còn con đường nào khác là sự chữa trị phải chủ yếu bằng những thủ pháp tâm lí, những thủ pháp tinh thần. Người ta phản đối phương pháp trị liệu của Tâm phân

[1]. E. Freud: *Phân tâm học nhập môn*, Nhà sách Khai Trí Sài gòn, 1970, tr. 342.
[2] Sđd. tr 546.

học không phải chỉ vì nó quá mới mẻ so với thói quen thường dùng mà nó còn rất khó, đòi hỏi nhiều công sức của người thầy thuốc cũng như sự tận tụy cần có. Đó cũng là một lí do quan trọng để cho nhiều người ra sức bài bác môn Tâm phân học.

Một sự kiện làm cho Freud phải ghi nhớ suốt đời như một sự kiện đau lòng là vào một buổi chiều tháng năm năm 1896, sau nhiều năm ra sức tìm tòi nghiên cứu, ông hào hứng đến thông báo cho "chi hội y học thành Vienne" rằng ông đã khám phá ra phương pháp chữa bệnh thần kinh mà không cần đến thôi miên. Trước sự khám phá mới mẻ đó mọi người tỏ ra nghi ngờ, thờ ơ tới mức lạnh lùng. Freud đã vô cùng đau đớn và thốt ra rằng: "Bây giờ tôi mới hiểu một cách sâu xa rằng: tôi thuộc những con người đã làm mất giấc ngủ ngon của thiên hạ".

Sau sự kiện trên, suốt 10 năm ông không bao giờ trở lại chi hội y học đó nữa. Sống trong vòng vây của những dư luận bất công, tuy vẫn tiếp tục giảng dạy tại đại học nhưng ông đã bị cô lập hoàn toàn. Sống trong cô đơn, một mình tiến hành công việc tìm kiếm chân lí khoa học một cách tự tin và dũng cảm, không gì có thể làm ông chùn bước trên con đường mà ông đã lựa chọn.

Mãi đến năm 1902, Freud mới có được vẻn vẹn bốn sinh viên cộng tác và cho mãi đến năm 1908 "chi hội Tâm phân học thành Vienne" ra đời với 22 hội viên. Người đầu tiên phổ biến lí thuyết Tâm phân học của Freud là bác sĩ Carl Jung, người bạn và là người đã cộng tác với ông trong nhiều năm. Sau đó "Học viện

Tâm phân học Berlin" được thành lập.

Bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời khoa học của Freud là "Hội nghị Tâm phân học quốc tế" được tổ chức vào năm 1908 gồm 43 đại biểu từ nhiều nước tới dự. Trong hội nghị này Tâm phân học đã được công nhận không chỉ như một lí thuyết, một phương pháp trị liệu mà còn được công nhận như một phong trào (mouvement).

Đến năm 1910, Hội Tâm phân học quốc tế được thành lập.

Vào những năm cuối đời của ông, Tâm phân học càng được dư luận quốc tế rộng rãi công nhận nhưng ông lại gặp nhiều tai họa khác đến với gia đình ông cũng như bản thân ông. Từ khi Hitler lên cầm quyền, nước Áo bị quân đội Quốc xã chiếm đóng, bốn bà chị của ông bị quân Quốc xã giết hại, còn ông phải lẩn tránh sang London thủ đô Anh quốc và mất tại đó ngày 23 tháng 9 năm 1939.

Ngoài những công trình đã được công bố kể trên, một số công trình cộng tác với các cộng sự, ông còn để lại cho đời một số tác phẩm có giá trị sau đây.

- Ghi chép Tập 1 gồm những quan niệm cơ bản về tâm lí vô thức.

- Ghi chép Tập 3 với tiêu đều "Trường hợp lịch sử" gồm những kết luận quan trọng về một trường hợp bệnh nhân điển hình.

- Ba thử nghiệm về lí thuyết tình dục.

- Sự thông minh và vô thức.

- Giải thích về những giấc mơ.

- Đến năm 1915 - 1916 công bố một số nghiên cứu về lí thuyết Tâm phân học trong đó có một công trình đồ sộ có ý nghĩa hàng đầu "Những bài giảng nhập đề của Tâm phân học" mà người đời thường gọi là " Tâm phân học nhập môn". Có thể coi đây là một giáo trình hoàn chỉnh mà thực sự nó đã là một giáo trình chính thức được chính Freud giảng dạy trong trường đại học, một giáo trình cơ bản về môn học. Trong đó Freud trình bày.

- Bên ngoài ranh giới của nguyên tắc khoái cảm.

- "Cái tôi" và "cái đó".

- Tâm lí học đám đông và phân tích về "cái tôi".

Trước khi qua đời, Freud còn để lại một bản thảo chưa hoàn thành với nhan đề "Một đề án về Tâm phân học".

Sau khi đã nói qua về cuộc đời của Freud và những công trình chính mà ông để lại cho đời, chúng ta cần nói đến những nét lớn về nội dung chủ yếu và bao quát về Tâm phân học.

Việc phê phán một lí thuyết như thế nào là tuỳ thuộc ở quan niệm cũng như quyền của mỗi người. Nhưng để cho việc phê phán có hiệu quả và công bằng thì không còn cách nào khác là phải từ những quan niệm có thực của chính tác giả. Rất nhiều trường hợp cùng một từ, một khái niệm mà Tâm phân học được hiểu không hoàn toàn giống các lí thuyết khác mà người đời từng biết, từng hiểu. Đó là điều rất bình thường vì mỗi lí thuyết lại có ngôn ngữ riêng của mình. Việc bắt buộc ngôn ngữ của môn học này phải nhất nhất theo ngôn ngữ của môn học khác là điều dễ dẫn

đến những tranh luận triền miên và vô bổ vì nó không khoa học.

Freud là một người thầy thuốc hết lòng vì người bệnh, đồng thời là một nhà khoa học trung thực nên ông biết rất rõ những hạn chế của lịch sử cũng như sự hạn chế của chính bản thân mình.Vì vậy mà chưa bao giờ ông coi những việc mình làm được là đầy đủ, cũng chỉ là bước đầu cần được bổ sung và hoàn chỉnh dần.

Năm 1916 là năm Tâm phân học đã có được sự thiện cảm của nhiều người và từ khắp năm châu. Là năm ông đã phải bỏ ra khá nhiều công sức và thời gian với những kết luận đã được nghiên cứu và thử nghiệm lại nhiều lần, ông vẫn khiêm tốn thừa nhận rằng Tâm phân học là một môn học mới ra đời chưa được bao nhiêu lâu. Để hoàn chỉnh nó cần có thời gian và công việc này chỉ đạt được kết quả trong quá trình tiếp tục nghiên cứu và nhờ những kinh nghiệm trực tiếp rút ra trong trị liệu, nhờ những phản ứng của người bệnh đối với cách chữa trị, Freud viết:

"Phương pháp trị liệu theo Tâm phân học mới ra đời [trong thời gian] gần đây thôi, cần có nhiều thời gian mới ổn định được kĩ thuật và công việc này lại chỉ làm được trong khi nghiên cứu và nhờ phản ứng đối với kinh nghiệm trực tiếp".

Như vậy là ngay tác giả của môn học cũng thấy cần được hoàn chỉnh vì bên cạnh những điều hay điều tốt còn không ít những điều chưa hay chưa tốt kể cả những điều mà con người thường cho là xấu xa. Tìm hiểu môn Tâm phân học trong điều kiện phức tạp như trên là

điều không mấy dễ dàng. Chúng ta có thể tạm dùng hình ảnh như có một lớp mây dày đang phủ kín mọi ngả. Chỉ có điều đây là một lớp mây ngũ sắc. Bên cạnh những áng mây hồng còn cả những áng mây đen, mây xám. Còn đâu là mây hồng, mây đen, mây xám là thuộc quyền phán xét của mỗi người, là công sức của cả nhân loại.

Vậy Tâm phân học là gì? Chính Freud đã định nghĩa môn học này vào năm 1916 trong "Tâm phân học nhập môn", nghĩa là khi ông đã xây dựng được môn học với một hệ thống lí thuyết khá đầy đủ như sau:

"... môn Tâm phân học là một phương pháp y học chữa trị những bệnh thần kinh"[2].

Điều cần chú ý ở đây là Freud bao giờ cũng coi Tâm phân học mà ông là người khởi xướng cũng như có công đóng góp nhiều nhất chỉ đơn giản là một *phương pháp trị bệnh*. Vì vậy, chúng ta không nên gán cho Tâm phân học của Freud cũng như ý định của tác giả là muốn xây dựng một lí thuyết xã hội học. Lại càng không nên coi Tâm phân học như một triết học thuần tuý mà tác giả là một triết gia. Freud luôn luôn chỉ nhận mình là một thầy thuốc hành nghề chữa bệnh theo đúng nghĩa của nó. Tất nhiên ông cũng là một nhà giáo đại học chuyên về những chứng bệnh thần kinh. Tuy nhiên những người cùng thời với ông đã phải thừa nhận Tâm phân học không chỉ là một phương pháp mà đã thực sự là một lí thuyết khá hoàn chỉnh. Căn cứ vào cả một hệ thống những quan điểm, những quan niệm đã được ông trình bầy, chúng ta cũng có thể coi Tâm phân học

[2] Sđd tr. 5.

không chỉ là một lí thuyết về phương pháp trị liệu mà nó thực sự đã trở thành một lí thuyết xã hội học, một tâm lí học khá hoàn chỉnh với một hệ thống những khái niệm khoa học khá chặt chẽ. Tất cả những điều nói trên chỉ là một quá trình phát triển tự thân trong khi tác giả chỉ mong muốn hoàn thiện phương pháp trị liệu sao cho có hiệu quả trong thực tế. Còn việc coi Tâm phân học như một triết lí, một triết học thì có thể chưa được thoả đáng cho lắm mặc dù nhiều người, nhiều ngành đã vận dụng những quan điểm của Tâm phân học để xây dựng nhiều ngành học về xã hội và nhân văn khác nhau. Đối với Freud và rất nhiều người thì phương pháp, kĩ thuật Tâm phân học có thể được áp dụng cho một số không ít ngành khoa học xã hội khác nhau với tư cách là cơ sở, là nền tảng để có những phương pháp và kĩ thuật có hiệu quả trong nghiên cứu.

Vì vậy Freud đã viết "Điều biểu thị ở Tâm phân học, về phương diện khoa học, không phải là vật chất do khoa này nghiên cứu, mà chính là kĩ thuật đem dùng. Người ta có thể đem áp dụng nó vào lịch sử văn minh, vào khoa học tôn giáo và thần thoại cũng như vào lí thuyết bệnh thần kinh"[1].

Việc áp dụng phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học đối với nhiều môn học khác trong các ngành khoa học xã hội có thực sự mang lại những hiệu quả mong muốn hay không xin để các môn học đó trả lời. Nhưng có một điều chắc chắn đây là một lí do khiến cho nhiều người coi lí thuyết Tâm phân học như một triết học mặc

[1] Sđd tr. 463.

dù trong nó không bao gồm một hệ thống những quan niệm chung nhất về thế giới và nhân sinh với vai trò cơ sở nền tảng cho các khoa học cụ thể khác. Phương pháp Tâm phân học như người ta thường nói còn là một phương pháp mang tính chất thực dụng thiết thực. Tâm phân học bao giờ và trước hết cũng lấy hiệu quả điều trị là hàng đầu. Sau đó do nhu cầu tồn tại và phổ biến nó Freud mới xây dựng thành một lí thuyết. Ngay cả khi nó đã trở thành một lí thuyết thực sự thì Freud vẫn và luôn luôn coi mục tiêu thực tiễn, thực dụng là trên hết đồng thời rất chú trọng hoàn thiện nó về mặt lí thuyết trên cơ sở những kinh nghiệm trực tiếp mà người thầy thuốc quan sát được ở người bệnh của mình.

Trong định nghĩa trên của Freud, như chúng ta đã biết, Freud coi Tâm phân học chỉ là một phương pháp điều trị những chứng bệnh thần kinh. Nhưng trong tất cả những điều Freud trình bầy trong các công trình của mình ta thấy Freud luôn luôn nhấn mạnh Tâm phân học chỉ chữa trị những chứng bệnh thần kinh không do hệ thống thần kinh trực tiếp gây ra, thậm chí cũng không phải tất cả những loại bệnh tâm thần do tâm lí, tinh thần trực tiếp gây ra. Điều đó thực là dễ hiểu ở một người làm khoa học khiêm tốn. Việc trị liệu tất cả các chứng bệnh thần kinh, cũng như các chứng bệnh tâm thần là thuộc nhiều thế hệ, thuộc về nhân loại. Một đời người dù có lỗi lạc đến đâu với thời gian lao động hiệu quả nhất trong vòng ba, bốn chục năm, hay hơn nữa, làm sao dám tự nhận mình chữa trị được mọi chứng bệnh thần kinh là loại bệnh khó chữa trị nhất trong số các chứng bệnh khó chữa. Chúng ta không nên

gán cho Freud mọi công lao mà chính ông cũng không bao giờ nhận về mình. Nhiều lắm thì Tâm phân học ngoài việc chữa trị có hiệu quả một số bệnh tâm thần thì cái lớn nhất có lẽ là đã mở ra một đường hướng mới cho việc đi sâu và mở rộng lí thuyết này để làm cho trí tuệ loài người thêm phong phú hơn và con người làm chủ dần dần chính mình tránh được mọi cám dỗ tầm thường, mọi cạm bẫy trong quá trình sống ở đời. Nhiều khi người ta gán cho Freud cái mà ông không có cũng như chưa một lần nhận là của mình để rồi lại lên án, lại bài bác một cách không công bằng.

Công lao to lớn của Freud như nhiều nhà nghiên cứu đã ghi nhận là ông đã mở rộng khoa tâm lí học trên bề mặt (Psychologie des surfaces) sang tâm lí học miền sâu (Psychologie des profondeurs) hay còn gọi là siêu tâm lí học, tâm lí học bậc cao (super psychologie). Đó là một ngành tâm lí học hoàn toàn mới mẻ và vô cùng phức tạp mà Freud là người khởi xướng đầu tiên.

Tâm lí học bề mặt là nói đến môn tâm lí học lấy ý thức hay còn gọi là cái hữu thức (conscient) làm đối tượng nghiên cứu. Lĩnh vực này nhân loại đã biết đến từ rất lâu và gọi chung là tâm lí học cổ điển. Những thành công của môn tâm lí học này đạt được là rất to lớn và rất đáng được trân trọng. Còn tâm lí học miền sâu lại lấy cái vô thức (inconscient) làm đối tượng nghiên cứu. Trước Freud, các nhà tâm lí học cổ điển đã biết đến cái vô thức như Schopenhauer và một số người khác. Nhưng người đầu tiên có công trong lĩnh vực này lại thuộc về Freud và vì thế Freud được coi là khởi điểm của Tâm phân học và cũng là khởi điểm cho một ngành

tâm lí học mới, tâm lí học về cái vô thức. Nói tâm lí học bề mặt và tâm lí học miền sâu không chỉ nói lên sự khác nhau về đối tượng nghiên cứu mà còn nói lên một điều quan trọng khác là người ta đã hiểu được khá nhiều về cái hữu thức và vai trò của nó trong cuộc sống. Còn cái vô thức là cái hầu như người ta chưa biết gì về nội dung, về vai trò của nó ngoài cái tên. Vào thời đó cái vô thức đang còn là một cái gì đầy bí ẩn nằm sâu trong tâm khảm con người và để hiểu được nó là điều thực không dễ dàng chút nào. Với cái hữu thức, con người đã có một cái nhìn khá rõ tuy còn một số dị biệt. Đối với cái vô thức, sự hiểu biết của con người vào thời điểm trên cũng như hiện nay còn rất khác nhau thậm chí còn trái ngược hẳn nhau.

Vào thời điểm đó, triết học và tâm lí học nói chung chỉ chú ý nhiều đến cái hữu thức hay còn gọi là tinh thần ý thức hoặc ý thức hữu thức. Ý thức được con người coi như một hình thức của tư duy, một hình thức của đời sống tinh thần nơi con người có khả năng tự hiểu biết mình cũng như ngoại giới, do đó có khả năng tự làm chủ được cuộc sống của mỗi cái Tôi một cách sáng suốt, không hề bị động dưới bất kì một ảnh hưởng nào từ bên ngoài hay từ một nguyên nhân nào không hay biết.

Bên cạnh ý thức giúp cái Tôi có khả năng làm chủ được cuộc sống của mình và mọi cái đều minh bạch rõ ràng thì con người cũng còn cảm thấy hình như cũng còn một cái gì đó không thuộc về cái Tôi, luôn luôn gây sóng gió cho cái Tôi mà không biết nó từ đâu tới. Đôi khi nó còn làm cho cái Tôi không còn là chính mình nữa.

Như vậy là bên cạnh những hiện tượng tinh thần mà ta gọi là ý thức còn một loạt hiện tượng tinh thần khác không phải là chính nó, như ở bên ngoài nó hoặc ở ngay trong lòng nó rồi đột ngột xuất hiện làm cho cuộc sống của cái Tôi không còn sự yên bình nữa và gây những rạo rực vô cớ, những u uất mơ hồ... Nó hình như đối lập với cái hữu thức, khác hẳn với nó và người ta gọi hiện tượng này cũng là một hiện tượng tinh thần nhưng lại là tinh thần vô thức. Tóm lại là định nghĩa về Tâm phân học của Freud cho chúng ta biết hai vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau. Bệnh tâm thần là chứng bệnh thần kinh tinh thần và phương pháp chữa trị đặc trưng loại bệnh này. Chúng ta đã làm rõ sự khác nhau giữa hai loại bệnh tâm thần (psychanalise) và thần kinh (neurologie). Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu phương pháp Tâm phân học là phương pháp gì trên phạm vi những nét chung nhất.

Phương pháp Tâm phân học là một phương pháp điều trị mới mẻ mà vào thời kì đó người thầy thuốc chưa bao giờ được học trong nhà trường. Đây là phương pháp chữa bệnh chỉ *bằng sự trò chuyện* giữa người thầy thuốc và người bệnh. Vì vậy Freud đã khẳng định:

"Khi điều trị một bệnh trong môn này, người thầy thuốc chẳng làm gì khác hơn là trò chuyện với người bệnh"[1].

Freud không phải là người đầu tiên thực hiện phương pháp này mà người đầu tiên thực hiện nó là một bác sĩ đồng nghiệp với ông tên là Breuer với một

[1] Sđd tr.8.

bệnh nhân bị động kinh (histérie). Thoạt tiên ông ta dùng thôi miên (hipnosie) đưa người bệnh vào giấc ngủ nhân tạo. Trong khi người bệnh ngủ trong giấc ngủ nhân tạo thì người thầy thuốc trò chuyện với họ. Nội dung câu chuyện là làm thế nào cho người bệnh kể lại những ý nghĩ thực của họ khi họ thức. Trên cơ sở đó giúp người bệnh tìm ra cội nguồn của những ý nghĩ, những cử chỉ, những việc làm của họ khi họ thức, nhất là những hành vi lời nói của họ trong cơn động kinh mà họ không hề biết, không hề ý thức được. Kết quả của phương pháp này là sau mỗi lần trò chuyện người bệnh thấy khoan khoái dễ chịu hơn trong một thời gian dài hay ngắn tuỳ theo con bệnh. Trong khi trò chuyện, nhờ sự giúp đỡ của người thầy thuốc, người bệnh hiểu được (ý thức) những hành vi của mình trong cơn động kinh, trong khi họ mất khả năng ý thức được những hành vi vô nghĩa đó.

Sau đó Freud còn theo học các bác sĩ bậc thầy là Charcot và Bernheim cũng về phương pháp gợi ý (trò chuyện) qua giấc ngủ thôi miên. Freud đánh giá cao phương pháp trên nhưng ông không thoả mãn vì phương pháp đó không đụng chạm đến *nguồn gốc của triệu chứng* mà chỉ điều trị trực tiếp vào triệu chứng. Vì thế, nó chỉ tạo cho bệnh nhân ảo tưởng được lành bệnh chứ không thể chữa trị bệnh tận gốc. Qua phương pháp trên Freud chỉ giữ lại một yếu tố mà ông cho là cần thiết. Đó là mối liên hệ giữa người bệnh và người thầy thuốc. Xây dựng được mối liên hệ thân thiện và tin cậy giữa người bệnh và người thầy thuốc là một công việc không dễ dàng vì người bệnh thường không muốn bộc lộ

những điều thầm kín nhất trong quá khứ của mình cho một người không quen biết. Ấy là chưa nói đến việc người bệnh không biết cách bộc lộ hoặc không còn khả năng nhớ lại những biến cố trong quá khứ. Nhưng dù khó khăn đến mấy thì người thầy thuốc Tâm phân học cũng phải vượt cho được khó khăn này mới hi vọng đạt được mục đích chữa trị.

Người thầy thuốc Tâm phân học đối với người bệnh không phải như một vị Hoàng đế đối với thần dân của người. Đối với người bệnh người thầy thuốc lại không có bất cứ một quyền lực nào dù cho là nhỏ bé nhất. Cho nên người thầy thuốc Tâm phân học lại phải trông chờ ở chính người bệnh và chỉ có con đường trò chuyện để xây dựng mối quan hệ thân thiện với họ. "Phương pháp Tâm phân học là đòi hỏi phải *trò chuyện với người bệnh trong khi họ thức* chứ không phải trong giấc ngủ nhân tạo bằng thôi miên."

Thông qua trò chuyện bằng thuật gợi ý, người thầy thuốc *giáo dục người bệnh* bằng cách tác động vào nhân cách họ, khơi lại lòng tự trọng và trí thông minh để biết được vì sao họ có những lời nói ngớ ngẩn, những cử chỉ vô nghĩa, đột ngột bất kì khi lên cơn mà họ không hề hay biết. Dần dần cả Freud và Breuer lúc này còn đang cộng tác với nhau đi đến kết luận quan trọng sau: Những biến cố gây nhiều xúc động xảy ra trong quá khứ của người bệnh tưởng như đã mất hẳn trong tâm khảm họ. Nhưng thực ra nó chỉ bị ức chế, bị dồn ép và bị trục xuất ra khỏi đời sống hữu thức do nhiều nguyên nhân xã hội khác nhau, ẩn sâu trong vô thức hay nói đúng hơn là đã trở thành vô thức mà người bệnh không

hay biết được. Khi có hoàn cảnh thích hợp những kỉ niệm đó (vô thức) vùng dậy gây ra cú sốc (choc) mạnh về tâm lí, trạng thái tâm lí bị rối loạn và biến chứng thành bệnh lí. Ví dụ, một người có ham muốn làm việc hay học hành để trở thành một con người có tài năng cống hiến cho việc giải phóng con người cũng như giải phóng cho chính mình. Đó là một mong muốn chính đáng vì người đó ý thức được một cách đầy đủ ý nghĩa của vấn đề, nhưng mong muốn đó không thể thể hiện được vì nhiều nguyên nhân khách quan khác nhau. Có thể là do chiến tranh, có thể do những tiêu cực xã hội làm cản trở việc thực hiện ý định tốt đẹp trên. Biến cố đó gây ra một nỗi buồn khôn nguôi, gây một ảnh hưởng lớn (khủng hoảng) về mặt tâm lí. Vì là một người có nhân cách, còn ít nhiều sáng suốt, người đó tạm gạt đau buồn đi để sống như mọi người bình thường khác. Cùng với thời gian và công việc hàng ngày, sự kiện trên không còn trong ý thức họ nữa và coi như sự việc đó chưa hề xảy ra trong đời họ. Nhưng sự thực không phải như thế mà biến cố đó đã bị đẩy sâu vào nằm trong kí ức mà đương sự không hay biết, nghĩa là đã nằm sâu trong vô thức và đã trở thành cái vô thức. Đường đời tưởng cứ như thế trôi đi một cách êm ả, bình lặng. Nhưng một ngày nào đó do một hoàn cảnh nào đó trong lúc đương sự không còn được minh mẫn (tinh thần) và cường tráng (thể lực) như trước thì thấy xuất hiện những triệu chứng của người bị bệnh tâm thần. Khi đó đương sự thường có những lời nói, những hành vi vô nghĩa, ngớ ngẩn lắp đi lắp lại nhiều lần những điều tương tự như nhau. Những lời nói, những hành vi vô

nghĩa này tuy đã bị biến dạng đi đôi chút nhưng vẫn diễn tả lại những cái đã từng xảy ra trước kia, nói đúng hơn là nội dung của biến cố đã xảy ra từ xa xưa mà lúc này người bệnh không hề hay biết (vô thức) trong khi lâm bệnh, trong những cơn động kinh. Biến cố trên hình như được sống lại trong lòng đương sự, phá hoại tinh thần và thể xác người bệnh, gây ra sự rối loạn trầm trọng về tâm lí và làm tổn thương đến toàn bộ nhân cách người bệnh.

Tình hình trên lại thường xảy ra với những người gặp trắc trở trong tình yêu và thông qua những lời nói và việc làm của họ mà những người bình thường có thể nhận ra một cách khá dễ dàng. Thậm chí cả trong trường hợp người bệnh không nói một lời, không có một cử chỉ gì đặc biệt, chỉ thẫn thờ, ngẩn ngơ như người mất hồn thì tính chất bệnh hoạn trên cũng không thay đổi. Nguyên nhân gây bệnh chẳng có gì khác là sự vùng lên của cái vô thức, của những đau buồn mà người bệnh đã trải qua. Chỉ có điều là trước kia đương sự ý thức được nó khá đầy đủ thì nay họ lại không hay biết gì về nó ngay cả khi nó xuất đầu lộ diện qua các triệu chứng trên người bệnh. Vì thế không có người bệnh tâm thần nào lại tự nhận mình bị bệnh trong các cơn động kinh. Nếu có thì họ cũng chỉ nhận ra một cách lơ mơ khi cơn động kinh tạm thời qua đi, tạm thời lắng xuống.

Như vậy, theo Freud nguyên nhân chính, thủ phạm chính của bệnh tâm thần là cái vô thức, hay nói đúng ra là sự nổi loạn của cái vô thức, hậu quả của sự dồn ép kéo dài quá sức chịu đựng của đương sự.

Phát hiện ra điều nói trên là một thành công cơ bản của Tâm phân học, phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học chủ yếu là tìm ra cái vô thức trong người bệnh mà Freud thường gọi là kĩ thuật Tâm phân học mà phương thức tiến hành không là cái gì khác là sự trò chuyện giữa người thầy thuốc và người bệnh, là sự *giáo dục người bệnh* do người thầy thuốc tiến hành thông qua sự gợi ý, sự khơi dậy trí thông minh của người bệnh, khôi phục nhân cách cho họ.

Do đó chúng ta thấy đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học là cái vô thức với tư cách là một hiện tượng tinh thần, một hiện tượng tâm lí chứ không phải là một hiện tượng sinh lí mặc dù nó có liên quan đến quá trình sinh lí trong mỗi giai đoạn của quá trình phát bệnh. Cũng vì thế mà người ta coi Tâm phân học là một lí thuyết về cái vô thức, tâm lí học về những miền sâu chứ không phải là một môn tâm lí học nói chung, lại càng không phải là một tâm lí học về các hiện tượng tinh thần, về đời sống tinh thần nói chung. Việc trách cứ môn Tâm phân học và người sáng lập ra môn học đó là không biết đến vai trò của cái hữu thức là không thoả đáng. Vấn đề này chúng ta còn nhiều dịp để đề cập đến trong những trang tiếp vì đó là một trong những nội dung vô cùng quan trọng trong Tâm phân học. Nhưng có một điều cần ghi nhận ngay là trong lần thứ hai khi Freud sang Pháp để nghiên cứu về cách chữa trị các chứng bệnh tâm thần, Freud đã theo học Bernheim trong suốt cả năm 1889. Chính trong thời gian này Freud đã bắt đầu nghĩ đến sức mạnh của một cái gì đó không phải là cái hữu thức trong đời sống con người.

Trong hồi kí nhan đề *Đời tôi và Tâm phân học* (Ma vie et la psychanalise) ông đã ghi nhận như sau: "Tôi đã chứng kiến những cuộc thí nghiệm phi thường của Bernheim thực hiện trên những bệnh nhân của ông. Nhờ đó tôi đã thu thập được những ấn tượng mạnh mẽ liên quan đến việc nghĩ rằng *có thể có được những quá trình tâm lí hùng mạnh, nhưng lại không được biểu thị ra với ý thức con người*"[1]. Cái quá trình tâm lí hùng mạnh nói trên chẳng phải là cái gì khác là cái vô thức. Cái gọi là vô thức này không phải như nhiều nhà tâm lí học thời đó quan niệm là cái không nói lên cái gì cả, không có một nội dung gì, một vai trò gì đáng kể. Trái lại, Freud cho rằng vì chưa biết gì về nó nên cho là nó không có nội dung gì. Cái gọi là vô thức đó thực ra chứa đầy nội dung vô cùng phức tạp lúc nào cũng muốn tránh sự kiểm soát của cái Tôi ý thức và đột ngột nổ tung như một trái bom để phá hoại cuộc sống bình thường của những con người lành mạnh bình thường về tinh thần và cường tráng về thể chất.

Sau này Freud xây dựng được một lí thuyết hoàn chỉnh về cái vô thức, ông đã chỉ cho chúng ta biết rằng cứ để cho cái vô thức hoạt động một cách mù quáng thì con người cũng không thể có một cuộc sống lành mạnh. Ngược lại dồn nén chúng, chặn đứng cuộc sống của nó cũng sẽ rơi vào tình trạng bệnh hoạn. Hậu quả của cả hai trường hợp đều là như nhau, cả tinh thần và thể xác đều bị huỷ hoại. Vấn đề là không thể tiêu diệt được chúng mà phải sống hoà bình với chúng, độ lượng với

[1] S.Freud: Ma vie et la psychanalise, NXB Payot, 1938, tr. 25.

chúng, nhưng cũng phải kiểm soát, giám sát chúng một cách chặt chẽ.

Chúng ta có thể ví cái vô thức như là một con ngựa tốt, nhưng bất kham. Nó có một sức mạnh tiềm ẩn hùng hậu nhưng lại ương bướng và hay phá phách nếu thả lỏng nó cũng như kiềm chế nó quá sức chịu đựng của nó. Con đường hợp lí nhất là phải thuần dưỡng được nó và đặt nó dưới sự kiểm soát của cái Tôi, hướng sức mạnh của nó vào việc phục vụ những cái có ích cho đời cũng như cho sự phát triển nhân cách của mỗi cái Tôi. Làm sao cho cái vô thức trở thành biết điều hơn, như Freud thường nói, chứ không phải là gạt nó ra khỏi cuộc sống của con người.

Cũng từ đó ta thường nghe nói đến những hoạt động vô thức, sự sáng tạo vô thức, và nói chung đến tâm lí học về cái vô thức. Tất cả những điều đó được phát triển và mở rộng làm cho đời sống tinh thần của con người thêm phong phú bắt đầu từ Tâm phân học với những quan niệm nền tảng về cái vô thức.

Sau khi phát hiện ra cái vô thức, trong những điều kiện nào nó trở thành nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự phát bệnh ở những bệnh nhân tâm thần, Freud không dừng lại ở đó mà còn đi đến kết luận là nội dung của cái vô thức gắn liền với vấn đề tình dục một cách trực tiếp hay thông qua nhiều khâu trung gian.

Đây là một kết luận có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc đời khoa học của Freud. Nhưng vào thời kì đó kết luận này đã gây một sự phản bác từ nhiều phía, trong đó có cả những người đã từng cộng tác với Freud

nhiều năm như Breuer. Bắt đầu từ thời điểm này chỉ còn một mình Freud tiếp tục việc hoàn thiện môn Tâm phân học theo con đường mà ông đã chọn, không hề lùi bước trước mọi sự chống đối, sự bài xích kể cả những thủ đoạn mà người đời cho là không có gì phù hợp với những người có học, với những nhà khoa học.

Cho đến hôm nay vấn đề tình dục cũng vẫn còn là vấn đề luôn gặp phải sự không đồng tình lớn nhất, đồng thời phức tạp nhất trong Tâm phân học nói chung và với cá nhân Freud nói riêng.

Công bằng mà nói thì sự chống đối thuyết tình dục nói riêng và lí thuyết Tâm phân học của Freud nói chung không phải chỉ toàn là những thiên kiến, những sự không hiểu biết... , mà còn có nhiều sự không đồng tình có cơ sở của nó. Tuy nhiều người coi Freud là một thiên tài, là một nhà khoa học chân chính nhưng Freud vẫn chỉ là một con người như mọi người bình thường khác, một thầy thuốc yêu nghề và có lương tâm như mọi người thầy thuốc có lương tâm khác. Vì thế phải thừa nhận là việc trình bầy một vấn đề như vấn đề tình dục còn nhiều chỗ làm cho người đọc chưa thực sự yên tâm như vấn đề tình dục trẻ em, như mọi mong muốn thỏa mãn khát dục đều là những mong muốn vô thức... Ngoài ra còn không ít vấn đề mà người đọc thấy chưa đủ sức thuyết phục cao, thậm trí còn không ít chỗ hình như thiếu nhất quán. Điều đó làm cho việc nghiên cứu Tâm phân học không ít khó khăn. Đấy là chưa nói đến một vấn đề phức tạp mới mẻ như vậy, với sức lực và tài trí của một cá nhân, lại tiến hành trong một thời gian không nhiều lắm thì khó mà tránh được còn nhiều vấn

để chưa hoàn thiện thậm chí còn cả sai sót. Đó là điều mà những ai đã từng làm khoa học có thể hiểu được.

Nhưng cũng phải nói rằng, vào cuối thế kỉ thứ XIX mà một mình ông như là một người đi tiên phong dám dương đầu với một vấn đề mà cho đến ngày hôm nay trên dưới một thế kỉ đã trôi qua, trên đất nước Việt Nam cũng như một số vùng trên thế giới, vấn đề tình dục vẫn còn là một vấn đề khá xa lạ, một vấn đề cần giữ trong vòng bí mật như một điều kiêng kị. Trước con mắt chúng ta tình dục là thiêng liêng hay xấu xa, cao cả hay thấp hèn, bình thường hay khác thường? Đó là tất cả những vấn đề chưa có câu trả lời thoả đáng và rõ ràng.

Chỉ cần nhìn vấn đề ở góc độ lịch sử chúng ta cũng hình dung được phần nào những khó khăn mà Tâm phân học phải hứng chịu. Đó là những thành kiến nặng nề của xã hội đối với vấn đề tình dục mà không dễ gì làm sáng tỏ trong một thời gian gần nhất.

Nhưng khoa học vẫn là khoa học, Freud đã nhiều lần biểu thị thái độ khoa học của mình trước những người thích hoặc không thích vấn đề, Freud cho rằng trong khoa học không làm gì có chỗ đứng cho cái thích cũng cái không thích. Vấn đề đối với khoa học là: Vấn đề tình dục có thực sự tồn tại hay không mà thôi. Khoa học nhằm đạt chân lí chứ đâu có nhằm thoả mãn cái thích hoặc cái không thích của người này hay của người khác.

Là một phương pháp, một kĩ thuật thực dụng, trước những thái độ chống đối, Freud đã hơn một lần thách thức những người đó hãy bác bỏ Tâm phân học bằng những thực nghiệm, bằng thực tế chứ không nên chỉ

dùng suy luận thuần tuý chủ quan như nhiều người đã làm, chỉ xuất phát từ tình cảm yêu hay ghét mà thôi.

Vấn đề tình dục và vấn đề về cái vô thức tuy gắn liền với nhau nhưng Freud đã tách ra thành hai lí thuyết riêng biệt: lí thuyết về cái vô thức (théorie de l'inconscience) và lí thuyết về tình dục (théorie de la sexualité).

Về mặt lí thuyết cũng như về mặt thực tế, vấn đề tình dục cho đến nay vẫn còn khá nhiều hiểu biết trái ngược nhau. Người cho tình dục chỉ đơn thuần là sự giao hợp giữa nam và nữ. Đây là một quan niệm quá hẹp. Quan niệm trên đã làm cho nhiều người hiểu sai vấn đề và rất ngại nói đến nó vì cho là xấu xa, tục tĩu. Nói đến nó dễ mang tiếng là người thiếu đứng đắn, thiếu đạo đức thậm chí bị coi là người phá hoại thuần phong mĩ tục. Vì quan niệm như vậy nên người ta kịch liệt lên án Freud và Tâm phân học, nhất là quan niệm của Tâm phân học về tình dục của trẻ em trong khi chính Freud lại dành cho vấn đề này một ý nghĩa rất quan trọng trong lí thuyết về tình dục nói riêng và trong Tâm phân học nói chung.

Cũng chính từ những quan niệm về tình dục trẻ em mà chúng ta hiểu được đúng đắn hơn tình dục nơi người lớn cũng như hiểu được nguồn gốc của những chứng bệnh tâm thần và cách thức chữa trị nó. Cần phải khẳng định rằng quan niệm nói trên về tình dục là quá hẹp và hoàn toàn xa lạ với Tâm phân học và với Freud mà chúng ta cần để sang một bên. Có như vậy mới có thể có cái nhìn khoa học về vấn đề tình dục nói chung và quan niệm về tình dục của Tâm phân học nói

riêng. Chỉ có như vậy chúng ta mới có khả năng hiểu được những vấn đề vô cùng phức tạp mà Tâm phân học cống hiến cho khoa tâm lí về cái vô thức cũng như có cách giải quyết thoả đáng về một vấn đề vô cùng hệ trọng của cuộc đời mà không một cá nhân nào có thể lẩn tránh được, nhất là hướng dẫn một lối sống lành mạnh cho từng lớp người, đặc biệt là cho lớp trẻ.

Bên cạnh quan niệm thô thiển và thiếu xác đáng về tình dục nói trên còn không ít người trong đó có những người đã từng một lúc nào đó đã đọc Freud, thậm chí còn ít nhiều nghiên cứu về Freud khá nghiêm túc đã đưa ra những nhận xét tuy chưa đầy đủ nhưng có thể nói có phần nào phù hợp với quan niệm của Freud. Đó là quan niệm cho rằng tình dục chính là tình yêu nói chung, bao quát mọi lĩnh vực ví dụ trong gia đình là tình yêu đối với cha mẹ, anh em, con cái, vợ chồng. Trong quan hệ xã hội giữa người và người bao gồm cả người cùng giới và người khác giới. Trong cuộc sống là tình yêu lí tưởng, Tổ quốc, nghề nghiệp cũng như những hoạt động xã hội lành mạnh khác, nhất là những lĩnh vực đòi hỏi nhiều sáng tạo như khoa học, nghệ thuật, thể thao... Hiểu như vậy không có gì là trái với quan niệm của Freud và Tâm phân học nhưng cần phải làm rõ thêm, bổ sung thêm, nhất là làm rõ cái cốt lõi, cái đặc trưng chung của đời sống tình dục. Tình dục là tình yêu, nhưng lại là thứ tình yêu mãnh liệt, một thứ tình yêu đủ sức hấp dẫn tới mức khi cần có thể hi sinh cả cuộc sống của chính mình. Nó phải là một cái gì mãnh liệt hơn tình yêu thông thường cả về số lượng và chất lượng. Nội dung đặc biệt đó chúng ta phải tìm

trong khái niệm về sự khát dục (libido) của Tâm phân học và nên hiểu nó theo nội dung mà Tâm phân học muốn diễn đạt. Một cách sơ lược, chúng ta có thể diễn đạt vắn tắt như sau.

Khát dục trong Tâm phân học không có ý nói đến việc thoả mãn những khát khao thông thường mà là sự đòi hỏi thỏa mãn những khát khao mãnh liệt. Nhưng mong muốn này khi được thoả mãn sẽ mang lại cho con người những khoái cảm đặc biệt và tạo ra một trạng thái tâm lí sung sướng, khoan khoái dễ chịu. Khi có một khát vọng nào đó chưa được thoả mãn thì sự căng thẳng về tâm lí lên đến tột đỉnh. Khi khát vọng được thoả mãn, sự căng thẳng được giải toả và thế cân bằng về tâm lí được tái lập sẽ gây cho chủ thể những cảm giác khoan khoái dễ chịu mà ta thường gọi là khoái cảm, những phút giây sung sướng mãnh liệt.

Kinh nghiệm của mỗi chúng ta trong cuộc sống hàng ngày có thể chứng minh được điều đó một cách rất dễ dàng. Mỗi khi có một mong muốn mãnh liệt nào đó chưa được thỏa mãn, ta cảm thấy bồn chồn, khắc khoải, lo âu, nặng nề... Một tâm trạng mà ai ai cũng có thể cảm nghiệm được không mấy khó khăn. Khi mong muốn đó được đáp ứng, chúng ta thấy mình như trút được một gánh nặng, tâm trạng trở nên phấn chấn lạ lùng.

Nhưng cũng cần nói ngay rằng không phải sự thoả mãn nào cũng mang lại cho chúng ta tâm trạng khoan khoái, sung sướng. Chỉ có những thoả mãn hợp lí, đạt đúng độ của nó mới có khả năng tạo thế thăng bằng về tâm lí và mới mang lại cho chúng ta những khoái cảm

tích cực và lành mạnh. Trái lại, con người lại từ sự căng thẳng này rơi vào tình trạng căng thẳng tồi tệ hơn và sự cảm nhận lúc này lại là sự khổ đau, sự mất mát, sự bất an chứ không phải là những cảm giác khoan khoái đích thực. Đây là những trường hợp thoả mãn những hành vi bất chính, những tội ác. Những hành vi này có thể đạt được những mục đích nhất định về một phương diện nào đó như giết người cướp của, những âm mưu đen tối thiếu trong sáng... trót lọt... Trong trường hợp này sự "thoả mãn" có thể có những sự khoan khoái thì chắc là không. Thay vào đó là những lo âu nặng nề thậm chí còn khủng khiếp hơn là khi chưa đạt được mục đích.

Quan niệm về tình dục nói trên gắn liền với việc tìm hiểu cơ chế (organisme) hoạt động của bệnh tâm thần và cách trị bệnh. Trong đời thường chắc còn nhiều quan niệm về tình dục khác nhau không hoàn toàn phù hợp với quan niệm của Tâm phân học. Đó là điều thường xảy ra giữa khoa học và đời thường cũng như giữa các khoa học. Nói như vậy không có nghĩa là mỗi khoa học được phép đặt ra nội dung này hay nội dung khác một cách tùy tiện không phản ánh đúng đắn đối tượng nghiên cứu của mình. Những khái niệm đó nhất thiết phải phản ánh đúng đối tượng nghiên cứu của mình theo góc độ và phạm vi cần thiết mà môn học của mình đã đề ra.

Một ví dụ có thể giúp chúng ta quan niệm được vấn đề trên là chúng ta thử đối chiếu cái dục trong đạo Phật và cái dục trong Tâm phân học. Cái dục trong Tâm phân học đã bao quát tương đối rộng bao trùm nhiều lĩnh vực nhưng nó vẫn chưa phải là cái dục rộng nhất

mà nó chỉ nói đến tình yêu, một thứ tình yêu mãnh liệt tới độ nào đó. Còn dục trong đạo Phật bao gồm mọi cái dục ở bất cứ cấp độ nào bao gồm cả những cái ngoài tình yêu theo nghĩa thông thường, bao gồm cả những cái dục lành mạnh và có lẽ trong đạo Phật mọi cái dục đều là xấu nên mới chủ trương diệt dục nói chung. Do đó mục đích của đạo Phật là muốn thành Phật với nghĩa là phát huy được mọi phật tính trong mỗi người thì phải tiêu diệt mọi cái dục. Diệt dục để trở thành thánh thiện ngay trong đời thường hôm nay chứ không phải chỉ cho kiếp sau và cũng không phải dành cho linh hồn sau khi chết, vì đạo Phật ngày nay được xem như một học thuyết duy tâm nhưng lại vô thần.

Trong cuốn sách nhan đề *Tự do đầu tiên và tự do cuối cùng (La première liberté et la dernière)* của Krishnamurti, chúng ta còn thấy triết lí về sự trầm lặng tuyệt đối của tác giả. Nghĩa là triệt tiêu mọi cái dục kể cả những nỗ lực trau dồi trí tuệ, triệt tiêu mọi sự suy nghĩ... tác giả không thừa nhận mình là môn đệ của đạo Phật. Có lẽ đây là một con người theo Thiền học vào loại cực đoan nhất.

Cái mà ta gọi là tình dục trong Tâm phân học lại là cái rất cần thiết và thực sự có ích trong những trường hợp nhất định. Trong những điều kiện đó, nhờ thứ tình yêu mãnh liệt này, nhờ những phút giây sung sướng dễ chịu con người có thể trở nên thánh thiện mà danh từ Thăng hoa (sublination) là danh từ thích hợp hơn cả. Từ tình dục mãnh liệt và chân chính đó, nó có thể mở ra khả năng sáng tạo to lớn, con người có thể làm nên nghiệp lớn. Đó là trường hợp của những nhà khoa học tài năng, ở những

nghệ sĩ lỗi lạc, ở các vĩ nhân và ở cả những con người bình thường. Ngược lại trong những điều kiện khác không thích hợp nó có thể làm cho con người trở thành bệnh hoạn cả về thể chất lẫn tinh thần đặc biệt là về tâm lí, làm cho người ta suy sụp nhanh chóng.

Tâm phân học cho rằng con người không thể tiêu diệt được tình dục và cũng không cần thiết phải loại trừ nó ra khỏi cuộc sống của con người. Thiếu thứ tình dục này, cuộc sống con người trở nên vô nghĩa. Đây là một loại động lực tinh thần không thể thiếu được trong việc phát triển nhân cách. Vấn đề là phải kiểm soát nó nghiêm ngặt nhưng hợp lí và đúng phương pháp. Chính Tâm phân học đã giới thiệu cho chúng ta cái phương pháp, cái kĩ thuật đó. Điều quan trọng là từ phương pháp và kĩ thuật đó Tâm phân học sẽ giúp chúng ta xây dựng những quan niệm lành mạnh trong đời sống tình dục và một thái độ đúng mực, khoa học đối với đời sống tình dục. Từ đó có thể giúp cho chúng ta thẩm định lại giá trị của Tâm phân học một cách khách quan, công bằng và vô tư hơn.

Nói đến Tâm phân học còn phải nói đến cách chữa trị một số bệnh tâm thần vì Tâm phân học trước hết là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị bệnh và nó luôn luôn lấy mục đích đó là mục đích hàng đầu. Không đề cập đến vấn đề này sẽ là một thiếu sót lớn vì vấn đề phương pháp và kĩ thuật trị bệnh của Tâm phân học bao gồm một loạt những quan niệm liên quan đến nhiều lí luận xã hội, đến những quan niệm đạo đức nói chung và đến mỗi nhân cách từng người nói riêng. Điều quan trọng nữa là cho đến hôm nay cả trên thế giới và ở

Việt Nam việc giải thích Tâm phân học còn nhiều cách khác nhau và chỗ nào thực sự của Tâm phân học, của Freud, còn chỗ nào là những lời giải thích của riêng người đời là điều rất cần phân biệt. Cách điều trị của Tâm phân học sẽ giúp chúng ta nhiều để làm việc đó. Tất cả vấn đề là phải nói lên một cách trung thực những điều Freud nhân danh Tâm phân học, người đại diện chính thức của Tâm phân học đã nói, đã viết và đã hành động làm cơ sở cho việc phân định.

Trong phần khái luận chung này không cho phép chúng ta bàn tỷ mỉ về phương pháp và kĩ thuật trị bệnh của Tâm phân học. Nhưng ít ra chúng ta cũng phải đề cập đến những quan niệm cơ bản có tính nguyên tắc trong việc trị liệu bằng Tâm phân học, đồng thời cũng là những tư tưởng nền tảng của lí thuyết tâm phân...

1/. Khác với cách chữa trị các bệnh thần kinh nói riêng, các chứng bệnh về đời sống tinh thần nói chung, người ta coi những rối loạn tinh thần chỉ là những biến chứng phụ thuộc vào một bệnh nào đó về cơ thể. Tâm phân học trên cơ sở làm rõ liên hệ giữa những rối loạn về cơ thể và những rối loạn về tinh thần, song chỉ chú trọng đến trạng thái tâm lí, tinh thần mà thôi. Đây chính là nét đặc trưng và cũng là phát kiến mới của Tâm phân học trong lịch sử y học thế giới. Quan niệm trên ít ra cũng là quan niệm của người khởi xướng môn Tâm phân học là Freud. Ông viết:

"Ngay trong khuôn khổ của y học, môn chữa bệnh tinh thần quả cũng có mô tả sự rối loạn về tinh thần... Những sự rối loạn tinh thần này chỉ có thể được trị liệu như những biến chứng phụ thuộc của một bệnh nào đó trong cơ thể.

Sự thiếu sót này môn Tâm phân học nhất định san bằng. Tâm phân học muốn hiến cho môn bệnh lí về tinh thần cái cơ bản mà môn này thiếu sót, hi vọng tìm ra được một môi trường hoạt động chung, cho sự gặp gỡ giữa một sự rối loạn tinh thần và một sự rối loạn về thân thể và làm cho sự gặp gỡ này trở nên dễ hiểu hơn. Muốn đạt được mục đích đó Tâm phân học phải bỏ rơi mọi tiên kiến về cơ thể học, hoá học hay sinh lí học mà chỉ chăm chú vào những khái niệm tâm lí thuần tuý thôi"[1].

2/. Muốn trị liệu những chứng bệnh tâm thần có hiệu quả thì không còn cách nào khác là "*biến vô thức thành hữu thức*". Mệnh đề trên có thể hiểu như là tư tưởng chủ đạo của Tâm phân học dù nó có công khai thừa nhận mình là một lí thuyết về cái vô thức. Tâm phân học nghiên cứu về cái vô thức không phải để tôn thờ nó và coi nó là động lực duy nhất của cuộc sống mà con người chỉ còn cách phục tùng nó bất kể là có lợi hay là có hại. Trái lại, Tâm phân học nghiên cứu cái vô thức là để khuất phục nó và làm chủ nó, phát huy mặt mạnh của nó đồng thời hạn chế những mặt tiêu cực của nó để giúp con người sống tốt hơn. Chúng ta có thể bắt gặp tư tưởng đó của Freud không biết bao nhiêu lần trong các nghiên cứu của ông còn lại cho đến hôm nay. Chúng ta có thể trích dẫn một vài đoạn trong hàng trăm đoạn Freud diễn tả tư tưởng trên. Ông viết:

"... chúng ta phải kết luận rằng trong người bệnh có một vài hoạt động vô thức có chứa đựng ý nghĩa của

[1] S.Freud: Phân tâm học nhập môn. Nhà sách Khai Trí, Sài gòn,1970, tr. 13 - 14.

triệu chứng này (bệnh tâm thần). Ý nghĩa này phải vô thức thì triệu chứng mới thể hiện ra được. Những sự hoạt động tinh thần hữu thức không phát sinh ra những triệu chứng bệnh thần kinh; một khi những hoạt động vô thức trở thành hữu thức thì những triệu chứng đó biến mất ngay... đó là phương pháp trị liệu làm cho triệu chứng biến mất... một kĩ thuật *hữu thức hoá những hoạt động vô thức*..."[1](Tác giả in nghiêng để nhấn mạnh).

Một đoạn khác Freud viết:

"Đề luận": Những triệu chứng sẽ biến mất một khi những điều kiện vô thức đã được hữu thức hoá"[2], và "phương pháp trị bệnh của chúng ta là làm sao biến vô thức thành hữu thức, phương pháp đó chỉ hữu hiệu khi làm được việc đó"[3].

Mệnh đề trên không chỉ là tư tưởng chủ đạo, là mục đích cuối cùng của Tâm phân học mà nó còn đồng thời là phương pháp, là kĩ thuật như người ta thường gọi.

3/. Bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần nói riêng là một bệnh xã hội, nó có liên quan trực tiếp đến tinh thần người bệnh, đến mặt xã hội của con người với tư cách là một thực thể xã hội. Vì vậy, việc trị liệu chỉ có hiệu quả khi người thầy thuốc và người bệnh khắc phục được những trở ngại trong đời sống xã hội có liên quan đến người bệnh đồng thời xây dựng được những điều kiện xã hội cho người bệnh tự chữa trị. Tóm lại,

[1] Sđd. tr. 327.
[2] Sđd. tr. 328.
[3] Sđd. tr. 328.

phải tạo ra được một môi trường xã hội giáo dục tốt. Quan niệm của Freud về vai trò của xã hội cũng như điều kiện xã hội là những điều kiện gì, có thể chúng ta chưa nhất trí hoàn toàn, nhưng có một điều mà chúng ta cần khẳng định là Tâm phân học rất coi trọng vai trò của xã hội trong việc trị bệnh. Có người cho rằng Tâm phân học chỉ biết đến mặt bản năng di truyền, không hề biết đến mặt xã hội vì không thấy đả động gì đến những quan hệ sống còn của dời sống xã hội như những quan hệ kinh tế hay quan hệ giai cấp. Cho rằng Tâm phân học chỉ biết đến mặt bản năng di truyền là thiếu cơ sở; còn đúng là Tâm phân học không đả động gì đến những mặt kinh tế và giai cấp. Chúng ta thành thực chờ đợi một công trình về bệnh tâm thần nói chung và việc trị liệu nói riêng đặt trên cơ sở kinh tế và giai cấp nếu nó thực sự giúp cho con người tránh rơi vào bệnh hoạn và chữa trị có hiệu quả cao khi người ta mang bệnh. Nếu Freud còn sống chắc ông cũng nhiệt liệt hoan nghênh một công trình có ích như vậy.

Do ý thức được vai trò của xã hội nên Freud đã nhiều lần lên án những quan niệm xem nhẹ những thành kiến về trí thức cũng như những thành kiến về luân lí, về nghệ thuật. Những thành kiến này theo ông là rất khó khắc phục. Ông viết: "Một điều là do thành kiến về trí thức, một điều là do thành kiến về luân lí và nghệ thuật. Chúng ta đừng coi thường những thành kiến đó, vì chúng là những cái có nhiều quyền lực lắm, những sự gì còn sống sót lại qua những giai đoạn phát triển rất có lợi, có khi cần thiết của nhân loại. Những

thành kiến này được giữ lại bằng sức mạnh về tình cảm và rất khó bị đánh bại"[1]. Tiếp đó ông lại viết:

" Chúng tôi tin rằng văn hoá đã được sáng tạo dưới sự thúc đẩy của mọi sự cần thiết trong cuộc đời và nhiều khi lấn át cả những đòi hỏi của các bản năng, và rồi hết đời nọ đến đời kia, văn hoá cứ được sáng tạo như thế mãi vì mỗi cá nhân khi vào đời đều phải vì lợi ích chung mà hi sinh cả bản năng của mình"[2].

Và cuối cùng ông còn cho rằng việc chữa trị bệnh tâm thần thành công hay thất bại là do môi trường xã hội quyết định. Ông viết:

"Tất nhiên bạn sẽ nhận thấy dễ dàng rằng chữa bệnh có thành công hay không là tuỳ thuộc vào bầu không khí xã hội xung quanh người bệnh và trình độ học thức của gia đình người bệnh. Tất cả những điều đó không đủ cho ta ý niệm cao cả về sự công hiệu của phương pháp trị liệu của Tâm phân học. Dù rằng phần lớn những sự thất bại của chúng ta là do những điều kiện bên ngoài"[3] (điều kiện xã hội).

Chúng ta tạm kết thúc với những vấn đề chung của Tâm phân học ở đây để đi tiếp vào từng vấn đề riêng biệt, tìm hiểu tỷ mỷ những vấn đề Tâm phân học lí giải và hi vọng chúng ta sẽ tiếp cận vấn đề một cách có kết quả hơn.

---

[1] Sđd. tr. 16.
[2] Sđd, tr. 17.
[3] Sđd, tr 560.

Chương II
LÍ THUYẾT VỀ CÁI VÔ THỨC

Tìm hiểu những quan niệm của Tâm phân học về cái vô thức là một vấn đề vô cùng phức tạp và nó đụng đến tận gốc những điều con người đã hay biết về nó. Ví dụ không ít người cho rằng cái vô thức là cái không nói lên một điều gì, vì nó không có một nội dung gì có ý nghĩa với cuộc sống của con người. Rằng cái vô thức là cái không thể hiểu và do đó không thể nói gì về nó cả. Vô thức là cái tự nhiên, cái bản năng di truyền nên con người không thể làm chủ nó được...

Nếu chúng ta dừng lại ở một điểm nào đó trong số những điểm nói trên trong khi mổ xẻ cái vô thức thì hình như những điều đó cũng có cái lí của nó. Nhưng nếu cho rằng Tâm phân học không dừng lại ở đó mà tiếp tục làm một cuộc phẫu thuật đến cùng và tìm ra cơ chế và tổ chức hoạt động (organisme) của nó thì không hẳn là như vậy.

Biện chứng của vấn đề là ở chỗ nó vừa có vẻ là như thế mà cũng không phải là như thế.

Chỉ riêng việc xác định những đặc điểm của các

hiện tượng tinh thần, chúng ta cũng thấy đây không phải là một trò chơi chữ của Tâm phân học mà nó chứa đựng những quan niệm mới.

Các nhà triết học, xã hội học, tâm lí học thời đó đã chia những hiện tượng tinh thần làm ba loại với những đặc điểm khác nhau. Đó là cái vô thức (l'inconscient), cái tiềm thức (le subconscient), và ý thức hay còn gọi là cái hữu thức (la conscient).

Freud không bác bỏ cách phân loại trên nhưng ông có cách phân loại theo yêu cầu của riêng Tâm phân học như sau:

Vô thức (inconscient) - tiền ý thức (pré - conscient) - ý thức (conscient).

Tiền ý thức về đặc điểm có vẻ như không có gì khác với tiềm thức (subconscient) nhưng vai trò của nó lại có phần nào thay đổi theo yêu cầu riêng của Tâm phân học.

Người ta thường hiểu tiềm thức là một hiện tượng tinh thần không còn thuộc ý thức nữa nhưng cũng chưa hoàn toàn thuộc vô thức. Còn tiền ý thức, theo Freud là một hiện tượng tinh thần được xét theo chiều ngược lại, nó không còn là vô thức nữa nhưng nó cũng chưa trở thành ý thức. Nó là một hình thức tinh thần trung gian trong quá trình chuyển biến cái vô thức thành cái hữu thức, thành ý thức. Để nói thay cách diễn giải của Tâm phân học về cái vô thức và sự chuyển dịch của nó qua tiền ý thức, để trở thành ý thức, trở thành hữu thức. Freud đã lấy ví dụ sau đây.

Ông hình dung có hai căn phòng liền nhau có một cái cửa thông giữa hai phòng đó. Ngồi ở cửa thông này

là một người gác cửa. Trong phòng thứ nhất chứa đầy cái vô thức. Một số cái vô thức tìm cách lọt qua mắt người gác để sang phòng thứ hai trong đó dành cho những cái hữu thức. Một số cái vô thức đã qua được sự kiểm soát của người gác nhưng chưa vào được hẳn trong phòng thứ hai là nơi cư trú của những cái hữu thức. Vì vậy, những cái vô thức này chưa trở thành hữu thức nhưng cũng không còn là vô thức nữa và được gọi là tiền ý thức.

Đây là cách diễn tả quá trình chuyển biến từ vô thức thành hữu thức của Tâm phân học mà chúng ta còn gặp lại nhiều lần trong việc nghiên cứu lí thuyết của Freud cũng như tìm hiểu những quan niệm của ông về bệnh tâm thần và cách chữa trị căn bệnh phức tạp này.

Cho đến hôm nay mọi người đều thừa nhận rằng vô thức là cái mang tính sinh lí tự nhiên, là cái mang tính bản năng di truyền bẩm sinh từ đời nọ sang đời kia. Freud đồng ý như vậy. Nhưng cái vô thức không phải chỉ có như vậy. Ông thừa nhận những đặc tính đó và trong Tâm phân học, chúng ta có thể gặp không ít lần những từ như bẩm sinh, bản năng, di truyền... để nói về cái vô thức. Nhưng điều quan trọng với ông là cái vô thức không chỉ có thế, nên ông đã bổ sung một điều quan trọng là cái vô thức ngoài nguồn gốc có tính sinh lí bẩm sinh do cơ quan sinh lí phát động *còn có sự tác động từ bên ngoài xã hội*. Ông thường quả quyết rằng nếu không có sự tác động của hoàn cảnh xã hội thì làm sao hình thành được cái vô thức. Như vậy, theo Tâm phân học ngoài mặt sinh lí bẩm sinh, bản năng, cái vô thức còn có mặt khác, đó là hoàn cảnh sống của mỗi

người trong xã hội. Chính sự tác động từ bên ngoài này quyết định sự hình thành cái vô thức và nội dung của nó chẳng có gì ngoài cái người đời đã từng gặp phải trong cuộc sống xã hội của mình.

Nội dung của cái vô thức bao gồm tất cả những biến cố, những kỉ niệm mà con người đã trải qua trong quá trình sống từ trước đây, những tình cảm có được sau những biến cố, những kỉ niệm đó và cuối cùng là tất cả những ước muốn chưa được thực hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân xã hội giữ vai trò to lớn và thường giữ vai trò quyết định. Cái vô thức mà Tâm phân học quan tâm nhiều hơn cả là cái trước đây đã từng là cái hữu thức nhưng bị dồn vào vô thức nên đã trở thành cái vô thức mà đương sự cũng không hề biết.

Xác định theo Tâm phân học về cái vô thức như vậy sẽ mở ra một chân trời vô cùng rộng để hiểu biết thêm về cái vô thức với tư cách là một hiện tượng tinh thần và có thể tìm ra tận gốc những nguyên nhân sâu xa làm cho những triệu chứng của bệnh tâm thần xuất hiện cũng như có cách để chữa trị loại bệnh tinh thần này bất kể nó có cả nguồn gốc di truyền bản năng bẩm sinh sinh lí. Không phải ngẫu nhiên mà người đời gọi căn bệnh này là loại bệnh tâm tưởng, bệnh xã hội và đòi hỏi phải được giải quyết theo một hướng hoàn toàn mới so với lối chữa trị các bệnh do các cơ quan phủ tạng gây ra.

Tâm phân học còn cho rằng cái vô thức không chỉ chứa đầy nội dung phức tạp mà cường độ hoạt động của nó còn rất mạnh. Nó luôn luôn tìm cách phá rào ngoài ý

muốn của chủ thể nhưng con người lại có đầy đủ khả năng và biện pháp để kiểm soát nó và hướng nó vào những hoạt động có ích chứ không như một số người khẳng định rằng đã là di truyền bẩm sinh thì cứ dành để cho nó hoành hành phá phách. Do đó đứng ở góc độ đạo đức xã hội, người ta ra sức công kích quan điểm của Tâm phân học là khuyến khích những hoạt động bản năng súc vật nơi con người trong đời sống xã hội là không xác đáng. Cái vô thức là cái khó trị chứ không phải là cái bất trị như nhiều người tưởng. Nhưng vấn đề là trị như thế nào là cả một bài toán chưa có đáp số với những người phản đối Tâm phân học.

Để thuyết phục dư luận Tâm phân học không chỉ dựa vào những khẳng định, những tuyên bố, những kết luận mơ hồ dễ nghe. Tâm phân học đã có cả một hệ thống những thực nghiệm, những nghiên cứu và cả những kết quả cụ thể trong việc chữa trị một số bệnh tâm thần, cùng với nó là cả một hệ thống lí luận thực sự khoa học hợp lô gíc của Freud. Cách sắp xếp của hệ thống này vừa phù hợp với phương pháp nghiên cứu khoa học lại vừa có khả năng dẫn đường cho chúng ta tiếp cận với vấn đề từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ những hiện tượng mà mỗi người bình thường đều đã trải qua đến những triệu chứng của bệnh. Vì vậy, Freud đã nhiều lần yêu cầu những ai muốn tìm hiểu Tâm phân học hãy kiểm nghiệm ngay chính bản thân mình một cách thẳng thắn và trung thực. Phải nhìn thẳng vào sự thực dù cho những điều đó xã hội còn xem là bẩn thỉu, xấu xa, tục tĩu, thiếu đạo đức...

Chúng ta hãy bắt đầu từ cái khởi đầu về cái vô thức và cũng là cái khởi đầu của Tâm phân học. Đó là những công trình nghiên cứu của Freud về một loạt những hiện tượng trong đời thường đối với những con người lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần. Những hiện tượng đó Freud gọi là "những hành vi sai lạc" bao gồm:

- Những hành vi lầm lỡ (actes manqués).
- Những câu nói lỡ lời (lapsus de la parole).
- Những câu chữ viết lỡ tay (lapsus d'écriture).
- Những câu chữ đọc lỡ miệng (lapsus de lecture).
- Những sự quên và đãng trí (oublie et distraction).

Đó là tất cả những hành vi đều xảy ra một cách bất thần, hình như vô nghĩa, vô tội vạ trong đời thường mà mỗi người trong chúng ta đều đã không ít lần phạm phải nhưng đều bỏ qua vì chúng chẳng có gì đáng quan tâm cả.

Trái lại, Freud coi đó là những đối tượng rất cần nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh vì theo ông đó là trạng thái "bệnh lí" của đời sống vô thức bình thường. Trước việc làm đó nhiều người cho là vô bổ vì làm khoa học mà để thì giờ và công sức vào một việc mà ai ai cũng biết, chẳng có hại gì, cũng chẳng mang lại lợi ích gì liệu có nên chăng.

Trước tình hình đó Freud chỉ còn cách trả lời những người đó rằng trên đời này thiếu gì cái tưởng chẳng to tát gì mà lại có thể dẫn đến những kết quả không ngờ. Ví như một nhà thám tử, nhiều khi chỉ một dấu vết nhỏ nhoi, mơ hồ mà chẳng ai thèm quan tâm lại có thể khám phá ra nhiều chuyện tầy đình còn nằm trong

vòng bí mật. Với lớp trẻ thì chỉ một ánh mắt, một nụ cười nửa miệng, kể cả cái hờn mát cũng nói lên biết bao điều có thể dẫn tới những tổ ấm tràn đầy hạnh phúc... Để khẳng định việc nghiên cứu những hành vi sai lạc là có mục đích khoa học nghiêm túc, ông viết:

"Những hành vi sai lạc không được khoa học để ý tới và mọi người chỉ hơi để ý đến thôi; nhưng dù sao khảo sát những hành vi sai lạc này chẳng có gì đáng xấu hổ, người ta có thể tự nhủ là những hành vi sai lạc cũng có thể hiến cho chúng ta những dữ kiện để khảo sát những công trình quan trọng hơn"[1].

Để tiện cho việc nghiên cứu, Freud gộp những hành vi sai lạc nói trên thành ba loại:

1/. Gồm những trường hợp nói, đọc, viết, nghe lầm;

2/. Gồm những trường hợp quên nhất thời như không thể nhớ tên người mà ta đã từng quen biết từ lâu, nhưng chỉ lát sau lại có thể nhớ ra được.

3/. Gồm những trường hợp quên lâu một vật nào đó, một sự việc nào đó, tưởng như bị mất, tưởng như không bao giờ thấy lại, hoặc nhớ lại.

Đứng trước những hành vi sai lạc nói trên mọi người thường bằng lòng với cách giải thích đơn giản sau đây:

1/. Có hành vi sai lạc là do cơ thể bị tổn thương hay một sự mệt mỏi cả về thể xác lẫn tinh thần;

2/. Bị những xúc động quá mạnh;

3/. Quá chú trọng đến việc khác hay quá chú trọng đến việc đang làm.

---

[1] Sđd tr. 92.

Freud không bác bỏ những cách giải thích nói trên nhưng ông cho đó chưa phải là những nguyên nhân chính dẫn đến những hành vi sai lạc vì không thiếu gì trường hợp có những hành vi sai lạc không liên quan gì đến những giải thích trên hay nếu có thì chỉ là bề ngoài. Một người rất khoẻ mạnh, tinh thần rất sảng khoái bình thường vẫn có lúc lỡ lời, đọc lỡ, viết lỡ hoặc quên hẳn hay quên tạm thời một điều gì đó. Điều đó cũng thấy xảy ra với những người không trong trạng thái bị xúc động hoặc quá chú ý đến việc này hay việc khác. Những việc lầm lẫn nói trên lại thường xuất hiện với tất cả mọi người tới mức người ta không buồn để ý đến nó nữa.

Người ta còn viện đến trường hợp có sự lỡ như vậy là do âm thanh của từ ngữ gần giống nhau. Điều này cũng không phải là không xảy ra nhưng lại không thiếu trường hợp sự lỡ lời lại rơi vào những từ có âm thanh hoàn toàn khác nhau và không hề có liên quan gì với nhau. Cũng như vậy đối với những trường hợp có những câu chữ có nghĩa gần nhau.

Tất cả những cách thức giải thích trên đều không thỏa mãn Freud. Sau một thời gian nghiên cứu và thử nghiệm. Freud đã đi đến những kết luận quan trọng sau:

Người ta cho rằng những hành vi sai lạc là vô nghĩa và chẳng liên quan đến một cái gì. Nó là thứ đầu Ngô mình Sở không có gì đáng quan tâm là một sai lầm. Trái lại, ông cho rằng: những hành vi sai lạc vô nghĩa, đầu Ngô mình Sở và vô tội vạ đó thực ra lại có *một ý nghĩa nào đó* mà người có hành vi đó không hay biết và cũng không hề có một ý định gì. Ví dụ:

Một vị thủ trưởng có uy tín và là người có trách nhiệm cao trong công việc với một tâm trạng sảng khoái phải có mặt tại một cuộc họp mà ông ta phải chủ trì. Mở đầu cuộc họp là bài diễn văn khai mạc của ông ta. Đáng ra phải tuyên bố trịnh trọng *lời khai mạc hội nghị* thì ông ta lại tuyên bố *bế mạc hội nghị*. Khi nghe thấy lời tuyên bố trịnh trọng bế mạc hội nghị mọi người kinh ngạc nhìn nhau. Ông ta có thấy hiện tượng đó nhưng không hiểu vì nguyên nhân nào cử toạ có thái độ đó, nghĩa là ông ta không hề biết gì về việc mình đã lỡ lời, đáng phải nói là *khai mạc* lại nói là *bế mạc*.

Khi tìm hiểu trường hợp ông thủ trưởng nói lỡ lời trên, người ta được biết rằng chính ngài thủ trưởng đó từ lâu đã không muốn dự những cuộc hội nghị như vậy, vì theo ông nó là những cuộc họp vô bổ chỉ mất thì giờ. Nhưng với cương vị và trách nhiệm của mình ông vẫn phải có mặt tại những cuộc họp như vậy và ông vẫn có mặt đầy đủ như không có vấn đề gì trong tâm tưởng ông với tư cách là một vị thủ trưởng gương mẫu và có trách nhiệm cao, không băn khoăn do dự gì với một mong muốn rõ rệt là làm sao cho hội nghị thành công tốt đẹp. Nhưng sự việc lại diễn ra như chúng ta đã thấy.

Để tìm ra kết luận có thể tin cậy được, Freud yêu cầu chúng ta hãy tạm gạt ra một bên những yếu tố sinh lí hay vừa sinh lí vừa tâm lí tức tâm sinh lí mà chỉ để ý đến những yếu tố tâm lí mà thôi.

Ông viết "Nếu chúng ta cho rằng những sự lỡ lời có một ý nghĩa không phải là ngoại lệ và trái lại, lại luôn luôn xảy ra thì ý nghĩa này đối với chúng ta có một tầm

quan trọng cao hơn khiến cho chúng ta có thể gạt bỏ mọi thứ khác vào trong hậu trường. Bây giờ chúng ta có thể gạt bỏ tất cả những yếu tố sinh lí hay vừa sinh lí vừa tâm lí mà chỉ để ý đến những yếu tố tâm lí thôi để tìm xem những hành vi sai lạc có ý nghĩa gì và nói lên những gì về ý nghiã của người lỡ lời"[1].

Ý nghĩa ở đây không còn nghi ngờ gì nữa là một ý nghĩa về mặt tâm lí, về mặt tinh thần. Trong trường hợp về ông thủ trưởng nói trên thì ý nghĩa của sự lỡ lời là một ý tưởng "không thích" và "không muốn" đến dự cuộc họp.

Vì vậy Freud đã định nghĩa ý nghĩa này như sau:

"Một lần nữa chúng ta phải đồng ý với nhau về những điều chúng ta hiểu khi ta nói đến ý nghĩa của một sự hoạt động tinh thần. Đối với chúng ta "ý nghĩa" đó không gì khác hơn là diễn tả một ý muốn và địa vị của nó trong đời sống tinh thần. Trong những công trình khảo cứu của chúng ta, chúng ta có thể thay chữ "ý nghĩa" bằng chữ "ý muốn" hay "khuynh hướng"[2].

Tuy nhiên với cách suy nghĩ của một nhà khoa học và với sự thận trọng cần thiết, Freud không bao giờ quả quyết là mọi hành vi sai lạc đều có ý nghĩa. Cũng có trường hợp chỉ là thuần tuý sinh lí trong khi nói lỡ, viết lỡ, đọc lỡ, nghe lầm... Ông còn cho rằng có một số trường hợp do linh tính hay đúng hơn những hành vi sai lạc loại này thay thế cho linh tính, ví dụ như khi người ta vấp ngã... Mặt khác, ông cũng tự đặt cho Tâm

[1] Sđd tr. 33.
[2] Sđd tr. 36.

phân học phải tiếp tục tìm hiểu linh tính. Ở đây hình như có báo trước một cái gì cũng có ý nghĩa nhưng ý nghĩa này còn là một mong muốn trong vòng bí mật.

Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, ông vẫn cho rằng chỉ cần một số hành vi sai lạc có ý nghĩa như là một mong muốn, như một khuynh hướng cũng đủ làm cơ sở cho những công trình tiếp theo. Ông viết: "Những hành vi sai lạc là những hành vi có ý nghĩa: đó là kết quả của sự phân tích ở các dòng trên và là điều chúng ta dùng làm nền tảng cho những cuộc khảo sát sắp tới. Chúng ta cần xác nhận lại một lần nữa: chúng ta không hề khẳng định rằng mọi hành vi sai lạc đều có ý nghĩa tuy việc có ý nghĩa là việc luôn luôn xảy ra. Chúng ta chỉ cần cho rằng phần nhiều những hành vi này có ý nghĩa là đủ rồi... Lúc nào ta cũng nên nhớ luôn luôn những giới hạn đó bởi vì từ nay trở đi chúng ta sẽ bắt đầu từ ý niệm cho rằng những hành vi sai lạc là những hành vi tinh thần kết quả của sự liên kết giữa hai ý muốn"[1]. Như vậy, nội dung của mọi hành vi sai lạc là một ý nghĩa, là một mong muốn hay là một khuynh hướng.

Tâm phân học còn giúp chúng ta tìm ra cơ chế hoạt động (organisme) của các hành vi sai lạc để tìm ra động lực thúc đẩy con người có những hành vi sai lạc mặc dù chúng ta không bao giờ có ý định lỡ như vậy.

Freud cho rằng nếu như mỗi hành vi sai lạc đều có một ý nghĩa nào đó thì chúng ta phải tìm cho ra ý nghĩa đó. Ý nghĩa đó ở đằng sau những lời nói lỡ, những chữ viết lỡ tay... Nói cách khác, chúng ta phải thực hiện

[1] Sđd: tr. 63 - 64.

một *sự liên tưởng* giữa những lời nói lỡ đó, những chữ viết lỡ đó với những ý nghĩ hay những lời nói đã có trước đó, đã xảy ra trước đó trong một thời gian gần hay xa. Nhiều khi người nói lỡ lời, viết lỡ tay lại là những lời hay những chữ không hoàn toàn phù hợp với những ý nghĩ hay việc làm trước kia. Điều đó không có gì là quan trọng vì sự việc thường lại diễn ra theo cách đó. Chính vì lời nói lỡ và chữ viết lỡ tay không hoàn toàn khớp với những ý nghĩ hay việc làm xảy ra trước kia nên mới cần chúng ta nghiên cứu. Nếu chúng luôn luôn khớp với nhau thì sự việc lại quá đơn giản. Sự không ăn khớp này cũng không hoàn toàn như nhau. Có trường hợp có những sai biệt rất lớn nhưng cũng có trường hợp thì sự sai biệt là không đáng kể. Tóm lại, những lời nói lỡ, những chữ viết lỡ tay dù như thế nào đi chăng nữa cũng vẫn nói lên một cái gì đó, đại diện cho một cái gì đó. Vì vậy, muốn hiểu được thực chất của những lời nói lỡ hay những chữ viết lỡ, chúng ta phải dùng *phương pháp liên tưởng*, liên tưởng đến những cái gì đã xảy ra đối với đương sự trước đó. Ví dụ, vị thủ trưởng nói trên cho ta thấy điều đó. Vì có ý nghĩ không thích dự những cuộc họp vô bổ như vậy nhưng vì vị trí thủ trưởng của mình mà không dám nói ra hoặc do có tinh thần trách nhiệm cao nên dù không thích vẫn phải tạm thời tỏ ra là mình "thích" để hội nghị đạt kết quả. Nhưng sự việc lại vượt ra ngoài ý định trên và sự lỡ lời vẫn xảy ra một cách bất ngờ. Chỉ có điều ý tưởng không thích lại được bộc lộ ra theo một cách khác, đáng nói khai mạc lại nói bế mạc,mà vẫn yên tâm là mình nói khai mạc. Chúng ta có thể dẫn ra một ví dụ nữa đã

từng xảy ra khá phổ biến trong các trường hợp thi cử thời phong kiến ở nước ta. Đó là luật cấm "phạm huý" đối với các thí sinh dự thi. Một khi đã phạm huý thì có là tài giỏi mấy cũng sẽ bị đánh trượt.

Mỗi người đi thi đều hiểu rất rõ cái luật vô lí này, nhưng cũng không ít thí sinh phạm phải. Vì sao?

Trước hết, chúng ta loại trừ những thí sinh không nắm được "huý" bị cấm. Nhưng không thiếu gì thí sinh nắm rất chắc những "huý" cần tránh nhưng vẫn phạm huý mà chính mình cũng không biết là mình đã phạm phải. Mọi người đi thi đều muốn đỗ mà muốn đỗ thì bài làm phải tốt nhưng điều quan trọng hơn là không được phạm huý. Nhưng rồi vẫn còn không ít thí sinh vẫn phạm phải dù vẫn đinh ninh là mình không phạm huý. Bằng phương pháp liên tưởng Tâm phân học, chúng ta có thể biết được rằng những thí sinh phạm huý này có người trong thâm tâm từ lâu đã có ý nghĩ chống lại luật trên, không tán thành nó vì nó thực là vô lí. Nhưng trong chế độ phong kiến mấy ai đã dám chống lại triều đình một cách công khai. Nếu có thì chỉ trong tư tưởng mà thôi. Rồi muốn sống người ta phải tạm quên ý tưởng đó để sống đúng luật của triều đình. Nhưng ý tưởng đó không bị triệt tiêu nên trong bài thi người ta lại phạm luật mà chính đương sự cũng không hay biết. Nếu có biết thì cũng phải sau đó một thời gian, thậm chí có người đến khi công bố kết quả thi mới hay là mình phạm huý. Bằng phương pháp liên tưởng Tâm phân học, chúng ta có thể biết được sự phạm huý này thể hiện một ý tưởng chống lại luật phạm huý nói riêng, chống lại luật lệ phong kiến nói chung hay ít ra cũng là không đồng tình.

Qua phương pháp liên tưởng Tâm phân học, không những chúng ta biết được nội dung của ý tưởng (ý nghĩa) trong hành vi sai lạc mà còn giúp chúng ta thấy được ở đây có hai khuynh hướng khác nhau, chống đối nhau.

Ví dụ về vị thủ trưởng ta thấy có: ý tưởng không thích cuộc họp và ý tưởng về trách nhiệm.

Ví dụ về luật phạm huý trong thi cử dưới chế độ phong kiến ta thấy có: ý tưởng không thừa nhận luật phạm huý và ý tưởng về lợi ích của cuộc sống.

Nói cách khác nguyên nhân dẫn đến những hành vi sai lạc chính là sự chống đối nhau giữa hai khuynh hướng: *một khuynh hướng đi gây rối* và *một khuynh hướng bị gây rối.* Điều nói trên cũng giải thích cho chúng ta tại sao lời nói lỡ hay chữ viết lỡ lại có những sai khác với ý tưởng thực của người có hành vi sai lạc, dù sự sai khác này chỉ là cách thức diễn đạt.

Tất cả những điều kiện khác như sự gần giống nhau về âm thanh, về từ ngữ hay sự rối loạn trong cơ thể chỉ là những yếu tố làm dễ dàng thêm cho sự xuất hiện những lời lỡ hay những chữ viết lỡ mà thôi. Nó chỉ có vai trò phụ hoạ mà không giữ vai trò động lực. Hơn nữa sự chống đối giữa hai khuynh hướng trên thường làm cho dương sự rơi vào trạng thái bồn chồn, nó có ảnh hưởng đến hệ thần kinh sinh lí nhưng trước hết bao giờ nó cũng là một trạng thái tâm lí. Làm sao mà không bồn chồn rạo rực được khi hai khuynh hướng đó đấu tranh với nhau. Ngài thủ trưởng không muốn dự cuộc họp nhưng vì trách nhiệm nên vẫn phải có mặt nghĩa là khuynh hướng thứ nhất bị chặn lại

không được thỏa mãn. Người thí sinh không tán thành luật phạm huý của triều đình nhưng vì lợi ích của cuộc sống lại phải buộc làm đúng luật. Khuynh hướng thứ nhất cũng bị chặn lại không được thực hiện và người thí sinh phải làm theo luật với một ý thức rõ rệt để có thể có một cuộc sống tốt hơn.

Nên nhớ rằng không phải khuynh hướng thứ hai luôn luôn giành phần thắng. Có lúc khuynh hướng thứ nhất giành phần thắng nhưng chỉ là một thắng lợi không trọn vẹn, một thắng lợi rất hạn chế và lại xảy ra ngoài ý định của đương sự, thậm chí đương sự cũng không biết được nó xảy ra vào lúc nào. Thắng lợi này đạt được dưới một hình thức lén lút và đã được ngụy trang, vì thế mới có sự biến dạng giữa ý tưởng thực với những lời nói lỡ hay chữ viết lỡ như những ví dụ đã nói ở trên.

Để làm rõ hơn vấn đề và để chúng ta có cơ sở xét đoán, chúng ta hãy tìm hiểu tỷ mỷ hơn diễn biến của cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng này.

Chúng ta đã khẳng định là có một khuynh hướng đi gây rối và một khuynh hướng bị gây rối.

Khuynh hướng đi gây rối là khuynh hướng chưa được thỏa mãn là những ý tưởng muốn chống lại một cái gì đó đang hiện hành. Trong hai ví dụ nói trên thì đó là khuynh hướng chống lại cuộc họp của vị thủ trưởng. Đó là khuynh hướng chống lại luật phạm huý của triều đình của thí sinh. Nói đây là những khuynh hướng chưa được thỏa mãn vì nó là những ý tưởng đã xuất hiện từ trước rất lâu so với hành vi sai lạc nhưng

đó chỉ là sự mong muốn, chỉ là những ý tưởng vì nó bị những quy định xã hội cấm kị, ngăn cản.

Khuynh hướng bị gây rối là trách nhiệm xã hội của vị thủ trưởng, là ý thức phải có mặt tại cuộc họp vì cương vị xã hội của mình và đọc lời khai mạc nghiêm chỉnh. Trong ví dụ thứ hai thì đó là ý định đi thi nghiêm túc của thí sinh vì lợi ích cuộc sống của chính mình và phải thực hiện nghiêm túc kỉ luật trường thi trong đó có luật cấm phạm huý.

Vì sao ý muốn chưa được thỏa mãn lại đi gây rối? Nó đi gây rối là vì nó bị khuynh hướng kia ngăn cản không những không thể thi thố được mà còn *bị dồn ép* và bị đẩy vào trong kí ức tới mức tưởng như nó không còn tồn tại nữa, nghĩa là tưởng như nó đã bị loại khỏi vòng đấu. Sự thực thì không phải như vậy. Nó vẫn tồn tại chỉ có điều là nó tồn tại trong miền sâu của tâm hồn đến nỗi là người ta không hay biết gì về sự tồn tại của chúng.

Nó đã trở thành cái mà sau này Tâm phân học gọi là cái vô thức. Mặc dù nó vẫn tìm cách đi gây rối (thỏa mãn) nhưng vì có sự dồn ép của khuynh hướng thứ hai nên nó chưa thể xuất hiện và cũng vì thế nó chưa được thực hiện, tức chưa được thỏa mãn nên nó tiếp tục đi gây rối, tiếp tục đấu tranh mạnh hơn. Gặp trường hợp khuynh hướng bị gây rối (quy phạm xã hội) sơ suất là nó xuất hiện đúng vào lúc khuynh hướng bị gây rối không cho nó xuất hiện. Từ đó Freud đã đi đến kết luận như sau:

"... khuynh hướng đi gây rối kia bị kìm hãm, bị dồn ép vào trong (miền sâu tâm hồn). Vì đương sự (mặt

trách nhiệm xã hội) quyết định không cho nó xuất hiện nên mới lỡ lời, nghĩa là khuynh hướng bị dồn ép (đi gây rối) cứ xuất hiện mặc dầu đương sự không muốn bằng cách hoặc thay đổi ý muốn được diễn tả, hoặc chiếm hẳn chỗ ý muốn. Đó là cách hoạt động của sự lỡ lời".[1]

Từ chỗ làm rõ cách thức hoạt động của sự lỡ lời, Tâm phân học còn cho ta biết nguyên nhân hay đúng hơn là động lực của mọi sự lỡ lời. Đó là sự dồn ép. Vậy dồn ép cái gì? dồn ép một mong muốn nào đó không cho nó xuất hiện, không cho ý muốn đó được thực hiện, được thỏa mãn, nhất là những mong muốn thầm kín được *ấp ủ từ lâu*. Freud đã viết: "kết luận phát hiện ra sau khi xem xét nhiều trường hợp khác nhau, *sự dồn ép một ý muốn nói một điều gì đó chính là điều kiện cần thiết cho sự phát sinh một sự lỡ lời*"[2].

Chúng ta hiểu sự dồn ép này như Freud gọi là điều kiện chính, là sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng tới cao điểm do sự dồn ép mạnh cái đi gây rối và nó được giải quyết tâm thời bằng việc xuất hiện sự lỡ lời. Đó là một phương cách thỏa mãn của ý muốn đi gây rối, một ý muốn đã bị dồn ép từ lâu nay được thỏa mãn dù dưới bộ mặt nào đó. Và chỉ có dưới một bộ mặt đã được thay đổi đi ít nhiều nó mới xuất hiện được.

Tóm lại, cái bị cấm kị, cái không hợp pháp bao giờ cũng phải thay hình đổi dạng đi đôi chút và yêu cầu được thỏa mãn cũng không bao giờ được trọn vẹn. Hơn nữa những mong muốn ấy về mặt nào đó thuộc loại

[1] Sđd, tr. 70.
[2] Sđd, tr.71.

mong muốn thầm kín thường bị cấm kị, nên khi bộc lộ ra thông qua lời nói lỡ, câu chữ viết lỡ cũng không bộc lộ ra nguyên hình mà phải qua những hình thức biến tướng.

Ngoài ra còn một loại hành vi khác không phải là sự lỡ lời, không phải là sự viết lỡ mà Tâm phân học rất quan tâm. Những hành vi này gần giống như những hành vi sai lạc nói trên nhưng không xếp vào loại những hành vi sai lạc. Tâm phân học gọi những hành vi này là những hành vi *bất thường hay triệu chứng*.

Nhưng đặc điểm của loại hành vi này cũng có đầy đủ những đặc điểm như những hành vi sai lạc nhưng vô nghĩa, không có lí do rõ ràng, không quan trọng gì cả và cũng chẳng có lợi ích gì cho đương sự. Ví dụ như cử chỉ vân vê tà áo, tay nọ sờ vào tay kia hay lọn tóc, chân, mình mẩy... thậm chí cứ sờ mó vào các đồ vật thông thường xung quanh như bứt các ngọn cỏ, lá cây hay một cọng rơm... có khi hát những câu vu vơ, nói một lời vô nghĩa... Tâm phân học cho những hành vi loại này khác các hành vi sai lạc ở chỗ nó không có một ý muốn đối nghịch nào làm rối loạn nó, chèn ép nó, những hành vi này nói lên đương sự đang trong một trạng thái xúc động, một tâm trạng hào hứng nào đó. Những hành vi loại này cũng có một ý nghĩa như những hành vi sai lạc và cũng có thể phân tích như những hành vi sai lạc vì đó cũng là một hiện tượng tinh thần theo cách hiểu của Tâm phân học. Khẳng định cách hiểu đó, Freud giải thích:

"Tất cả những điều gì quan sát được trong đời sống tinh thần sẽ được coi là những hiện tượng tinh thần. Vấn đề chỉ là xem xét một biểu hiện tinh thần nào đó có

phải là kết quả trực tiếp của những ảnh hưởng về cơ thể, của các cơ năng hay có tính chất thể xác và trong trường hợp này chúng không thuộc phạm vi môn tâm lí học; hay nó là hậu quả trực tiếp của những hoạt động tinh thần. Chúng tôi nghĩ đến điều sau này mỗi khi nói đến những hoạt động về tinh thần. Vì thế cho nên chúng ta sẽ hợp lí hơn nếu phát biểu ý kiến dưới hình thức sau đây: *hiện tượng có ý nghĩa, nghĩa là cho ta biết là nó có một ý muốn hay một khuynh hướng và giữ địa vị nào đó trong những hoạt động tinh thần*"[1] (tác giả nhấn mạnh).

Chúng ta có thể đồng ý hay không về cách xác định thế nào là một ý nghĩa tinh thần của Tâm phân học, Nhưng trong khoa học, có lẽ chẳng có lí do gì để phản đối cách chọn đối tượng nghiên cứu của mình. Người ta có thể nghiên cứu nguồn gốc vật chất của những hiện tượng tinh thần mà cũng có thể chỉ nghiên cứu nguồn gốc tinh thần của mọi hiện tượng tinh thần. Vấn đề là ở chỗ công trình nghiên cứu có xác đáng hay không mà thôi. Chê trách Freud quá chú trọng đến các hiện tượng tâm lí liệu có thỏa đáng hay không. Rồi từ đó cho rằng hễ chỉ chú trọng đến quá trình tâm lí là đi đến chỗ đề cao vai trò của bản năng, thậm chí chỉ thấy vai trò của bản năng sinh lí mà quên mất vai trò của ý thức, của xã hội.

Chúng ta có thể không đồng ý với cách giải thích các hành vi mà Tâm phân học gọi là những hành vi bất thường, hành vi triệu chứng ở trên. Đây là điểm mà người ta thường gọi là chưa thật chín trong Tâm phân

[1] Sđd, tr. 64 - 65.

học, và thiếu nhất quán trong quan niệm của Freud. Sự không đồng tình này hoàn toàn có lí. Tại sao những hành vi như vân vê tà áo, tay sờ mó đến hết cái này sang cái khác trên cơ thể mình hoặc các vật chung quanh lại là hành vi chỉ có một ý muốn một khuynh hướng. Mỗi người trong chúng ta đã từng nhiều lần có những hành vi như vậy. Nó biểu hiện những tình cảm những xúc động những phấn chấn trong một lúc nào đó là điều không thể chối cãi được. Nhưng tại sao nó lại biểu hiện dưới những hành vi như vậy mà không bộc lộ trực tiếp những tình cảm, những xúc động, những phấn chấn đó ra bên ngoài. Một ví dụ rất đơn giản mà mỗi người trong chúng ta hoặc đã trải qua, hoặc đã từng thấy khi một đôi thanh niên nam nữ tình tứ với nhau, họ thường ít nói mà thay vào đó là những cử chỉ như vân vê tà áo, vuốt tóc, gãi đầu, bứt cỏ, bứt lá cây... Ở đây, nhất định phải có một khuynh hướng nào đó cản trở không cho họ bộc lộ tình cảm ra theo một cách khác, trực tiếp hơn, tự nhiên hơn, rõ ràng hơn. Phải chăng đây là lễ giáo, là những quy phạm đạo đức xã hội, là phong tục... hay còn là cái gì khác mà ta chưa thấy hết. Hơn nữa chính Freud là người đề ra một nguyên tắc của Tâm phân học là nguyên tắc dùng khuynh hướng để giải thích mọi hành vi sai lạc đó sao, ông còn thừa nhận những hành vi không có khuynh hướng trái ngược cũng là một hiện tượng tinh thần có tính chất tinh thần đầy đủ nhất đó sao. Ông cũng đã từng khẳng định tầm quan trọng của nguyên tắc dùng khuynh hướng trong Tâm phân học như sau: "Lần đầu tiên chúng ta đứng trước một nguyên tắc dùng khuynh hướng để cắt nghĩa

những sự quên lãng các danh từ, sau này sẽ có một tầm quan trọng hàng đầu trong việc tìm các triệu chứng của bệnh thần kinh đó là việc trí nhớ từ chối không chịu gợi lại những kỉ niệm liên quan đến những cảm giác đau buồn, làm cho người ta nhớ lại các cảm giác đó. Cái khuynh hướng tránh sự khó chịu do những kỉ niệm hay những hành vi tinh thần khác gây nên, thái độ trốn tránh những điều gì bực mình chính là lí do rất kiến hiệu để giải thích không những sự quên lãng các danh từ mà còn của nhiều hành vi sai lạc khác như sự lầm lẫn, những sự lỡ miệng"[1].

Nghiên cứu những hành vi sai lạc các loại còn giúp cho chúng ta có cơ sở để tìm hiểu những vấn đề rất cơ bản của Tâm phân học. Từ đó có thể giúp cho chúng ta có được một cái nhìn khoa học về những vấn đề phức tạp nhất của đời sống tinh thần. Trong khuôn khổ của việc tìm hiểu những hành vi sai lạc mà nền tảng của nó là *nguyên tắc khuynh hướng* đã giúp cho chúng ta thấy một điều là trong cuộc sống của mỗi người ngoài những ý tưởng, những khuynh hướng, những mong muốn mà con người có thể nhận biết được còn những ý tưởng khác, những khuynh hướng khác có thực mà con người không hay biết trong một lúc nào đó của cuộc sống nhưng nó vẫn hoạt động và gây ra những tác động quan trọng trong tâm hồn con người. Vì vậy, Freud đã khẳng định như sau:

"Bằng cách gán cho những lời giải thích của chúng ta một tính cách hết sức rộng rãi hợp lí về nhiều mặt

[1] Sđd, tr. 84.

trong khi khảo sát các hành vi sai lạc, chúng ta bị bắt buộc phải công nhận rằng trong mỗi người chúng ta có những khuynh hướng hoạt động mà chúng ta không hề hay biết. Nhưng khi đưa ý kiến đó ra chúng ta đã làm trái hẳn lại với những điều thường được công nhận trong đời sống và trong tâm lí học"[1].

Cái đó sau này Tâm phân học gọi là cái vô thức.

Cuối cùng Freud đánh giá việc nghiên cứu những hành vi sai lạc là có ý nghĩa to lớn. Những hành vi mà mỗi người bình thường đều mắc phải tưởng như vô nghĩa lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giải thích cơ chế hoạt động, tổ chức của một số bệnh tâm thần. Cũng trên ý nghĩa đó mà Tâm phân học khẳng định bệnh tâm thần chẳng có gì là bí ẩn cả. Cũng không phải dùng đến những pháp thuật như những pháp thuật trừ tà, chỉ có điều đây là một phương pháp khoa học với kĩ thuật mới để giải phẫu bệnh lí mà mầm mống của nó đã có sẵn trong những người khoẻ mạnh bình thường. Bệnh tâm thần là một dạng của những chứng bệnh điên loạn khác. Nhưng người đời lại phẫn nộ khi đó đây có ai dám quả quyết là mỗi người bình thường là người "mắc" chứng điên nhẹ, một chứng "điên tỉnh" ở những con người mạnh khoẻ bình thường. Trên cơ sở nghiên cứu những hành vi sai lạc ở những con người bình thường Tâm phân học có cơ sở để khẳng định như trên, chỉ có điều là chúng ta chưa thực sự trở thành người điên theo nghĩa người bị bệnh điên, người mắc bệnh tâm thần mà thôi.

[1] Sđd, tr. 83.

Sau khi đã tìm ra cơ chế hoạt động, ra tổ chức của những hành vi sai lạc, Freud phấn khởi và tin tưởng khẳng định như sau:

"Đối với chúng ta, giá trị to lớn của những hành vi sai lạc là ở chỗ chúng xảy ra luôn luôn, bất cứ người nào cũng có thể quan sát thấy được, và sự phát sinh của chúng không phụ thuộc vào tình trạng bệnh hoạn của một người"[1].

Nếu từ bỏ mọi thành kiến với từ điên và với thái độ khoa học chúng ta phải thừa nhận là mỗi người trong chúng ta trong một trường hợp nào đó cũng có những hành vi điên mà chưa là con bệnh. Vì thế chúng ta luôn được nghe đâu đó những câu "thật là điên rồ" "đừng có mà điên" "điên nó vừa vừa chứ"... Chưa hết, người ta còn coi những bậc thiên tài là những người điên một phần.

Tâm phân học không dừng lại ở những kết quả đã đạt được thông qua việc nghiên cứu những hành vi sai lạc mà còn đi vào những vấn đề phức tạp hơn, khó khăn hơn xét về cả hai phương diện bản thân lí thuyết và thành kiến xã hội. Đó là việc nghiên cứu và giải thích những giấc mơ.

Vào cuối năm 1899 Freud cho công bố một công trình nhan đề việc giải thích những giấc mơ. Trong vòng hai năm đầu, do nhiều nguyên nhân khác nhau, cuốn sách đã không gây được tiếng vang nào đáng kể mặc dù ngày nay nhiều nhà nghiên cứu vẫn coi đó là một tác phẩm, một công trình tầm cỡ.

Công cuộc tìm hiểu giấc mơ đã gặp phải sự hoài

[1] Sđd, tr 89 - 90.

nghi và sự bài xích vô cùng quyết liệt từ nhiều phía.

Khác với những hành vi sai lạc là cái mỗi người có thể nhận biết được một cách dễ dàng vì nó lồ lộ ra trước mặt thiên hạ. Còn giấc mơ là cái không ai nhìn thấy cụ thể, nhiều lắm cũng chỉ vài tiếng ú ớ vô nghĩa, vài câu nói rời rạc, vài tiếng thét, tiếng kêu. Nghe người nằm mơ kể lại thì không ra đầu ra cuối, chẳng ý nào khớp với ý nào, chẳng có hình ảnh nào rõ ràng và có liên quan với nhau. Người nằm mơ thường không có khả năng nhớ lại một cách đầy đủ và khi tỉnh dậy lại thường quên một phần, thậm chí không còn nhớ một điều gì. Đấy là chưa nói đến việc người nằm mơ lại hay giữ kín những điều mình thấy trong giấc mơ. Hiếm lắm mới có một vài giấc mơ tương đối rõ ràng. Vì thế khó mà khẳng định nó là thế này, nó là thế kia. Vì thế làm cho người khác chấp nhận những điều người nằm mơ kể lại không phải là dễ. Hơn thế nữa, với đông đảo những con người bình thường thì giấc mơ còn là một cái gì bí ẩn, thậm chí còn là một cái gì linh thiêng, huyền bí, ma quái.

Nếu như nhiều người cho rằng việc nghiên cứu những hành vi sai lạc là vô bổ thì số người có thái độ như vậy lại càng đông, càng nhiều đối với việc nghiên cứu giấc mơ. Số người thành kiến với việc nghiên cứu giấc mơ lại càng nhiều vì họ coi đó là một việc làm phản khoa học, thần bí, bịp bợm. Một thành kiến khác lại bắt nguồn từ sự đánh giá quá cao vai trò của các giấc mơ đã lưu hành từ thời tiền sử và tồn tại dai dẳng cho đến tận hôm nay mà người đời gọi là báo mộng, là sự nhắn nhủ của linh hồn những người đã khuất từ ngàn đời nay...

Tóm lại, bao quanh giấc mơ là cả một lớp mây đen dầy với biết bao chuyện quái dị làm cho ngay cả những con người văn minh trong thời đại hiện nay cũng không dám đụng tới. Những việc như đoán mộng đã có từ thời xa xưa và dang tồn tại cho đến hôm nay cũng để lại cho dư luận những phản ứng rất khác nhau. Nhưng dù cho những phản ứng đó là tích cực hay tiêu cực thì cái bao trùm vẫn là một sự mơ hồ tưởng như không một ai có thể lí giải được. Vấn đề đoán mộng khi đã trở thành mê tín dị đoan, chỉ còn những người ít học tin theo, chỉ còn là cái gì hủ lậu mà nhiều quốc gia đã liệt vào những điều nghiêm cấm được ghi vào những bộ luật thì việc nghiên cứu những giấc mơ có thể trở thành những hành vi phạm pháp.

Trong tâm lí học cổ điển người ta cũng có nói đến giấc mơ. Các nhà y học lại coi giấc mơ là kết quả của một sự kích thích đơn thuần về mặt sinh lí. Trước đó cũng có một số công trình nghiên cứu về giấc mơ như công trình của Binz công bố năm 1879. Tác giả của công trình này quả quyết rằng giấc mơ chỉ là một hoạt động của thể xác nhiều khi là bệnh hoạn. Như đã nói ở trên, giấc mơ còn được gắn với hiện tượng linh hồn như một cái gì vừa linh thiêng lại vừa bất tử. Còn Maury thì coi giấc mơ như những vũ điệu diên cuồng Saint Guy, không phù hợp với trật tự xã hội và đời sống của những con người bình thường.

Các tác phẩm của Wundt, Jodt và một số người khác đều chỉ liệt kê những điểm khác nhau giữa lúc nằm mơ và khi thức hay chỉ chú trọng đến những liên tưởng, tuyệt không còn bóng dáng của trí tuệ và sự phê

phán. Điều đó nói lên giấc mơ chẳng có ý nghĩa gì. Nếu có thì khoa học mới chỉ để lại cho chúng ta có một điều: đó là sự liên quan giữa giấc mơ và những khích động về cơ thể trong khi ngủ, rằng giấc mơ chỉ liên quan đến việc chân tay người nằm mơ cử động. Và đó là tất cả những gì khoa học vào thời đó đã cống hiến cho nhân loại những hiểu biết về giấc mơ, về những mộng mị mà ai cũng có lúc trải qua.

Tâm phân học hiểu tất cả những điều đó nhưng nó không làm nản lòng Freud vì ông cho rằng, nếu những hành vi sai lạc vô nghĩa chẳng làm cho một ai bận tâm còn cống hiến cho ta nhiều điều bổ ích thì chắc chắn giấc mơ còn cho nhân loại hiểu được nhiều điều lí thú gấp nhiều lần. Nếu những hành vi sai lạc là những hành vi vô nghĩa nhưng nó đã thực sự có ý nghĩa trong đời sống tinh thần của mỗi chúng ta thì giấc mơ phải cho chúng ta biết một ý nghĩa nào đó không kém.

Tâm phân học còn xuất phát từ một quan điểm khác quan trọng hơn là một khi người đời thừa nhận rằng những triệu chứng bệnh hoạn của những người mắc các chứng bệnh thần kinh thường không bền vững thì điều đó phải bao hàm một ý nghĩa gì rất cần được quan tâm. Trong thời gian chữa trị những người mang bệnh thần kinh, người ta thường thấy người bệnh coi những giấc mơ như những triệu chứng biểu hiện bệnh lí và người ta nghĩ rằng giấc mơ có liên quan đến các triệu chứng bệnh thần kinh. Như thế thì chắc chắn giấc mơ phải có một ý nghĩa gì đó đối với đời sống tinh thần của những con người bình thường nói chung và có liên quan nhất định đối với các chứng bệnh thần kinh nói

riêng. Cũng vì thế Tâm phân học cho rằng việc khảo sát giấc mơ sẽ giúp nhiều cho việc nghiên cứu các chứng bệnh thần kinh vì giấc mơ trong trường hợp này chính là triệu chứng của các loại bệnh trên.

Từ những điều nói trên, Tâm phân học không ngần ngại gì trong việc coi giấc mơ là đối tượng nghiên cứu của mình. Điều đó không có gì là trái với điều chúng ta đã khẳng định ở trên rằng đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học là cái vô thức. Do đó Freud đã khẳng định như sau:

"Chính vì thế nên giấc mơ trở thành đối tượng nghiên cứu của môn Tâm phân học"[1].

Như chúng ta đã biết mục đích cuối cùng của Tâm phân học không phải là giấc mơ mà là phòng ngừa và chữa trị một số chứng bệnh thần kinh. Vì thế việc nghiên cứu giấc mơ không phải chỉ để hiểu biết về giấc mơ coi như một trang sức cho trí tuệ con người mà giấc mơ sẽ cung cấp cho Tâm phân học những điều quan trọng để tìm hiểu bệnh thần kinh và để chữa trị nó có hiệu quả hơn.

Freud viết: "... chúng ta muốn khảo sát giấc mơ là chỉ cốt để sửa soạn trong việc chữa trị bệnh thần kinh"[1].

Vậy thì giấc mơ là gì?

Freud chưa đưa ra một định nghĩa đầy đủ về giấc mơ nhưng qua nhiều cách giải thích khác nhau chúng ta có thể có một quan niệm tuy là bước đầu nhưng cũng khá rõ ràng về giấc mơ theo quan điểm của Tâm phân

[1] Sđd, tr. 92.
[1] Sđd, tr.219.

học. Freud thường trình bầy những quan niệm của mình từ nhiều góc độ khác nhau thông qua việc xác định những đặc tính của giấc mơ.

Giấc mơ mà người ta còn gọi một cách chính xác hơn là *ngủ mơ*. Điều đó có nghĩa là giấc mơ chỉ xuất hiện trong khi ngủ. Nó khác hẳn với những giấc mơ khi thức tuy chúng có liên quan mật thiết với nhau và cũng có một vài điểm giống nhau. Từ đó Tâm phân học cho những giấc mơ là một hoạt động tinh thần khi người ta ngủ. Đương nhiên nó là một hiện tượng tinh thần thì nó cũng có những đặc điểm giống với những hiện tượng tinh thần khi người ta thức nhưng nó còn có nhiều cái khác. Chính Aristot đã định nghĩa như vậy về giấc mơ.

Tóm lại giấc mơ là một trạng thái vừa thức vừa ngủ. Nó là một trạng thái trung gian giữa thức và ngủ. Chúng ta thường thấy đang ngủ thì bị giấc mơ đánh thức dậy, hoặc đang mơ dột nhiên thức giấc. Như thế có một vấn đề đặt ra mà phải làm rõ là để hiểu được giấc mơ chúng ta buộc phải hiểu giấc ngủ là gì? Theo Tâm phân học giấc ngủ trước hết là một hoạt động sinh lí, là một hành vi nghỉ ngơi cả về cơ bắp cả về hệ thần kinh, là sự nghỉ ngơi của cơ thể nói chung. Đó là trạng thái mà người nằm ngủ không muốn biết gì về đời sống bên ngoài. Người nằm ngủ là người đã thoát khỏi mọi sự khích động từ thế giới bên ngoài. Người ta chỉ đi ngủ khi đã bị mệt mỏi vì những khích động và đời sống bên ngoài nói chung. Như vậy khuynh hướng của giấc ngủ không gì khác là sự nghỉ ngơi.

Về mặt tâm lí thì giấc ngủ chẳng qua chỉ là không thèm để ý gì đến đời sống bên ngoài. Sống ở đời không

ai tránh được những sự khích động ngoài đời. Nhưng cũng không một ai chịu nổi nếu không ngưng nghỉ hoặc chịu đựng liên tục những sự khích động đó. Do đó thỉnh thoảng mỗi người phải tìm cách tạm thời tách ra khỏi đời bằng cách ru mình vào một giấc ngủ để sau đó lại tiếp tục sống ở đời với bao khích động, với bao tiêu phí sức lực cũng như tâm lực.

Nếu giấc ngủ được quan niệm như trên thì rõ ràng là giấc mơ không thể là một thành phần của giấc ngủ và còn là một cái gì làm cho giấc ngủ không yên. Những giấc ngủ không có giấc mơ thường là những ngủ tuyệt vời. Do đó giấc ngủ ngon là vì không có một hoạt động tinh thần nào xuất hiện để phá rối giấc ngủ. Theo quan niệm trên, Tâm phân học coi giấc mơ xuất hiện trong giấc ngủ *chính là biểu hiện của những gì còn sót lại trong ngày, trong đời sống bên ngoài vào những lúc thức.* Cái gọi là những gì còn sót lại trong ngày, Tâm phân học coi đó là những hiện tượng tinh thần, nghĩa là chúng chỉ còn sót lại trong tâm trí người ta mà thôi, nó chỉ là cái gì còn sót lại của đời sống tinh thần trong khi thức.

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao con người lại cần nghỉ ngơi còn các hiện tượng tinh thần với tư cách là những gì còn sót lại trong ngày thì không nghỉ ngơi (ngủ). Có một giả thuyết được đặt ra: Phải chăng có một cái gì đó chống lại giấc ngủ, có những sự khích động nào làm cho đời sống tinh thần phải phản ứng lại? Như thế có phải giấc mơ chính là sự phản ứng của tinh thần chống lại những khích động nẩy sinh ra trong giấc ngủ? Vậy Tâm phân học phải tìm cho ra những khích động

đó vì chính nó là thủ phạm làm cho người ta không yên trong khi ngủ và người nằm ngủ phải phản ứng lại. Từ đó chúng ta phải tìm cho ra đặc tính chung nhất cho tất cả những giấc mơ. Việc quan sát những giấc mơ cho người ta thấy có một sự khác nhau rất lớn giữa các giấc mơ về thời điểm nằm mơ, về tính cách rõ ràng hay mơ hồ, về vai trò của những xúc động... Có những giấc mơ có nhiều ý nghĩa đẹp, vui vẻ nhưng lại có những giấc mơ rất mơ hồ, loạn xạ thật ngớ ngẩn, khó hiểu li kì. Có khi giấc mơ chẳng để lại cho chúng ta một xúc động nào đáng kể, nhưng có những giấc mơ để lại cho chúng ta nhiều xúc động trái ngược nhau như cảm động hay đau khổ muốn khóc lên được, nhiều khi lại gây ngạc nhiên thích thú... Có những giấc mơ chỉ xảy ra có một lần, có những giấc mơ được lặp đi lặp lại nhiều lần nhưng nội dung lại không có gì thay đổi hoặc có thay đổi thì cũng không đáng kể. Điều đó nói lên đây là *một hoạt động tinh thần* vô cùng phong phú với nhiều hình thức đa dạng có khả năng diễn đạt những gì đã xảy ra trong khi thức nhưng không hoàn toàn lúc nào cũng như nhau. Hoạt động tinh thần này (giấc mơ) không có tính cách cơ thể. Đó là đặc tính chung thứ nhất của giấc mơ mà Tâm phân học khẳng định, sau hàng loạt những thử nghiệm ở những đối tượng khác nhau và vào những thời điểm khác nhau.

Đặc tính chung thứ hai của mọi giấc mơ theo Tâm phân học là ở người nằm mơ biết trong tâm tưởng của họ có một cái gì đó nhưng lại không biết một cách cụ thể đó là cái gì. Do đó giấc mơ là một hiện tượng rất mơ hồ. Làm sao chúng ta lại có thể trách cứ nó mơ hồ được vì sự

thực giấc mơ xét về tính chất bao giờ cũng là một hiện tượng tinh thần mơ hồ dù cho nó có để lại một số hình ảnh không rõ ràng cho lắm. Freud viết:

"Còn việc giấc mơ có tính cách mơ hồ thì đó cũng chỉ là một đặc tính như những đặc tính khác, chúng ta làm sao có thể bắt buộc sự việc phải có những đặc tính mà chúng ta muốn".

Qua những điều nói trên Tâm phân học cho ta biết một điều quan trọng về vai trò của sự khích động trong giấc mơ và đây không phải là những sự khích động do các cơ quan nội tạng gây ra hoặc do những khích động từ bên ngoài tác động vào cơ thể. Những khích động về cơ thể có thể dẫn đến việc hình thành giấc mơ nhưng lại chỉ để mở đầu cho giấc mơ mà thôi, còn không hề cho ta biết gì về tính chất thực sự của nó hoặc nếu có thì chỉ giải thích cho chúng ta biết phần nào của giấc mơ chứ không thể cho ta biết đầy đủ về nó.

Để làm rõ quan niệm của mình về giấc mơ, Tâm phân học còn so sánh hai loại giấc mơ khác nhau. Đó là *giấc mơ trong khi thức* và *những giấc mơ trong giấc ngủ* nhân tạo bằng thôi miên.

Vậy giấc mơ trong khi thức là gì? Đó là trí tưởng tượng của những người khoẻ mạnh bình thường hay ốm đau trong lúc thức mà bất cứ người nào cũng đã trải qua. Về tính chất mà nói thì những giấc mơ trong khi thức lại không có những đặc tính chung cho mọi giấc mơ thực sự khi ngủ vì chúng chẳng liên quan gì đến giấc ngủ cả. Những giấc mơ trong khi thức chỉ có *những hình dung tưởng tượng* thôi, trái lại giấc mơ thực sự

trong khi ngủ lại *có những biến cố* (hình ảnh). Mơ trong khi thức tức chỉ tưởng tượng, suy nghĩ mà không hề thấy hình ảnh (biến cố). Những giấc mơ trong khi thức thường xảy ra nhiều nhất trong tuổi ấu thơ: em mơ có hộp mầu để vẽ em mơ trở thành nhà du hành vũ trụ... và nó luôn luôn xảy ra vào lúc trước tuổi dậy thì. Hình như nó biến dần đi khi đứng tuổi và xuất hiện lại vào tuổi già. Nguyên nhân của những giấc mơ khi thức thường khá rõ ràng. Đó là sự ích kỉ, những tham vọng, nhu cầu về quyền lực hay những ham muốn về tình yêu... Đằng sau những giấc mơ đó thường là mơ ước về sự thành đạt trong tình yêu nhất là đối với tuổi trẻ. Có những mơ mộng để lại dấu ấn sâu sắc và kéo dài. Lại có những mơ mộng chỉ thoáng qua và thay thế vào đó là những mơ mộng khác liên tục xảy ra theo thời gian. Những mơ mộng này thường là những gợi ý cho những sáng tạo nghệ thuật, nhất là tiểu thuyết và nói chung là cho văn học. Người ta luôn luôn tìm thấy hình ảnh người mơ mộng trong những nhân vật chính của tác phẩm hay dưới hình thức đã được hư cấu. Người ta gọi những mơ mộng này là những giấc mơ trong khi thức, vì nội dung của nó liên quan đến đời thực chẳng khác gì những giấc mơ thực sự khi ngủ. Cả hai loại đều gọi là những giấc mơ vì cả hai đều có một tính cách chung rất cơ bản, đó là những hoạt động tinh thần.

Tâm phân học giải thích về những giấc mơ trong khi ngủ do thôi miên, tức những giấc ngủ nhân tạo rằng giấc ngủ nhân tạo do thôi miên và giấc ngủ tự nhiên chẳng có sự khác biệt nào đáng kể vì cả hai trường hợp người ngủ đều tách khỏi cuộc sống xung

quanh. Trong giấc ngủ nhân tạo người ta gợi cho người bị thôi miên những vấn đề khác nhau tạo cho người đó một trạng thái như một giấc mơ trong các giấc ngủ bình thường. Người ta thấy rằng trạng thái tinh thần của người nằm mơ trong cả hai trường hợp đều giống nhau hoàn toàn. Chỉ có điều là trong giấc ngủ tự nhiên người ta thoát lì hoàn toàn đời sống bên ngoài. Còn trong giấc ngủ do thôi miên thì người nằm ngủ vẫn còn giữ lại duy có một mối liên hệ với người đang thôi miên mình. Theo Tâm phân học như thế cũng đủ để chúng ta khẳng định là giấc ngủ tự nhiên và giấc ngủ do thôi miên cùng có chung một đặc điểm quan trọng. Đặc điểm đó là *người ngủ biết rõ giấc mơ của mình nhưng lại không biết rằng mình biết* (ý thức).

Từ đó đặt ra cho Tâm phân học phải có một phương pháp, một kĩ thuật như thế nào để nắm được nội dung thực của những giấc mơ để cho người nằm mơ kể cho ta biết họ đã mơ những gì và ta chỉ nên căn cứ vào những lời kể của chính đương sự, dù cho những chuyện đó vô lí, ngờ nghệch, thiếu nhất quán như thế nào đi chăng nữa. Vì vậy, Freud viết:

"Để sửa chữa tính cách mơ hồ của những giấc mơ, chúng ta phải nói ngay là chúng ta chỉ coi là những giấc mơ những điều mà người nằm mơ kể lại cho chúng ta nghe thôi chứ không để ý đến việc người nằm mơ có thể nhớ không kĩ hay sửa đổi những điều anh ta nhớ lại"[1].

Phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học sẽ giúp chúng ta từ những lời kể của người nằm mơ mà có thể

[1] Sđd, tr. 94.

lần ra được những cảm tưởng, những sự việc xảy ra trong những ngày gần cũng như cách xa trước lúc nằm mơ. Thậm chí chúng ta còn giúp người đó nhớ lại được cả những kỉ niệm, những biến cố đã xảy ra với đương sự từ rất xa xưa. Điều đó hoàn toàn có thể thực hiện được bằng *sự tự do liên tưởng* của đương sự với sự giúp đỡ của nhà Tâm phân học. Sự giúp đỡ này không có gì khác là trò chuyện, gợi ý bắt đầu từ những lời kể lại của người nằm mơ, liên hệ với những kỉ niệm gần rồi từ những kỉ niệm gần liên tưởng đến những kỉ niệm xa xưa... Cuối cùng chúng ta biết được những cảm xúc đầu tiên (nguyên thủy) còn để lại trong kí ức đương sự. Trên cơ sở đó người ta biết được rõ ràng nội dung của những giấc mơ và nguyên nhân sâu xa dẫn đến việc hình thành giấc mơ với nội dung khá đầy đủ và rõ ràng. Bằng phương pháp và kĩ thuật trên, nhà Tâm phân học nắm được ý nghĩa và nội dung thực sự của những giấc mơ. Từ đó có thể kết luận rằng, giấc mơ cũng có một ý nghĩa sẽ được chứng minh. Freud viết:

"Một khi các hành vi sai lạc cũng có một ý nghĩa thì chẳng có gì ngăn cấm các giấc mơ cũng có một ý nghĩa và trong nhiều giấc mơ chúng ta đã thấy là quả thực chúng có ý nghĩa mà khoa học không tìm ra được. Vì vậy, chúng ta hãy công nhận làm của riêng của chúng ta cái quan niệm của người xưa về giấc mơ"[1].

Sự tự do liên tưởng có một giá trị rất cao, vì qua tự do liên tưởng nhà Tâm phân học không những chỉ biết được những liên quan gắn liền với những sự kiện,

[1] Sđd, tr 97.

những tình cảm ban đầu trong quá khứ mà còn biết được những ý tưởng phụ thuộc vào những tình cảm, những mặc cảm vô thức trong quá trình phát sinh. Nghĩa là nhờ sự tự do liên tưởng, người nằm mơ còn cho biết được những ý nghĩ, những tình cảm mà người đó không có khả năng tự nhớ lại được trong những lúc bình thường. Những ý tưởng đó đã trở thành vô thức mà người đó không hay biết. Nhờ đó mà Tâm phân học phát hiện ra những cái vô thức dằng sau nội dung của những giấc mơ. Đó là những ý tưởng do một lúc nào đó bị cấm đoán không thể biểu hiện ra được và bị dồn vào trong vô thức và đã thực sự trở thành cái vô thức.

Chúng ta biết rằng để thực hiện sự tự do liên tưởng nhà Tâm phân học phải trò chuyện với người bệnh bằng cách đặt ra nhiều câu hỏi khác nhau buộc đương sự phải trả lời liên tục. Những câu hỏi đó được xem như *những khích động* tác động đến đương sự và những câu trả lời của đương sự coi như những phản ứng tự nhiên trước những khích động do nhà Tâm phân học tạo ra. Trong số những phản ứng trở lại đó có những câu những ý được nói lên tức thời không kịp đắn đo, thực bất ngờ mà chính đương sự cũng không ý thức được. Nhờ đó nhà Tâm phân học nắm được những cái mà đương sự đã quên lãng từ lâu, những ý nghĩ, những tình cảm thực nhất đã bị dồn ép vào trong vô thức do một cấm đoán nào đó từ trước. Thời gian đối thoại càng ngắn bao nhiêu thì tính chân thực đó càng có ý nghĩa bấy nhiêu. Tất cả phụ thuộc vào phương pháp, vào kĩ thuật của nhà Tâm phân học, vào "mẹo" của nhà nghiên cứu nhưng phải bảo đảm cho được sự tự do liên tưởng, tuyệt đối không được nghĩ

hộ hoặc trả lời thay dương sự dưới bất cứ một hình thức nào như "vẽ đường cho hươu chạy" hay cài "bẫy" hoặc "ép cung", "mớm cung"...

Sự khảo sát về giấc mơ của Tâm phân học đến đây cho chúng ta biết được hai điều:

1/. Những yếu tố tạo thành giấc mơ là những cái mơ hồ không xác thực. Nó chỉ giữ vai trò thay thế cho một cái gì đó có thực mà người nằm mơ "có biết nhưng lại không biết là mình biết" và nó đã tiềm tàng từ trước, trong lòng đương sự.

2/. Kĩ thuật tự do liên tưởng phải được *tự do vận hành* để giúp cho chúng ta tìm ra nội dung vô thức của giấc mơ như thế nào.

Quá trình khảo cứu Tâm phân học tới đây đã dẫn dắt chúng ta từ những hành vi sai lạc đến một phần trong giấc mơ và đã đưa chúng ta tiếp cận trực tiếp với đối tượng của môn học là cái vô thức. Vì Tâm phân học chưa cho chúng ta biết cái cơ chế tổ chức hoạt động và vai trò hoạt động của nó một cách đầy đủ nên Freud đề nghị với chúng ta tạm dùng danh từ cái vô thức thay cho danh từ *ẩn náu, không biết được, không xác thực*. Những danh từ này thực ra đã nói lên những đặc điểm cơ bản của cái vô thức. Freud viết:

"Bây giờ chúng tôi đề nghị thay đổi một chút về những danh từ đang dùng để cho sự hoạt động được tự do hơn. Đáng lẽ nói ẩn náu, không biết được, không xác thực, chúng ta nói vô thức hay không vào được trí thức người nằm mơ... Trong giấc mơ chỉ có những gì không được ý thức trong một thời gian. Để đối lập với tính

cách vô thức giới hạn trong thời gian này, những yếu tố của giấc mơ và những hình dung dùng để thay thế do sự liên tưởng đặt ra sẽ được gọi là hữu thức (ý thức)... Người ta quả không thể chê trách gì chúng ta khi chúng ta dùng chữ vô thức để diễn tả cho thực dụng và cho dễ hiểu"[1].

Việc bước đầu tìm hiểu giấc mơ theo quan điểm của Tâm phân học cho phép chúng ta sơ bộ rút ra kết luận sau:

Giấc mơ hình thành là do sự hoạt động của một cái gì đó mà người nằm mơ biết nhưng lại không hay biết điều đó. Đó là một biến cố mà người nằm mơ biết rất rõ và đã xảy ra từ trước đó nhưng đến nay người nằm mơ lại không hay biết vì bị cấm đoán (nguyên nhân xã hội) không thể thực hiện được (không được thỏa mãn) nên đã bị đẩy vào trong kí ức và đã trở thành cái vô thức. Trong khi đương sự ngủ, cái vô thức đó lợi dụng thời cơ xuất hiện để tự thỏa mãn trong giấc mơ. Vì là sự thỏa mãn trong lén lút và vẫn còn vấp phải một sự cấm đoán nào đó có thể là rất yếu hơn khi thức nên nó xuất hiện trong giấc mơ với bộ mặt đã được biến đổi đi một phần. Tâm phân học gọi đó là sự biến dạng. Nó không phải là nội dung thực sự của giấc mơ. Nó chỉ là *những hình dung thay thế* cho nội dung thực của giấc mơ và cũng là hình dung thay thế của cái vô thức trong giấc mơ.

Như vậy, động lực hình thành giấc mơ cũng là cái vô thức đã bị biến dạng dưới hình dung thay thế. Nhờ tự do liên tưởng mà Tâm phân học đã giúp đương sự tìm thấy đằng sau những hình dung thay thế nội dung thực sự

[1] Sđd, tr. 132.

của giấc mơ. Nội dung thực này với những tình cảm thực đã bị dồn vào trong vô thức và đã thực sự trở thành cái vô thức mà đương sự biết nhưng lại không biết nó cụ thể là gì. Do đó Tâm phân học tìm cách giải thích giấc mơ chính là để tìm ra cái vô thức, cái có vai trò động lực và là nội dung thực của mọi giấc mơ. Freud viết:

"Nếu chúng ta mở rộng quan niệm từ một yếu tố đơn độc của giấc mơ đến toàn thể giấc mơ, chúng ta sẽ thấy giấc mơ là một hình thức đã được sửa đổi của một biến cố vô thức và sự giải thích giấc mơ có mục đích tìm ra cái vô thức này"[1].

Phương pháp và kĩ thuật của Tâm phân học là thông qua tự do liên tưởng để giúp đương sự tìm ra động lực và nội dung chính của giấc mơ, *là quá trình biến cái vô thức thành hữu thức*. Nghĩa là từ chỗ đương sự không hay biết gì đến chỗ biết rõ được những biến cố đã quên, những cảm xúc đã trải qua trong cuộc sống thực của họ trước đây. Trường hợp phương pháp trên không có hiệu quả thì có thể nhà Tâm phân học thực hiện chưa tốt, có thể gặp một đương sự cố tình từ chối sự giúp đỡ hay do một nguyên nhân nào khác thì những điều nhà Tâm phân học thu được sẽ không xác thực và như vậy nó lại bị biến dạng một lần nữa. Điều đó sẽ làm cho việc giải thích giấc mơ, tìm ra cái vô thức trở nên khó khăn hơn, phức tạp hơn nhiều.

Chúng ta hãy tạm chưa bàn đến phương pháp của nhà Tâm phân học có thiếu sót gì ở đây mà hãy xem xét kĩ những khó khăn do đương sự gây ra vì vai trò chính

[1] Sđd, tr 132.

trong việc giải thích những giấc mơ bao giờ cũng phụ thuộc vào đương sự. Vì vậy, chúng ta hãy tìm hiểu xem những khó khăn đó là khó khăn gì và nguyên nhân của những khó khăn đó. Chúng ta có thể chia những khó khăn đó làm hai loại:

1/. Những khó khăn do đương sự biết, nhưng có ý định không hợp tác với nhà Tâm phân học vì nhiều lí do khác nhau trong đó có những điều thầm kín nhất mà như người ta thường gọi "sống để bụng chết mang đi". Những khó khăn này không phải là dễ khắc phục. Tuy nhiên đối với những nhà Tâm phân học thì đây vẫn không phải là những khó khăn gai góc nhất.

2/. Những khó khăn nẩy sinh trong quá trình tìm cách giải thích giấc mơ mà đương sự không hay biết. Đây là những khó khăn gay go nhất nhưng muốn giải thích đúng đắn những giấc mơ nhất thiết các nhà Tâm phân học phải vượt qua cho được.

Đối với loại khó khăn thứ nhất nhà nghiên cứu đã biết rõ nên sớm hay muộn cũng sẽ khắc phục được. Còn đối với loại khó khăn thứ hai nhà Tâm phân học cũng chưa nắm được nên điều quan trọng là phải biết được những khó khăn đó là gì.

Qua nhiều thử nghiệm Tâm phân học đã đi đến kết luận là những khó khăn loại thứ hai mà đương sự không hay biết chính là bị *những khuynh hướng* nào đó chống đối lại, kìm hãm không cho cái vô thức tức nội dung thực của giấc mơ hiện ra rõ ràng. Đó chính là nguyên nhân của những biến dạng trong giấc mơ.

Sự biến dạng này nhiều hay ít tuỳ thuộc vào mức độ chống đối. Nếu là sự chống đối quyết liệt thì khoảng

cách giữa nội dung thực của giấc mơ và những biến dạng của nó tức những hình dung thay thế là rất xa nhau. Trường hợp này có một sự biến dạng rất lớn và đương sự rất khó xác định đâu là nội dung thực. Nếu là sự chống đối nhỏ thì khoảng cách giữa nội dung thực của giấc mơ và những hình dung thay thế được giảm đi nhiều và việc tìm ra nội dung thực của giấc mơ tức cái vô thức bớt được rất nhiều khó khăn. Như vậy, rõ ràng là việc xác định cái chống đối là cái gì không phải chỉ dừng lại ở chỗ biết được diện mạo của nó, mà chính là để tìm ra cái bị chống đối, cái bị kìm hãm, tức nội dung thực của giấc mơ, tức cái vô thức. Cho nên Tâm phân học phải lấy việc tìm ra nội dung thực của giấc mơ tức cái bị kìm hãm, cái bị chống đối là nhiệm vụ phải đạt cho được, vì đó là đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học, tức cái vô thức.

Từ những nghiên cứu ở trên, Tâm phân học giới thiệu với chúng ta hai khái niệm hay hai danh từ mới. Đó là *nội dung rõ ràng* và *ý tưởng tiềm ẩn, tiềm tàng*. Freud viết:

"Chúng ta sẽ gọi là nội dung rõ ràng của giấc mơ những điều người ta kể cho ta nghe về giấc mơ, và gọi là ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ những điều người ta dấu không nói đến hay ẩn náu trong giấc mơ, những ý tưởng mà chúng ta muốn tìm hiểu khi phân tích những ý tưởng gặp trong đó"[1].

Từ đó Tâm phân học cho chúng ta biết rằng: nội dung chính của giấc mơ, cái vô thức trong giấc mơ là trung tâm điểm của mỗi giấc mơ lại không hiện ra

[1] Sđd, tr 141.

trong nội dung rõ ràng và gây ra những thay đổi mạnh trong những cảm giác mà giấc mơ để lại trong tâm trí mỗi chúng ta. Điều đó nói lên việc tìm ra cái vô thức trong giấc mơ, cái tiềm ẩn ấy không đơn giản chút nào và nhiều khi nhà Tâm phân học phải đi những bước quanh co.

Để giúp cho phương pháp Tâm phân học thực sự khoa học, có thể giúp chúng ta tìm hiểu giấc mơ nói chung và trung tâm điểm của mọi giấc mơ là những ý tưởng vô thức một cách có hiệu quả. Tâm phân học còn nghiên cứu những giấc mơ của trẻ em. Những kết quả thu lượm được qua việc nghiên cứu những giấc mơ của trẻ em sẽ giúp chúng ta một bước quan trọng trong việc tìm hiểu giấc mơ nói chung và cuối cùng nắm được những ý tưởng vô thức trong giấc mơ một cách xác thực hơn, đáng tin cậy hơn.

Tâm phân học quan niệm những giấc mơ của trẻ em là những giấc mơ của *các em đã bắt đầu có những hoạt động tinh thần.* Các em này vào khoảng bốn, năm tuổi. Giấc mơ vào tuổi này mới đầy đủ những đặc tính của giấc mơ trẻ em. Nhưng đặc tính này còn thấy xuất hiện trong các giấc mơ của các em lớn tuổi hơn thậm chí còn thấy trong các giấc mơ của người lớn.

Vì thế hiểu được những đặc tính của những giấc mơ của trẻ em, chúng ta sẽ có một cơ sở đáng tin cậy trong việc tìm hiểu tính chất của giấc mơ nói chung mà chúng ta đang quan tâm. Để từ đó có cơ sở tiếp tục làm rõ vai trò của cái vô thức.

Trước hết, Tâm phân học cho rằng, những giấc mơ của trẻ em là những giấc mơ ngắn ngủi, rõ ràng trọn

vẹn, dễ hiểu ít gây những sự hiểu lầm. Đó cũng là những giấc mơ đầy đủ những đặc tính của một giấc mơ thực sự.

Để hiểu được giấc mơ của trẻ em, Tâm phân học đề ra những điều cần chú ý sau đây và cũng có thể xem là những kết luận bước đầu.

1/. Như đã nói ở trên, giấc mơ của trẻ em là những giấc mơ rõ ràng, dễ hiểu, nên không cần phải có một phương pháp gì đặc biệt, một kĩ thuật gì phức tạp để giải thích. Cần tránh không nên đặt ra những câu hỏi với các em khi các em đang kể lại giấc mơ của mình. Nhưng người nghe có nhiệm vụ trên cơ sở những điều các em kể, bổ sung thêm bằng những tài liệu có liên quan về những điều mà các em đã kể vì trong giấc mơ của trẻ em bao giờ cũng có *một sự việc xảy ra lúc thức tham dự vào*. Freud giới thiệu với chúng ta một vài ví dụ dưới đây. Những ví dụ này cũng không có gì xa lạ với trẻ em nói chung.

a/. Một em bé 22 tháng tuổi phải mang biếu một người quen thân của gia đình một giỏ anh đào. Quả thực chú bé chẳng muốn làm chút nào, tuy người ta đã hứa làm xong người ta sẽ cho chú một chút anh đào. Sáng hôm sau chú kể lại rằng đã nằm mơ thấy mình chén hết những quả anh đào đó.

Như thế là chú bé đã được thỏa mãn mong muốn của chú trong giấc mơ mà trong lúc thức chú không thực hiện được.

b/. Một em bé khoảng ba, bốn tuổi được đi chơi trên biển. Khi cuộc chơi kết thúc em khóc nức nở vì không

muốn rời con tàu để lên bờ. Hôm sau em kể lại em nằm mơ được đi chơi trên biển. Nhà nghiên cứu cần bổ sung thêm cho rõ mong muốn của em là được đi chơi trong giấc mơ lâu hơn nữa, lâu hơn cuộc đi chơi lúc ban ngày. Một lần nữa mong muốn của em bé này được thỏa mãn trong giấc mơ mà lúc thức không được thực hiện.

2/. Giấc mơ của trẻ em cũng có ý nghĩa nào đó. Ý nghĩa này cũng không là cái gì khác ý nghĩa tinh thần. Những hoạt động tinh thần này rất rõ trong giấc mơ, trong khi đó thì ở người lớn lại có những phản ứng khác nhau làm cho giấc mơ không yên vì người lớn khi đi ngủ còn vương vấn nhiều vấn đề của cuộc sống. Trái lại, giấc ngủ của trẻ em thường say, sâu hơn vì ở chúng ít còn những vương vấn của cuộc sống khi thức.

3/. Những giấc mơ trẻ em dễ hiểu rõ ràng không có biến dạng nên không cần phải phân tích nhiều. Nội dung rõ ràng và ý tưởng tiềm ẩn ở đây chỉ là một. Vậy sự biến dạng không phải là đặc tính tự nhiên chung của mọi giấc giấc mơ. Tuy nhiên cũng có một khác biệt nho nhỏ không đáng kể giữa nội dung rõ ràng và ý tưởng tiềm ẩn trong giấc mơ của trẻ em.

4/. Giấc mơ trẻ em là một phản ứng của một biến cố trong ngày mà trẻ em chưa được thỏa mãn. Giấc mơ đã đưa đến cho trẻ sự thỏa mãn không cần che giấu mong muốn ban ngày. Đối với trẻ thì điều làm cho chúng ngủ không yên là vì sự thỏa mãn ban ngày của nó chưa được thực hiện. Những giấc mơ chính là sự phản ứng đó và làm cho các em ngủ ngon. Còn người lớn không ngủ ngon được là do những khích động cả về thể xác và tinh thần phá rối.

5/. Muốn ngủ yên thì phải làm thế nào khắc phục được những khích động kể trên và chính giấc mơ có nhiệm vụ đó. Như vậy, không phải như người ta thường nghĩ là giấc mơ phá giấc ngủ mà trái lại, chính giấc mơ lại có nhiệm vụ bảo vệ giấc ngủ bằng cách khắc phục mọi khích động. Giấc mơ có nhiệm vụ bảo vệ giấc ngủ nhưng để bảo vệ nó cũng gây ra một vài tác động nào đó làm cho người nằm ngủ không được yên hoàn toàn. Ví dụ như đối với người gác, để bảo vệ an ninh trong đêm phải ngăn chặn những kẻ làm mất trật tự, kẻ gây rối, do đó cũng gây ra những ồn ào nhất định, làm cho sự yên tĩnh cũng không được trọn vẹn nữa.

6/. Mong muốn chưa được thực hiện chính là những khích động trong giấc mơ. Sự thực hiện mong muốn này chính là nội dung của giấc mơ. Đó là một trong những tính cách cơ bản của giấc mơ. Giấc mơ còn diễn tả một mong muốn đã được thực hiện nhưng trong ảo giác. Giấc mơ chẳng có gì khác là sự biến đổi một ý nghĩ, một mong muốn thành một biến cố sống động trong ảo giác. Freud quả quyết rằng sự khích động trong giấc mơ bao giờ cũng là một mong muốn chứ không phải là một lo nghĩ, một dự tính hay một điều trách móc Cũng chính điều khẳng định trên của Freud đã làm không ít người băn khoăn. Và cho đến nay tính thuyết phục của nó trong những luận điểm của Freud vẫn chưa làm hài lòng nhiều người.

7/. Trong những hành vi sai lạc, chúng ta phân biệt hai khuynh hướng: khuynh hướng đi gây rối và khuynh hướng bị gây rối. Sau đó có một sự dung hoà, nếu có thể gọi như vậy giữa hai khuynh hướng này, bằng một sự lỡ

lời hay viết lỡ... Trong giấc mơ sự việc cũng xảy ra tương tự như những hành vi sai lạc. Trong các giấc mơ, khuynh hướng bị gây rối là muốn đi ngủ. Còn khuynh hướng đi gây rối chính là sự khích động tinh thần, nghĩa là muốn được thoã mãn một nhu cầu nào đó. Vì thế, giấc mơ cũng là một sự dung hoà giữa hai khuynh hướng: khuynh hướng muốn ngủ và khuynh hướng muốn được thỏa mãn một nhu cầu nào đó, một khát vọng nào đó. Người ta có thể coi đó là một sự thỏa mãn nửa vời đồng thời cũng diễn ra một sự cấm đoán nửa vời. Đó là sự điều chỉnh, sự dàn hoà, sự thỏa hiệp giữa hai khuynh hướng.

8/. Chúng ta đã biết giấc mơ khi thức không có gì khác là sự thực hiện những mong muốn về tham vọng hay tình yêu. Những mong muốn đó chỉ là những ý nghĩ thuần tuý chứ không thể hiện bằng hình ảnh ảo giác của đời sống tinh thần. Trong ngôn ngữ, thông thường danh từ giấc mơ cũng chỉ nói lên những ước muốn, ước ao một cái gì đó Giấc mơ khi ngủ cũng thực hiện một ham muốn và là kết quả của sự loại trừ những khích động về tinh thần. Như vậy, mọi giấc mơ kể cả những giấc mơ khi thức cũng chỉ nhằm để thỏa mãn những ham muốn, những khát vọng mà thôi. Dân gian có biết bao câu nói như: "con lợn mơ cám"; "mèo mơ chuột"; "gà mơ thóc"; "đẹp như mơ"; "đó là điều nằm mơ cũng không thấy" là những minh chứng rõ ràng nhất cho những điều khẳng định trên... Chúng ta chưa biết đúng sai đến đâu nhưng Freud quả quyết rằng chưa bao giờ có những giấc mơ trong đó có những chú lợn mơ bị thọc tiết.

Những kết luận nói trên đã giúp cho Tâm phân học

rút ra những thuyết đề mà Freud cho đó là những điều mới mẻ chưa thấy nói tới ở bất cứ một công trình nào đã có ít ra cũng tính đến thời điểm trên. Ông viết:

"Có điều khó hiểu là tại sao từ trước tới nay những nhà nghiên cứu về giấc mơ không hề để ý rằng nhiệm vụ chính của giấc mơ là thực hiện một ham muốn. Họ quả có để ý đến đặc tính này nhưng không một ai có ý nghĩ công nhận rằng đó chính là một tính chất có tính cách bao quát và dùng làm khởi điểm cho việc giải thích các giấc mơ. Tôi hiểu điều gì đã ngăn cản họ làm thế"[1].

Bên cạnh những giấc mơ mà Tâm phân học quan tâm như là một hiện tượng có ý nghĩa, một hiện tượng tinh thần mang tính ảo giác là sự thực hiện một ham muốn còn có những giấc mơ do những nhu cầu về cơ thể gây ra và cũng để thỏa mãn ham muốn. Nguồn gốc của những giấc mơ này là do những khích động về nội tạng gây ra. Còn những ham muốn mà những giấc mơ này (khích động về cơ thể) mong muốn là thỏa mãn đói, khát và có khi cả tình dục. Những giấc mơ này hầu như không có sự biến dạng. Nó giống như những giấc mơ của trẻ em. Đối với loại giấc mơ này chúng ta không cần dùng đến phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học. Loại giấc mơ này cũng nhằm thỏa mãn những nhu cầu thực trong đời sống với những sinh hoạt thiếu thốn cực khổ. Trong cuốn *Antartique* (cuốn I, tr. 336) Otto Nordenskjold nói về những người trong đoàn thám hiểm như sau:

"Những giấc mơ của chúng tôi nhiều hơn bao giờ hết, đầy ý nghĩa ở chỗ bao giờ chúng cũng cho biết lòng

[1] Sđd, tr.155.

ham muốn của chúng tôi hướng về cái gì. Ngay cả những người xưa nay ít nằm mơ cũng thường kể cho chúng tôi nghe những giấc mơ rất dài vào những buổi sáng mỗi khi chúng tôi họp mặt nhau lại để trao đổi những kinh nghiệm mới nhất trong việc khảo sát trí tưởng tượng. Những giấc mơ này đều liên quan đến thế giới bên ngoài lúc đó ở xa chúng tôi hàng ngàn dặm nhưng cũng liên quan đến đời sống hiện thời của chúng tôi. Những giấc mơ đó luôn xoay quanh vấn đề ăn uống... Nhưng mọi người đều dễ dàng hiểu là giấc ngủ của chúng tôi được chúng tôi hoan nghênh ghê gớm lắm vì chúng đã cho chúng tôi điều ham muốn của lòng mình".

Một đoạn khác Freud trích những dòng của Du Prel như sau:

"Mungo Park trong một chuyến đi du lịch Châu Phi trong khi bị đói lả vẫn nằm mơ đến những thung lũng và đồng cỏ xanh um nơi quê hương. Trenck bị đói cũng nằm mơ thấy mình ngồi trong một nhà hàng trước một bàn đầy thứ ăn ngon. George Back người dự vào cuộc thám hiểm đầu tiên của Frankelin luôn luôn và đều đặn nằm mơ thấy mình được ăn những bữa ăn linh đình và sau này chính ông vì quá thiếu thốn đã chết vì đói ".

Cũng giống như vậy đối với việc thỏa mãn tình dục về phương diện sinh lí. Nhưng dù sao Freud vẫn cứ đặt cho Tâm phân học phải tiếp tục tìm hiểu sự thỏa mãn tình dục trong những giấc mơ loại này để xem bên cạnh những khích động về cơ thể, về sinh lí có còn sự khích động tinh thần nào nữa không và cần phải được làm rõ.

Theo quan niệm của Tâm phân học thì loại giấc mơ này (khích động về cơ thể) không giúp được gì, hoạ

chăng giúp được rất ít cho Tâm phân học nhưng nó cũng có tác dụng giúp cho giấc ngủ được yên dù cho những khích động này luôn tìm cách phá rối giấc ngủ. Trong những giấc mơ mà nhu cầu nhẹ hơn thì tác dụng của giấc mơ cũng yếu đi.

Trình bầy những dòng trên để một lần nữa chúng ta phân biệt *những nhu cầu sinh lí mang tính bản năng trong đó có cả vấn đề tình dục với những ham muốn có ý nghĩa tinh thần mà Tâm phân học nghiên cứu.* Nói cụ thể hơn *tình dục trong Tâm phân học là một ham muốn mang một ý nghĩa tinh thần, là một hoạt động tinh thần do những khích động chủ yếu là tinh thần gây ra.* Những giấc mơ mà Tâm phân học nghiên cứu là những giấc mơ biến dạng nhiều do những khuynh hướng tinh thần với tư cách là những hoạt động tinh thần làm động lực. Sự biến dạng trong giấc mơ trở thành trở lực chính trong việc nghiên cứu giấc mơ và nhiệm vụ của Tâm phân học là phải áp dụng phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học để làm rõ thực chất của những biến dạng này cũng như nội dung bên trong những biến dạng đó.

Trên cơ sở đã được Tâm phân học trình bầy ở trên, Freud đưa ra một giải thích hay có thể coi là một định nghĩa về giấc mơ như sau:

"Giấc mơ là một phương tiện tiêu huỷ những sự khích động (tinh thần) quấy rối giấc ngủ, sự tiêu huỷ này được tiến hành nhờ sự thỏa mãn có tính cách ảo giác"[1].

Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu xem Tâm phân học

[1] Sđd, tr 161.

giải thích những biến dạng trong giấc mơ như thế nào để biết một cách cụ thể hơn nguồn gốc, nội dung và hình thức của giấc mơ. Đồng thời qua đó biết thêm thế nào là Tâm phân học với tư cách là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị một số bệnh tâm thần.

Trước hết, theo Tâm phân học, muốn biết thực chất mọi biến dạng trong giấc mơ thì phải từ nội dung rõ ràng mà biết được ý tưởng tiềm ẩn, vì chính nội dung rõ ràng là sự biến dạng của ý tưởng hay còn gọi là nội dung tiềm ẩn.

Mọi sự biến dạng của giấc mơ (nội dung rõ ràng tức lời kể của đương sự) đều có một đặc tính chung là kì lạ khó hiểu.

Vậy vì sao lại có sự biến dạng trong giấc mơ làm cho nội dung thực tức những ý tưởng tiềm tàng không thể biểu hiện ra một cách trực tiếp mà phải thông qua nội dung rõ ràng và chính nội dung rõ ràng này là sự thể hiện kì lạ khó hiểu của nội dung thực của các giấc mơ, gây ra nhiều khó khăn trong việc giải thích ý nghĩa thực sự của các giấc mơ.

Sở dĩ có tình trạng trên là do *có một sự kiểm duyệt* nào đó không cho nội dung thực (tiềm ẩn, tiềm tàng) trong các giấc mơ được biểu hiện ra một cách trực tiếp, dễ hiểu và gần gũi, ai cũng có thể nhận ra được một cách dễ dàng.

Khi nghe người nằm mơ kể lại giấc mơ của mình, nhà Tâm phân học phát hiện ra những câu, chữ, đoạn lạc lõng, vô nghĩa, khó hiểu xen lẫn vào những đoạn khác mạch lạc, dễ hiểu chính là những đoạn đã bị kiểm duyệt. Hoặc có những hình ảnh vô nghĩa khó hiểu bên

cạnh những hình ảnh rõ ràng rất hợp lí trong câu chuyện cũng là những chỗ bị kiểm duyệt. Và trong chuyện kể có những chỗ đứt đoạn đột ngột làm cho mạch kể trở thành thiếu mạch lạc, thiếu chặt chẽ, cụt ngủn cũng là do sự kiểm duyệt ví như trong một bức thư bị kiểm duyệt, một bài báo bị kiểm duyệt. Chúng ta biết rằng một bức thư hay một bài báo bị kiểm duyệt, người ta thường để một đoạn trống dài ngắn tuỳ theo độ dài ngắn của phần đã bị kiểm duyệt và thay vào đó là một loạt dấu chấm hay khoảng trắng.

Nói tóm lại khi nghe người nằm mơ kể về giấc mơ của mình thì tất cả những chỗ không rõ ràng, lơ mơ, vô nghĩa, cụt ngủn... đều là những đoạn đã bị kiểm duyệt và thay vào đó là những đoạn cụt ngủn bất ngờ, những câu chữ ngớ ngẩn hay những hình ảnh có tính cách tượng trưng.

Phải nói ngay rằng dù sự kiểm duyệt có gay gắt, chặt chẽ đến đâu cũng không thể làm mất hẳn ý chính của nội dung giấc mơ. Đây là sự kiểm duyệt như các nhà Tâm phân học gọi là một sự kiểm duyệt tế nhị, kín đáo chứ không phải là cách kiểm duyệt quá lộ liễu, thô bạo hoặc quá đơn giản, ngây thơ. Sự kiểm duyệt trong giấc mơ chỉ có tính cách làm dịu đi những sự khác biệt, chỉ thay đổi đi một chút nào đó nhưng vẫn thể hiện được những ý chính, nội dung chính.

Một sự biến dạng khác làm cho nhà nghiên cứu khó nhận ra được nội dung chính của giấc mơ khi sự kiểm duyệt làm cho những ý chính của giấc mơ *tập trung theo một hướng khác* nhiều khi khá xa hướng chính làm cho ngay cả người nằm mơ cũng khó giải thích được,

thậm chí cũng không thể hiểu được nữa. Gặp trường hợp này cũng không phải không nói với chúng ta một điều gì liên quan đến nội dung thực của giấc mơ. Bản thân khái niệm kiểm duyệt đã hàm một ý là cắt xén đi chứ không loại trừ toàn bộ nội dung của giấc mơ.

Nói một cách khác dù cho sự kiểm duyệt có đa dạng đến đâu cũng không vượt ra ngoài ba hình thức chính là *thiếu sót, thay đổi* và *tập trung* các yếu tố trong giấc mơ và cũng được coi là những kết quả của sự kiểm duyệt trong giấc mơ. Freud viết:

"Thiếu sót, thay đổi và tập trung các yếu tố, đó chính là ba kết quả của kiểm duyệt và sự biến dạng của giấc mơ"[1].

Từ đó chúng ta có thể đi đến kết luận rằng kiểm duyệt chính là nguyên nhân của mọi biến dạng trong giấc mơ.

Nhưng kiểm duyệt do cái gì gây ra và cuối cùng dẫn đến sự biến dạng. Đó là sự đấu tranh giữa những khuynh hướng đối lập nhau mà Tâm phân học gọi là sự chống đối. Sự chống đối này do có cường độ mạnh yếu khác nhau mà dẫn đến sự kiểm duyệt nhẹ hay gay gắt và cuối cùng dẫn đến những biến dạng nhiều hay ít. Gặp cường độ chống đối mạnh sẽ biến dạng nhiều và sẽ khó khăn nhiều trong việc tìm ra nội dung đích thực của giấc mơ. Trái lại, khi sự chống đối có cường độ nhẹ tất nhiên dẫn đến sự biến dạng ít hơn, đỡ khó khăn rất nhiều cho việc giải thích các giấc mơ.

Để làm việc này Tâm phân học vẫn thực hiện một

Sđd, tr 166

nguyên tắc chung là sự tự do liên tưởng để tìm ra nội dung thực ẩn giấu trong nội dung rõ ràng, mà thực chất là những biến dạng trong giấc mơ thông qua lời kể của đương sự. Vì vậy, Freud viết:

"Sự chống đối này đúng như chúng ta đã nói, có thể thay đổi cường độ, khi thì mạnh vô cùng, khi thì chả có nghĩa lí gì. Khi sự chống đối yếu chúng ta có rất ít công việc phải làm, nhưng khi cường độ mạnh chúng ta phải đi theo một dẫy dài các sự liên tưởng làm cho ta ngày càng xa những yếu tố của giấc mơ, trong khi phải đối phó với biết bao nhiêu khó khăn xuất hiện dưới hình thức của những ý tưởng bài bác, phê bình chống đối lại những ý tưởng dột nhiên xuất hiện có dính dáng đến giấc mơ. Sự chống đối này chỉ là hậu quả của sự kiểm duyệt trong giấc mơ nên chúng ta phải khảo sát cẩn thận. Chúng ta thấy ngay rằng nhiệm vụ của sự kiểm duyệt không phải chỉ gây ra sự biến dạng trong giấc mơ mà còn liên tục giữ cho sự biến dạng đó tồn tại"[1].

Chúng ta đã thừa nhận sự chống đối giữa những khuynh hướng là nguyên nhân của mọi sự biến dạng mà trước hết là những sự kiểm duyệt trong giấc mơ. Vậy những khuynh hướng đó là những khuynh hướng nào. Đó là những khuynh hướng nhằm thỏa mãn những ham muốn một bên và những khuynh hướng chống lại nó một bên. Những khuynh hướng nhằm thỏa mãn những ham muốn là những khuynh hướng mà người nằm mơ coi là của riêng mình trong khi thức, hợp với mình và thường là cái mà người đời coi là xấu xa, vô

[1] Sđd. tr. 167 - 168

luân, là những quả cấm ví dụ như sự loạn luân hay nói chung cái mà Freud gọi là tình dục sa đoạ. Thậm chí là tất cả những gì xã hội coi là trái với dư luận chung, trái với những suy nghĩ chung của người đời kể cả những cái nếu xét về bản chất nó chẳng có gì là trái với luân thường đạo lí chính đáng của con người. Những trái cấm đó có thể là vô liêm sỉ nhưng nói chung là biểu hiện của tính ích kỉ vô bờ bến của con người. Đó là những khuynh hướng cần phải bị xã hội kiểm duyệt và dù có khéo léo che giấu đến đâu đi chăng nữa nó vẫn đại diện cho những khát khao của người nằm mơ, của cái Tôi trong giấc mơ và trong giấc ngủ nói chung. Vì thế theo sự phân tích của Tâm phân học thì việc kiểm duyệt những khuynh hướng vô luân này là một việc làm cần thiết và cấp bách. Đây là những khuynh hướng đi ngược lại nền văn hoá xã hội nói chung cũng như nền luân lí xã hội nói riêng. Cũng vì thế mà người đời còn cho rằng chỉ nghĩ đến nó cũng đã phát tởm lên rồi. Do đó, những khuynh hướng này không thể thực hiện được khi thức và nếu đâu đó có xảy ra thì trước mắt xã hội nó chỉ là một trọng tội. Đó là những khuynh hướng mà người đời gọi là những khuynh hướng chống lại nền giáo dục xã hội. Cũng vì thế chúng là những trái cấm trong đời thường, là bản năng chống lại sự kìm kẹp của nền luân lí xã hội. Vì là trái cấm nên chỉ có thể được thực hiện lén lút trong giấc mơ mà chỉ một mình người nằm mơ biết thôi. Và khi nhà Tâm phân học thông qua lời kể của đương sự, thực hiện sự tự do liên tưởng để người nằm mơ thấy điều đó thì họ phản đối kịch liệt, Điều đó nói lên tính chất vô đạo đức mà khi thức chính

người nằm mơ cũng phản đối kịch liệt cũng lên án. Đồng thời nó cũng nói lên là người nằm mơ không có ý thức gì đối với giấc mơ của chính mình. Nó như một cái gì xa lạ từ đâu đó xâm nhập vào họ làm cho chính họ cũng ngỡ ngàng, nhưng lại chính là những ý tưởng của bản thân đương sự đã từng xuất hiện một cách có *ý thức* hẳn hoi vào một lúc nào đó từ lâu về trước nhưng đã rơi vào trong quên lãng. Freud viết:

"Những đoạn nào tục tĩu trong giấc mơ thường được thay thế bằng những tiếng xì xào, sự việc đó chẳng đã chứng tỏ rằng chính người nằm mơ cũng kết án những hành vi đó sao"[1] và:

"Khi chúng ta cho những người nằm mơ biết họ có những ham muốn và khuynh hướng gì đã tìm ra được trong khi giải thích giấc mơ thì bao giờ họ cũng phản đối kịch liệt"[2].

Đọc những đoạn trên của chính Freud viết, chúng ta sẽ suy nghĩ gì về những trang lên án Tâm phân học và Freud là tôn thờ chủ thuyết khoái lạc, thả lỏng tình dục bản năng, dâm ô đồi trụy đâu đó trên những trang viết của một số người về Tâm phân học hay có liên quan đến Tâm phân học. Những bài viết đó không phải bây giờ mới có mà ngay khi còn sinh thời Freud đã là nạn nhân của sự chống đối bất công đó. Nào là tại sao dám mô tả con người một cách xấu xa như vậy, tại sao lại xem vấn đề tình dục như nơi những loài cầm thú... Để đáp lại sự chống đối đó, Freud đề nghị mỗi người

[1] Sđd, tr 168 - 169.
[2] Sđd, tr 170 - 171.

trong chúng ta hãy một lần nữa lấy ngay chính bản thân mình ra làm một cuộc thử nghiệm, tự mổ xẻ chính mình một cách thành thực. Điều đó có vẻ kinh tởm thực đấy nhưng cái quan trọng là nó có thực và ông dẫn lời của Charcot, một thầy học nổi danh mà ông đã từng thụ giáo như sau: " Điều đó (sự kinh tởm) không ngăn cản việc chúng có thực"[1].

Hơn nữa những điều mà Tâm phân học phát hiện ra trong giấc mơ theo Freud đã chẳng xuất hiện trong cuộc sống thực đó sao.

Ông viết: "Các bạn không biết rằng những sự quá đáng, những sự dâm bôn mà chúng ta mơ màng ban đêm thường xảy ra hàng ngày có khi đưa đến chỗ phạm tội đối với những người thức hẳn hoi đó sao? Môn Tâm phân học phải chăng chẳng làm gì khác hơn là khẳng định câu cách ngôn của Platon cho rằng những người tốt là những người chỉ làm trong giấc mơ những điều mà những người xấu thường làm trong lúc thức đó sao"[2].

Tâm phân học thừa nhận sự có thực của những khuynh hướng tình dục quá đáng, xấu xa, ghê tởm nhưng không phải để ca ngợi nó, chiêm ngưỡng nó mà còn thừa nhận cả những khuynh hướng khác chống lại nó như nền luân lí xã hội và nếu cần phải kể cả đến phong tục tập quán và pháp luật nữa. Chính vì sự cấm đoán này mà đã làm cho những khuynh hướng đó khó thực hiện trong đời thường. Vai trò của nền văn hoá xã hội đến đâu, chỗ nào được, chỗ nào chưa được, Tâm

[1] Sđd, tr 172.
[2] Sđd, tr 173.

phân học có quan niệm riêng của mình nhưng nói chung là cần phải có và cũng cần được tôn trọng.

Tâm phân học còn tính đến vai trò của cái Tôi như là một khuynh hướng vô cùng quan trọng trong việc chống lại những khuynh hướng tình dục quá đáng nói trên. Tuỳ theo sự trưởng thành của cái Tôi xã hội này mà những khuynh hướng tình dục quá đáng bị ngăn chặn tương ứng. Sự chống đối này không chỉ được thực hiện khi thức mà ngay cả trong giấc mơ. Chính cái Tôi này, đóng vai trò kiểm duyệt những cái trái đạo đức, những cái mà ngoài đời ngăn cấm mà người nằm mơ cũng không ý thức được.

Từ đó Tâm phân học đưa ra một kết luận mà chúng ta nên đặc biệt quan tâm sau đây; Freud viết:

"... Sự biến dạng trong giấc mơ chỉ là kết quả của sự kiểm duyệt mà cái Tôi của chúng ta làm đối với những khuynh hướng hay ham muốn thường xuất hiện ban đêm trong giấc ngủ"[1].

Vì thế Tâm phân học có một bộ phận vô cùng quan trọng là lí thuyết về cơ cấu nhân cách toàn diện hay còn gọi là tâm lí học về cái Tôi (ngã) mà chúng ta không thể xem nhẹ và sẽ được trình bày thành một chương của công trình khảo cứu này.

Chúng ta khó có thể phát hiện được sự buông lỏng tình dục trong lúc thức đã đành mà ngay cả sự buông lỏng trong khi ngủ, trong giấc mơ theo quan niệm của Tâm phân học. Chúng ta có thể không nhất trí với Tâm phân học về tất cả mọi vấn đề tùy theo quan điểm của

[1] Sđd, tr 174.

mỗi người kể cả vai trò của cái Tôi xã hội, nhưng cho rằng Tâm phân học không bao gồm vấn đề xã hội, không thấy vai trò của con người xã hội là điều cần suy nghĩ thêm một cách vô tư khách quan của những người có trách nhiệm, của những người muốn xem xét vấn đề một cách nghiêm chỉnh và không thành kiến. Tâm phân học không chỉ cho chúng ta biết việc kiểm duyệt trong giấc mơ là do cái Tôi xã hội thực hiện nhưng không phải với tư cách như nhiều người hiểu là bản năng bẩm sinh hay gọi là cái Tôi sinh vật, mà cái Tôi trong Tâm phân học chính là cái Tôi ý thức đại diện cho xã hội. Freud viết: "*Ý thức* kiểm duyệt giấc mơ và kết quả của sự kiểm duyệt đó là một sự dung hoà gây ra giấc mơ rõ ràng"[1].

Cái mà ý thức kiểm duyệt trong giấc mơ như chúng ta đã biết đó là những ham muốn bị người đời cấm kị. Đó là những ham muốn có ý nghĩa tinh thần, có ý nghĩa tâm lí. Vì thế Tâm phân học gọi là cái vô thức theo nghĩa thực dụng nhất của từ này. Nó vừa có đặc tính tạm thời nghĩa là nó chỉ xuất hiện từng lúc từng nơi. Nhưng mặt khác nó lại có tính cách thường trực nghĩa là nó luôn luôn tồn tại thường xuyên trong cuộc sống tinh thần của mỗi người trong chúng ta. Như vậy, cái vô thức vừa có tính nhất thời, lại vừa có tính thường trực. Tóm lại, bên cạnh cái ý thức luôn luôn có cái vô thức lúc mất lúc hiện trong đời sống tinh thần của con người.

Freud viết: "Những ham muốn hiện ra trong giấc mơ, làm cho giấc ngủ không yên, chúng ta không hề biết trước

[1] Sđd, tr 425 -426.

nhưng chỉ biết sau khi đã giải thích giấc mơ. Vậy, chúng ta có thể tạm gọi chúng là cái vô thức theo nghĩa thông thường của chữ này. Nhưng chúng còn có gì hơn là tính cách tạm thời vô thức này... Vì thế, nên chúng ta chấp nhận rằng trong đời sống tinh thần có những gì tiềm tàng mà chúng ta không hề biết đến và có lẽ không bao giờ biết đến. Nếu như thế thì sự vô thức phải có thêm một nghĩa khác: đặc tính cơ bản của nó không còn là nhất thời hay hợp thời nữa mà là thường trực"[1].

Để hiểu giấc mơ một cách có căn cứ hơn, Tâm phân học còn giới thiệu với chúng ta một liên quan mới mà Freud gọi là mối *liên quan tượng trưng*. Đây là mối liên quan giữa nội dung rõ ràng và nội dung tiềm ẩn trong giấc mơ. Với phương pháp nghiên cứu của Tâm phân học còn được gọi là mối liên quan giữa các yếu tố của giấc mơ với sự giải thích nó để tìm ra nội dung tiềm ẩn, để tìm ra ý tưởng vô thức núp dưới những *hình dung thay thế*. Những yếu tố trong giấc mơ không là gì khác mà chỉ là *những tượng trưng* cho cái vô thức nào đó mà thôi. Vì thế Freud kết luận là *"Tính cách tượng trưng sẽ là vấn đề đáng chú ý nhất trong thuyết về giấc mơ"*.

Mối liên quan tượng trưng có thể giúp cho Tâm phân học nhiều khi chỉ cần căn cứ vào *những kí hiệu tượng trưng*, mà biết được nội dung thực của giấc mơ, tức cái vô thức, bất kể là người nằm mơ kể cho ta điều gì, thậm chí cả khi họ không biết gì để kể thêm ngoài những kí hiệu tượng trưng đã biết.

Phương pháp tự do liên tưởng và phương pháp liên

[1] Sđd, tr. 175.

quan tượng trưng không thay thế cho nhau mà bổ sung hỗ trợ nhau.

Như từ đầu chúng ta đã biết, phương pháp Tâm phân học là trò chuyện để dẫn dắt người bệnh tìm ra nguồn gốc của bệnh. Phương pháp này chúng ta đã nói đến trong việc giải thích những sự lỡ lời hay viết lỡ... Trong khi nghiên cứu và tìm cách giải thích những giấc mơ nhà Tâm phân học tiếp tục dùng tự do liên tưởng để gợi cho người nằm mơ kể nội dung của giấc mơ mà mình vừa trải qua. Trong việc áp dụng phương pháp liên quan tượng trưng, nhà Tâm phân học có thể không cần trò chuyện hoặc trong trường hợp không thể trò chuyện được với người nằm mơ mà căn cứ vào *những kí hiệu tượng trưng* của giấc mơ để biết được người nằm mơ nghĩ gì. Để có thể biết được những kí hiệu tượng trưng nói lên điều gì nhà Tâm phân học còn cần biết thêm cá tính thói quen và đời sống riêng tư của đương sự. Vì không cần hỏi han gì nhiều ở đương sự, tránh những ác cảm của người nằm mơ hơi khó tính mà chúng ta vẫn đạt được mục đích đề ra. Thật là một phương pháp tuyệt diệu giúp cho nhà nghiên cứu cũng như người nằm mơ hiểu được nội dung thực của giấc mơ mà mình vừa trải qua.

Nhưng cho tới nay còn một số người vẫn chưa tin vào phương pháp này và nó bị bài xích khá gay gắt. Sự hoài nghi đó không phải là không có cơ sở vì những sự giải thích, những ví dụ mà Tâm phân học đưa ra còn có vẻ gượng ép, thiếu tính thuyết phục, nhiều khi còn làm cho người nghe cảm thấy có phần nào "thô tục" khi gán cho những kí hiệu tượng trưng đó những hình ảnh về

sinh hoạt tình dục, đến những bộ phận sinh dục cả nam và nữ.

Trước những sự phản ứng đó Freud đã nhiều lần rút kinh nghiệm, dũng cảm gạt bỏ những điều mơ hồ thiếu tính thuyết phục, bổ sung những luận chứng mới làm cơ sở cho phương pháp. Freud đã viện đến công trình nghiên cứu của những tác giả khác có đề cập hoặc ít hoặc nhiều đến kí hiệu tượng trưng. Ông còn viện đến cả kho tàng ngôn ngữ, tập quán,... của nhiều dân tộc xa xưa và ngày nay để bảo vệ và hoàn thiện phương pháp liên quan tượng trưng này.

Sự chống đối này càng cao, có thể nói là đã đến tột đỉnh của nó là khi Freud quả quyết rằng, những kí hiệu tượng trưng trong giấc mơ nói về thân thể, bạn bè, cha mẹ, anh em, sự sinh, sự tử... hay một vài cái gì khác nữa thường không nhiều, mà kí hiệu tượng trưng cho sinh hoạt tình dục bao giờ cũng chiếm phần lớn. Vào thời điểm Freud giới thiệu quan niệm trên là lúc Freud mất hết bạn bè kể cả những người rất thân và những người thầy mà Freud đã từng cộng tác, học tập nhiều nhất. Đó là thời kì mà Freud sống trong cô đơn chỉ có một mình tiếp tục con đường đã chọn. Vậy sự liên quan tượng trưng là gì? Freud đã trả lời như sau: "Chúng ta gọi sự liên quan giữa những yếu tố của giấc mơ và sự giải thích nó bằng cái tên là liên quan tượng trưng vì yếu tố này chỉ tượng trưng cho một ý tưởng vô thức trong giấc mơ"[1].

Điều chúng ta cần đặc biệt quan tâm trong cách giải

[1] Sđd, tr 178.

thích nói trên của Freud là "vì yếu tố này (của giấc mơ) chỉ tượng trưng cho một ý tưởng vô thức trong giấc mơ". Nghĩa là sự đồng nhất giữa yếu tố của giấc mơ với ý tưởng vô thức, cũng có nghĩa giấc mơ là hoạt động vô thức.

Còn kí hiệu tượng trưng là gì?

Kí hiệu tượng trưng là những hình ảnh, những cử chỉ dùng để so sánh có tính cách tượng trưng cho nội dung chính của giấc mơ, thực chất là cho sự hoạt động của cái vô thức trong mọi giấc mơ. Những ham muốn vô thức trong giấc mơ lại luôn luôn có liên quan đến vấn đề tình dục. Vì vậy, Freud khẳng định là mọi cái vô thức loại này đều mang nội dung tình dục. Ông viết:

"... trong các phạm vi khác những liên quan tượng trưng này không hoàn toàn thuộc về tình dục, trong khi giấc mơ thì lại hoàn toàn thuộc về tình dục"[1].

Mối liên quan tượng trưng có đặc trưng gì đáng chú ý? Theo Freud, đặc tính đó nằm trong *sự so sánh*. Sự so sánh này không phải là sự so sánh thông thường, mà là một sự so sánh đặc biệt. Nó đặc biệt ở chỗ người nằm mơ cũng không hay biết gì cả.

Bây giờ chúng ta hãy điểm qua một số ví dụ mà Freud đã nêu để làm sáng tỏ vấn đề cũng như quan niệm nói trên về sự liên quan tượng trưng của Tâm phân học.

Những kí hiệu tượng trưng không mang tính cách tình dục như: những căn nhà có những bức tường nhẵn trơn tượng trưng cho thân thể người đàn ông. Những căn nhà có những bức tường gồ ghề, có bao lơn khiến

[1] Sđd, tr 198.

cho người ta có cảm tưởng có thể bấu víu được thường là tượng trưng cho thân thể người phụ nữ. Cha mẹ được tượng trưng bằng đức vua hay hoàng hậu hoặc những nhân vật quan trọng khác. Anh chị em và các trẻ nhỏ thường được tượng trưng bằng những con vật nhỏ bé, yếu ớt. Sự sinh đẻ bao giờ cũng được tượng trưng bằng những cử chỉ trong đó nước bao giờ cũng là yếu tố chính. Sự chết được tượng trưng bằng sự ra đi, một cuộc du hành...

Những tượng trưng có tính cách tình dục được Tâm phân học lấy làm ví dụ như: cơ quan sinh dục của nam giới được tượng trưng bằng con số 3, hoặc những đồ vật có hình dáng tương tự như cây gậy, cây bút viết, cây bút chì... Cơ quan sinh dục của phái yếu được tượng trưng bằng những vật có thể chứa đựng được như cái túi, cái tàu thuỷ... hoặc những con vật như con sên, con sò... Bộ ngực được tượng trưng bằng những trái đào, trái táo hay hoa quả khác... Bộ phận sinh dục của nam và nữ thường được tượng trưng bằng những cảnh vật có cây cối, sông núi, hồ ao...

Những tượng trưng nói trên chỉ là một phần rất nhỏ trong tất cả những dẫn chứng mà Tâm phân học mô tả và cũng là những tượng trưng dễ nghe, dễ nhìn nhận, vừa tai và vừa mắt hơn cả. Nó cũng có khả năng gợi cho chúng ta những hình ảnh nào đó về cái mà nó đại diện. Nhưng sự thực có đúng như vậy trong các giấc mơ hay không thì lại là vấn đề mà nhiều người băn khoăn. Cái phức tạp chính là ở chỗ đó. Trong kho tàng ngôn ngữ truyền thống của người Việt Nam chúng ta cũng có những trường hợp tương tự. Ví dụ, người Việt

Nam thường nói *nhà tôi* để chỉ về người vợ hay người chồng; *Cái hến* để chỉ người đàn bà. Sinh đẻ được tượng trưng bằng *đập chum*... Vì tính phức tạp của vấn đề nên mới cần có một môn học tìm ra một phương pháp và kĩ thuật đặc biệt để làm sáng tỏ vấn đề. Hỏi người nằm mơ thì lại ít có khả năng cho chúng ta biết được sự thực vì chính họ cũng có biết gì hơn về những ý tưởng đó mặc dù những ý tưởng này chính là của họ như Tâm phân học đã khẳng định. Sở dĩ như vậy vì những ý tưởng này đã trở thành cái vô thức và xuất hiện với tư cách là cái vô thức trong giấc mơ. Nhưng nhờ tự do liên tưởng và liên quan tượng trưng mà nhà Tâm phân học có thể giúp cho người nằm mơ biến cái vô thức đó thành hữu thức. Nhà Tâm phân học giúp cho người nằm mơ lần ra cái ý tưởng đó trong quá khứ, trong những kỉ niệm của riêng mình từ xa xưa, thậm chí từ thời thơ ấu và đó là căn cứ không thể chối cãi được, rằng những kí hiệu tượng trưng trong giấc mơ đã phát biểu theo cách tượng trưng những kỉ niệm này. Để có thêm cơ sở cho sự phân tích trên, Tâm phân học còn viện đến những chuyện cổ tích, đến huyền thoại, những chuyện vui cười trong dân gian, trong dân ca, trong ngôn ngữ, trong phong tục tập quán, trong văn chương nói chung, nhất là trong thi ca cũng như trong ngôn ngữ đời thường. Vì người cha thường được tượng trưng là hoàng đế, người mẹ là hoàng hậu nên những người con trai được gọi là hoàng tử và những người con gái được gọi là công chúa. Vua chúa còn được coi như cha mẹ của dân. Trong giấc mơ sự sinh đẻ đều được tượng trưng bằng nước hay liên quan đến nước vì thai nhi nằm trong bào thai bao giờ

cũng có nước. Thuyết tiến hoá đã chứng minh tất cả những loại động vật sống trên cạn hiện nay bao gồm cả con người đều từ những loài sống dưới nước mà ra. Cái chết được tượng trưng bằng sự ra đi, nên trong đời sống người ta thường nói về cái chết như là một sự đi xa, hoặc là về suối vàng tượng trưng cho một chuyến đi không hẹn ngày trở lại.

Cơ quan tình dục của người đàn bà được tượng trưng bằng những cái túi, cái bình thì người ta tìm thấy trong *Tân ước*. Trong thánh ca người đàn bà được coi như cái bình (theo tài liệu của Brunn). Phong cảnh cỏ cây xanh tốt không phải tượng trưng với nghĩa tục tĩu mà với nghĩa đất lành chim đậu mang lại hạnh phúc cho con người. Bộ phận sinh dục của người đàn ông thường liên quan đến con số 3. Đó là kí hiệu về Tam vị nhất thể. Nói chung tất cả những vật thể có ba phần thường được tượng trưng cho cơ quan sinh dục của người đàn ông như cây vân thảo 3 lá, đoá huệ 3 nhánh...

Hành vi giao hợp được tượng trưng bằng việc trèo lên cao, nhẩy lên cao. Ngôn ngữ Việt Nam thường dùng từ này để nói đến hành vi đi tơ của những loại động vật nào đó... và ở con người là lên xe, leo núi hay lên thác xuống ghềnh.

Đó là một phần những ví dụ mà Tâm phân học giới thiệu với chúng ta để giúp cho mọi người tìm hiểu về môn học này.

Tuy nhiên, Tâm phân học cũng thừa nhận là việc dùng kĩ thuật liên quan tượng trưng thực vô cùng phức tạp và nó phụ thuộc rất nhiều vào thái độ người nghiên cứu cũng như người nằm mơ. Sự vô tư trong sáng với

một tinh thần trách nhiệm cao giữ vai trò quyết định. Trường hợp ngược lại sẽ biến một kĩ thuật có cơ sở khoa học thành một trò nhảm nhí xấu xa.

Từ những phân tích trên, Tâm phân học giới thiệu với chúng ta mấy kết luận bước đầu sau đây:

1/. Chúng ta có đủ căn cứ để khẳng định rằng người nằm mơ có một cách diễn tả giấc mơ bằng những kí hiệu tượng trưng mà chính bản thân họ cũng không biết trong khi ngủ và cũng không chịu công nhận khi thức dậy. Nếu người nằm mơ có biết lơ mơ được chút ít nào đó thì cũng vẫn thuộc phạm vi *hiểu biết của cái vô thức*, tuỳ thuộc vào đời sống tinh thần vô thức, vì chúng ta đã không biết đến nó trong một lúc ngắn ngủi nào đó. Chúng ta có quyền gọi nó là những hiểu biết vô thức, những liên quan vô thức giữa các ý tưởng, những sự so sánh vô thức giữa những vật, những cảnh trong đó một cái được thay thế đại diện cho một cái khác có tính thường trực hơn. Đó là những ham muốn tình dục.

2/. Những liên quan tượng trưng này không phải là của riêng người nằm mơ mà ta còn thấy nó xuất hiện rất phổ biến trong mọi sinh hoạt đời thường của tất cả những dân tộc. Điều đó còn để lại dấu vết trong những chuyện cổ tích, thần thoại, thi ca, văn chương nói chung, trong phong tục tập quán và cả trong ngôn ngữ hàng ngày. Sự liên quan tượng trưng trong giấc mơ chỉ chiếm một phạm vi rất hẹp so với sự liên quan tượng trưng bao la của đời sống tinh thần của các dân tộc. Những cái tượng trưng trong giấc mơ chỉ là phần còn sót lại của quá khứ hoặc trong đời sống thường nhật mà thôi.

3/. Nếu như sự liên quan tượng trưng trong những phạm vi khác không có nội dung tình dục thì trái lại mọi liên quan tượng trưng trong giấc mơ đều có một sự liên lạc nào đó với vấn đề tình dục (ham muốn). Cho nên Freud đã dè dặt viết:

"Chúng ta chỉ nên nói rằng giữa những sự tượng trưng đó và đời sống tình dục có những dây liên lạc chặt chẽ"[1].

Tâm phân học còn giới thiệu với chúng ta một công trình không nghiên cứu về tình dục mà chỉ nghiên cứu về ngôn ngữ của M.H Sperber nói về ngôn ngữ thời cổ xưa, công trình đó còn khẳng định rằng những âm thanh đầu tiên, những tiếng nói đầu tiên của loài người là tiếng gọi người khác giới trong sinh hoạt tình dục. Những tiếng nói đó sau này phục vụ công việc làm ăn sinh sống (sản xuất) được tìm thấy trong những câu hò sản xuất. Từ tình dục chuyển sang sản xuất, cổ vũ làm việc nên những câu hò đó luôn có nghĩa: một để cổ vũ lao động, một nói lên nội dung tình dục. Sau này những tiếng nói đó bỏ hẳn đại bộ phận nội dung tình dục và chỉ còn nói đến công việc làm ăn.

Chúng ta biết rằng tình dục đã từng được coi là cái gì thiêng liêng nhất trong đời sống con người cả về thể xác lẫn đời sống tinh thần của nhiều thời kì khác nhau trong lịch sử nhân loại.

Những dấu tích còn để lại trong những tang vật cổ như nắp thạp, quai thạp, trên trống đồng, trên các cột trụ nhà, chân đế những đồ dùng cổ chẳng đã nói lên

[1] Sđd, tr 198.

điều đó sao. Trong thời đại văn minh, bên cạnh những thái độ lệch lạc trong đời sống tình dục, chúng ta vẫn thấy có một cái gì thiêng liêng đối với những người có học vấn và có đời sống lành mạnh khi nhìn nhận vấn đề tình dục đó sao.

4/.Dù sự kiểm duyệt trong giấc mơ và vấn đề liên quan tượng trưng là hai vấn đề khác nhau nhưng sự kiểm duyệt có thể lợi dụng mối tương quan tượng trưng để tiện việc cho mình. Vì vậy, dù muốn hay không cả sự kiểm duyệt và sự liên quan tượng trưng đã dẫn đến một đích chung là làm cho giấc mơ trở thành khó hiểu. Đó là khó khăn của chúng ta cần được chú ý trong khi giải thích giấc mơ. Khi nghiên cứu giải thích giấc mơ Tâm phân học còn lưu ý chúng ta một điều quan trọng khác là nội dung rõ ràng của giấc mơ, những hình dung thay thế, những kí hiệu tượng trưng chỉ là một bản tóm tắt nội dung tiềm ẩn, tức những ý tưởng vô thức trong giấc mơ mà thôi. Cho nên giấc mơ có một đặc tính là *rất cô đọng*. Sự cô đọng tập trung này nhiều khi còn hướng vào một mục đích khác. Vì vậy, muốn hiểu được đầy đủ nội dung tiềm ẩn tức cái vô thức trong giấc mơ, chúng ta phải quan tâm đến tính cô đọng đã dành mà còn đặc biệt chú ý đến *sự di chuyển* của nó. Đó là sự di chuyển những yếu tố tinh thần từ một yếu tố này sang một yếu tố khác là một phương sách tốt nhất để diễn tả tư tưởng trong giấc mơ. Đôi khi chúng ta lại gặp những ý tưởng trái ngược nhau, bài xích nhau. Tất cả những ý tưởng đó đều có ý nghĩa nhất định mà nhà nghiên cứu không được phép bỏ qua. Những hình ảnh cụ thể mà giấc mơ cung cấp cho chúng ta chính là kết quả của sự cô đọng,

sự di chuyển biến hoá của những ý tưởng tiềm ẩn trong giấc mơ. Từ đó, chúng ta biết được khá đầy đủ những hoạt động của những ý tưởng vô thức và chính nó là *nguồn gốc phát sinh những chứng bệnh thần kinh khi có điều kiện.*

Tâm phân học còn cho chúng ta biết những giấc mơ bị biến dạng nhiều là những giấc mơ liên quan chặt chẽ với những ham muốn tình dục ích kỉ, vô luân mà xã hội cấm kị. Tính chất ích kỉ này nói lên một sự cạnh tranh trong tình dục và từ đó dẫn đến tội ác không thể tưởng tượng nổi như giết người tình của người mình yêu, giết cả người mà mình thực sự yêu dấu kể cả những người đó là cha mẹ, anh em ruột thịt. Tính ích kỉ và sự cạnh tranh về tình dục nhiều khi có nguồn gốc từ thời thơ ấu bị dồn ép nay mới trỗi dậy trong đời thực hay trong giấc mơ.

Điều khẳng định trên đã gây một sự phản ứng ghê gớm trong xã hội. Vì thế, Freud bị người đời khép vào tội bôi xấu loài người. Lời khép tội trên, đã có sức sống dai dẳng dễ sợ. Nhưng chân lí còn có sức mạnh to lớn hơn tất cả. Vì thế, những điều tưởng như không bao giờ người đời quên thì ngày nay đã được không ít người trân trọng.

Dựa trên sự quan sát nhiều lần ở những trẻ em từ hai, ba tuổi đến năm, sáu tuổi, Tâm phân học cho rằng, đây là thời kì trẻ em bộc lộ tính ích kỉ của mình một cách đầy đủ nhất mà không cần che giấu gì hết. Để bảo vệ những cái của riêng mình, các em có những thái độ khá quyết liệt nếu có ai xâm phạm đến nó. Điều đó lại càng rõ nếu có ai định xâm phạm đến người mẹ thân yêu của các em. Một số người cho rằng điều đó là có

thực nhưng chẳng qua chỉ vì các em chưa có hiểu biết. Cách biện hộ như vậy có vẻ như chống lại Tâm phân học, nhưng thực ra lại là đồng tình. Đồng tình ở chỗ không thể từ chối không thừa nhận tính ích kỉ đó được thực hiện một cách chân thực nhất và đầy đủ nhất. Khi lớn lên các em có thêm hiểu biết thì tính ích kỉ đó lại biểu hiện kín đáo hơn, tế nhị hơn. Điều đó không thể nói được rằng, ở trẻ em không có tính ích kỉ hoặc lúc nhỏ thì có còn khi lớn lên tính ích kỉ đó sẽ biến mất.

Tâm phân học cho rằng tính ích kỉ đó không những không mất đi mà được giấu kín ở trong lòng, vì nếu để lộ ra sẽ bị người lớn trừng phạt. Nó không biến đi mà chỉ thay hình đổi dạng cho thích nghi với hoàn cảnh mà thôi. Vì quá tin vào biện pháp giáo dục hay răn de của mình, xã hội tưởng rằng đã làm cho tính ích kỉ đó biến mất, không còn mảnh đất để sống. Freud cho rằng, xã hội đã lầm lớn với thành công giả đó. Tính ích kỉ không những không biến mất mà đã thực sự trở thành cái vô thức mà chính các em cũng không biết được. Điều đó nói lên sức sống dai dẳng của cái bẩm sinh di truyền tự bảo tồn nơi các sinh vật, trong đó có cả con người. Nhưng xin đừng nghĩ rằng Tâm phân học chịu bó tay trước cái bẩm sinh di truyền này.

Khi lớn lên không phải ai cũng nhớ được mọi kỉ niệm thời thơ ấu nhưng Tâm phân học cho biết những kỉ niệm sâu sắc nhất thường được giữ lại rất lâu, nhiều khi tưởng như đã quên hẳn nhưng không phải như thế và nó sẽ sống lại vào lúc có điều kiện thích hợp nhất. Những kỉ niệm sâu sắc đó thường trở lại với chúng ta trong giấc mơ sau nhiều năm mà chính đương sự cũng

không còn nhớ được.

Tâm phân học không hề phủ nhận những tình cảm nơi trẻ em hai, ba tuổi nhưng lại cho rằng, tình cảm của trẻ em lúc này thực sự là một thứ tình yêu ích kỉ chỉ có vì mình. Yêu người khác chẳng qua chỉ để thỏa mãn lòng ích kỉ được yêu mà thôi. Tính ích kỉ này dẫn đến sự cạnh tranh trong đời sống tình dục kể cả nơi trẻ em cũng như ở những người trưởng thành. Với trẻ em Freud viết:

"Nguyên do vẫn nằm trong sự cạnh tranh về đời sống tình dục. Ngay từ khi còn rất nhỏ, đối với người mẹ đứa bé đã có một lòng yêu đặc biệt: cho rằng mẹ là của riêng mình và người cha thường bị coi như một người cạnh tranh, luôn luôn xâm phạm đến của riêng của nó, đối với trẻ em gái cũng thế coi mẹ như là người cạnh tranh tình yêu của nó đối với người cha"[1].

Về mặt xã hội hình như không có ai phản đối hiện tượng đó. Điều khác với Tâm phân học là xã hội cho rằng đó chẳng qua chỉ là tình cảm tự nhiên chứ không liên quan gì đến vấn đề tình dục nơi các em. Sự khác nhau này tưởng không có gì quan trọng nhưng chính nó lại là điểm mấu chốt nhất để nghiên cứu các chứng bệnh tâm thần và đề ra cách chữa trị chúng.

Trước những phản bác của nhiều người nhưng với một xác tín (certitude) tưởng như không có gì thuyết phục được và trên cơ sở những khảo sát công phu và kiên nhẫn, Freud viết:

"Do đó chúng ta khẳng định rằng *cái vô thức trong*

[1] Sđd, tr 247.

đời sống tinh thần không là gì khác hơn là giai đoạn ấu thơ của đời sống này"[1].

Trong cuộc sống chúng ta thường được chứng kiến nhiều hành vi rất trẻ con ở những người trưởng thành, thậm chí còn thấy xuất hiện khá nhiều ở những người đã có tuổi, những người già. Hình như con người tuổi càng cao lại có nhiều hành vi rất trẻ con nghĩa là *rất hồn nhiên*. Điều đó chẳng có gì là khó hiểu đối với Tâm phân học cũng như với một số người chịu suy nghĩ không chút thành kiến, vì một lẽ đơn giản là ở trẻ em và người có tuổi đều là những thành phần xã hội ít bị lệ thuộc vào thế tục nhất. Đó là thời kì mà con người có thể *sống thực nhất* mà không cần phải che giấu hay đóng kịch như thường tình trong cuộc sống muôn thủa. Chính vì thế mà những kỉ niệm thời thơ ấu lúc này có điều kiện xuất hiện nhiều nhất trong tâm hồn những người có tuổi. Những người còn trong tuổi trưởng thành do còn quá nhiều ràng buộc với đời về tất cả mọi phương diện nên những kỉ niệm trong thời thơ ấu còn sót lại rất khó bộc lộ một cách công khai lộ liễu và tạm nằm im trong vô thức. Những cái vô thức này cũng không chịu bó tay hoàn toàn mà chúng tìm cách xuất hiện trong giấc mơ với những biến dạng nhiều hay ít, tuỳ theo sự quá đáng của nó. Đối với những người trưởng thành, họ không dám làm con trẻ trong khi thức mà chỉ làm trẻ em trong những giấc mơ trong giấc ngủ và điều đó là rất tự nhiên, bình thường, đâu có phải là xấu xa như người ta tưởng. Freud viết:

[1] Sđd, tr 251.

"Chính vì những khuynh hướng trong giấc mơ chỉ là những cái gì còn sót lại của thời thơ ấu, chính vì giấc mơ đã biến chúng ta thành những đứa bé con về phương diện tinh thần và tình cảm nên chúng ta chẳng có lí do gì phải xấu hổ về những điều giải thích trong giấc mơ. Nhưng sự hợp lí không phải là tất cả đời sống tinh thần của chúng ta, sự không hợp lí cũng chiếm giữ một phần lớn trong đó nên chúng ta thường xấu hổ mà không có lí do gì cả. Vì thế nên chúng ta mới kiểm duyệt giấc mơ"[1].

Trên cơ sở những phân tích trên Tâm phân học cho rằng mọi giấc mơ đều có *khuynh hướng thụt lùi* về quá khứ và mang hình thức *cổ lỗ, cũ kĩ, sơ khai* của cái Tôi thời xa xưa để nói lên ước muốn của đời sống thực hôm nay mà trước hết là đời sống tinh thần, của trạng thái tâm lí sống động của cuộc đời. Đây là *sự liên kết* giữa những mong muốn của cuộc sống hiện tại với những mong muốn của thời thơ ấu đã trở thành vô thức. Từ đó dẫn đến việc quay trở về sự thụt lùi nói trên mà vẫn cho ta một sự thỏa mãn bằng ảo giác những ước muốn hiện tại trong giấc mơ. Để giải thích cụ thể hơn quan niệm trên của Tâm phân học, Freud viết:

"Có lẽ chúng ta cần phân biệt: một cái gì đó thoát ra từ ý thức của chúng ta - ta có thể gọi là dấu vết của những biến cố trong ngày (hiện tại) chia đôi những đặc tính ra, liên kết với một cái gì thuộc phạm vi vô thức, rồi giấc mơ thoát ra từ sự liên kết đó. Công việc xây dựng giấc mơ diễn ra giữa hai loại yếu tố đó, yếu tố vô thức và yếu tố hữu thức. Ảnh hưởng của vô thức đối với

[1] Sđd,tr. 251 - 252.

dấu vết của những biến cố trong ngày cung cấp điều kiện cho sự thụt lùi"[1] và "đó là phương tiện duy nhất để hợp thành một giấc mơ"[2].

Như thế là mong muốn trong giấc mơ là mong muốn của ngày hôm nay hay nói chung là của hiện tại, nhưng có sự tham gia của cái vô thức từ trước kể cả những cái của thời thơ ấu, nên giấc mơ có vẻ kì khôi, ngây ngô như những suy nghĩ của trẻ con. Vì thế, Tâm phân học không ngại gì gọi mọi giấc mơ đều là những giấc mơ của trẻ con, được hoạt động với những vật liệu của trẻ em cũng như những khuynh hướng và diễn biến rất trẻ con.

Sự thực hiện mong muốn trong giấc mơ lại luôn luôn bị kiểm duyệt, nên sự ham muốn tìm thấy được trong giấc mơ thường không rõ ràng. Những ham muốn đó không chỉ bị cấm kị, trong đời thường mà cả trong giấc mơ. Ham muốn càng quá đáng bao nhiêu, lại càng bị cấm nghiêm ngặt bấy nhiêu. Điều đó được diễn ra cả trong giấc mơ. Vì thế Tâm phân học còn đóng góp cho chúng ta một sự giải thích mới về giấc mơ. Đó là *những cơn ác mộng*.

Gọi là những cơn ác mộng, những giấc mơ nặng nề làm cho người nằm mơ rơi vào một tình trạng lo lắng, phập phồng nhiều khi đến đau khổ vì sợ hãi. Tâm trạng này xảy ra ngay trong giấc mơ và còn để lại khá lâu trong tâm khảm người nằm mơ sau khi đã tỉnh giấc. Nhiều trường hợp người ta tự hỏi sao lại có những giấc mơ khủng khiếp như vậy.

---

[1] Sđd, tr 253.
[2] Sđd, tr 254.

Ở đây có một điều gì khó hiểu làm cho chúng ta cảm thấy Tâm phân học không được nhất quán trong quan niệm về giấc mơ của mình. Căn cứ vào những điều trình bày ở trên thì giấc mơ bao giờ cũng nhằm thực hiện một mong muốn. Ham muốn này bao giờ cũng có một ý nghĩa. Đó là ý nghĩa tình thần. Ý nghĩa này thực chất là lòng ham muốn thỏa mãn một tranh chấp về tình dục. Khi ham muốn đó được thỏa mãn thì đương nhiên là phải mang lại cho người nằm mơ một cái gì dễ chịu tạo ra một trạng thái tâm lí thoải mái, vui vẻ, sung sướng, khoan khoái.

Nhưng những cơn ác mộng thì ngược lại, không những nó không mang lại cho người nằm mơ một cái gì dễ chịu khoan khoái mà còn làm cho người nằm mơ khiếp sợ, gây ra đau khổ về tinh thần, một trạng thái tâm lí bất ổn, luôn phập phồng, lo lắng.

Mỗi người trong chúng ta đều có thể thông qua những kinh nghiệm của bản thân mình để chứng minh điều nói trên, vì trong chúng ta ai ai cũng đã đôi lần gặp những cơn ác mộng hoặc những giấc mơ không đẹp như mơ chút nào. Vì cũng không có ai mong muốn có những giấc mơ gieo đau khổ lo âu cho người nằm mơ. Nhưng những sự việc không hề mong muốn đó vẫn cứ xảy ra vào lúc này hay lúc khác, với người này hay với người khác thậm chí có người sợ cả đi ngủ vì khi giấc ngủ đến lại luôn mang theo những giấc mơ khủng khiếp. Tình trạng này đôi khi kéo dài hết đêm này sang đêm khác làm cho đương sự bị suy sụp nhanh chóng cả về thể xác lẫn tinh thần. Họ luôn ở trong trạng thái tinh thần rối loạn, một tâm trạng lo lắng kéo dài mà nguyên nhân lại

rất mơ hồ không rõ ràng. Ở các cơn ác mộng người ta thấy một điều rất giống nhau là khi nguy hiểm đến tột đỉnh của nó nghĩa là sắp gây ra tai họa cho người nằm mơ thì đương sự tỉnh dậy trong nỗi kinh hoàng. Một tảng đá bằng trái núi đang rơi xuống đầu. Nó đen ngòm lừ lừ lại gần. Đến lúc sắp đè lên người thì đương sự giật mình tỉnh dậy trong nỗi lo khôn tả. Trước mặt là một vực sâu với vách đá thẳng đứng, trông mà rùng rợn nhưng khi sắp rơi xuống vực thì người nằm mơ tỉnh giấc trong một tâm trạng khiếp đảm...

Cũng vì tình hình nói trên mà nhiều người đã phản bác lại Tâm phân học bằng cách đặt ngược lại vấn đề. Nếu giấc mơ là một cách để thỏa mãn những mong muốn, những khát vọng thì không thể có những cơn ác mộng. Trái lại, trong đời sống tinh thần, khi người ta ngủ nếu còn những cơn ác mộng mà sự thực là nó đã đang và còn tồn tại rất phổ biến, ai ai cũng có thể nhận biết được thì lí thuyết về giấc mơ của Tâm phân học chỉ là một sự tưởng tượng thuần túy chủ quan, là một suy diễn vô căn cứ.

Trước những lời phản bác đó, Tâm phân học cho rằng những giấc mơ đẹp và những cơn ác mộng rất khác nhau về kết quả nhưng chúng lại rất giống nhau về cơ chế tổ chức hoạt động, thậm chí nó còn giống nhau cả về mục đích nữa. Nghĩa là cả hai đều là những hoạt động tinh thần. Cả hai đều nhằm thỏa mãn những ham muốn nào đó. Cả hai đều có cùng một nguyên nhân là sự tác động của những khích động khác nhau và trái ngược nhau như đã nói ở trên, Tâm phân học gọi là những khuynh hướng chống đối nhau.

Cho nên việc tồn tại những giấc mơ và những cơn ác mộng bên cạnh nhau chỉ giúp cho chúng ta có thêm những hiểu biết về nhiều trạng thái tinh thần trong giấc mơ nói chung khi con người ta ngủ một cách phong phú hơn mà thôi.

Tâm phân học cho rằng giấc mơ nói chung là *những gì còn sót lại trong ngày*. Những cái còn sót lại trong ngày bao gồm cả những gì còn sót lại trong thời thơ ấu cũng như những cái còn sót lại trong ngày hôm qua, trong ngày hôm kia của mỗi người chúng ta. Những cái còn sót lại này là những cái chưa được thỏa mãn trong khi thức vì nó là *cái quá đáng* đối với xã hội mà thường là những cái bị cấm kị, và phần lớn là những ham muốn có liên quan đến đời sống tình dục. Nghĩa là nó *gặp những trở ngại không thể nào vượt qua* được. Điều này chắc không có gì phải bàn nhiều, vì sống ở trên đời kể cả những người sống gặp nhiều điều may mắn nhất cũng không phải muốn gì là được nấy, hoặc có đạt được mong muốn chắc cũng không bao giờ được toàn vẹn, đấy là chưa kể đến những thất bại đau đớn, những thất bại ê chề. Vì thế diễn biến của giấc mơ cũng xảy ra tương tự. Có những ham muốn được thực hiện trọn vẹn và thường không nhiều, đó là những giấc mơ tuyệt đẹp. Có những ham muốn chỉ được thực hiện một cách hạn chế, chỉ được thực hiện một phần nào thôi. Đó là những giấc mơ đẹp hay tương đối đẹp. Còn những giấc mơ mà những ham muốn không được thực hiện. Đó là những giấc mơ xấu mà ta gọi là những cơn ác mộng. Loại giấc mơ này gặp quá nhiều nguy hiểm trở ngại nên nó gây ra cảm tính lo lắng, phập phồng, nhiều khi hiểm nguy

nên rất khủng khiếp. Cơn ác mộng chính là những giấc mơ có những ham muốn quá đáng, lộ liễu, trắng trợn, có thể coi như những cuồng vọng điên rồ nên nó gặp nhiều sự chống đối và cuối cùng dẫn tới thất bại hoàn toàn. Nói cách khác, ác mộng là những giấc mơ chưa được thỏa mãn, không đạt được mục đích đề ra.

Tâm phân học cho rằng ngay trong những giấc mơ đẹp cũng không phải không có tâm trạng nặng nề dù là rất nhẹ, vì đây cũng là một cuộc đấu tranh mà kẻ thắng cũng là thắng nửa vời và kẻ thua cũng là thua nửa vời. Đó là sự dung hoà giữa những khuynh hướng trái ngược nhau. Vì thế những cơn ác mộng cũng nhằm thỏa mãn một ham muốn nào đó mà nó không được thực hiện. Có thể nói ác mộng cũng là một giấc mơ thực sự như mọi giấc mơ khác chỉ có điều đây là những giấc mơ mà sự ham muốn không được thực hiện.

Cơn ác mộng là những giấc mơ mà ham muốn quá đáng không những không được thực hiện vì sự chống đối của những khuynh hướng đối lập mà còn vì một lẽ thứ hai rất quan trọng sau đây. Vì nó là những ham muốn quá đáng nên nó là những ý tưởng lẻ loi, bị cô lập, nó bị vùi vào trong vô thức mà chính đương sự cũng không dám nghĩ tới. Nó là những ham muốn tội lỗi mà ở ngoài đời nếu một ai liều lĩnh bất chấp mọi lí lẽ hợp lí mà phạm phải chắc không thoát khỏi vòng trọng tội. Trong cuộc sống ngoài đời, bất cứ một ham muốn nào dù bị cấm kị nhưng với một mục đích phải chăng chắc khó gây cho đương sự một tâm trạng băn khoăn lo lắng phập phồng vì họ biết rằng mục đích đó không có gì là quá đáng và phần lớn được sự thỏa mãn coi như

đã biết trước phần nào. Trái lại với những ham muốn quá đáng thì khác hẳn. Để đạt được mục đích quá đáng, có người phải dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đầy nguy hiểm mà mục đích đạt được thật là bấp bênh hoặc có đạt được thì lại rơi vào vòng tội lỗi. Như vậy thì tránh sao khỏi lo lắng phập phồng. Trong giấc mơ sự việc cũng diễn ra hoàn toàn như vậy. Hơn nữa do tính chất quá đáng của ham muốn làm cho nó trở thành lẽ loi cô độc thì sự lo lắng phập phồng lại càng gia tăng là điều thực dễ hiểu.

Để có căn cứ cho sự tìm hiểu những cơ ác mộng. Tâm phân học còn giới thiệu với chúng ta một điều quan trọng có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là sự thỏa mãn trong giấc mơ nhằm mục đích gì?

Như chúng ta đã khẳng định nhiều lần là giấc mơ nhằm thực hiện một ham muốn. Dĩ nhiên ham muốn này khi được thực hiện nó phải mang lại cho đương sự một sự khoan khoái. Dựa vào những quan sát của Tâm phân học, các nhà nghiên cứu thu được một kết quả rất kì lạ. Trong những cơn ác mộng, người nằm mộng lại là người muốn gạt bỏ, kiểm duyệt thậm chí không muốn nghe đến chúng chứ không phải là người muốn cho ham muốn quá đáng của mình được thực hiện trong giấc mơ. Điều đó nói lên chính người nằm mơ cũng không muốn cho ham muốn đó được thực hiện trong giấc mơ, mà đúng ra một lúc nào đó lại là của chính mình. Như thế có nghĩa là, nếu ham muốn này được thực hiện, thậm chí chỉ được thực hiện một phần thôi cũng làm cho anh ta không những không thấy khoan khoái như trong các giấc mơ đẹp mà còn làm cho anh ta

đau khổ nặng nề. Đó là điều đặc biệt khác đối với những giấc mơ đẹp. Nói cho đúng hơn thì đương sự ở trong tình trạng vừa muốn cho sự ham muốn đó được thực hiện, nửa lại không muốn. Tình trạng này diễn ra trong giấc mơ hoàn toàn ngoài mong muốn của đương sự. Nó là sự hoạt động của cái vô thức trong giấc mơ. Nhưng nó lại là cái còn sót lại trong ngày, trong sinh hoạt đời thường mà đương sự cũng ở trong tình trạng dằng co như vậy. Chỉ có điều khác là trong khi thức tình trạng đó được diễn ra một cách có ý thức. Hậu quả của nó cũng chẳng khác gì trong giấc mơ, đương sự cũng ở trong tình trạng bất ổn, lo lắng phập phồng. Chính điều này cũng gây cho đương sự những đau khổ khủng khiếp. Họ như một người bị phân thân thành hai con người khác hẳn nhau. Con người thứ nhất thì muốn thỏa mãn những mong muốn quá đáng đó, còn con người thứ hai thì lại do nhiều lí do khác nhau mà từ chối những ham muốn đó. Hai con người này đấu tranh với nhau trong chính anh ta. Hai con người này lại cũng chính là anh ta. Kết quả của cuộc đấu tranh đó có như thế nào đi chăng nữa thì cũng không tránh khỏi tâm trạng lo lắng bồn chồn. Huống chi kết quả của cuộc đấu tranh này bao giờ cũng làm cho những ham muốn quá đáng bị thất bại, dẫn đến những cơn ác mộng thì làm sao tránh khỏi đau khổ, hãi hùng... Một tâm trạng mà bất cứ một người nào cũng có thể hiểu được do những cơn ác mộng gây ra.

Đặc điểm của những cơn ác mộng là thường ít biến dạng, không bị kiểm duyệt nhưng lại là ham muốn không được hoan nghênh, bị xua đuổi, bị dồn ép. Sở dĩ

như vậy là do có sự thay thế sự kiểm duyệt bằng sự phập phồng lo lắng vì trong những cơn ác mộng, sự kiểm duyệt không còn đủ sức thực hiện chức năng của mình. Chính sự lo lắng phập phồng đã chứng tỏ sự ham muốn mạnh hơn sự kiểm duyệt. Tâm trạng lo âu phập phồng nói lên sự lo lắng của dương sự, của cái Tôi trước sức mạnh của những ham muốn quá đáng này mà trước đây người ta đã kìm hãm được. Nói cho đúng hơn thì trước sức mạnh của những ham muốn quá đáng trong những cơn ác mộng cũng có biến dạng đi ít nhiều. Điều đó nói lên cũng vẫn có mặt một sự kiểm duyệt nào đó. Nhưng vì sự kiểm duyệt cảm thấy có nguy cơ không thể kiểm duyệt nổi nên phát sinh ra sự lo lắng. Sự lo lắng này bổ sung cho sự kiểm duyệt chứ không thay thế hoàn toàn sự kiểm duyệt. Đây là một sự kiểm duyệt bất lực chứ không phải là không có một sự kiểm duyệt nào, không có những khuynh hướng chống lại ham muốn.

Trong đời thường mỗi người trong chúng ta cũng thường rơi vào tình trạng như vậy. Sự bất lực của con người trước tình thế khó khăn phức tạp mà không có trong tay những phương tiện đủ tin cậy để làm chủ tình thế thì đương nhiên phải dẫn đến những lo lắng khôn nguôi. Làm sao tránh được sự áy náy trong lòng vì cảm thấy mình bất lực trong những trường hợp khó khăn tương tự. Sự bất lực dẫn đến lo âu, bồn chồn và ngược lại, chính sự lo âu, bồn chồn này lại làm cho người ta rơi vào sự rối loạn. Các cơn ác mộng đến lượt nó lại là hậu quả của những tác động đó. Vì thế Tâm phân học cho rằng sự lo âu bồn chồn trong giấc ngủ đạt đến một mức nào đó sẽ dẫn đến những cơn ác mộng, rồi chính

những cơn ác mộng đến lượt nó lại dồn con người vào những lo âu bồn chồn kéo dài trong một thời gian nhất định trong cuộc đời những con người chúng ta.

Để hiểu rõ thêm về những cơn ác mộng, Tâm phân học còn cho chúng ta biết một điều quan trọng khác mà chúng ta không thể bỏ qua được. Những cơn ác mộng xảy ra chính là một *sự trừng phạt* đối với những ham muốn quá đáng trong giấc mơ. Trong những giấc mơ thông thường, chúng ta đã thấy những khuynh hướng chống đối lại việc thỏa mãn những ham muốn trong giấc mơ của đương sự. Chúng ta lại được biết rằng người nằm mơ như bị phân thân: một kẻ muốn thỏa mãn những ham muốn mà không kể lí lẽ gì hết, còn kẻ khác lại do dự lo lắng không muốn cho những khuynh hướng đó được thực hiện và tìm mọi cách làm cho ham muốn đó bị thất bại nhưng lại không có trong tay những phương tiện cần thiết đủ tin cậy nên rơi vào tâm trạng lo lắng phập phồng là lẽ đương nhiên. Sự chống đối trong những cơn ác mộng không dừng lại ở sự hạn chế. Sự biến dạng do kiểm duyệt lại chỉ có nghĩa là cắt xén chứ không ngăn chặn hoàn toàn. Trong những cơn ác mộng thì sự ham muốn lại thuộc loại xã hội không thể chấp nhận được nhưng nó lại rất mạnh, rất ương bướng nên chỉ còn cách là nâng sự kiểm duyệt hay đúng hơn là bên cạnh sự kiểm duyệt phải có *thêm sự trừng phạt*.

Tâm phân học cho rằng trong đời sống tinh thần khi thức cũng luôn luôn xảy ra sự trừng phạt đối với những ý tưởng xấu xa với những ham muốn quá đáng. Tình hình đó cũng được diễn lại trong những cơn ác mộng. Sự trừng phạt trong những cơn ác mộng được xem là đỉnh

cao của cuộc đấu tranh giữa những khuynh hướng rất hùng mạnh. Đó là khuynh hướng đại diện cho những ham muốn mạnh nhưng quá đáng một bên, bên kia là khuynh hướng đại diện cho cái Tôi xã hội trong người nằm mơ còn mạnh hơn. Vì nó mạnh hơn nên nó mới đủ sức trừng phạt khuynh hướng kia cũng mạnh không kém bao nhiêu. Sức mạnh đó không chỉ dừng lại ở sự kiểm duyệt (cắt xén) mà còn làm cho nó mất khả năng được thực hiện. Người gác đêm chỉ đủ sức ngăn chặn những cuộc phá rối thông thường. Để ngăn chặn những kẻ phá rối có lực lượng mạnh thì phải có cả một lực lượng gồm nhiều người đủ mạnh để có thể ngăn chặn được bọn phá rối vừa mạnh lại vừa liều lĩnh này.

Còn biện pháp lúc này không thể là dàn xếp mà *là trấn áp, là trừng phạt*. Chính sự đấu tranh quyết liệt giữa hai khuynh hướng, sự trừng phạt với những kẻ gây rối ngoan cố dẫn đến những ồn ào, những náo loạn lớn gây ra biết bao sự việc hãi hùng gây hoảng hốt cho nhiều người. Sự trừng phạt trong những cơn ác mộng gây ra những sự hãi hùng cho người trong cuộc không khác gì đối với sự trừng phạt những kẻ gian ngoan liều lĩnh lại có lực lượng như trong đời thường. Như thế có nghĩa là sự trừng phạt trong những cơn ác mộng đã *triệt tiêu* những ham muốn quá đáng. Điều đó có vẻ như có một cái gì không nhất quán trong Tâm phân học vì chính môn học này đã nhiều lần khẳng định là mọi giấc mơ đều nhằm thực hiện những ham muốn nào đó. Hình như bên cạnh những giấc mơ nhằm thực hiện những ham muốn lại còn những giấc mơ như những cơn ác mộng thì ngược lại, lại triệt tiêu những ham muốn.

Hoặc là lí luận của Tâm phân học còn có cái gì đó chưa hợp lí, không có cơ sở khoa học khi khẳng định giấc mơ chỉ có một mục đích duy nhất là thực hiện những ham muốn. Đó là những hoài nghi không phải là không đáng suy ngẫm sau khi đã được đọc, được nghe những giải thích của Tâm phân học, của chính Freud với tư cách là người khởi xướng ra môn học.

Về vấn đề này Tâm phân học yêu cầu chúng ta trước hết phải có một quan niệm rất linh hoạt về giấc mơ vì bản thân giấc mơ cùng nhiều hoạt động tinh thần khác là thiên hình vạn trạng. Đứng về mặt tính chất thì chúng không thay đổi nhưng hình thức và hệ quả thì nhiều khi lại trái ngược nhau. Điều đó không phụ thuộc vào bất kì ý muốn chủ quan của một người nào và nó thường tồn tại dưới những hình thức đối nghịch nhau. Và để cho sự hiểu biết của chúng ta thêm hoàn chỉnh hơn về giấc mơ, Freud giới thiệu với chúng ta một định nghĩa bao gồm được những đặc tính mới về giấc mơ. Định nghĩa này không hề phủ định nội dung cơ bản về giấc mơ đã được trình bày ở trên: "Giấc mơ là sự thực hiện một ham muốn, một sự sợ hãi, một sự trừng phạt"[1].

Qua định nghĩa trên về giấc mơ của Freud, chúng ta thấy có một sự trái ngược nhau vì để thỏa mãn một ham muốn lại gây ra sự sợ hãi, lại bị trừng phạt thì thực là khó hiểu trong lúc chúng ta lại nói là việc thực hiện một ham muốn bao giờ cũng mang lại một sự khoan khoái.

Tâm phân học cho rằng đời sống tinh thần thường có những ý tưởng ngược nhau nhưng lại rất gần gũi với

[1] Sđd, tr 262.

nhau để cùng diễn tả một tính chất chung. Định nghĩa trên đã nói lên trường hợp đó vì nói cho cùng thì sự sợ hãi, sự trừng phạt cũng *là một ham muốn*, ham muốn trong con người thứ hai (đã phân thân) ở ngay trong lòng đương sự. Ham muốn này cũng là cái vô thức như những ham muốn khác trong giấc mơ mà đương sự không hay biết. Hay nói một cách khác đó là ham muốn của khuynh hướng đi kiểm duyệt, của người kiểm duyệt dưới một hình thức quyết liệt và triệt để hơn, một hình thức kiểm duyệt không khoan nhượng. Chúng ta cũng có thể hiểu được rằng đây là hệ quả của một ham muốn tội lỗi, không được hoan nghênh trong giấc mơ, trong cơn ác mộng, là một ham muốn bị trừng phạt.

Như vậy là Tâm phân học vẫn trung thành với quan điểm cho rằng mọi giấc mơ biến dạng đều là thực hiện một ham muốn nào đó. Ham muốn đó có thể được thực hiện hoàn toàn hay một phần và mang lại sự khoan khoái cho người nằm mơ. Nó cũng có thể không được thực hiện nhưng nó vẫn là một ham muốn, một ham muốn bị thất bại, bị trừng phạt và bị triệt tiêu.Trong trường hợp này dĩ nhiên là đương sự không thấy thoải mái, khoan khoái và thay vào đó là sự lo sợ, thậm chí cả sự đau khổ.

Đến đây chúng ta thấy quan niệm về giấc mơ của Tâm phân học không có gì là không nhất quán vì đặc tính có thể thay đổi, hình thức có thể khác đi nhưng tính chất của giấc mơ vẫn còn nguyên vẹn.

Ngoài những giấc mơ khi được thực hiện mang lại cho con người những cảm giác khoan khoái, những cơn ác mộng cũng thực hiện những ham muốn nhưng kết

quả lại là đau khổ. Tâm phân học còn giới thiệu với chúng ta những giấc mơ chỉ nói lên những dự tính, những cảnh cáo, những sự sửa soạn, những suy nghĩ để giải quyết một vấn đề nào đó...

Điều giới thiệu trên của Tâm phân học rất phù hợp với những mong muốn của những ai muốn thực sự tìm hiểu Tâm phân học nói chung và lí thuyết về giấc mơ nói riêng. Vì chính Tâm phân học cũng thừa nhận giấc mơ là một hiện tượng thiên hình vạn trạng. Hơn nữa trong đời thường chúng ta cũng luôn gặp những giấc mơ thuộc loại này. Tâm phân học chẳng đã thừa nhận giấc mơ chẳng qua chỉ là những gì còn sót lại trong ngày đó sao. Mà trong ngày mỗi người thường có những ham muốn và cả những dự tính, những sự sửa soạn, những suy nghĩ. Như vậy, những gì còn sót lại trong ngày nhất định phải có cả những dự tính, những suy nghĩ, những sửa soạn và những cảnh cáo... và chúng phải là nội dung của những giấc mơ thuộc loại này.

Theo Tâm phân học thì giấc mơ gồm nhiều yếu tố hợp thành. Trong khuôn khổ mà chúng ta đang tìm hiểu, những giấc mơ nói về những dự tính, những sửa soạn... thì có thể coi giấc mơ là sự cấu thành của những gì còn sót lại trong ngày và những ham muốn vô thức bắt nguồn từ những kỉ niệm xa xôi trong thời thơ ấu. Cả hai yếu tố này là hai loại vô thức khác nhau bắt nguồn từ hai nguồn gốc khác nhau. Những gì còn sót lại trong ngày cũng là vô thức nhưng lại bắt nguồn từ những kỉ niệm gần hơn, những kỉ niệm hiện tại trong đời thường. Còn những ham muốn kia là vô thức bắt nguồn từ những kỉ niệm xa xôi trong quá khứ. Những

cái còn sót lại như những dự tính... tự nó không dẫn tới việc hình thành giấc mơ. Muốn cho giấc mơ hình thành thì ngoài việc phải *có cái gì còn sót lại trong ngày* còn phải có một cái gì đó thêm vào. Cái đó chính là một ham muốn mạnh mẽ, thầm kín nhưng đã bị dồn ép từ lâu và chỉ có sự ham muốn này tham gia thì mới hình thành được giấc mơ mà thôi.

Như vậy, những gì còn sót lại trong ngày chỉ là *những điều kiện*, chỉ là cái cớ để cho ham muốn vô thức đã bị dồn ép từ lâu xuất đầu lộ diện với tư cách là động lực, là nguyên nhân của mọi giấc mơ. Nói một cách khác thì những gì còn sót lại trong ngày như những dự tính những sửa soạn... chỉ là *hình thức biểu hiện* của những ham muốn đã có từ thời xa xôi và đã trở thành ham muốn vô thức mà người nằm mơ không hay biết. Để cho dễ hình dung, chúng ta có thể coi những ham muốn vô thức bắt nguồn từ những kỉ niệm xa xưa, từ thời thơ ấu là nguyên nhân chính, là động lực của mọi giấc mơ. Những gì còn sót lại trong ngày, những dự tính, những suy nghĩ... cũng là cái vô thức nhưng lại chỉ giữ vai trò biểu hiện của giấc mơ, là nội dung của giấc mơ. Nội dung này cũng nói lên một phần của những vô thức (ham muốn) bắt nguồn từ những kỉ niệm xa xưa trong thời thơ ấu.

Theo sự trình bầy ở trên, chúng ta thấy theo quan niệm của Tâm phân học thì mọi giấc mơ đều thực hiện những ham muốn kể cả những giấc mơ chỉ nói lên những dự định, những suy nghĩ, những sửa soạn... Những ham muốn này lại thường là những ham muốn đã có từ xa xưa bị dồn ép xua đuổi vào trong vô thức. Freud viết:

"Có một cái gì góp phần vào những gì còn sót lại trong ngày và cái đó chính là một ham muốn mạnh mẽ nhưng bị dồn ép và chỉ có sự ham muốn này mới gây ra giấc mơ thôi"[1].

Để làm rõ quan niệm trên của Tâm phân học, Freud giới thiệu với chúng ta một ví dụ để tiện so sánh. Gọi là ví dụ thì bao giờ cũng hơi đơn giản và còn những điều thiếu hoàn chỉnh nhưng dù sao cũng giúp cho chúng ta một cái gì đó trong việc xem xét vấn đề.

Theo Freud thì bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải có một hay nhiều nhà doanh nghiệp cùng hoạt động. Dù là một hay nhiều thì họ đều là những ông chủ sở hữu một phần tài sản nhất định để góp vốn. Những ông chủ này lại điều hành công việc thông qua những người quản lí mà những người này cũng có đóng góp tiền của vào vốn chung tuy có phần ít hơn những ông chủ. Doanh nghiệp này hoạt động như thế nào là do những người quản lí trực tiếp điều hành nhưng vẫn phải thực hiện theo hướng mà các ông chủ vạch ra. Người quản lí có quyền phát huy sáng tạo trong việc điều hành nhưng những ông chủ vẫn tham gia một phần vào việc quản lí này. Trong ví dụ trên chúng ta thấy những ham muốn vô thức từ xa xưa được tượng trưng bằng những nhà doanh nghiệp, những ông chủ có nhiều vốn và dĩ nhiên là có vai trò quyết định mọi công việc của doanh nghiệp, đồng thời cũng tham gia vào việc quản lí doanh nghiệp và điều hành công việc. Những gì còn sót lại trong ngày tức những vô thức bắt

[1] Sđd, tr 271.

nguồn từ những kỉ niệm gần được tượng trưng bằng những nhà quản lí. Họ là những người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp theo hướng của những ông chủ mà chính họ là những ông chủ nhỏ vì họ cũng có góp phần vào vốn chung. Chỉ có điều là vốn của họ ít hơn nhiều so với vốn của những ông chủ chính và chỉ có quyền có sáng kiến riêng trong điều hành công việc hàng ngày theo hướng chung đã được vạch ra từ trước. Hai bộ phận đó coi như hai yếu tố trong giấc mơ. Vai trò của các ông chủ bao giờ cũng có ý nghĩa quyết định mọi sự hình thành và mọi hoạt động của doanh nghiệp như những ham muốn vô thức bị dồn nén từ thời thơ ấu trong việc hình thành giấc mơ. Mọi hoạt động cụ thể của doanh nghiệp thuộc những nhà quản lí cũng giống như vai trò của những vô thức bắt nguồn từ những kỉ niệm gần, những gì còn sót lại trong ngày và được biểu hiện trong giấc mơ như là nội dung của giấc mơ.

Vì vậy những giấc mơ nhằm thỏa mãn những dự định, những suy nghĩ... cũng chỉ là giấc mơ như mọi giấc mơ khác nhằm thực hiện những ham muốn đã trở thành vô thức từ thời thơ ấu cũng như những ham muốn còn sót lại trong ngày, những kỉ niệm gần nhưng cũng đã thành vô thức.

Tâm phân học bao giờ cũng coi trọng những kỉ niệm trong thời thơ ấu. Những kỉ niệm đã trở thành vô thức từ rất lâu và có vai trò quyết định trong mọi giấc mơ cũng như trạng thái tâm lí của cả một đời người. Những kỉ niệm đó, những sự kiện trong thời thơ ấu trong nhiều trường hợp đã làm cho cuộc sống của một con người chuyển sang một hướng khác hẳn. Một đứa

trẻ rất hồn nhiên yêu đời nhiều khi chỉ vì một sự kiện nào đó xảy ra với em đã làm cho em trở thành một con người lầm lì khó tính trong suốt cả một đời người. Điều này có một ý nghĩa thực tế vô cùng quan trọng đối với các bậc cha mẹ nói riêng, đối với xã hội nói chung nhất là đối với những nhà giáo dục. Ở đây không phải chỉ có ý thức trách nhiệm trong việc quan tâm đến đời sống về mọi mặt của trẻ thơ đặc biệt là đời sống tình cảm, đời sống tâm lí của các em. Cái quan trọng *là cách quan tâm và nhất là nội dung giáo dục các em.* Vì nội dung và phương pháp giáo dục thường có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách, nhất là cốt cách của mỗi em.

Đừng bao giờ tự cho phép mình đối xử với trẻ nhỏ như thế nào cũng được với ý nghĩ quá đơn giản là *các em sẽ quên đi, các em chưa biết gì, chẳng sao cả vì chúng là trẻ con...*

Loài người thường có thói quen rất tự nhiên nhưng cũng rất đáng sợ. Người ta thường lên án những gì gây chết người ngay theo nghĩa đen của nó tức sự lìa khỏi cuộc sống. Nhưng lại rất coi thường những sự gây chết người dần dần kéo dài sự đau khổ cho đến khi chết hẳn nhưng vẫn phải có mặt ở đời. Vì vậy, loài người đã quan tâm đến những cái chết tức thì cũng nên quan tâm đến những cái chết dần dần hoặc đã chết thực sự nhưng vẫn phải có mặt ở đời. Để làm được việc đó Tâm phân học giới thiệu với chúng ta một quan niệm về vai trò của những kí ức còn lại trong thời thơ ấu, nhất là những kí ức tạo ra một trạng thái tâm lí sâu sắc, những vết hằn, vết rạn nứt không dễ gì biến mất khi trưởng thành.

Trớ trêu thay một quan niệm như vậy lại gây một sự phản ứng khá quyết liệt ở nhiều người kể cả hiện nay mặc dù quan niệm đó đã xuất hiện cách đây một thế kỉ. Trong khi đó hầu hết tất cả mọi người đều thừa nhận rằng một tờ giấy trắng tinh khôi nếu dính một vết nhơ nhỏ, nhẹ đến đâu cũng hiện ra khá rõ trên tờ giấy mà rất khó xoá sạch như cũ, nhiều khi không thể xoá được, thậm chí dấu vết đó ngày càng hằn sâu hơn. Trong khi đó nhiều tờ giấy đầy những vết nhơ dù có dính thêm một vài vết nhơ nữa cũng rất khó nhận ra và cũng chẳng ảnh hưởng bao nhiêu đến tờ giấy. Nhiều trường hợp sau khi đã xảy ra người ta có thể không nhận ra tờ giấy có thêm những vết nhơ gì mới. Hoặc có để lại chút ít gì đó thì cũng chẳng ai thèm quan tâm. Trong trường hợp thứ nhất chỉ một vết nhơ nhỏ cũng có thể làm cho sự vật thay đổi về chất, từ một tờ giấy trắng tinh khôi thành một tờ giấy không còn trắng tinh khôi nữa, thành tờ giấy bẩn. Trong trường hợp thứ hai thì chỉ dẫn đến một sự thay đổi về lượng mà thôi. Một tờ giấy vốn là nhem nhuốc, một vết bẩn nữa có thể làm cho nó bẩn thêm chút ít nhưng nó vẫn là một tờ giấy bẩn từ trước. Như vậy, ở đây không có một sự thay đổi gì về chất cả. Nói như vậy không có nghĩa là với tờ giấy bẩn thì cứ tha hồ làm cho nó bẩn thêm nhưng để lấy lại mầu trắng ban đầu của nó thì lại không dễ gì, không đơn giản như nhiều người nghĩ. Những người này cho rằng, xã hội và con người có đủ tài giỏi để làm lại mọi cái như mới. Từ đó coi thường việc làm nhơ tờ giấy trắng và coi như vô sự. Đối với tuổi ấu thơ, nếu ai đó còn cho rằng người lớn muốn sơn phết gì lên tâm hồn

các em cũng được. Lớn lên sẽ đâu vào đó cả và chúng ta sẽ có những công dân tương lai hoàn hảo như chúng ta muốn chẳng khó khăn gì cho lắm vì xã hội ưu việt của chúng ta có thừa những điều kiện để làm việc đó. Một điều đáng buồn là trong thời đại ngày nay mà còn có người ra sức bài bác các nhà giáo dục quan tâm đến các cấp học thấp đặc biệt là các lớp mẫu giáo và nhà trẻ. Cứ nhìn bề ngoài thì hình như người ta đã quan tâm nhiều đến các cấp học này nhưng rất tiếc đó chỉ là trên giấy tờ. Thử hỏi đã có bao nhiêu thầy cô giáo và những người quản lí ở cấp học này được đi đào tạo ở những nơi có nhiều thành công nhất trong lĩnh vực này. Trong khi đó thì những thầy cô giáo và những người quản lí ở những cấp học này đang thiếu và yếu nghiêm trọng có thể coi là đang trong tình trạng cấp cứu. Hình như người ta cho rằng việc giáo dục ở những cấp thấp không cần đào tạo công phu, ta có thừa khả năng để làm tốt việc này. Trong khi đó xét về thực chất mà nói chúng ta lại đang ở mức yếu kém nhất so với các cấp học khác. Khoa học giáo dục trẻ em đã và sẽ còn là một khoa học khó nhất trong giáo dục học nói chung. Trong lĩnh vực này còn khá nhiều điều bí ẩn đối với những nhà giáo dục trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng. Đấy là chưa nói đến quan niệm cho rằng ai cũng có thể làm thầy ở những cấp học này nói riêng và của cả nền giáo dục quốc dân nói chung.

Ở đời chúng ta thường gặp những nghịch lí tức cười. Một nội dung như nhau nhưng ở chỗ này thì người ta hoan nghênh nhiệt liệt nhưng ở nơi khác (nhất là đối với những lí thuyết mà chúng ta coi không phải của ta)

thì người ta lại lên án kịch liệt không những không kém mà đôi khi còn mạnh mẽ hơn nhiều sự hoan nghênh. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà nhiều người coi cuộc đời là những gì hài hước nhất trong mọi cái hài hước trên đời, cuộc đời là phi lí nhất trong mọi cái phi lí trên đời này là như vậy.

Tâm phân học chưa bao giờ tự nhận là một học thuyết đạo đức, một lí thuyết giáo dục, thậm chí Freud cũng không dám nhận mình là một nhà xã hội học, nhưng nó lại giới thiệu với chúng ta những quan niệm nếu chúng ta cho là có ích, là hợp lí thì những quan niệm đó lại có giá trị như những ý tưởng nền tảng cho nhiều ngành học khác về con người. Tâm phân học còn có ý nghĩa gì cho các ngành khác là tùy thuộc vào sự thẩm định của mỗi người. Đối với những nhà Tâm phân học thì trước hết và bao giờ nó cũng là một phương pháp, một kĩ thuật để giải thích những căn bệnh tâm thần và chữa trị chúng. Vì vậy, Tâm phân học yêu cầu chúng ta trong khi giải thích giấc mơ cần chú ý đến mấy điều sau đây:

Như đã nhiều lần khẳng định trong những phần đã bàn ở trên, giấc mơ bao giờ cũng là hiện tượng mơ hồ. Nó luôn biến đổi từ hình thức thể hiện đến nội dung, cũng như chiều hướng của những ý tưởng trong giấc mơ. Tính chất mơ hồ và luôn biến đổi cũng không phải là những đặc tính riêng của giấc mơ. Nó còn là đặc tính của rất nhiều lĩnh vực khác như ngôn ngữ bao gồm cả chữ viết và tiếng nói. Việc đọc và đoán các chữ viết cũng như nghe những lời nói của người khác chẳng khác gì như *đoán mộng* vì chữ viết cũng như những lời

nói cũng chỉ là những hình thức thay thế cho một cái gì đó không hẳn là nó. Tiếng nói và chữ viết cũng chỉ là những kí hiệu tượng trưng cho những ý tưởng của người nói và người viết chẳng khác gì cho lắm những kí hiệu tượng trưng trong giấc mơ. Sự khẳng định như vậy của Tâm phân học đã được chứng minh trong nhiều ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc từ cổ xưa đến hiện đại mà Freud đã tự mình nghiên cứu và dựa vào những công trình khảo cứu về ngôn ngữ thuộc các dân tộc khác nhau của nhiều nhà nghiên cứu đã được công bố. Trong công trình của R. Abel một nhà ngôn ngữ học (1884), có nhiều điều thực đáng quan tâm. Ông ta thường nói rằng khi người ta gặp những ngôn ngữ cổ, những chữ có nhiều nghĩa, ta không nên cho rằng những chữ đó chỉ có hai nghĩa. Giọng nói của người nói cũng như cử chỉ của họ dủ cho ta biết họ định nói theo nghĩa nào. Trong chữ viết, người ta không thể nhìn thấy cử chỉ thì người ta thường ghép vào bên cạnh chữ một hình vẽ như một người đứng thẳng để chỉ người đó khoẻ mạnh. Hình vẽ người ngồi xổm để chỉ người đó sức khoẻ kém. Trong ngôn ngữ cổ Ai Cập cũng có tình trạng trên. Đấy là chưa nói đến chữ cổ Ai Cập viết không có giãn cách giữa các từ nên rất khó phân biệt chữ đó thuộc câu trên hay câu dưới. Tiếng Trung Hoa được coi là một ngôn ngữ phát triển đủ sức diễn tả tư tưởng của con người thì cũng dầy rẫy những điều mơ hồ. Một ngôn ngữ có tới 4000 chữ, tới 400 vần mà mỗi chữ có tới 10 nghĩa khác nhau. Vì vậy, đọc và nghe tiếng Trung Hoa phải đoán chẳng khác gì đoán mộng.

Trước đây, người ta thường có cái nhìn hoài nghi,

khinh thường những kết quả của những nhà chuyên môn làm nhiệm vụ giải mã những bia cổ trong thành Babylone. Họ thường gán cho những nhà chuyên môn này là những tên đại bịp chuyên đi lường gạt thiên hạ. Nhưng đến năm 1857 Hội đồng Hoàng gia khảo cứu về Châu Á đã thành công trong một thí nghiệm đầy ý nghĩa thuyết phục. Hội Hoàng gia yêu cầu bốn nhà chuyên môn gửi đến cho Hội những lời giải của một tấm bia cổ. Dĩ nhiên việc này được giữ kín để những người được hỏi không biết ý đồ của Hội. Kết quả thực là không ngờ vì cả bốn lời giải của cả bốn người khác nhau, không hề biết nhau lại rất giống nhau và rất phù hợp với những gì mà người ta đã tìm ra khi nghiên cứu tấm bia cổ đó. Từ đó người ta mới bắt đầu tin vào những kết quả đạt được qua việc giải mã những tấm bia cổ. Trong vòng vài thập kỉ qua trên thế giới đã hình thành một đội ngũ những người chuyên môn có nhiệm vụ tìm cách giải mã những chữ viết, những kí hiệu, những hình vẽ trên những di vật tìm thấy ở vùng Trung Đông, nhất là ở Jérusalem, theo truyền thuyết là nơi xuất hiện Chúa và Người tu luyện ở đó. Trước những hoạt động này cũng nổi lên những bài xích quyết liệt của một số người vốn đã nghi hoặc hay còn tư tưởng biệt phái trong khoa học. Người ta viện lẽ làm gì có Chúa mà còn bút tích của Người... Người ta luôn khẳng định rằng Chúa là hiện thân của những ước mơ của chính họ, Chúa là do con người tạo dựng lên. Và như thế thì con người cũng có thể nhân danh Chúa để nói lên những lời nhân danh Chúa theo trí tưởng tượng của chính con người cũng là chuyện rất hợp lôgíc, là chính

đáng chứ đâu có phải là một điều nhảm nhí. Nếu cần phải phê phán thì sự phê phán này chỉ nên dành cho những người mượn tiếng khoa học để làm những điều xấu xa mà thôi.

Ngày nay không thiếu gì những tôn giáo đã công khai khẳng định rằng Thần Thánh với họ chỉ là những biểu tượng thuần tuý của một niềm tin nào đó mà thôi, một niềm tin rất đời thường chứ không có gì là bí hiểm cả. Một số tôn giáo khác lại cho rằng Thần, Phật cũng chỉ là những con người có thực đã được người đời tôn lên thành Thánh chẳng qua là vì những vị này đã có một tấm lòng nhân ái cao cả khác thường mà thôi. Một thái độ nghiêm chỉnh là dù sự thực là thế nào đi chăng nữa thì việc đầu tiên là hãy nghiên cứu nghiêm túc và trung thực những di sản đó. Chưa nghiên cứu mà đã bác bỏ một cách võ đoán là một việc làm nên tránh, vì trong những vết tích của người xưa để lại không thiếu gì những điều có ý nghĩa đối với cuộc sống đương đại của chúng ta hôm nay. Hiện nay, qua những công trình nghiên cứu về những di sản cổ xưa, người ta đã tìm thấy bao điều có ý nghĩa cho hôm nay mà trước hết là làm giầu cho kho tàng trí tuệ của nhân loại. Người ta đã thấy nhiều điều được phát hiện trong những di vật cổ, những điều tương tự như những điều đã được ghi trong *Tân ước* và *Cựu ước*. Những công trình loại đó đang được cả loài người quan tâm và đang được nhiều người tiến hành kiểm chứng lại.

Tất cả điều đó nói lên việc giải mã những kí hiệu trên các di tích cổ là một công việc khó khăn phức tạp nhưng không phải là những kí hiệu đó không nói lên

một cái gì có ý nghĩa trong đời sống của loài người hiện nay. Trong thần thoại và những truyện cổ tích có biết bao điều như ma quỷ, thần linh quái dị còn nói lên một cái gì đó có ý nghĩa trong đời sống của con người thì tại sao những gì xuất hiện trong giấc mơ của chính con người lại không nói lên cái gì có liên quan trực tiếp đến cuộc sống của con người khi thức. Vấn đề là dùng phương pháp và kĩ thuật nào cho có hiệu quả mà thôi.

Trước tình hình phức tạp và khó khăn trong việc giải thích những giấc mơ, Tâm phân học tha thiết đề nghị với chúng ta phải thận trọng và nghiêm túc vì bất cứ một sự giải thích nào cũng phụ thuộc vào người tiến hành việc giải thích. Đặc biệt là không thể tin vào đặc tính mơ hồ và biến động của giấc mơ mà cho phép chúng ta giải thích thế nào cũng được.

Điều đó chỉ có thể tránh được với phong cách làm việc kiên trì khéo léo và sự thông minh của nhà nghiên cứu.

Việc khảo cứu giấc mơ của Tâm phân học không phải chỉ để hiểu giấc mơ là thế này hay thế kia. Cũng không phải như A. Marder cho rằng giấc mơ là những khuynh hướng của tương lai muốn đem áp dụng vào việc tổ chức hiện tại, và cũng không phải giấc mơ là *sự sống lại* (linh hồn) sau khi người ta chết như quan niệm của W. Stekel và chỉ dừng lại ở đó.

Tâm phân học khảo cứu về giấc mơ để hiểu cơ chế, tổ chức hoạt động của các căn bệnh tâm thần và để chữa trị bệnh.

Vì vậy, việc giải thích giấc mơ đúng hay sai có liên quan trực tiếp đến mục đích chữa bệnh cho những người

mang bệnh tâm thần với những dạng bệnh khác nhau. Nếu việc giải thích không chính xác tất nhiên dẫn tới việc chữa trị không thành công. Nếu như việc chữa trị những căn bệnh tâm thần không thành công thì chắc chắn là bên cạnh những nguyên nhân khác nhất định có sự hiểu biết thiếu sót về giấc mơ. Đây là kết quả và cũng là cách tốt nhất để kiểm chứng lại những điều Tâm phân học quan niệm và việc giải thích đúng sai về những giấc mơ. Vì vậy Freud đã nói về mối liên quan giữa những giấc mơ và các chứng bệnh tâm thần như sau:

"Giấc mơ có thể giúp *chúng ta* hiểu được những bệnh thần kinh. Trái lại, chúng ta chỉ hiểu giấc mơ một cách hoàn bị hơn, chi tiết hơn nếu chúng ta hiểu rõ về chứng bệnh thần kinh"[1]. Hiểu được đúng đắn những giấc mơ cũng có nghĩa là hiểu đúng đắn những khuynh hướng nào, những ảnh hưởng gì và sự hoạt động của cái vô thức với tư cách là một hoạt động tinh thần. Vì thế Freud viết:

"Trái lại chỉ cần làm việc một số giờ thôi cũng đủ hiểu được giấc mơ, những tiền đề của môn Tâm phân học về tính cách vô thức của những hoạt động tinh thần xem chúng chịu ảnh hưởng của những khuynh hướng nào và chúng hoạt động ra sao. Và nếu chúng ta có thể thêm vào tính cách tương đồng giữa giấc mơ và bệnh thần kinh, một sự biến đổi nhanh chóng khiến cho người nằm mơ trở thành một người thức tỉnh biết điều thì chúng ta có thể chắc chắn căn bệnh thần kinh cũng là một sự suy sụp của những liên

[1] Sđd, tr 286.

quan thông thường giữa những động lực khác nhau trong đời sống tinh thần"[1].

Như thế các chứng bệnh thần kinh không phải là không chữa trị được nếu như chúng ta thực hiện kiên trì, khéo léo và thông minh các phương pháp, kĩ thuật của Tâm phân học để hiểu được đúng đắn giấc mơ, hiểu được cái vô thức với tư cách là một hiện tượng tinh thần và sự hoạt động của chúng.

[1] Sđd, tr 286.

Chương III
LÍ THUYẾT VỀ TÌNH DỤC

Trong Tâm phân học vấn đề tình dục có một vị trí vô cùng quan trọng vì như trên đã nói, cái vô thức có liên quan chặt chẽ với nội dung tình dục mà vấn đề tình dực lại có liên quan đến việc tìm hiểu các chứng bệnh tâm thần và cuối cùng để chữa trị các chứng bệnh này sao cho có hiệu quả nhất.

Tâm phân học là một môn học về các hoạt động tinh thần, đương nhiên nó nghiên cứu những vấn đề trên cũng theo hướng tìm ra ý nghĩa tinh thần của vấn đề đó. Nhưng để biết được đúng dắn ý nghĩa tinh thần của những vấn đề đó lại phải xem xét một cách toàn diện đặc biệt là về mặt sinh lí, về mặt liên quan đến cơ thể con người với tư cách một bộ máy sinh vật dù có là sinh vật ở con người. Cho nên nếu Tâm phân học có đề cập đến mặt sinh lí của vấn đề thì cũng không phải để tìm cơ chế hoạt động của những cơ quan sinh lí mà là để tìm ra *ảnh hưởng của nó về mặt tâm lí*, về mặt tinh thần và đi sâu mổ xẻ cơ chế, tổ chức hoạt động của những hoạt động tinh thần này. Cũng có thể có những ý kiến không đồng tình với định hướng nói trên của

Tâm phân học. Điều đó tuỳ thuộc vào quan niệm của mỗi người và đó là quyền thẩm định và lựa chọn của mỗi chúng ta. Chỉ có điều là đừng bao giờ nghĩ rằng Tâm phân học nghiên cứu vấn đề tình dục như các môn sinh lí học khác. Và nếu có cái gì không đồng tình thì nên đứng về phương diện tinh thần của vấn đề hay muốn nói như người ta thường nói đó *là trạng thái tâm lí của vấn đề tình dục* để bàn cãi. Chỉ có như vậy mới có khả năng tìm ra lời giải đáng tin cậy.

Còn nói rằng Tâm phân học chỉ chú trọng đến mặt tâm lí của vấn đề là không khoa học thì biết làm thế nào được vì hiện nay thiếu gì ngành học chỉ chuyên nghiên cứu về các hiện tượng tinh thần, các hiện tượng tâm lí thuần tuý. Mỗi môn học có định hướng và đối tượng nghiên cứu của riêng mình là chuyện bình thường trong các hoạt động khoa học. Vấn đề còn lại là vấn đề triển khai theo định hướng đó có cơ sở khoa học đáng tin cậy hay không và kết quả của nó ra sao đối với cuộc sống của con người mà thôi.

Cách đây một trăm năm cũng như hiện nay, trước con mắt người đời, vấn đề tình dục vẫn thường là *cái gì khó nói*. Những thành kiến lệch lạc đối với tình dục hiện nay tuy có một vài điều tiến bộ nhưng nói chung cách nhìn nhận sự việc vẫn còn mang nhiều ảnh hưởng của thời xa xưa mà hai khuynh hướng chủ yếu vẫn là: đề cao quá đáng hay xem thường, thiêng liêng hoá vấn đề hay lại coi là chuyện tục tĩu.

Việc cần thiết lúc này là hãy nhìn thẳng, không kiêng kị và đối xử với nó bằng một thái độ trong sáng,

lành mạnh giữa những con người, một thái độ *đạt tình thấu lí*. Đó là toàn bộ vấn đề chứ không phải là tránh né nó, cứ để cho nó tự do tác động một cách mù quáng dẫn con người đến tình trạng đau khổ, dẫn đến bao bi kịch nhiều khi làm thương tổn đến nền tảng đạo đức xã hội, đến luân thường đạo lí mà chính xã hội đã vô tình gây ra mà cứ yên chí là do những lực lượng nào đó ẩn náu đâu đây phá phách.

Khi nghiên cứu vấn đề tình dục Tâm phân học đã ý thức được rất rõ và rất đầy đủ những trở ngại do thành kiến lệch lạc của xã hội gây ra. Nhưng với một ý thức cao về sự cần thiết của vấn đề cũng như với tư cách một khoa học, Tâm phân học không do dự, không né tránh mà công khai đường đường chính chính, với một lương tâm chân chính của người thầy thuốc vẫn đi theo con đường đã lựa chọn với những ý tưởng không cần che giấu, Freud viết:

"Vì đây là lần đầu tiên chúng ta nói đến nội dung của đời sống tình dục, tôi phải nói cho bạn rõ tôi muốn nói đến vấn đề đó theo cách nào. Môn Tâm phân học không có lí do gì để nói một cách úp mở, hay chỉ nói đến những ám chỉ, môn này không xấu hổ khi xét vấn đề quan trọng đó, thấy rằng việc gọi sự việc bằng chính tên của chúng là một việc làm đúng và chính đáng, và đó là phương sách hay nhất để tránh những ý tưởng xấu xa. Việc có mặt trong cử toạ đại diện của cả hai phái nam nữ cũng chẳng thay đổi gì. Nếu chúng ta không có một khoa học dành riêng cho các ông hoàng bà chúa thì chúng ta cũng không có khoa học nào dành riêng cho những cô gái ngây thơ, và việc các bà hiện

diện hôm nay chứng tỏ rằng họ muốn được đối xử ngang hàng với các ông ít nhất cũng về phương diện khoa học"[1].

Vậy tình dục là gì? Một câu hỏi mà mỗi người trong chúng ta đã từng được nghe, được đọc không biết bao lần trong cuộc sống của mình. Một vấn đề gần như những chuyện cơm áo hàng ngày mà ai cũng thấy rất dễ trả lời mà không cần phải chuẩn bị trước. Ấy thế mà lại là một câu hỏi đòi hỏi một câu trả lời rõ ràng, dễ nghe cũng khó chứ đừng nói đến đủ tin cậy về mặt khoa học.

Tình dục là một nội dung quan trọng trong Tâm phân học, thế mà cả cuộc đời Freud với một cái giá phải trả quá đắt nhưng ông cũng chưa thực sự bằng lòng với bất cứ một câu trả lời nào về vấn đề đó. Tự ông cũng chưa dám đưa ra một định nghĩa nào đầy đủ như một định nghĩa khoa học hoàn chỉnh. Nhưng bằng những lời giải thích khác nhau, bằng những lập luận phong phú rõ ràng từng nơi từng lúc, chúng ta có thể hiểu được Tâm phân học đã quan niệm về tình dục như thế nào. Và đây cũng chỉ là lời giải thích của Tâm phân học với tư cách là một môn học cụ thể chứ không phải là lời giải thích thay cho những môn học khác. Những lời giải thích đó mang một nội dung thực tiễn rõ rệt[2] nhằm phục vụ cho việc triển khai đề tài mà môn học này có nhiệm vụ phải giải quyết, nó có thể còn nhiều chỗ chưa thực sự hoàn chỉnh. Nhưng cái chính là nó đã vừa đủ để phục vụ trực tiếp được yêu cầu của việc làm rõ vấn

[1] Sđd tr. 182 - 183.
[2] Sđd, tr. 182 - 183.

để chính yếu là hiểu được những bệnh tâm thần và trên cơ sở đó để ra cách chữa trị cũng như phòng ngừa rơi vào bệnh hoạn, và thực tế nó đã đem lại những kết quả to lớn. Nó còn vượt ra ngoài ý muốn của tác giả là đã hỗ trợ thiết thực cho nhiều môn khoa học khác, nhiều ngành hoạt động khác của con người trong một giới hạn nhất định nào đó.

Nội dung của khái niệm tình dục khá rộng. Có lẽ vì thế mà nhân loại cũng như Tâm phân học chưa tìm ra được một định nghĩa nào thực cô đọng mà vẫn nói lên được tất cả những nội dung cần có của một khái niệm khoa học. Cũng có thể đời sống tình dục chứa đựng nhiều điều bí ẩn có tính cách đặc trưng sâu sắc mà loài người và khoa học chưa phát hiện ra được nên cho đến nay chúng ta vẫn chưa có được một định nghĩa hoàn chỉnh.

Vì vậy, chúng ta hãy tạm bằng lòng với những lời giải thích của Tâm phân học về khái niệm tình dục. Quan niệm này của Tâm phân học có thể chưa hoàn chỉnh nhưng có lẽ nó cũng đủ cung cấp cho chúng ta những điều cần thiết phục vụ cho công việc mà chúng ta đang làm là tìm hiểu các chứng bệnh tâm thần để điều trị chúng cũng như phòng ngừa chúng. Không chỉ có thế mà còn đưa chúng ta tiến xa hơn để xây dựng những nhân cách phát triển đủ khả năng làm chủ được cuộc sống muôn mầu muôn vẻ của mỗi người.Mục tiêu đó vừa có vẻ hơi thực dụng nhưng lại vừa rất cao xa nhưng nó lại có thể giúp chúng ta hiểu vấn đề tương đối thuận tiện hơn mà không hề làm giảm đi tính chất khoa học nghiêm chỉnh và cần thiết.

Trong cuộc sống đời thường chúng ta thấy phổ biến khá rộng rãi một quan niệm cho rằng tình dục là tất cả những gì liên quan đến quan hệ giữa những người khác giới. Tâm phân học cho rằng một quan niệm như vậy là quá hẹp và rất mơ hồ. Nhưng đồng thời nó lại có phần hơi quá rộng. Điều đó chúng ta rất dễ dàng nhận ra vì tình dục đâu có phải là tất cả mọi quan hệ giữa nam và nữ. Còn nó lại quá hẹp vì với những người đồng tính luyến ái thì đâu có phải là quan hệ khác giới. Rồi chúng ta sẽ quan niệm như thế nào đối với những hành vi tự thỏa mãn tình dục bằng chính một bộ phận trong thân thể mình hoặc bằng một đồ vật nào đó. Còn nó là mơ hồ vì nó chẳng cung cấp cho chúng ta một chuẩn mực nào cụ thể khả dĩ giúp chúng ta nắm bắt được vấn đề chúng ta đang quan tâm.

Ngược lại với quan niệm vừa quá rộng lại vừa quá hẹp, rất mơ hồ nói trên còn một quan niệm khác còn chật hẹp hơn chỉ bao gồm những hành vi giao hợp giữa những người khác giới, những hành vi tìm kiếm những khoái cảm thông qua việc làm tình theo đúng nghĩa đen của nó, bằng thân thể người khác giới. Tâm phân học cho rằng quan niệm này rất phù hợp với những quan niệm tục tĩu về tình dục. Nếu tình dục chỉ có như vậy thì vấn đề sinh con đẻ cái có được xem là thuộc đời sống tình dục hay không?.. Trái lại, nếu đời sống tình dục nhất thiết phải bao gồm cả sự sinh con đẻ cái thì lại gạt ra ngoài định nghĩa tình dục tất cả những hoạt động tình dục khác không nhằm mục đích sinh sản như những nụ hôn mang tính chất tình dục thật rõ ràng. Đó là những nụ hôn mang lại những khoái cảm đặc biệt

chứ không phải những nụ hôn ngoại giao hay những nụ hôn tương tự như vậy. Loại nụ hôn mang tính cách tình dục có liên quan rất nhiều đến vấn đề sinh đẻ nhưng vắng nó người ta vẫn có thể sinh đẻ bình thường.

Trên thế giới còn lưu hành rất nhiều quan niệm rất khác nhau về tình dục như quan niệm về tình dục của Sillberer. Quan niệm này cho rằng tình dục như là "một sai lầm vì muốn giấu giếm". Quan niệm này có thể nói lên được một đặc tính mang tính chất tâm lí của khái niệm nhưng nó lại không phải là đặc tính bản chất và chỉ có tính đặc trưng riêng biệt, vì trên đời này thiếu gì những hành vi chẳng quan trọng gì cho lắm mà người đời cũng muốn giấu giếm. Nhưng nếu chúng ta tiến hành một khảo sát đời sống tình dục của những người cổ xưa cũng như của một số người tuy không nhiều lắm trong xã hội văn minh ngày nay thì thấy người ta đâu có cần giấu giếm người khác. Không cần đi đâu xa, cứ nhìn vào sinh hoạt tình dục của một số dân tộc ít người trên đất nước ta, chúng ta còn thấy những phong tục tập quán có từ bao giờ không biết nhưng cứ sau mỗi lần nam nữ làm tình với nhau là họ đến thưa chuyện với cha mẹ và dân làng mà không cần giấu giếm gì.

Nếu như người ta gộp tất cả nhưng quan niệm nói trên lại trong một định nghĩa về tình dục,chúng ta vẫn chưa có được một định nghĩa khoa học về tình dục vì tất cả những quan niệm đó chưa nói lên được những đặc trưng bản chất nhất và phổ biến nhất của đời sống tình dục. Ngoài ra còn phải kể đến những hoạt động tình dục của những con người chỉ thoả mãn được khát dục bằng những hành vi bất bình thường so với những

hành vi bình thường mà nhân loại đã để lại từ đời này sang đời khác, mà đã được nhiều người chấp nhận. Một trong những hành vi tình dục bất bình thường có thể làm cho chúng ta hết sức ngạc nhiên là cách tự hành hạ mình cũng như hành hạ đối tượng tình dục của mình. Với loại người này hình như càng làm cho đối tượng tình dục của mình đau đớn bao nhiêu thì họ càng được thoả mãn bấy nhiêu. Trong số những người này có những người chỉ thoả mãn tình dục bằng cách thức mà những người bình thường coi là những cử chỉ chuẩn bị... Vì thế Freud viết:

"Một định nghĩa nào có thể nói đến sự khác biệt giữa phái nam và phái nữ, sự sung sướng trong vấn đề thỏa mãn, nhiệm vụ sinh con, và luôn cả tính cách tục tĩu khó coi của tình dục, của những hành động đáng phải giấu giếm, có thể đủ dùng cho mọi nhu cầu thực tế của cuộc đời. Nhưng khoa học không thể thoả mãn như vậy với một định nghĩa tương tự. Sau khi khảo sát kĩ càng tỉ mỉ, chúng ta thấy là có một loại người mà đời sống tình dục khác hẳn đời sống của đa số người khác. Nhiều người trong bọn người "sa đoạ" này không còn để ý gì đến sự khác biệt giữa "cái "và "đực" nữa... Họ có thể đem so sánh với những con quỷ quái dị thô bỉ trong bức hoạ của P.Breughel đang tìm cách cám dỗ thánh Antoine"[1]... Và Freud đã kết luận về những hành vi tình dục sa đoạ như sau:

"Tất nhiên những hành vi đó có tính cách tục tĩu thực sự và khó coi đến trở thành nhơ nhuốc"[2].

---

[1] SdT, tr. 355 - 356.

[2] Sđd, tr 358.

Một vấn đề đặt ra là thái độ của chúng ta đối với những hành vi tình dục sa đoạ, tục tĩu, nhơ nhuốc trên như thế nào? Vì nó tục tĩu... nên chẳng có gì đáng quan tâm hay phải nghiên cứu những hiện tượng đó như bất cứ một hiện tượng nào khác trong cuộc sống mà chúng ta quan tâm.

Có người còn cho rằng những hành vi tục tĩu như vậy làm gì có trong xã hội. Đó chỉ là sự tưởng tượng của Tâm phân học mà thôi. Sự thực không phải là như vậy. Vì cho là tục tĩu, bẩn thỉu mà người ta không muốn bàn đến nó chứ không phải là người ta không thấy nó sờ sờ ra đó trong đời sống thường nhật. Một công trình của Ivan Bloch đã khẳng định rằng: Những sự bất bình thường kinh tởm điên rồ này vẫn có từ xưa tới nay, trong mọi thời đại, trong mọi dân tộc, dù bán khai hay văn minh nhất, nhiều khi còn được xã hội tha thứ và công nhận nữa. Chúng ta hãy còn nhiều dịp để bàn đến ý kiến của tác giả trên còn bây giờ hãy tiếp tục tìm hiểu định nghĩa về tình dục, một vấn đề mà chúng ta đang quan tâm.

Theo những định nghĩa đã giới thiệu trên (cứ tạm gọi là định nghĩa), cái dập vào mắt chúng ta là một bản liệt kê nhiều cách thức thoả mãn tình dục mà chắc là hãy còn thiếu nhiều nhưng cái thiếu quan trọng nhất là chưa thấy rõ những đặc tính, những tính chất chung của các hành vi tình dục. Nếu đâu đó có nói tới thì nó lại bị chìm đi trong hàng loạt những phương cách khác nhau.

Đặc tính chung nhất, đồng thời cũng chỉ định mục đích của mọi hành vi tình dục đó là những khoái cảm, sự dễ chịu, là phút giây sung sướng trong sự thoả mãn.

Sự sung sướng trong vấn đề thoả mãn tình dục này được Tâm phân học gọi là sự khoái cảm bao gồm những cảm xúc đặc biệt, những cảm xúc mạnh đạt trình độ cao trong mọi cảm xúc. Cũng chính vì vậy trong phần khái luận chúng ta đã nói rằng tình dục phải được hiểu theo nghĩa rất rộng bao gồm mọi tình yêu. Chúng ta còn nói thêm rằng tình yêu này phải có khả năng khi được thực hiện, được thoả mãn nó sẽ mang lại cho con người những xúc cảm đặc biệt, những khoái cảm đặc biệt và như vậy có thể gọi tình dục là loại tình yêu đặc biệt theo cách nói trên, chứ không phải bất cứ loại tình yêu nào chỉ mang lại những cảm xúc thông thường. Đây là loại tình yêu có sức mạnh to lớn. Ở đâu có loại tình yêu này là có khả năng tạo ra cho con người một trạng thái tinh thần, một trạng thái tâm lí hưng phấn cao làm động lực cho những sáng tạo có ý nghĩa, những phút xuất thần và nói chung là một sự thăng hoa nơi mỗi nhân cách, một bước nhảy vọt về tâm hồn... đều thuộc phạm trù tình dục theo quan niệm của Tâm phân học. Một thứ tình dục lành mạnh có ích cho đời cũng như cho chính bản thân mỗi người. Còn những hành vi tình dục khác như tình dục sa đọa cũng có thể mang lại những cảm xúc mạnh, những khoái cảm mãnh liệt nên cũng được xem là những hoạt động tình dục nhưng hậu quả của nó lại làm cho nhân cách bị sa sút nhiều khi còn rơi vào vòng tội lỗi. Trong trường hợp này người ta không thấy một sự thăng hoa nào. Tóm lại, bản thân tình dục sa đoạ chỉ làm cho con người sa sút cả về thể xác và tâm hồn, rất dễ trở thành những con bệnh các loại kể cả bệnh tâm thần.

Đối với cảnh vật đất nước, với một số người có một tình yêu đặc biệt với quê hương khi được thoả mãn cũng gây ra một trạng thái tinh thần, một trạng thái tâm lí rất đặc biệt tạo ra nhiều cảm xúc dạt dào. Đồng bào ta vì nhiều lí do phải xa quê hương, xa xứ sở thường mắc một căn bệnh "lưu dầy", "tha hương" mà thường được gọi là mặc cảm lưu dầy. Rơi vào mặc cảm này dù có một đời sống vật chất đầy đủ, nhiều khi dư thừa, với một số người nào đó lại càng nặng nề. Khi chưa được thoả mãn, họ sống trong tâm trạng bất an thường xuyên và sống trong một trạng thái tâm lí buồn nản. Có dịp gặp lại quê hương, chân vừa chạm đất mẹ, tình yêu đó được thoả mãn. Đúng vào lúc nỗi khát khao được thoả mãn thì mắt lại rưng rưng lệ, miệng không thể thoát ra được một lời, chân tay bủn rủn khiến nhiều người đi không vững. Đó là loại tình yêu đặc biệt và đã được thoả mãn một cách cũng đặc biệt. Người nghệ sĩ yêu nghệ thuật tha thiết luôn ấp ủ những sáng tạo có giá trị trong những sáng tác của mình. Sự ấp ủ đó được mọi người coi như một quá trình thai nghén. Khi tác phẩm hoàn thành được ra mắt bạn đọc, người nghệ sĩ sống trong tâm trạng như người mẹ vừa sinh được đứa con ruột thịt của mình và người đời cũng coi đó như là một cuộc sinh nở mẹ tròn con vuông. Tình yêu nghệ thuật được thoả mãn và người nghệ sĩ rơi vào tình trạng khoan khoái, dễ chịu, sung sướng chẳng khác gì người mẹ khi ôm vào lòng mình đứa con mà mình vừa sinh hạ được. Một niềm sung sướng khó tả gây bao cảm xúc dạt dào chẳng khác gì những cảm xúc mà ta gọi là những khoái cảm. Cũng tương tự như vậy với những

nhà khoa học chân chính, khi hoàn thành những công trình mà nhiều khi phải trả giá bằng cả cuộc đời mình thì làm sao tránh được những cảm xúc mạnh mẽ rất đặc biệt và cũng đặc biệt khó diễn tả này.

Nếu chúng ta hiểu tình dục như vậy thì những hành vi thỏa mãn tình dục sa đọa như lấy đối tượng là một đồ vật nào đó thực không có gì là khó hiểu trong việc thỏa mãn tình dục theo nghĩa đen, với nghĩa hẹp thông thường. Tình yêu đồ vật của những người này không khác gì tình yêu đất nước, công trình khoa học, công trình nghệ thuật của người khác, chỉ có điều là không bình thường mà thôi.

Cũng qua định nghĩa trên, chúng ta cần lưu ý với nhau một lần nữa là Tâm phân học không quan tâm nhiều đến những phương cách thoả mãn tình dục mà quan tâm nhiều hơn đến trạng thái tinh thần, *đến trạng thái tâm lí mà những phương cách đó mang lại.* Dù phương cách có khác nhau đến đâu chăng nữa thì người lựa chọn phương cách nào đó đều nhằm thoả mãn tình dục, đều nhằm đạt sự sung sướng trong khi thoả mãn ít nhất là theo chủ quan dương sự. Tâm phân học cũng nghiên cứu những phương cách khác nhau trong việc thoả mãn tình dục nhằm phân biệt đâu là tình dục bình thường, lành mạnh là động lực cho những sáng tạo và sự thăng hoa của nhân cách; đâu là loại tình dục sa đọa, không bình thường, tục tĩu chỉ có tác dụng phá hoại tâm hồn và thể xác con người để tìm ra cách giải quyết có lợi cho xã hội cũng như mỗi cá nhân. Nhưng cái chính mà Tâm phân học quan tâm là trạng thái tâm lí, tính cách chung của những phương sách đó.

Như vậy, trước mắt chúng ta có ít ra là hai loại tình dục, tình dục bình thường và tình dục không bình thường tức tình dục sa đoạ. Để tìm hiểu vấn đề tình dục nói chung, Tâm phân học yêu cầu chúng ta hãy xem xét những hành vi tình dục bất bình thường xem nó có liên quan gì đến những hành vi tình dục bình thường.

Đặt vấn đề như vậy là vì Tâm phân học qua những công trình khảo sát những chứng bệnh tâm thần đều nhận thấy vai trò của tình dục nói chung, nhất là những hành vi tình dục bất bình thường có một vai trò quyết định.

Tâm phân học không do dự gì mà khẳng định rằng *tất cả những người mắc các chứng bệnh tâm thần đều là những người có hành vi tình dục bất bình thường*. Họ là những con người bệnh hoạn nên đời sống tình dục nơi họ tránh sao khỏi tình trạng bệnh hoạn. Xác định như vậy chúng ta sẽ có một cái nhìn không thiên kiến với những hành vi tình dục sa đoạ và tìm cách khắc phục nó có hiệu quả hơn là chỉ có chê bai, chỉ trích, buông xuôi.

Với những người mắc loại bệnh thần kinh này thì thích đồng tình luyến ái. Với những người mắc loại bệnh thần kinh khác thì lại thích những bộ phận cơ thể không dính dáng gì đến vấn đề tình dục để thay thế cho những cơ quan sinh dục và cũng mang lại cho họ những thoả mãn như những cơ quan sinh dục thực thụ. Số khác trong những bệnh nhân tâm thần lại có sự thoả mãn tình dục bất bình thường theo một hướng khác như chỉ thích nhìn ngắm thân thể bao gồm cả những bộ phận sâu kín nhất trong cơ thể đối tượng tình dục của

mình. Đối với những người bình thường thì hành vi này chỉ có vai trò sửa soạn chứ không phải là những hành vi tình dục chính. Họ cũng thích phô diễn thân thể họ bao gồm cả những bộ phận cần phải che giấu, trước mắt mọi người một cách thản nhiên. Tóm lại, mỗi loại bệnh tâm thần lại có cách thoả mãn tình dục bất bình thường theo kiểu riêng của mình.

Như vậy, những hành vi tình dục bất bình thường ở những người mắc bệnh tâm thần khác nhau đều là những hành vi hưởng thụ tình dục *bệnh hoạn*. Tìm cách điều trị những chứng bệnh tâm thần bao gồm cả việc khắc phục những hành vi hưởng thụ tình dục bệnh hoạn trên làm cho người bệnh cũng chấm dứt những hành vi tình dục sa đoạ đó trở về với những hành vi tình dục bình thường của những con người bình thường lành mạnh. Như vậy thì căn cứ vào đâu mà mô tả Tâm phân học như là một khuynh hướng cổ vũ những hành vi tình dục bừa bãi thấp hèn không mang tính người, những hành vi mà người đời lên án là những hành vi tình dục sa đoạ.

Vì sao những hành vi tình dục bất bình thường lại xuất hiện và nó lại xuất hiện ở người này mà không phải là người khác. Tâm phân học cho chúng ta biết có hai nguyên nhân chính: nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân sâu xa.

Nguyên nhân trực tiếp của việc xuất hiện những hành vi tình dục bất bình thường là nguyên nhân xã hội. Những người có hành vi tình dục bất bình thường là những người bị những hoàn cảnh xã hội khác nhau ngăn cấm không được thoả mãn những nhu cầu tình

dục bình thường. Nói một cách khác vì không được thoả mãn những nhu cầu tình dục bình thường nên đương sự phải tìm những phương cách không bình thường để thay thế mà cũng đạt được mục đích đề ra cho mình. Đó là nguyên nhân chính. Còn có thể có những nguyên nhân khác thuộc về cá tính của đương sự với tư cách là một cá thể như sự chịu đựng, sự thông minh cùng những kinh nghiệm của cá nhân đã tích luỹ được trong cuộc đời. Những người thiếu thông minh, thiếu kinh nghiệm, tính tình nhu nhược mềm yếu thường là những người có sức chịu đựng kém và do đó phải tìm phương cách không bình thường thay thế cho phương cách bình thường. Từ đó rơi vào tình trạng bệnh hoạn mà chính bản thân cũng không biết. Nguyên nhân xã hội có thể có nhiều mặt nhưng cái đáng chú ý nhất là nền giáo dục xã hội không thích hợp, những quan niệm về đạo đức, về luân lí không tưởng, những phong tục tập quán hủ lậu... Những yếu tố này còn thấy thể hiện trong hệ thống pháp luật và nhất là trong dư luận xã hội.

Những người có hành vi tình dục sa đoạ bất bình thường không phải như người đời thường nghĩ là toàn những con người thiếu giáo dục. Bên cạnh những người không được giáo dục đầy đủ thuộc những từng lớp nghèo hèn còn không ít những người đã được tận hưởng một nền giáo dục khá nghiêm chỉnh và thuộc tầng lớp thượng lưu cũ và mới. Chính vì chịu một nền giáo dục gồm nhiều điều vô lí, vì danh dự của cá nhân hay gia đình và vị trí xã hội của họ mà không dám vượt qua những sự cấm đoán vô lí ở đời, phải kìm hãm những ham muốn chính đáng của một con người không phân

biệt giai tầng xã hội nhưng người đời lại cho là bất chính, phải sống trong sự ức chế về tình cảm về tâm lí nặng nề và kéo dài. Những ham muốn này bị dồn vào vô thức nằm dấu mình ở đó để chờ thời. Khi thời cơ thuận lợi nó xuất hiện với bộ mặt là những triệu chứng của một loại bệnh thần kinh nào đó để tự thoả mãn cho người bệnh. Một số người khác vì sự chịu đựng có hạn, đến một lúc nào đó tự cho phép mình một cách có ý thức tìm đến với những hành vi tình dục bất bình thường một cách lén lút để thoả mãn những ham muốn mà người đời đã cấm đoán. Số người này chưa thực sự trở thành con bệnh thực thụ nhưng để đạt được những sự thoả mãn tình dục bất bình thường, họ cũng phải trải qua nhiều đau khổ day dứt và cũng phải trả một giá khá đắt chứ không hề là những con người hạnh phúc và luôn có mặc cảm phạm tội. Với số người ít hoặc không chịu ảnh hưởng của nền giáo dục thiếu khôn ngoan của xã hội và cũng không hề chịu sự ràng buộc vào một vị trí xã hội nào nên họ thực hiện những hành vi tình dục bất bình thường cũng không khác gì những hành vi tình dục bình thường, không cần dấn đo gì nhiều mà chỉ cốt đạt cho được mục đích là thoả mãn mong muốn mà cũng không hề cảm thấy tội lỗi dù cho đó là những hành vi tình dục bất bình thường, những hành vi tình dục sa đoạ. Với số người này thì không còn ranh giới giữa những hành vi tình dục bình thường và những hành vi tình dục bất bình thường, hành vi tình dục sa đoạ. Tất cả chỉ là tình dục mà thôi. Trong một chừng mực nào đó họ vẫn sống tương đối bình thường như những con người bình thường khác. Mặc dù họ

chưa mang bệnh và cũng không hối tiếc gì về mặt lương tâm nhưng họ cũng không thể được xem như những con người hoàn toàn bình thường. Nếu chúng ta muốn phân biệt thì chúng ta có thể xem những người này là những con người có "bản lĩnh đặc biệt" dám liều ăn trái cấm một cách tự nhiên mà chưa bao giờ ý thức được điều đó. Với loại người này, chúng ta có thể coi là loại người có cái Tôi xã hội hoặc là chưa hình thành hoặc là còn rất thấp. Freud viết:

"... những khuynh hướng sa đoạ sau khi bị dồn ép sẽ tái xuất hiện mạnh mẽ hơn là nếu chúng không gặp trở ngại trong việc thoả mãn tình dục một cách bình thường. Đối với những sự sa đoạ, rõ ràng người ta cũng nhận thấy một ảnh hưởng tương tự. Những sự sa đoạ này thường xuất hiện trong trường hợp sự thỏa mãn tình dục gặp những trở ngại không thể vượt qua được vì một vài nguyên nhân xã hội nhất thời hay có tính chất lâu dài. Có những trường hợp trong đó sự sa đoạ không liên quan gì đến những điều kiện kể trên và chỉ là hình thức bình thường của cá nhân trong việc thoả mãn tình dục"[1]. Nói chung là những người có hành vi tình dục tự nhiên hay có ý thức, hay trong bệnh hoạn đều là những con người có nhu cầu tình dục ở cường độ cao trong tương quan với cái Tôi chủ thể của họ.

Tới đây chúng ta cần ghi nhận một điều là cái Tôi có vai trò xã hội như thế nào trong việc chi phối, làm chủ đời sống tình dục. Vì thế Tâm phân học còn bao gồm một loạt những công trình nghiên cứu về cái Tôi xã

[1] Sđd, tr 362.

hội mà Freud gọi là tâm lí học về cái Tôi (Ngã) và chúng ta sẽ tìm hiểu tỷ mỷ trong những phần sau.

Trong nguyên nhân thứ nhất, nguyên nhân trực tiếp của những hành vi tình dục bất bình thường, chúng ta đã nghiên cứu nguyên nhân này thông qua quan hệ giữa hai yếu tố xã hội, những quy phạm xã hội về mọi mặt với cái Tôi xã hội, tức chủ thể, tức nhân cách.

Nguyên nhân sâu xa chủ yếu của những hành vi tình dục bất bình thường theo Tâm phân học nằm trong quá khứ, trong thời thơ ấu, trong đời sống trẻ con ngay từ lúc còn bú sữa mẹ nhưng rõ nhất là vào tuổi từ ba đến năm tuổi.

Nguyên nhân này chính là mầm mống của những hành vi tình dục sa đoạ. Cái mà Tâm phân học không ngần ngại gọi là *đời sống tình dục trẻ em*. Vấn đề đời sống tình dục trẻ em là một vấn đề gây nhiều tranh cãi gay go và kéo dài nhất trong Tâm phân học. Sự phản đối này không chỉ xuất hiện ở những người vốn nghi ngờ những thành tựu của Tâm phân học mà còn xuất hiện ở một số người vốn hoan nghênh Tâm phân học. Sự phản đối này không chỉ xuất hiện ở những người thủ cựu mà còn ở không ít những con người cấp tiến thực sự, những con người được mệnh danh là có hiểu biết ở những trình độ khác nhau. Chúng ta không nên coi thường những phản bác nói trên, nhưng chúng ta có nhiệm vụ là phải tìm hiểu một cách độc lập để có thể có một sự thẩm định riêng với tất cả trách nhiệm và với một mong muốn tìm hiểu sự thực, hi vọng nắm bắt được thực chất những quan niệm của Tâm phân học.

Trước hết, Tâm phân học cho rằng những hành vi tình dục sa đoạ là một hiện tượng không hiếm trong đời sống tình dục của con người như các công trình của Ivan Bloch đã khẳng định và những quan sát thực tế đã chứng minh. Những hiện tượng đó ngoài nguyên nhân trực tiếp nhất thời phải có những mầm mống có sẵn trong mỗi con người vì nếu không có những mầm mống đó thì những điều kiện xã hội bên ngoài làm thế nào gây ra những xáo trộn như vậy trong con người được. Những mầm mống đó nằm trong cái mà Tâm phân học gọi là *đời sống tình dục trẻ em*. Nếu chúng ta có gì không tán thành với quan niệm này thì mong rằng chúng ta đừng phản đối cái gọi là đời sống tình dục trẻ em vì ở đây không phải là tình dục như chúng ta thường hiểu như tình dục nói chung hay như tình dục người lớn. Cái *tính từ trẻ em* hàm chứa nhiều điều khác biệt với tình dục nói chung và nhất là với tình dục người lớn.

Không ít người cho rằng nói đến đời sống tình dục nơi trẻ em, nơi những thiên thần bé nhỏ là xúc phạm đến một cái gì đó thiêng liêng nhất, trong trắng nhất nơi con trẻ. Tâm phân học cho rằng nếu như môn học này nói đến tình dục nói chung, nói đến tình dục người lớn và ngay cả khi nói đến tình dục sa đoạ cũng không có gì phải hổ thẹn thì có gì là xấu xa khi nói tới tình dục nơi trẻ em vì nó đã, đang và sẽ tồn tại như mọi hiện tượng khác đã từng có trên cõi đời này. Trẻ em không có tội gì trong vấn đề này. Các em chỉ là người thừa hưởng cái trời cho, cái tự nhiên tặng, cái mà ta gọi là bẩm sinh di truyền từ đời nọ sang đời kia mà không

một ai có thể loại trừ nó ra khỏi cuộc sống con người. Cái mà nhờ nó loài người tồn tại được từ đời này sang đời khác. Nhờ nó mà mỗi chúng ta đang tồn tại như một con người mà chúng ta đang rất tự hào về con người của chính mình với sự hiện diện của đời sống tình dục người.

Nguyên nhân trực tiếp là nói đến mặt xã hội của con người và đời sống người đích thực. Nguyên nhân sâu xa là nói đến mặt tự nhiên, mặt bẩm sinh di truyền của con người như một cơ thể sống, một sinh vật. Bất cứ một hoạt động nào nơi con người cũng có hai mặt đó tác động. Tuỳ theo sự trưởng thành của con người với tư cách là một thực thể xã hội mà mặt này hay mặt kia thấy rõ hơn mà thôi. Ngay việc ăn ngủ nơi con người cũng không phải chỉ là một hoạt động bẩm sinh sinh vật thuần tuý. Vấn đề tình dục nơi con người cũng diễn ra hoàn toàn như vậy. Trong mối quan hệ này, vấn đề tình dục nơi trẻ em vào thời kì đầu của nó tuy còn nặng về mặt bẩm sinh nhưng cũng không phải chỉ có thế mà còn tạo ra một hoạt động tinh thần dù còn ở một trình độ thấp, một trạng thái tâm lí lẫm với trạng thái tâm lí thấp nơi một số động vật cao cấp. Vì thế Freud đã nhiều lần chứng minh rằng: những tiềm năng tâm lí chẳng qua chỉ là những phản ảnh của những cấu tố nền tảng, đặc điểm của cơ thể sinh lí.

Nói tình dục trẻ em là mầm mống của tình dục nói chung bao gồm cả tình dục bình thường và tình dục bất bình thường có thể nói chưa phải là đời sống tình dục hoàn chỉnh. Cũng như hạt là mầm mống của một cây hoàn chỉnh với đủ cành lá hoa quả... Gọi là tình dục nơi

trẻ em cũng có nghĩa là nó chưa đủ tư cách là tình dục theo nghĩa thông thường mà người đời quen hiểu và quen gọi, nhưng trong nó đã có đủ những yếu tố cơ bản để trở thành tình dục thực sự khi đã có đủ những điều kiện cần thiết. Cũng như một cái hạt là mầm mống của cây với nghĩa là trong đó đã có đủ những yếu tố để khi có điều kiện thì thành cây, thành lá, thành hoa quả.

Vì thế theo cách nói riêng của mình Tâm phân học cho rằng tình dục trẻ em là *tình dục chưa được phóng đại* (chưa phát triển) và cũng chưa được phân chia thành những khuynh hướng đặc biệt khác nhau như trong tình dục bình thường và tình dục bất bình thường. Freud viết:

"... nếu quả đúng là trong những người không được thoả mãn tình dục bình thường, chúng ta thấy xuất hiện những khuynh hướng sa đoạ và những khuynh hướng này không thể xuất hiện được nếu không có sự ngăn cấm trong việc thỏa mãn tình dục thì chúng ta phải công nhận là dù sao trong những người nói trên cũng có sẵn mầm mống của những sự sa đọa đó rồi, nghĩa là những sự sa đoạ tiềm tàng có sẵn trong người họ từ lâu... Tâm phân học phải chú trọng đến tình dục trẻ em vì nhận thấy rằng những kỉ niệm và ý tưởng xuất hiện trong những người bị bệnh thần kinh bao giờ cũng đưa họ quay trở lại những kỉ niệm của những năm đầu tiên của thời thơ ấu. Kết luận của chúng ta đều được chứng minh bằng những quan sát được nơi trẻ con. Và chúng ta thấy rằng tất cả những khuynh hướng sa đoạ này đều bắt nguồn trong thời thơ ấu, rằng trẻ em có trong mình chúng những mầm mống của các khuynh hướng sa đoạ

này. Nói tóm lại là *tình dục sa đọa không là gì khác hơn là tình dục trẻ em đã được phóng đại* và phân chia thành những khuynh hướng đặc biệt khác"[1].

Để trả lời những ý kiến phản bác trên Tâm phân học đưa ra hai lời giải: một mang tính sinh lí và một mang tính xã hội sau đây. Cho rằng trẻ em dưới tuổi dậy thì (khoảng 13 - 14 tuổi) không có đời sống tình dục là không phù hợp với những hiểu biết về phương diện sinh lí, chẳng khác nào cho rằng đến tuổi dậy thì các em mới có những cơ quan tình dục còn trước tuổi đó thì chưa có. Cái mới xuất hiện vào tuổi dậy thì là *sự ra đời của cơ năng sinh sản* sử dụng bộ máy đã có sẵn cả về thân thể và tinh thần trong trẻ em để đạt mục đích sinh sản mà thôi. Quan niệm trên là do không phân biệt được *đâu là tình dục và đâu là sinh dục*. Tình dục có từ rất sớm trong tuổi ấu thơ còn sinh dục chỉ xuất hiện sau này vào tuổi dậy thì. Một lần nữa Tâm phân học đề nghị những người có ý kiến phản bác trên hãy kiểm nghiệm thành thực ngay bản thân mình trong thời thơ ấu xem dưới tuổi dậy thì mỗi người đã có nhu cầu tình dục hay không thì sẽ rõ.

Về mặt xã hội, nếu trẻ em dưới tuổi dậy thì không có đời sống tình dục thì tại sao xã hội lại áp dụng nghiêm ngặt một nền giáo dục trong đó việc ngăn cấm trẻ em tiếp cận với mọi hình thức của đời sống tình dục như thường diễn ra trong mọi dân tộc, trong mọi quốc gia, và trong mọi thời đại trước đây cũng như hiện nay. Tại sao xã hội lại quyết liệt thực hiện việc ngăn chặn đời sống tình dục của trẻ em với những biện pháp nhiều

[1] Sđd, tr 362 - 363.

khi vô cùng nghiêm khắc, nếu họ nghĩ thực rằng ở các em không có đời sống tình dục. Tại sao xã hội tìm mọi cách làm cho đời sống tình dục của trẻ em trở thành vô dục nhưng vẫn không chịu thừa nhận sự hiện diện của nó. Tóm lại, tất cả những việc làm của xã hội để ngăn chặn đời sống tình dục của trẻ em đã bác bỏ chính ngay những lời khẳng định trên của xã hội và chứng tỏ là đời sống tình dục nơi trẻ em là có thực và không dễ gì ngăn chặn được. Muốn ngăn chặn hay đúng ra là muốn hướng dẫn cho nó phát triển có lợi cho trẻ em cũng như cho cả cuộc đời sau này thì trước hết phải hiểu đầy đủ và đúng đắn đời sống tình dục nơi các em mới hi vọng có lối thoát tích cực.

Nói đến đời sống tình dục nơi trẻ em mà chỉ nói đến sự có mặt của nó thì chưa đủ mà còn phải làm rõ phương thức tồn tại của nó thông qua những hoạt động cụ thể về nhiều mặt của nó.

Để làm cơ sở cho việc tìm hiểu phương thức hoạt động của đời sống tình dục nơi trẻ em, Tâm phân học giới thiệu với chúng ta nội dung của *khái niệm khát dục* (libido).

Khát dục là sự đòi hỏi phải được thoả mãn một ham muốn mang nội dung tình dục. Cũng ví dụ như cái đói đòi hỏi phải được thoả mãn bằng sự tiêu thụ thức ăn cho hết đói. Cái khát đòi hỏi phải được thoả mãn bằng sự tiêu thụ đồ uống cho hết khát. Sự khát dục thể hiện ở trẻ em ngay từ khi còn bú sữa mẹ. Dựa trên những quan sát khoa học, người ta đã thừa nhận rằng trẻ em khi bú no, nó lăn ra ngủ với một nét mặt thực là khoan khoái chẳng khác gì người lớn sau khi khát dục được thoả mãn thông qua những hành vi tình dục thực

thụ. Cho rằng trẻ em hớn hở chẳng qua chỉ vì chúng được ăn no, một hoạt động thuần túy sinh lí chẳng dính dáng gì đến tình dục cả. Tâm phân học cho rằng sự thoả mãn này không chỉ đơn thuần về mặt sinh lí mà nó còn mang *ý nghĩa tâm lí nữa*, nó tạo ra một sự sảng khoái, một sự dễ chịu sung sướng về tinh thần, vì thế mà nhiều khi đã no nê mà trẻ nhỏ vẫn thích ngậm đầu vú mẹ, ngậm đầu vú giả hoặc mút ngón tay của chính mình và lúc này nét mặt của các em cũng hoan hỷ như khi được ăn no. Từ đó vùng miệng là một trong những bộ phận gây nhiều khoái cảm mang nội dung tình dục và được gọi là *miền khát dục*. Đây là giai đoạn đầu tiên trong sự phát triển đời sống tình dục của trẻ em và đôi vú của người mẹ được coi là đối tượng tình dục đầu tiên theo một nghĩa tự nhiên và lành mạnh trong sáng hơn bất cứ một sự lành mạnh trong sáng nào trên đời này đối với các em. Điều khẳng định trên vẫn cần được nghiên cứu thêm vì nó đụng chạm đến tình mẫu tử thiêng liêng. Nhưng dù cho là như thế nào đi chăng nữa thì nhận định trên của Tâm phân học cũng khó mà bác bỏ được. Nhưng có một điều khác mà chúng ta không thể bác nổi là điều khẳng định trên có đủ tư cách là mầm mống cho những hành vi tình dục trong tuổi trưởng thành thậm chí cho suốt cả đời người. Chính nụ hôn là một biểu hiện công khai về tình yêu mang nội dung tình dục với nhiều người, với nhiều dân tộc đã được thừa nhận từ bao đời nay và chắc chắn còn tồn tại mãi mãi trên thế gian này. Nụ hôn mang lại cho con người những cảm giác dễ chịu, khoan khoái nhiều khi sung sướng khó mà tả nổi như mọi hành vi tình dục khác. Cũng vì thế miệng đã và còn là một miền tình

dục mãi mãi của con người và việc ăn và uống, một hoạt động có mục đích thoả mãn một nhu cầu sinh lí nhưng cũng mang lại cho con người một trạng thái tâm lí nhất định. Những khoái cảm đó không mang tính chất sinh lí mặc dù nó có liên quan chặt chẽ với những cơ quan sinh lí. Với tư cách là mầm mống của những hành vi tình dục hoàn chỉnh khi trưởng thành, cặp vú người mẹ thực sự có vai trò như vậy đối với trẻ em. Cặp vú người đàn bà còn là biểu tượng cho một cái gì cao đẹp tràn đầy hạnh phúc mà nhân loại đã tôn thờ. Những bông hoa quý đẹp lộng lẫy nhất được mang tên Vénus (thần tình yêu), những ngọn núi nên thơ nhất được gọi là ngọn Vénus... và bộ ngực người đàn bà cũng được người ta ví như những ngọn Vénus.

Tình dục trẻ em với tư cách là mầm mống của tình dục thực thụ của nhân loại còn được phát triển sang nhiều miền tình dục khác. Đó là nơi các cơ quan bài tiết. Điều này dễ làm cho chúng ta ngạc nhiên tới mức ngỡ ngàng, nhưng bình tĩnh lại và suy nghĩ một cách nghiêm túc thì lại khó mà không chấp nhận được. Đến tuổi dậy thì và tuổi trưởng thành, chính những cơ quan này sẽ đóng vai trò là những cơ quan tình dục chủ yếu của cả nam cũng như nữ. Nghĩa là các cơ quan bài tiết vừa có chức năng sinh lí lại vừa có chức năng tình dục. Với những người có những hành vi tình dục bất bình thường còn dùng những cơ quan bài tiết mà ai trong chúng ta nghe thấy cũng phải giật mình nhưng không phải là nó không xảy ra, thậm chí cũng không phải là những hành vi tình dục quá hiếm hoi trong đời sống tình dục của nhân loại. Đó là một trong những hành vi

tình dục của những người đồng tính luyến ái mà chúng ta đã từng nghe nói đến.

Với tư cách là mầm mống, tình dục trẻ em còn chuyển sang giai đoạn cao nhất là nơi những cơ quan sinh dục, giai đoạn chuyển tiếp làm cho các cơ quan sinh dục của trẻ em trở thành những cơ quan tình dục đúng với nghĩa thông thường của nó. Vào thời kì này trẻ em đã bắt đầu cảm nhận được những rạo rực về tình dục nơi những bộ phận này.

Trước những hành vi tình dục của trẻ em với tư cách là mầm mống này, người đời và trước hết là các bậc cha mẹ thường ngăn cấm một cách quyết liệt và thường thô bạo. Chúng ta thường thấy những bà mẹ giật đầu vú khỏi miệng đứa trẻ mặc cho em khóc thét và hờn giận gãy gắt, thậm chí còn bôi cả ớt hoặc các chất đắng khác vào đầu vú để cho các em khiếp sợ, hoặc doạ cắt lưỡi... Nếu thấy các em nhỏ sờ mó hay nghịch các cơ quan bài tiết, các cơ quan sinh dục thì sẽ bị quở trách và đôi khi còn đe chặt tay hay thiến để ngăn chặn những hành vi đó... Sự ngăn cấm đó có vẻ như rất hiệu lực làm cho các em từ chỗ e dè, sợ sệt đến hình như thôi hẳn. Vì thế làm cho người đời tin là với trẻ em "chưa biết gì" cứ răn đe thực mạnh, kể cả trừng phạt nghiêm khắc là có thể làm cho các em không dám nghĩ và làm những hành vi tục tĩu đó nữa. Và người ta yên tâm với một nền giáo dục có hiệu lực của xã hội.

Sự thực không phải như sự vui mừng quá sớm của xã hội. Những hành vi tục tĩu nói trên của các em có thể không thấy xuất hiện trước mặt người lớn nữa

mà nó sẽ được thực hiện một cách lén lút hoặc nó "lặn" vào trong kí ức như một quả bom nổ chậm chỉ chờ có một kích thích nhỏ nào đó là nó nổ tung gây ra những hậu quả khủng khiếp trong cả một đời người.

Dựa trên nhiều công trình nghiên cứu, Tâm phân học cho rằng những sự cấm đoán thô bạo không những không ngăn chặn được hoàn toàn mà còn gây những hậu quả nghiêm trọng về sau này trong cuộc đời các em. Vì quá sợ hãi trước những hình phạt nghiêm khắc của người lớn rất vô lí và cực đoan mà không ít em luôn ở trong tình trạng sợ sệt người lớn, u sầu và trở nên bạc nhược, kém linh hoạt tinh khôn. Một số do bị đe "thiến" đã mang trong tâm hồn cái mà Tâm phân học gọi là "mặc cảm bị thiến". Hậu quả của mặc cảm bị thiến được Tâm phân học coi là vô cùng nghiêm trọng cho cả cuộc đời các em sau này. Vì thế Freud đã viết:

"Mặc cảm bị thiến này có ảnh hưởng sâu rộng đối với nó (trẻ em) đối với tính tình nó khi nó khoẻ mạnh, đối với tinh thần nó khi nó ốm yếu, đối với sự phản kháng của nó khi nó được điều trị bằng Tâm phân học"[1].

Đặc tính của tình dục trẻ em với tư cách là mầm mống cho ta thấy trẻ em có khả năng tự thoả mãn những khoái cảm bằng *chính ngay cơ thể mình*. Chúng mút ngón tay của mình khi không được ngậm đầu vú mẹ hay đầu vú giả. Chúng tự thoả mãn bằng sự "nghịch ngợm" ngay các cơ quan sinh dục của mình. Những hành vi tự thoả mãn này cũng là những mầm mống của những hành vi tình dục bất bình thường của

[1] Sđd, tr 372.

người lớn khi không được thoả mãn ham muốn với đối tượng tình dục bên ngoài mình. Đó là bàn tay, ngón tay, cặp đùi... của chính cơ thể mình. Tóm lại khi bị ngăn cấm thì trẻ em có khả năng tìm những "cách thay thế" khác và điều này thấy xuất hiện không ít ở những người trưởng thành, nhất là ở những người có những hành vi tình dục sa đọa, những hành vi tình dục bất bình thường. Đương nhiên với những người có hành vi tình dục bất bình thường thì họ không dừng lại ở những hành vi tự thỏa mãn mà còn bao gồm hàng loạt những hành vi tình dục bất bình thường khác với những đối tượng khác bên ngoài họ bất kể là người nào mà không cần phân biệt giới tính, là con vật hay một vật dụng bất kì nào khác. Những hành vi này thực là kinh khủng và khi nó đạt đến một giới hạn nào đó thì người đời không do dự gì mà không gọi họ là những người điên mà thực chất ra những hành vi điên loạn quá đáng đó về thực chất là những triệu chứng thực sự của những chứng bệnh tâm thần khác nhau. Điều đó giải thích vì sao Tâm phân học cho chúng ta biết môn học này chỉ là một phương pháp, một kĩ thuật để điều trị các chứng bệnh thần kinh lại quan tâm nhiều đến vấn đề tình dục nói chung, đặc biệt là đời sống tình dục của trẻ em và tình dục bất bình thường.

Điều đáng chú ý đối với chúng ta là những hành vi tình dục bất bình thường không phải là tài sản riêng của những người mắc các chứng bệnh tâm thần, những người thoả mãn khát dục bằng những hành vi tình dục bất bình thường mà cũng có tuy ít nhiều khác nhau ở những con người lành mạnh, có đạo đức, có tư cách, có

kinh nghiệm sống nhất định, có văn hoá... Ví dụ như nụ hôn hay sự ngắm nhìn đối tượng tình dục của mình từ bộ mặt đến những bộ phận sâu kín. Tất cả những hành vi đó đều mang lại những khoái cảm không khác gì những hành vi tình dục khác. Nếu có cái gì khác thì chỉ là khác nhau ở mức độ khoái cảm chứ không có gì khác nhau về tính chất. Với một số người nào đó thì hình như không có một sự khác nhau nhỏ xíu nào cả về tính chất cũng như về mức độ khoái cảm.

Vì vậy, Tâm phân học khuyên chúng ta hãy bình tĩnh xem xét thận trọng chớ vội nóng nẩy lên án những hành vi tình dục bất bình thường một cách xô bồ cũng như lên án những hành vi tình dục nơi trẻ em.

Chúng ta có thể cho rằng nói như vậy thì ranh giới giữa những hành vi tình dục bình thường và những hành vi tình dục bất bình thường là ở chỗ nào? Lấy gì làm chuẩn mực để phân định giữa hai loại đó. Trước hết, chúng ta phải thừa nhận rằng sự bình thường ở đây không bao giờ là một sự bình thường hoàn toàn, mà sự hoàn toàn bình thường mới thực sự là không bình thường. Con người là một sự đan xen giữa những cái cao cả và những cái thấp hèn, là sự đan xen giữa những cái tốt và những cái xấu, giữa những cái hoàn thiện và những cái không hoàn thiện. Cho rằng những cái này là hoàn thiện hoàn toàn còn cái kia là hoàn toàn không hoàn thiện lại chính là sự không bình thường nhất. Vấn đề là ở tỷ lệ của những cực đó như thế nào mà thôi. Vì thế, trong trường hợp này, với những con người bình thường lại có một số hành vi tình dục bất bình thường là điều bình thường dễ hiểu nhất. Hơn nữa những hành

vì tình dục bất bình thường Tâm phân học còn dùng một từ khác rất đáng sợ là tình dục sa đoạ lại rất bình thường với bất cứ một ai. Một cái nhìn ngắm, một sự vuốt ve, một nụ hôn có gì là khó coi, là đáng ghét, là xấu xa. Cho nên làm quen với Tâm phân học trước hết chúng ta hãy làm quen với cả ngôn ngữ của nó nữa. Theo quan niệm của mình Tâm phân học coi những hành vi tình dục bất bình thường, sa đọa là tất cả những hành vi tình dục cả đẹp mắt lẫn khó coi, chỉ nhằm thuần tuý thỏa mãn sự khát dục chứ *không nhằm mục đích sinh sản*. Nếu như vậy thì chỗ rẽ của vấn đề phân ranh giới là ở mục đích cuối cùng của nó, hoặc là sinh con đẻ cái hay chỉ đơn thuần hưởng thụ khoái cảm. Với mục đích sinh sản, con người vẫn hưởng thụ được đầy đủ khoái cảm. Nhưng với mục đích khoái cảm đơn thuần thì sự sinh sản bị triệt tiêu, trừ trường hợp mà chúng ta gọi là "vỡ kế hoạch".

Quan niệm trên là quan niệm của những năm cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX. Nó không thích hợp lắm với chúng ta trong tình hình mà nhân loại đang đứng trước một de dọa to lớn là sự bùng nổ dân số với biết bao đề án ở mọi cấp từ toàn cầu đến từng quốc gia, đến từng gia đình và đến từng cá nhân để tránh mối hiểm hoạ này. Nhưng đứng về phương diện nhân sinh, chúng ta cũng khó có cơ sở để trách cứ quan niệm trên của Tâm phân học. Chúng ta phải thừa nhận một quan niệm như vậy dù sao cũng vẫn bao hàm được cái gì là nhân bản, là trong sáng, cái gì đó là rất đạo đức và là theo đúng luật của tự nhiên trước một vấn đề "khó nói" như đời sống tình dục nơi con người. Đồng thời cũng làm cho chúng ta

giảm bớt cơn thịnh nộ khi nghe nói đến những hành vi tình dục bất bình thường, những hành vi tình dục sa đoạ và chính trong những con người bình thường chúng ta cũng có một vài hành vi tương tự. Vấn đề là chúng ta có dám thành thực tự khảo sát chính bản thân mình hay không mà thôi. Đó là điều mà chính Tâm phân học luôn yêu cầu chúng ta khi tìm hiểu Tâm phân học. Đó thực sự là một cuộc đối chứng công bằng nhất và thực tế nhất nhưng cũng khó khăn nhất mà lương tâm mỗi con người mới tự phán xét được.

Trong tình hình mà nhân loại đang phải đối đầu với một hiểm hoạ là sự bùng nổ dân số, mục đích sinh sản của tình dục lành mạnh cũng không vì thế mà không còn ý nghĩa. Nó chỉ bị hạn chế cho phù hợp với những điều kiện xã hội cụ thể mà thôi. Loài người luôn luôn phải duy trì sự tồn tại của giống nòi với các thế hệ nối tiếp nhau. Muốn vậy, mục đích của tình dục vẫn là sự sinh sản với một tốc độ hợp lí. Như vậy, ngay trong tình hình hiện nay, mục đích của tình dục lành mạnh về cơ bản vẫn không có gì thay đổi tính chất ban đầu của nó. Hơn nữa việc hạn chế sinh đẻ của nhân loại cũng như của dân ta hiện nay cũng không ngoài mục đích làm cho sự sinh đẻ bao gồm cả sự nuôi dưỡng con cái tốt hơn, có chất lượng cao hơn. Như vậy là không có gì trái với Tâm phân học.

Nếu như Tâm phân học cho rằng mục đích cuối cùng của đời sống tình dục là sinh sản thì chúng ta không thể có một kết luận nào khác mà phải công nhận rằng tình dục nơi trẻ em với tư cách là mầm mống của đời sống tình dục không bình thường lại rất giống với

đời sống tình dục không bình thường thực thụ. Nó thực sự mang đầy đủ dáng dấp của những hành vi tình dục bất bình thường nơi người lớn.

Mặc cho những lời chống đối, Freud vẫn kiên trì quan điểm trên với một tấm lòng trong sáng của một nhà khoa học chân chính, không hề né tránh mà luôn nhìn thẳng vào sự thực trên mọi góc độ của vấn đề! Ông viết:

"Các bạn có thể ngạc nhiên khi thấy tôi đồng hoá hoạt động tình dục của trẻ em với những sự sa đoạ về tình dục. Điều đó cũng chẳng quan hệ gì, tuy liên quan giữa hai sự kiện nói trên hết sức tự nhiên vì nếu trẻ em có một đời sống tình dục thì đời sống tình dục này tất nhiên phải có tính cách sa đoạ vì tình dục này quả không liên quan gì đến việc sinh con cả. Điểm đặc biệt cho mọi sa đọa về tình dục là nó không hề biết gì đến mục đích chính của tình dục là sự sinh sản. Chúng ta gọi là sa đoạ bất cứ một hành vi tình dục nào không có mục đích sinh sản mà chỉ có mục đích tìm khoái cảm không liên quan gì đến sinh sản. Chỗ rẽ của sự phát triển tình dục phải tìm trong mục đích chính của tình dục là sự sinh sản. Tất cả cái gì xảy ra trước khi đến chỗ rẽ đó, tất cả cái gì tránh không đi vào chỗ rẽ đó, tất cả những gì chỉ có mục đích gây khoái cảm thôi đều phải gọi bằng danh từ sa đoạ và bị mọi người kinh bỉ"[1].

Chúng ta cần chú ý là khi Tâm phân học đồng hoá tình dục trẻ em và tình dục sa đoạ cũng như trong phạm vi nào đó thì giữa tình dục trẻ em với tư cách là mầm mống với tình dục bất bình thường và tình dục

[1] Sđd, tr 370 - 371.

bình thường cũng có một sự khác nhau khá lớn về cơ chế tổ chức, sự hoạt động cũng như hậu quả mang lại.

Tình dục bình thường và tình dục bất bình thường là tình dục được *tập trung* nhiều bộ phận, nhiều phương tiện và một mục đích cũng rất tập trung để đạt được những khoái cảm cao. Còn tình dục trẻ em là *tình dục lẻ tẻ* của từng bộ phận riêng lẻ và sự khoái cảm cũng không tập trung vào một mục đích duy nhất như trong những trường hợp trên: bình thường và bất bình thường. Khoái cảm của nó cũng chưa cao và đương nhiên vì không tập trung, do đó cường độ của nó còn thấp.

Bây giờ chúng ta xem xét đến sự khác nhau giữa tình dục bình thường và tình dục bất bình thường.

Tình dục bất bình thường ngoài mục đích đơn thuần là tìm kiếm những khoái lạc tột đỉnh không dính dáng gì đến sinh sản, còn sử dụng bất kể phương tiện nào dù không phải là cơ quan tình dục và luôn thay đổi đối tượng tình dục. Đặc tính nổi bật là nó bị *biến dạng* thường xuyên, thay đổi thường xuyên. Đặc tính này được xem như là bất biến và không nhất thiết gắn với sự giao hợp, một điều không thể thiếu được trong sinh sản.

Còn tình dục bình thường là tình dục đã loại trừ tất cả những gì không liên quan đến sinh sản mà chỉ giữ lại những gì cần thiết cho sự sinh sản. Về tình dục bình thường, Freud viết:

"... chúng ta có thể đưa ra kết luận rằng tình dục bình thường chỉ là sản phẩm của một cái gì đó đã có trước nó và nó chỉ hình thành được sau khi đã huỷ bỏ

được những cái gì không dùng được trong những vật liệu đã có sẵn từ trước để giữ lại những gì còn dùng được trong việc sinh sản"[1].

Như đã nói ở trên, để tìm hiểu tình dục bất bình thường, chúng ta đã nói đến tình dục trẻ em với tư cách là mầm mống của tình dục bình thường và đặc biệt với tình dục bất bình thường.

Đời sống tình dục của trẻ em cho đến nay vẫn là một vấn đề vô cùng phức tạp nhưng theo Tâm phân học nó lại có một vai trò có ý nghĩa quyết định nên chúng ta phải xem xét đầy đủ hơn, hi vọng là sẽ có một sự hiểu biết có cơ sở vững chắc hơn.

Tâm phân học đã cho chúng ta biết tình dục trẻ em chỉ là mầm mống của tình dục nói chung. Tâm phân học còn cho rằng đời sống tình dục của trẻ em là một cái gì không thể định nghĩa được.

Vì vậy, Freud viết: "... chúng ta gọi là tình dục, những hành vi không thể định nghĩa được trong những năm đầu tiên của thời thơ ấu, có mục đích *gây khoái cảm*..."[2].

Cũng vì vậy Tâm phân học gọi đời sống tình dục của trẻ em là thời kì *tiền sinh dục*. Các em chưa biết gì đến việc giao hợp và hưởng thụ những khoái cảm không phải bằng cơ quan sinh dục. Vì các em chưa biết gì đến việc giao hợp nên các em hưởng khoái cảm thông qua những cơ quan sinh lí khác, lẻ tẻ rời rạc vô trật tự không phụ thuộc vào những cơ quan sinh dục mà mang

[1] Sđd, tr 378.
[2] Sđt, tr. 381.

tính độc lập riêng biệt. Từ thời kì tiền sinh dục đến thời kì hình thành rõ rệt dời sống tình dục ở con người là một quá trình phát triển khá dài mà không thời kì nào giống thời kì nào. Như vậy, dời sống tình dục ở trẻ em chỉ là mầm mống, chỉ là thời kì tiền sinh dục như đã nói ở trên chứ không phải là tình dục theo đúng nghĩa của danh từ như mọi người thường quan niệm từ trước tới nay.

Nhưng tại sao Tâm phân học cứ nhất định cho nó là đời sống tình dục, chỉ có điều dây là tình dục trẻ em. Sở dĩ như vậy vì hai lẽ sau đây:

1/. Nó cũng đi tìm khoái cảm và có khả năng thoả mãn những khoái cảm đó.

2/. Nó là mầm mống của tình dục đã phát triển hoàn chỉnh, là hình ảnh thu nhỏ của nội dung tình dục đích thực sau này. Nó là những giai đoạn sơ khai của sự hình thành đời sống tình dục nói chung nơi con người. Vì vậy, Freud đã diễn tả quá trình đó như sau:

"... đời sống tình dục, hay sự hoạt động của lòng khát dục không phải tự nhiên mà thành, phải trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau, chẳng giai đoạn nào giống giai đoạn nào, y như những giai đoạn giúp cho con ngài trở thành con bướm. Chỗ rẽ của sự phát triển đó chính là lúc các khuynh hướng lẻ tẻ chịu lệ thuộc vào cơ quan sinh dục, nghĩa là lúc tình dục bị lệ thuộc vào sự sinh sản. Vậy là lúc đầu chúng ta chỉ có một đời sống tình dục rời rạc, do các khuynh hướng lẻ tẻ tạo nên để tìm khoái cảm do các cơ quan trong cơ thể gây nên, những khuynh hướng này hoạt động độc lập không

phụ thuộc vào nhau. Sự vô trật tự này được giảm bớt nhờ những tổ chức tiền sinh dục..."[1].

Như vậy, theo Tâm phân học thì có đời sống tình dục của trẻ em, tình dục bất bình thường và tình dục bình thường. Theo một nghĩa nào đó thì tình dục của trẻ em cũng là tình dục bất bình thường. Có tình dục theo nghĩa hẹp, theo nghĩa cổ điển là tình dục gắn với sinh sản, loại tình dục bình thường. Còn tình dục theo nghĩa tương đối rộng gồm cả tình dục bất bình thường trong đó có tình dục trẻ em không nhằm mục đích sinh sản. Còn theo một nghĩa thật rộng của Tâm phân học thì tình dục là những hoạt động sáng tạo gây những khoái cảm mạnh mẽ không khác gì những khoái cảm mà những hoạt động tình dục thông thường mang lại. Đây là tất cả những dạng tình dục nói chung, là động lực cho những sáng tạo có ý nghĩa và làm cho nhân cách con người được phát triển theo chiều ngày càng hoàn thiện. Vì vậy, theo Tâm phân học thì đặc trưng nổi bật của khái niệm tình dục là *nguyên tắc khoái cảm và thăng hoa*.

Freud viết: "Tôi chỉ mở rộng khái niệm về tình dục đủ để đưa vào đời sống tình dục của những kẻ sa đọa và của trẻ con. Nói khác đi tôi chỉ trả lại cho khái niệm đó tầm quan trọng nó vẫn có xưa nay. Ngoài ý nghĩa Tâm phân học ra, tình dục chỉ là một khái niệm hết sức chật hẹp, chỉ dùng vào mỗi một mục đích sinh sản, nghĩa là điều người ta thường gọi là đời sống tình dục bình thường"[2].

---

[1] Sđd, tr 386.
[2] Sđd, tr. 386.

Cho nên tình dục trẻ em theo Tâm phân học không những không phải là tình dục theo nghĩa cổ điển gắn liền với cơ quan sinh dục, với sinh sản mà còn chưa được xem là sinh dục nữa. Nó chỉ là tiền sinh dục mà thôi.

Tâm phân học quan tâm đến đời sống tình dục của trẻ em chỉ vì nó giúp cho ta hiểu được đầy đủ hơn đời sống tình dục của những người trưởng thành. Hơn nữa, những kỉ niệm của đời sống tình dục trẻ em lại thường bị gần như quên hẳn trước tuổi dậy thì vào lúc từ tám đến mười tuổi khi mà do sự cấm đoán của xã hội đã dồn nó vào trong vô thức. Nhưng nó lại trở lại vào tuổi trưởng thành nhiều khi gây ra tội lỗi mà xã hội không ngờ tới. Đó là tình yêu đối với mẹ đã có ngay từ khi còn bú sữa với một lòng ích kỉ và tính ghen tuông kì lạ đã dẫn đến hình thành trong mỗi con người cái mà Tâm phân học gọi là "mặc cảm Œdipe".

"Mặc cảm Œdipe" đã gây nên một nghịch cảnh trong dư luận xã hội. Với Tâm phân học thì đây là một thành công lớn của môn học mà niềm tự hào đó được các nhà Tâm phân học công khai khẳng định mà không cần che giấu. Trong khi đó thì dư luận xã hội lại trái ngược nhau. Một số người thì nhiệt liệt hoan nghênh, một số khác thì lên án quyết liệt.

Vậy "mặc cảm Œdipe" là cái gì mà thái độ của người đời lại đối nghịch nhau ghê gớm như vậy, tự hào cũng cao và chống đối cũng thực là quyết liệt.

Tâm phân học không cho chúng ta một sự giải thích đầy đủ như là một định nghĩa về mặc cảm Œdipe. Nhưng qua những lời giải thích đầy tính thuyết phục về mặc cảm Œdipe cũng như những chứng minh,

chúng ta tạm hiểu "mặc cảm Œdipe" là một cảm tính đau khổ, day dứt lo sợ phạm tội giết cha và yêu mẹ, lo sợ phạm tội loạn luân. Điều đó cũng có nghĩa là "mặc cảm Œdipe" chính là *phản ứng chống lại mặc cảm đó*. Freud viết:

"Sự phân tích cho ta thấy mặc cảm này xuất hiện đúng như trong huyền thoại, mỗi bệnh nhân đều là một Œdipe hay là một Hamlet chống đối lại mặc cảm này... Mặc cảm Œdipe trong người lớn chỉ là bản cũ soạn lại mặc cảm đó trong trẻ con thôi"[1]. Vì thế người ta còn gọi mặc cảm đó là mặc cảm tội lỗi giết cha yêu mẹ. Chỉ riêng cảm tính băn khoăn lo lắng phạm tội cũng đã là một thái độ chống lại sự phạm tội đó rồi.

Mặc cảm mang tên Œdipe bắt nguồn từ một huyền thoại về nhà vua Hilạp Œdipe. Theo huyền thoại này thì nhà vua Œdipe bị số phận bắt buộc phải giết cha và lấy mẹ. Nhà vua đã tìm mọi cách để chống lại số phận ấy nhưng số phận ấy đã được định đoạt rồi thì làm sao tránh được và nhà vua đã một lúc mắc phải hai trọng tội là giết cha và lấy mẹ làm vợ. Do hối hận về việc đó dù đã muốn tránh nhưng cũng không tránh được nên nhà vua đã tự trừng phạt mình bằng cách chọc mù đôi mắt của chính mình vì đã biết là mình phạm phải hai tội lớn. Huyền thoại này được lấy làm nội dung chính của một vở kịch của nhà viết kịch nổi tiếng là Sophocle.

Diễn biến của nội dung vở kịch rất phù hợp với phương pháp của Tâm phân học. Tội ác của Œdipe đã

[1] Sđd, tr.102.

vấp phải những trở ngại gì và từng bước được đưa ra ánh sáng như thế nào nhờ vào những dấu tích mới tìm thấy. Nó giống như một khảo sát Tâm phân học.

Vở kịch đã nói lên một bi kịch của nhân loại là dù không muốn nhưng số mệnh con người đã buộc chính con người phạm phải những tội tầy đình là tội loạn luân. Dù con người có tìm mọi cách để trốn tránh cũng không trốn được. Nhưng sau khi phạm tội con người đã hối cải bằng cách tự trừng phạt mình. Còn Jocaste, người mẹ và cũng là người mẹ đau khổ trong vở kịch đã nhiều lần ngăn cản cuộc điều tra với lí do là người ta đã chẳng thường nằm mơ ngủ với mẹ mình và cũng chẳng ai để ý đến giấc mơ đó làm gì. Lời khẳng định của Jocaste để biện hộ cho tội trạng lại vô tình chứng minh cho điều mà Tâm phân học rút ra qua việc nghiên cứu giấc mơ. Như vậy, một lần nữa chứng minh rằng giấc mơ có một liên quan chặt chẽ với câu chuyện kinh khủng và kì lạ trong huyền thoại.

Còn người Hi Lạp thì đã từ lâu quả quyết rằng đó là điều mà con người khó mà thoát được vì số phận là như thế và nó vẫn tồn tại như nó đang tồn tại từ trước đến nay.

Qua vở kịch của Sophocle nói trên, Tâm phân học muốn lưu ý với chúng ta một điều là việc phạm những tội loạn luân như vậy đã và đang tồn tại trong cuộc sống của chúng ta dù cho chúng ta có cực lực phản đối đến đâu đi chăng nữa. Vì thế cần phải nghiên cứu nó một cách nghiêm túc chứ không phải là phủ nhận nó như là nó không bao giờ tồn tại trong cuộc sống và

không có gì phải bận tâm. Nhưng mặt khác trong khi Tâm phân học thừa nhận nó như một di sản của loài người, như một định mệnh thì lại không chịu ngồi nhìn ngắm nó một cách dửng dưng. Tâm phân học chủ trương phải đối mặt với nó nếu không phải là khắc phục nó triệt để tình dục loạn luân thì ít ra cũng thuần dưỡng nó, hướng nó đi vào những điều có ích dù là nhỏ nhất cho con người, trước hết và trực tiếp chữa trị những chứng bệnh tâm thần một cách có hiệu quả.

Đối với những ý kiến không thừa nhận sự tồn tại của những hành vi loạn luân, chắc không phải là điều mà chúng ta không thể khắc phục được. Chỉ một việc từ đời này sang đời kia con người luôn lên án những hành vi đó cũng đủ chứng minh là nó đang tồn tại thực sự. Sự lên án này không dừng lại trên phạm vi đạo đức, trong luân thường đạo lí, trong phong tục tập quán mà còn được ghi trong luật pháp. Điều đó càng chứng tỏ sự có mặt của những hành vi loạn luân.

Đây không phải là răn đe, đề phòng đơn thuần mà là những hành vi loạn luân vẫn luôn xảy ra đâu đó, chưa kể những sự loạn luân còn trong vòng bí mật. Chỉ tính riêng những hành vi đã bị vỡ lở hoặc đã phải ra trước pháp luật cũng đủ chứng minh là nó đang tồn tại và sẽ còn tồn tại lâu dài.

Có ý kiến cho rằng sự ngăn cấm nói trên chỉ thuần túy để bảo vệ giống nòi tránh sự thoái hoá chứ không phải đây là quan hệ tình dục giữa những người cùng huyết thống. Ý kiến này cũng không thể đứng vững được. Thử hỏi nếu không phải là tình dục thì cái gì là

động lực dẫn đến loạn luân mà hậu quả của nó như ta thấy là làm suy thoái giống nòi, phá hoại luân thường đạo lí. Nếu không phải là tình dục thì cái gì dẫn đến hôn nhân loạn luân.

Lại có ý kiến cho rằng vì sống chung đụng gần nhau lâu nên dẫn đến loạn luân. Ý kiến này cũng chẳng thuyết phục được ai dù dân gian đã có câu "lửa gần rơm lâu ngày cũng bén". Đúng là phải lửa gần rơm thì mới bén được còn như nước gần nước thì bén làm sao được. Như vậy có nghĩa là nếu không phải là đối tượng tình dục của nhau thì làm sao nẩy sinh được quan hệ tình dục. Vấn đề sống gần nhau chỉ là điều kiện. Mà đã gọi là điều kiện thì có thể là thuận và cũng có thể là nghịch. Nghĩa là cũng có thể rất yêu nhau mà cũng có thể rất ghét nhau thậm chí còn mong cho nhau chết là đằng khác. Vì thế một khi đã xảy ra loạn luân thì nhất thiết phải có vai trò của tình yêu, của tình dục.

Trong khi khá nhiều người bài bác mặc cảm Œdipe mà thực chất là phủ nhận sự tồn tại của hành vi loạn luân chỉ vì sợ nói tới vấn đề này, e rằng nó sẽ gợi cho người đời những ý tưởng xấu xa. Trong khi đó xã hội lại để cho những nhà thơ, những nhà văn, các nhà nghiên cứu mặc sức nói tới mà không có một sự phản kháng nào đáng kể. Vở kịch của Sophocle là một vở kịch nói về một trường hợp loạn luân: giết cha và lấy mẹ. Nhưng khán giả từ bao đời nay lại không có lấy một phản ứng xấu nào đáng kể về sự loạn luân đó. Hình như tội lỗi này là thuộc về định mệnh thuộc về thần linh. Khán giả cũng không hề chống lại ý nghĩa luân lí của vở kịch. Nhưng họ

lại có một phản ứng khác, phản ứng của một người đang tự cảm thấy mặc cảm đó đáng có trong mỗi người và họ đang tìm cách ra khỏi mặc cảm đó nhưng thực là khó thoát nổi. Ý tưởng loạn luân không bị triệt tiêu mà lui vào trong vô thức. Con người rơi vào tình trạng áy náy, lo sợ phạm tội. Đó chính là một trạng thái tâm lí rất đáng quan tâm. Một mặt luôn khẳng định mình không bao giờ có ý tưởng đó nhưng lại vẫn lo lắng cho sự phạm tội của mình sẽ xảy ra vào một lúc nào đó mà không thể lường trước được. Con người luôn sống trong tình trạng tâm lí có một sự dằng co, một sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng: phạm tội và chống lại sự phạm tội đó. Và chính sự mặc cảm này đã gây ra lòng hối hận dầy vò những người mắc các chứng bệnh tâm thần.

Thái độ nói trên của người đời cho chúng ta biết rằng con người không bao giờ muốn phạm tội loạn luân nhưng cảm tính đó lại đang tồn tại và đang đe doạ cuộc sống có đạo đức của xã hội. Trong nhiều trường hợp sự chống đối quyết liệt giữa hai khuynh hướng nói trên lại làm cho một số người rơi vào các chứng bệnh tâm thần nhưng dù sao con người đã tạm thời giành thắng lợi và chế ngự được một phần tội loạn luân. Nói như vậy không có nghĩa là chỉ có hai con đường: hoặc là mang bệnh, hoặc là phạm tội. Chúng ta sẽ còn phải bàn đến vấn đề mấu chốt này nhưng phải trên cơ sở được trang bị thêm một số hiểu biết cần thiết nữa.

Vở kịch về huyền thoại Œdipe quả đã nói lên tương đối đầy đủ những điều nói trên. Vua Œdipe do định mệnh nên đã có ý tưởng loạn luân. Với tư cách là một

thực thể xã hội sống phải có luân thường đạo lí nên đã ý thức được đó là ý tưởng xấu xa, một trọng tội nên đã tìm cách chống lại ý tưởng đó. Nhưng số phận đã định, thần linh đã quyết nên không thể tránh được. Sau khi phạm tội nhà vua lại được người đời trong đó có cả người mẹ vừa lên án, vừa che chở thể hiện ở lời biện hộ của bà. Kẻ phạm tội do hối hận nên đã tự trừng phạt mình bằng cách chọc thủng đôi mắt của chính mình.

Mặc cảm Œdipe không phải chỉ được các nhà văn, các nhà thơ nói đến một lần mà người ta còn gặp vô số những biến dạng nào đó về mặc cảm này. Vở kịch Hamlet rất quen thuộc với chúng ta đã chứng minh điều đó.

Linh hồn người cha tội nghiệp đã xuất hiện trong những giấc mơ của người con và Hamlet đã quyết định trả thù cho người cha. Việc Hamlet trả thù cho cha chỉ là một cái cớ, chỉ là điều kiện để cho cái vô thức trong con người Hamlet vùng dậy. Theo những nhà Tâm phân học thì đây thực chất là tình yêu của Hamlet đối với mẹ mình từ thời thơ ấu mà người đời thường gọi là tình mẫu tử. Vì những nguyên nhân về đạo lí trong xã hội mà tình yêu đó chưa được thoả mãn, nó ẩn vào vô thức nay có điều kiện xui khiến, Hamlet đã giết chồng của mẹ để thoả mãn tình cảm đó. Vở kịch không nói ra công khai tình cảm của Hamlet đối với mẹ mình. Nhưng qua nhiều công trình nghiên cứu người ta thấy tình cảm đó đã vượt khỏi khuôn khổ của tình mẫu tử đơn thuần, đó là tình yêu mang nội dung tình dục theo nghĩa của Tâm phân học, và nó được bắt nguồn từ thời thơ ấu.

Phản ứng của chúng ta đối với vở Hamlet có thể rất khác nhau. Nhiều người cho rằng vở kịch đã thể hiện đầy đủ cái mà Tâm phân học gọi là mặc cảm Œdipe: số mệnh xui khiến phạm tội là không tránh được và cuối cùng chỉ là sự hối hận bằng cách tự trừng phạt, Hamlet đã phải giả điên và đi lưu đầy biệt xứ.

Bên cạnh phản ứng nói trên cũng còn không ít người cho rằng phạm tội loạn luân thì nhất định phải bị trừng phạt và Hamlet đã trở thành biểu tượng của đạo đức xã hội đã chống lại tội loạn luân bằng cách đã giết kẻ đã phạm tội loạn luân là chú mình. Có lẽ do quan điểm của đạo diễn hoặc một lí do nào đó mà chúng ta không nhận ra chính Hamlet vừa là biểu tượng của đạo đức xã hội lại vừa là thủ phạm của tội loạn luân. Sự phạm tội của Hamlet cũng có tính định mệnh không thể tránh được. Nhưng con người cuối cùng có phạm tội cũng vẫn là người chống lại tội lỗi đó. Mặc cho tội lỗi đó mới chỉ là ý tưởng, thậm chí ý tưởng đó nhiều khi dương sự cũng không ý thức được vì nó đã là cái vô thức ẩn sâu trong kí ức từ xa xưa, từ thời thơ ấu.

Vở kịch Hamlet cũng như huyền thoại Œdipe đều là những bi kịch của cuộc sống hiện thực. Mặc cho con người ra sức chống lại tội tổ tông nhưng cũng không thể tránh được mà chỉ còn là sự hối hận, sự tự trừng phạt. Cũng vì thế mặc cảm Œdipe của Tâm phân học chính là cảm tính lo sợ phạm tội loạn luân của loài người.

Freud viết: "Tiếng nói của thi sĩ như bảo họ: 'mày không thể chống lại được trách nhiệm của mày.

Mày có trần tình rằng mày đã làm đủ mọi cách để cưỡng lại ý muốn phạm tội của mày cũng vô ích. Lỗi của mày vẫn còn đó vì chính mày cũng không rũ bỏ được những ý muốn phạm tội, những ý muốn đó vẫn tiềm tàng trong vô thức của mày". Đó chính là một sự thực tâm lí. Ngay cả khi đã dồn ép những khuynh hướng xấu xa vào trong vô thức rồi, tuy miệng vẫn nói là mình không có trách nhiệm gì cả, nhưng trong thâm tâm con người vẫn cho là mình có trách nhiệm mà không hiểu vì sao"[1].

Người ta đã tìm thấy không ít những ý tưởng loạn luân xấu xa trong các di cảo của nhiều nhân vật nổi tiếng trong lịch sử. Trong "Người cháu của Rameau" của Diderot, một nhà triết học duy vật nổi tiếng, một nhà bách khoa toàn thư uyên bác có một đoạn như sau:

"Một đứa bé của một dân tộc kém phát triển được mặc sức muốn làm gì thì làm, nếu nó vẫn giữ nguyên sự thấp hèn của nó, nếu nó dung hòa được một ít lẽ phải của đứa bé còn nằm trong nôi với sự độc ác của con người ba mươi tuổi thì nó sẽ vặn cổ cha nó và ngủ với mẹ nó".

Còn Otto Rank thì quả quyết rằng những kịch tác gia nổi danh mọi thời đều khai thác rất nhiều về mặc cảm này, những mặc cảm về sự loạn luân và những biến dạng của nó.

Còn thần thoại học thì đã không ngần ngại gì cho chúng ta biết rằng loài người thường gán cho các vị thần linh tính cách loạn luân trong khi chính loài người lại rất sợ loạn luân.

---

[1] Sđd, tr 391

Qua việc tìm hiểu những phong tục tập quán của nhiều dân tộc trên thế giới, các nhà nghiên cứu đã ghi nhận là ở nhiều dân tộc hiện nay vẫn còn duy trì một phong tục không có gì phù hợp với nền đạo đức xã hội như dân tộc Incas ở Pérou coi lễ cưới giữa những người anh em ruột thịt là vô cùng thiêng liêng. Và biết bao công trình nghiên cứu đáng tin cậy chẳng đã cho chúng ta biết con người ở thời kì sơ khai, tình dục loạn luân đã tồn tại và người ta cũng không cho đó là xấu xa, là tội lỗi. Nói như vậy không phải để biện minh cho sự loạn luân mà chỉ muốn nói một điều là nó có thực đã, đang và sẽ còn tồn tại với loài người và con người cần hiểu nó và có thái độ thích hợp để đối xử với nó.

Từ năm 1913, Freud đã viết trong một công trình nghiên cứu về những buổi sơ khai của tôn giáo và luân lí với nhan đề "Vật tố và húy kị" và đã được công bố. Trong công trình này Freud đã đưa ra một giả thuyết: "Chính mặc cảm Œdipe đã làm cho toàn thể nhân loại trong những ngày đầu tiên ý thức được sự phạm tội của mình, chính sự phạm tội này là nguồn gốc đầu tiên của mọi tôn giáo mọi luân lí".

Thần thoại bao giờ cũng là thần thoại nhưng con người cũng không thể phủ nhận tính chất chân thực cuả nó dù ở một trình độ nào và bị biến dạng đến đâu.

Chúng ta suy nghĩ gì về thần thoại "Mẹ Âu Cơ" đẻ ra một trăm trứng, nở thành một trăm người con. Một nửa xuống biển, còn nửa kia lại lên núi để xây dựng nước Văn Lang với con rồng cháu tiên gia tăng đông đúc. Câu chuyện này có liên quan gì đến việc sinh con đẻ cái của những con người cùng một huyết thống mà

ngày nay chúng ta gọi là tội loạn luân, một trọng tội trong đời sống xã hội. Thần thoại này phải chăng chỉ nói lên duy nhất có một điều là "nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng" chứ không nói gì đến tình hình có liên quan đến huyết thống hay bao gồm cả hai.

Ngành nhân chủng học cũng cho chúng ta biết khá nhiều điều lí thú có liên quan đến những đặc điểm di truyền giữa những người trong một chủng tộc, một sắc tộc. Điều đó có nói gì đến sự chung chạ giữa những người cùng máu mủ từ cội nguồn hay không.

Tóm lại mặc cảm Œdipe về một phương diện nào đó với cái nhìn của những con người văn minh là xấu xa. Nhưng với cách giải thích của Tâm phân học thì mặt khác nó lại có tính tích cực nhất định. Con người luôn tìm cách chống lại nó và nếu như số phận chẳng may không tránh được thì cũng có một sự hối hận đáng xúc động mà cũng không phải chờ đến sự phán xét của xã hội. Còn khi Tâm phân học nói mặc cảm Œdipe là do sự định đoạt của số phận là nói theo cách nói của huyền thoại nhưng để nói lên một cái gì đó xảy ra một cách tự nhiên mang tính di truyền bẩm sinh xuất hiện rất sớm ở những trẻ em khi còn ở tuổi bú sữa mẹ, đặc biệt vào độ tuổi từ ba tuổi trở lên. Nói một cách khác thì theo Tâm phân học, những hành vi loạn luân ở người trưởng thành bắt nguồn từ những hành vi loạn luân với tư cách là những mầm mống có từ thời thơ ấu. Và mặc cảm Œdipe cũng có nguồn gốc sâu xa từ thời thơ ấu.

Đây là điều khiến cho nhiều người hoài nghi nhất trong những vấn đề đáng hoài nghi ở Freud. Về phía mình

Tâm phân học cũng chưa có đầy đủ những chứng minh có sức thuyết phục cao. Nhưng để tìm hiểu, chúng ta cũng cần xem xét vấn đề để có cơ sở cho sự hoài nghi của mình. Đối với trẻ sơ sinh khi còn bú sữa mẹ Tâm phân học cho rằng: hành vi bú cũng như ngậm đầu vú mà không phải để thỏa mãn cái đói và cái khát, hoặc ngậm đầu vú giả, hoặc mút ngón tay là một hành vi hưởng thụ những khoái cảm. Và cũng chỉ trên ý nghĩa này mà Tâm phân học cho trẻ em ở tuổi bú sữa đã có nhu cầu hưởng thụ những khoái cảm tình dục. Freud viết:

"Đó là điều chúng ta làm khi cho rằng khoái cảm của đứa trẻ là khoái cảm tình dục"[1], "hoặc mở rộng khái niệm về tình dục đến những hành vi trong thời thơ ấu để tìm khoái cảm..."[2]. Đối với trẻ em ở tuổi lên ba, Freud viết:

"Ngay từ năm thứ ba trở đi thì chúng ta chẳng còn nghi ngờ gì về tính cách tình dục nơi trẻ em nữa"[3].

Qua những lời khẳng định trên của Tâm phân học đối với lứa tuổi lên ba còn gợi cho chúng ta một điều: hình như chính Freud cũng còn đôi điều nghi ngờ về những khoái cảm tình dục nơi những trẻ em sơ sinh. Và chỉ khi đến tuổi lên ba ông mới dám quả quyết như vậy.

Từ ba tuổi đến bảy tuổi, những khoái cảm ở trẻ em đã chuyển sang những miền tình dục nơi các cơ quan sinh dục. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận như một điều hiển nhiên. Đi đôi với sự phát triển này là sự phát triển về tinh thần, về tình cảm mang

[1] Sđt, tr. 382.
[2] Sđt, tr. 381.
[3] Sđt, tr. 382.

đặc trưng xã hội khá rõ nét. Vào thời kì này trẻ em bắt đầu thích người khác giới, thích âu yếm và được âu yếm hay nói một cách khác là thích yêu và được yêu. Những hành vi tình dục vào tuổi này mang tính chất sa đoạ theo nghĩa của Tâm phân học vì lúc này cơ quan sinh dục của các em chưa phát triển và cũng chưa biết gì đến sinh sản. Freud viết:

"Từ năm thứ ba trở đi, đời sống tình dục của đứa bé có nhiều điều rất giống với tình dục nơi người lớn, chỉ khác ở chỗ các cơ quan sinh dục phát triển chưa đều, tính cách tình dục là tính cách tình dục sa đọa rõ rệt và tất nhiên cường độ của tình dục đó chưa mạnh bằng tình dục của người lớn"[1].

Vào tuổi này đối tượng để thoả mãn khoái cảm nếu không còn là cặp vú mẹ thì lại là bản thân người mẹ. Và người mẹ được coi là đối tượng tình dục đầu tiên trong đời trẻ thơ. Tình yêu mà Tâm phân học nói ở tuổi này là tình yêu mang nội dung tình dục chứ không phải đơn thuần là tình mẫu tử như người đời thường quan niệm. Vậy tình yêu có nội dung tình dục khác tình mẫu tử ở chỗ nào. Tâm phân học cho chúng ta một lời giải thích thật là thú vị sau đây: Freud viết: "Chúng ta nói đến tình yêu khi những *khuynh hướng tinh thần* của bản năng tình dục giữ địa vị quan trọng nhất trong khi những sự đòi hỏi *về thân thể hay tình dục căn bản của bản năng tình dục* bị dồn ép hay bị quên đi trong chốc lát"[2].

Cũng chính vào lúc này trong con trẻ lại có một khuynh hướng khác, một hoạt động tinh thần khác dồn

[1] Sđt, tr 384.
[2] Sđt, tr 388.

ép khuynh hướng trên và làm cho trẻ em không biết gì đến một phần của mục đích tình dục nữa.

Từ tám tuổi đến dậy thì, các khuynh hướng tình dục bị lắng xuống trở thành tiềm tàng trong chiều sâu của tâm hồn các em và chờ đến tuổi dậy thì sẽ bùng lên một cách mạnh mẽ với đầy đủ tiêu chuẩn của khái niệm tình dục nơi loài người. Kết luận được rút ra của Tâm phân học là:sự lựa chọn người mẹ là đối tượng đầu tiên của tình yêu này gắn với điều mà chúng ta gọi là mặc cảm Œdipe.

Việc hình thành mặc cảm Œdipe không phải chỉ thuần tuý là một quá trình tự nhiên, bẩm sinh di truyền mà có sự đóng góp của chính cuộc sống giữa cha mẹ và con cái. Người lớn nói chung và cha mẹ nói riêng thường thích thú, hài lòng khi thấy trẻ thơ làm nũng làm duyên, âu yếm vuốt ve người lớn. Đó là một tình cảm bình thường mà cũng chẳng có ai ngăn cấm, xã hội lên án nhưng lại chính những hành vi đó làm cho giữa con trẻ và người lớn có điều kiện hình thành rõ rệt và dần dần xuất hiện cái mà ta gọi là mặc cảm Œdipe. Khi con người biết suy nghĩ chín chắn hơn, ý thức được tình cảm đó là tội lỗi và luôn lo sợ phạm tội. Cuộc sống vốn nhiều kịch tính. Một việc làm chính đáng nhiều khi lại dẫn đến những hậu quả không hay. Trách người lớn, trách các bậc làm cha làm mẹ hay trách trẻ em hay là trách mặc cảm Œdipe. Bình tĩnh mà xét thì chẳng có ai là đáng trách ở đây. Cuộc sống vốn là như vậy thì nó là như vậy. Vấn đề con người phải từng bước tìm ra lối thoát thích hợp. Chính loài người đã không biết đến bao nhiêu lần vừa là

người kiến thiết lại vừa là nạn nhân đó sao. Cuộc sống thường tình là như vậy đâu phải là scandale như nhiều người thường nói. Mặc cảm Œdipe là do cuộc sống sinh ra từ bao đời nay, Tâm phân học chỉ đặt cho nó một cái tên và một tính cách hợp đạo lí: thừa nhận nó, khắc phục nó để giải thoát cho con người ra khỏi tình trạng bệnh hoạn. Nếu như cách giải thoát trước kia là phạm tội, là hối hận và tự trừng phạt mình thì nay trở thành những con người lành mạnh, cường tráng cả về thể chất và tâm hồn. Đó chính là mục tiêu cao nhất của Tâm phân học với tư cách khiêm tốn là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị các chứng bệnh tâm thần.

Nếu Tâm phân học được nhìn nhận như vậy thì chắc sự phẫn nộ của người đời đối với mặc cảm Œdipe sẽ nhẹ đi rất nhiều nếu không phải là mất hẳn.

Tâm phân học còn cho chúng ta biết rằng mặc cảm Œdipe là một mặc cảm xuất hiện cả ở trẻ em trai cũng như ở trẻ em gái. Ở trẻ em gái Tâm phân học gọi là *mặc cảm électra*. Tâm phân học cũng như nhân loại chưa cho chúng ta biết gì nhiều về mặc cảm này chỉ biết rằng nó cũng tương tự như mặc cảm Œdipe.

Đứng về mặt lí luận, Tâm phân học giới thiệu với chúng ta ba nguyên tắc của lí thuyết tình dục sau đây.

1/. Nguyên tắc về những khích động.

Theo Tâm phân học thì nguyên tắc về sự khích động là nguyên tắc nền tảng trong lí thuyết về tình dục. Vậy khích động là gì?

Theo tâm lí học cổ điển thì khích động tương đương với *kích thích* (instinct) có tính bản năng của các cơ

quan sinh lí nơi con người. Người ta còn dùng từ kích thích với nghĩa một sự phát động một sự khích lệ mà trong tiếng Pháp người ta gọi là tendance.

Danh từ khích động trong Tâm phân học có nghĩa như một sự *phát động*, một sự *thúc đẩy* bắt nguồn từ những cơ quan sinh lí nhưng lại tạo ra một cảm xúc mạnh, căng thẳng về mặt tâm lí. Điều đó muốn nói đây là một danh từ diễn tả một trạng thái tinh thần được phát động từ những kích thích có tính chất sinh lí. Như vậy là danh từ khích động trong Tâm phân học đã vượt khỏi tính cách bản năng sinh lí của tâm lí học cổ điển. Và sự khích động này dẫn đến việc *hình thành những ước vọng, những ham muốn*. Từ những ước vọng, những ham muốn lại đòi hỏi phải làm thế nào để những ước vọng, những ham muốn đó được thoả mãn, mang lại cho con người những *khoái cảm* và cuối cùng làm giảm bớt sự căng thẳng về mặt tâm lí do việc chưa được thoả mãn về khát dục gây ra.

Tóm lại, danh từ khích động trong Tâm phân học muốn nói từ sự kích thích về sinh lí có khả năng làm khởi phát một trạng thái tâm lí, một hoạt động tinh thần để thỏa mãn những ham muốn do sự khởi phát tạo ra. Và khi đã được thoả mãn sẽ mang lại cho con người sự khoan khoái và làm dịu bớt sự căng thẳng do sự đòi hỏi nói trên gây ra.

Đây là mối liên hệ giữa những hoạt động về cơ thể (sinh lí) với những hoạt động về tâm lí (tinh thần) và đương nhiên Tâm phân học chú trọng đến những hoạt động tâm lí nhiều hơn.

Vấn đề này chắc không có gì phải bàn cãi nhiều vì không có một sự vận động nào của cơ thể lại không ít nhiều liên quan đến các hoạt động tâm lí và ngược lại. Nhưng đối tượng mà Tâm phân học quan tâm là cái tâm lí, cái tinh thần chứ không phải là cái bản năng sinh lí. Do đó chúng ta thấy rằng nguyên tắc khích động trong lí thuyết về tình dục của Tâm phân học không phải để chỉ cái bản năng mà để chỉ mặt xã hội nơi con người và chỉ con người nói theo ý nghĩa truyền thống mới có hoạt động tinh thần này. Còn về mặt tâm lí thì đây là tâm lí miền sâu nơi các sinh vật xã hội chứ không phải là tâm lí sinh vật theo nghĩa thông thường.

Sự khích động trong lí thuyết về tình dục của Tâm phân học mang đặc tính tích cực chứ không thụ động. Từ những kích thích về sinh lí mà tự phát động (dynamique) thành sự hoạt động về tinh thần.

Những hoạt động tinh thần do những khích động này tạo nên được Tâm phân học đặc biệt chú ý là những hiện tượng vô thức hay còn gọi là những ý tưởng lộ liễu cấu thành cái vô thức vì chính cái vô thức đã được Tâm phân học chọn làm đối tượng nghiên cứu của mình.

Từ nguyên tắc khích động nói trên, Tâm phân học đề ra hai yêu cầu sau đây:

a/. Những hoạt động tâm lí xã hội cần phải tránh sự căng thẳng và phải luôn làm dịu đi tới mức thấp nhất có thể.

b/. Những kích thích sinh lí mang tính bản năng có thể tạo ra sự nổ bùng (xuất thần) trong cuộc sống của mỗi con người cần phải được quan tâm. Những kích

thích đó tạo ra nơi con người những cảm giác bồn chồn không yên và thấy cần phải có một vài hành động gì đó để làm dịu bớt sự căng thẳng và chính việc làm dịu bớt sự căng thẳng lại tạo ra những khoái cảm về mặt tâm lí, về mặt tinh thần.

Từ đó Tâm phân học coi nguyên tắc khoái cảm là nội dung cơ bản, là hạt nhân của nguyên tắc khích động.

2/. Nguyên tắc khoái cảm.

Vậy nguyên tắc khoái cảm là gì?

Nguyên tắc khoái cảm được hình thành từ những thử nghiệm Tâm phân học để tìm ra nền tảng của đời sống tâm lí gồm những yếu tố sau đây:

a/. Khả năng khích động nẩy sinh từ cơ thể được xem là nguồn gốc.

b/. Sự căng thẳng về tâm lí được xem như một khích động nội tại khuyến khích những hành vi tương ứng và được coi như là một động lực.

c/. Mục đích của những hành vi đó nhằm làm dịu bớt những căng thẳng, tức những khoái cảm đã được thoả mãn.

d/. Đối tượng được hành vi đó sử dụng là một người khác, một sự vật khác hoặc một bộ phận trong cơ thể của chính đương sự được coi như một phương tiện để đạt mục đích.

Những yếu tố trên là những yếu tố không chỉ phù hợp với trạng thái tâm lí mà còn phù hợp với cả trạng thái sinh lí của con người.

Về mặt sinh lí, một cơ thể lành mạnh là một cơ thể tự nó có khả năng tạo ra một thế cân bằng về mặt sinh

lí trong trường hợp thế cân bằng đó bị vi phạm hoặc khôi phục lại được thế cân bằng đó.

Với Tâm phân học thì các yếu tố tâm lí phải được hoạt động như thế nào để có đủ khả năng tạo được một sự cân bằng về cảm xúc cũng như khôi phục được thế cân bằng khi có những căng thẳng và sự khôi phục này gây ra những khoái cảm về tinh thần, về tâm lí cho con người. Tóm lại là nguyên tắc khoái cảm trong lí thuyết về tình dục, Tâm phân học cho rằng: mọi hoạt động tâm lí của con người đều nhằm thực hiện *những ham muốn, những khát vọng*. Một khi những ham muốn, những ước vọng đó được thoả mãn thì tạo ra *những khoái cảm* ở mức cao nhất, đồng thời cũng làm dịu đi tới mức thấp nhất những phiền muộn, những đau khổ, những căng thẳng do sự khích động gây ra. Sự đòi hỏi này lại là sự đòi hỏi *tức thời,* không thể trì hoãn được và không kể đến hậu quả như thế nào vì đó là *đặc tính chung của những khích động* khi nó chưa chịu sự *kiểm soát của cái Tôi có kinh nghiệm và trưởng thành*.

Vì tính ương bướng với sức nổ bùng của những khích động mang nội dung tình dục này mà vai trò của cái Tôi nói riêng cũng như cuộc sống của mỗi cái Tôi nói chung có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, có khả năng điều tiết tới mức cần thiết sự hưởng thụ khoái cảm. Đó là phương cách tốt nhất để mỗi người có thể tạo ra cho mình một cuộc sống lành mạnh về tâm hồn và cường tráng về thể xác. Để diễn tả tinh thần trên, chúng ta tạm dùng từ "tiết dục" để chỉ cuộc sống với sự hưởng thụ hợp lí những khoái cảm do cái Tôi trưởng thành và có kinh nghiệm làm chủ. Và cũng vì yêu cầu đó mà

Tâm phân học giới thiệu với chúng ta nguyên tắc thứ ba của lí thuyết về tình dục. Đó là nguyên tắc thực tế.

3/. Nguyên tắc thực tế.

Bàn đến lí thuyết Tâm phân học nói chung, lí thuyết về tình dục nói riêng mà không bàn đến nguyên tắc thực tế sẽ làm cho chúng ta thiếu cơ sở để thẩm định đúng sai.

Không biết có phải những bất đồng, những hiểu lầm gây tranh cãi kéo dài, một phần lớn bắt nguồn từ sự nghiên cứu chưa đầy đủ về nhiều vấn đề trong đó có vấn đề về nguyên tắc thực tế của lí thuyết tình dục hoặc là đã bỏ qua nguyên tắc quan trọng này hay không. Bằng những điều mà chúng ta đã được nghe, được đọc ở đâu đó như tình dục theo quan niệm của Tâm phân học là tình dục của bản năng sinh vật, là tình dục sa đoạ bừa bãi... Chúng ta hãy tạm coi sự phỏng đoán trên là có cơ sở nào đó để tìm hiểu thêm.

Vậy nguyên tắc thực tế là gì?

Như chúng ta đã biết, lí thuyết tình dục của Tâm phân học một mặt thừa nhận vai trò của các cơ quan sinh lí có tính di truyền bẩm sinh và như chúng ta thường gọi là những hành vi tình dục bản năng thì mặt khác Tâm phân học rất coi trọng vai trò của đời sống xã hội mà trực tiếp là cái Tôi với tư cách là một thực thể xã hội sống trong những hoàn cảnh sống của xã hội khác nhau. Và nguyên tắc thực tế chính là nguyên tắc đề cập đến vai trò của cái Tôi xã hội sống động với những kinh nghiệm sống của chính mình cũng như những điều kiện sống trong quá trình trưởng thành,

thành con người chín chắn, đứng đắn và đúng mực trong mọi hành động bao gồm cả những hành động hưởng thụ những khoái cảm tình dục. Chúng ta có thể không do dự mà khẳng định rằng vai trò của cái Tôi với tư cách là một thực thể xã hội sống động có *vai trò quyết định* trong lí thuyết Tâm phân học nói chung và trong lí thuyết về tình dục nói riêng. Còn vai trò đó cụ thể như thế nào và hoạt động ra sao thì chúng ta còn có thể có chỗ này chỗ khác chưa đồng ý và chúng ta có quyền có quan điểm của riêng mình.

Như vậy là chúng ta có thể hiểu nguyên tắc thực tế là khả năng có thực của cái Tôi xã hội có thể điều tiết việc hưởng thụ những khoái cảm vào những lúc thích hợp nhất, có lợi nhất, đối với sự tồn tại của cái Tôi trên cơ sở những điều kiện sống của cái Tôi tức sự phù hợp với những điều kiện sống thực tế của mình.

Như vậy là tính chất bức thiết, không thể trì hoãn được của sự hưởng thụ những khoái cảm bị cái Tôi điều chỉnh cho phù hợp với những điều kiện sống thực tế của từng người. Nói một cách khác là con người có khả năng tạm thời "nhịn" hưởng thụ những khoái cảm khi thấy nó không có lợi cho cuộc sống thực tế của mình. Nhịn để đến khi có những điều kiện thực tế có lợi nhất sẽ hưởng thụ chứ không phải là triệt tiêu những ham muốn, những ước vọng đó. Vì vậy nguyên tắc thực tế hay thực tại còn được gọi là nguyên tắc "có lợi".

Nhờ cái gì mà cái Tôi có thể trì hoãn sự hưởng thụ những khoái cảm vào một lúc khác. Đó là nhờ ở sự trưởng thành của mình, nhờ ở những kinh nghiệm sống

của bản thân, nhờ vào sự hiểu biết và trí thông minh... để phân biệt vào lúc nào sự hưởng thụ đó có lợi nhất cho sự tồn tại của chính mình, của sự phát triển nhân cách của cái Tôi, phù hợp với hoàn cảnh sống thực tế của mình. Nói một cách khác, đối với những cái Tôi trưởng thành, họ có đủ bản lĩnh kinh nghiệm để hưởng thụ khoái cảm theo đúng tính chất hưởng thụ của những con người xã hội thực thụ có giáo dục thực sự. Chúng ta nhấn mạnh vai trò của những con người xã hội vì biết bao nhiêu người cũng là những thực thể xã hội nhưng đâu có khả năng làm chủ được mình trong việc hưởng thụ những khoái cảm tình dục.

Nếu vấn đề được hiểu như trên thì mặc nhiên chúng ta phải thừa nhận là ở trẻ em, chúng ta không thấy có khả năng này. Và chính điều đó đã tô đậm thêm tính chất sa đoạ của những hành vi tình dục nơi trẻ em.

Tuy nhiên trẻ em từ một tuổi trở lên, trước những răn đe của người lớn chúng cũng biết *tạm hoãn hưởng thụ* những khoái cảm nào đó để đến lúc khác khi có điều kiện sẽ hưởng sau để tránh những trừng phạt của người lớn. Đó là cách tìm khoái cảm trong lén lút, vụng trộm. Ví như mỗi khi mút ngón tay, chúng bị người lớn trách la, thậm chí còn đe doạ chặt ngón tay. Thế là chúng không dám mút ngón tay khi có mặt người lớn và chờ đến khi chỉ có một mình chúng mới hưởng thụ khoái cảm đó.

Nguyên tắc thực tế sẽ được hình thành cùng với sự trưởng thành của trẻ em và vai trò của nó có ảnh hưởng đến sự điều tiết những hưởng thụ tới đâu là do sự trưởng thành của từng em về mặt nhân cách.

Nói đến nguyên tắc thực tế là chúng ta nói đến vai trò của "lí trí hợp lí" và vai trò này chỉ có ở những con người xã hội trưởng thành và đã thoát khỏi những ảnh hưởng tiêu cực nơi các sinh vật cũng như nơi xã hội con người.

Với cách nói của xã hội,chúng ta gọi những con người xã hội trưởng thành là những con người có giáo dục. Họ là những con người đã được tiếp thu một nền giáo dục *lành mạnh và hợp lí* trong cả nhà trường, trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Họ còn là những con người có giáo dục với nghĩa là đã tiếp thu được sự giáo dục của cuộc sống đa dạng đầy biến động và phức tạp. Đây là những con người có giáo dục theo nghĩa toàn diện, rất rộng từ nhiều mặt, nhiều phía chứ không phải chỉ có nhà trường và gia đình. Họ là những con người có giáo dục với cái nghĩa quan trọng hơn cả là khả năng tự lựa chọn một cách độc lập trong việc định hướng cuộc sống cũng như tổ chức cuộc sống và sống với đầy đủ ý nghĩa cuộc sống người, không chạy theo những dục vọng tầm thường của cả cuộc sống tình cũng như cuộc sống lí.

Cũng vì thế nhiều người cho rằng Tâm phân học tuy chỉ là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị các chứng bệnh tâm thần nhưng lại cung cấp cho xã hội nói chung và cho các nhà giáo dục nói riêng những tư tưởng quan trọng trong việc giáo dục con người, nhất là giáo dục thế hệ trẻ. Một nền giáo dục như vậy phải có can đảm nhìn thẳng vào sự thực dù cho cái sự thực đó có gây nhiều nhức nhối như thế nào đi chăng nữa. Đồng thời phải tôn trọng sự thực dù cho sự thực đó có vẻ như xấu xa, phi đạo đức đến đâu theo thành kiến của người đời. Làm thế

nào cho con người tránh được mọi cám dỗ có ma lực ghê gớm như sự khát khao tình dục nơi con người.

Tâm phân học không phải là một lí thuyết giáo dục với tư cách đầy đủ như là một giáo dục học, như một lí thuyết khoa học về giáo dục.Nhưng chính bằng những biện pháp giáo dục đúng đắn mà Tâm phân học có khả năng làm cho những con người bệnh hoạn ốm yếu cả về thể xác lẫn tinh thần trở thành những con người sống sáng suốt, tự chủ, thông minh lành mạnh cả về thể xác lẫn tâm hồn như những con người lành mạnh đáng kính khác trong xã hội.

Điều có ý nghĩa hơn cả mà người đời đã phải thừa nhận là Tâm phân học không dừng lại ở chỗ chữa trị cho những người không may mang bệnh mà còn giúp cho những người chưa mang bệnh tránh khỏi rơi vào bệnh hoạn, một sự phòng bệnh đáng tin cậy. Về mặt nhân cách, Tâm phân học giúp cho những người đã có nhân cách lại càng phát triển nhân cách của mình trở thành hoàn thiện hơn. Đối với những người mà nhân cách còn thấp hoặc đang sa sút, Tâm phân học có thể giúp cho họ tránh được sự sa sút thấp hèn đó để vươn lên thành những con người chân chính. Một khi nhân cách mỗi con người được hoàn thiện thì sự đóng góp của họ cho đời ngày càng nhiều hơn và tốt hơn. Nhưng điều có ý nghĩa quyết định cuối cùng vẫn là ở sự nỗ lực, sự quyết tâm của chính bản thân họ vì một lẽ rất đơn giản là không một ai có thể làm thay cho họ được. Tuy nhiên vai trò của xã hội cũng rất quan trọng không thể thiếu được. Nếu không sẽ có tình trạng là muốn làm người lương thiện cũng khó mà thực hiện được theo mong muốn của chính xã hội.

Chương 4

MẤY NÉT VỀ CÁC CHỨNG BỆNH TÂM THẦN - PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRỊ VÀ VAI TRÒ CỦA CÁI TÔI (TÂM LÍ HỌC VỀ CÁI TÔI)

Các chứng bệnh Thần kinh đã từ lâu là một lĩnh vực riêng của các nhà Thần kinh học. Từ khi Tâm phân học ra đời, các chứng bệnh Thần kinh được hai ngành học quan tâm, đó là Thần kinh học và Tâm phân học.

Vậy thì sự khác nhau giữa thần kinh học và Tâm phân học là ở chỗ nào. Đó là điều cần làm rõ để xác định đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học đối với các chứng bệnh thần kinh.

Thần kinh học là một ngành chỉ chú trọng đến việc tìm ra nguyên nhân của các chứng bệnh thần kinh từ tính di truyền nghĩa là từ trong gia đình người bệnh đã có ai trong cha ông họ đã mắc chứng bệnh này. Nói một cách khác là ở tất cả những người mắc các chứng bệnh thần kinh đều đã có sẵn trong người họ những hạt nhân di truyền để khi có điều kiện thích hợp là phát bệnh. Và nếu như vậy thì khoa học đành bó tay hoặc

phải tìm cách thay đổi gien di truyền hoặc chỉ có thể làm thuyên giảm những triệu chứng chứ không thể chữa trị từ gốc được. Lời giải thích của nhà Thần kinh học về các loại bệnh này không phải là không có ích nhưng có còn nguyên nhân nào quan trọng hơn không. Có còn những nguyên nhân nào gần hơn, trực tiếp nữa không. Các nhà Thần kinh học ít để ý đến những câu hỏi đại loại như vậy và cũng chưa có một câu trả lời nào có sức thuyết phục về những câu hỏi trên. Và đương nhiên là các nhà Thần kinh học không biết đến và cũng không muốn áp dụng phương pháp và kĩ thuật của Tâm phân học để chữa trị cho người bệnh. Tóm lại, các nhà Thần kinh học chỉ dừng lại ở những hiện tượng bề mặt, bề nổi, chỉ khảo cứu "hình thể bề ngoài của các cơ quan" và kết luận rút ra một cách tự nhiên, đó là sự thoái hoá về thần kinh dưới những tên gọi rất khác nhau tùy theo biểu hiện của nó ra bên ngoài thông qua những triệu chứng. Và cuối cùng là những lời khuyên nên đi giải trí, nên thay đổi không khí, đừng nghĩ đến những chuyện đó nữa và nên nghĩ đến những chuyện khác...Tất cả những lời giải thích của những nhà Thần kinh học không thể đi xa hơn và cũng không thể cung cấp cho chúng ta những giải thích đáng tin cậy. Vì thế Freud đã dùng câu ngạn ngữ sau đây để diễn tả ý tưởng trên.

"Kẻ nào cho hơn cái gì mình có là không lương thiện". Tâm phân học là môn học đứng bên cạnh Thần kinh học và có nhiệm vụ bổ sung cho môn này. Nói như Freud thường nói một cách hình ảnh là "Tâm phân học bắt đầu công việc của mình ở chính điểm kết thúc của Thần kinh học".

Tâm phân học và Thần kinh học không hề đối nghịch nhau mà bổ sung cho nhau để đạt một mục đích chung là điều trị có hiệu quả các chứng bệnh thần kinh với những đặc điểm vô cùng phong phú và phức tạp. Nói một cách khác cụ thể hơn là nếu Thần kinh học dừng lại ở nguyên nhân di truyền thì Tâm phân học một mặt tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về nguyên nhân này, mặt khác Tâm phân học đi sâu tìm hiểu những nguyên nhân quan trọng hơn, trực tiếp hơn xảy ra trong chính cuộc đời người bệnh từ quá khứ xa xôi đến những ngày trong cuộc sống hôm nay, tức cuộc sống hiện tại của người bệnh. Những biến cố này đã gây cho người bệnh một trạng thái tinh thần như thế nào và có ý nghĩa gì đến cuộc đời họ trên mọi lĩnh vực. Cái mà Tâm phân học gọi là những *biến cố tinh thần*. Vì vậy, những yếu tố di truyền và những yếu tố tinh thần không hề bài trừ lẫn nhau mà tồn tại bên cạnh nhau để thúc đẩy những con người lành mạnh trở nên bệnh hoạn khi có điều kiện. Tâm phân học được xem như một môn học chuyên khảo cứu "mô và tế bào" của các cơ quan nội tạng trong khi đó thần kinh học chỉ khảo cứu những hình thể bên ngoài. Tâm phân học được coi như môn giải phẫu học để tìm hiểu *cơ chế hoạt động của những hiện tượng tinh thần* được xem như những nguyên nhân quan trọng nhất, trực tiếp làm xuất hiện những triệu chứng bệnh hoạn. Đó là những *ý tưởng cố định* nảy sinh trong cuộc sống người bệnh. Thần kinh học không có phương tiện nào có khả năng mổ xẻ những ý tưởng cố định này. Trái lại, Tâm phân học lại có phương pháp kĩ thuật riêng có thể giúp cho việc mổ xẻ thành công và điều trị bệnh có

kết quả. Vậy ý tưởng cố định là gì?

Ý tưởng cố định là những ý nghĩ được hình thành sau những biến cố gây nhiều xúc động mạnh cho đương sự. Đó là những ý nghĩ sâu sắc được ghi nhận đậm nét trong đời người bệnh, nhiều khi tưởng như nó đã biến mất nhưng thực ra nó đã trở thành cái vô thức từ lúc nào mà đương sự không hay biết. Những ý tưởng này luôn gây ra sự ám ảnh, một sự ám thị như Tâm phân học đã đặt tên cho một loại bệnh thần kinh. Đó là bệnh bị ám ảnh hay bệnh tự ám thị.

Những ý tưởng ám ảnh, ám thị này y học gọi là những ý tưởng "bỏ ngoài tai" mọi lí lẽ hợp tình hợp lí, đúng sự thực mà người bệnh không hề biết gì về tính chất vô lí, kì khôi đó. Nó là cái gì tiềm tàng trong người bệnh rất lâu từ trước.

Như vậy, theo Tâm phân học, nguyên nhân di truyền có thể được xem là một trong những nguyên nhân dẫn đến các chứng bệnh thần kinh. Nhưng cái quan trọng hơn là việc Tâm phân học tìm ra những cái có ý nghĩa *quyết định là những nguyên nhân tinh thần* và những nguyên nhân này giữ vai trò gần nhất, trực tiếp làm xuất hiện triệu chứng khi có những điều kiện thuận lợi.

Vì thế đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học chính là mổ xẻ những nguyên nhân này, tìm ra sự hoạt động của nó cũng như việc tìm ra những phương cách để chế ngự nó. Cũng từ sự định hướng cơ bản đó mà Tâm phân học quả quyết rằng: mặc dù các chứng bệnh thần kinh có nguồn gốc di truyền thì các chứng bệnh đó

vẫn có thể chữa trị được. Từ đó chúng ta được nghe nói đến một loại bệnh thần kinh tinh thần để phân biệt với bệnh thần kinh sinh lí gọi tắt là những chứng bệnh tâm thần và môn học về nó được gọi là Tâm phân học để phân biệt với Thần kinh học và người khởi xướng ra môn học này như chúng ta đã biết là S.Freud. Chính ông cũng là người có công hoàn thiện môn học trong suốt cả cuộc đời mình. Cô con gái út của Freud cũng là người kế tục xuất sắc sự nghiệp của ông và là một nhà Tâm phân học nổi tiếng tên là Anna Freud.

Các nhà Thần kinh học không hề biết đến những ý tưởng cố định và trước những lời nói hay cử chỉ của người bệnh họ chỉ buông ra "đó là lời nói hay việc làm của người điên" có gì mà phải quan tâm, nghĩa là họ rất coi thường những triệu chứng đó ở người bệnh.

Trái lại Tâm phân học rất coi trọng việc tìm hiểu nội dung của những ý tưởng cố định và những biểu hiện của nó là những lời nói, những hành vi vô nghĩa với tư cách là những triệu chứng nơi người bệnh. Là một người khiêm tốn và trung thực, một đòi hỏi không thể thiếu được của một người làm khoa học chân chính, Freud luôn nói với mọi người rằng, ông không phải là người đầu tiên nghĩ và tìm hiểu những ý tưởng cố định, quan tâm đến việc giải thích những triệu chứng. Trước ông đã có những nhà Thần kinh học nổi danh như Leuret quan tâm đến vấn đề này. Ông này đã từng quả quyết rằng: nếu biết giải thích, người ta có thể tìm thấy ý nghĩa của những lời nói, của những hành vi của người điên. Breuer là người thầy và cũng là người bạn đã từng cộng tác với Freud trong một số năm đã tái lập

được nội dung một trường hợp náo loạn thần kinh đã công bố công trình này với sự cộng tác của Freud vào năm 1893-1895.

Trước đó, còn phải kể đến P.Janet vì ông ta cũng đã công bố một công trình tương tự như của Breuer. Janet đã nói rõ trong công trình của mình, những triệu chứng là một ý tưởng vô thức. Chỉ tiếc rằng sau đó ông lại tuyên bố cái vô thức đối với ông chỉ là một cách nói và nó chẳng tương ứng với một điều gì có thực cả.

Vì thế, Freud cho rằng điều quan trọng không phải là ở chỗ chứng minh ai là người đầu tiên đề xuất mà là ai tiếp tục con đường đến cùng với những kết quả có ý nghĩa và đáng tin cậy. Theo ông trong khoa học, việc có nhiều người cùng quan tâm đến một vấn đề là lẽ bình thường và khoa học bao giờ cũng là sự kế tục của nhiều người và được nghiên cứu đi nghiên cứu lại để hoàn thiện dần dần.

Sau khi khảo sát kiên trì, Freud đã đi đến kết luận: "Những triệu chứng của bệnh thần kinh cũng có một ý nghĩa, y như trong những hành vi sai lạc và giấc mơ và cũng liên quan đến đời sống con người"[1].

Tâm phân học có thể cung cấp cho chúng ta vô số những chứng minh có thực trong quá trình nghiên cứu và điều trị người bệnh. Trong khuôn khổ mà chúng ta đang quan tâm, chúng ta chỉ có thể nêu lên một phần rất nhỏ trong số những chứng minh đó để làm ví dụ mà thôi. Ví như một cô gái xinh đẹp nết na, con nhà tử tế, được ăn học chu đáo và có một lối sống lành mạnh phù

[1] Sdd - tr. 302 - 303.

hợp với những tiêu chuẩn xã hội về phương diện đạo đức. Bỗng nhiên cô trở nên u sầu, hay cáu gắt như vừa xảy ra một sự kiện gì đó vô cùng quan trọng đối với một cô gái trẻ vào tuổi cặp kê. Cô thường có những việc làm rất kì khôi, khó hiểu vô nghĩa như ban đêm trước khi đi ngủ cô lại đem một lọ hoa sẵn có thường xuyên trong phòng mình ra đặt ở một nơi khác. Cô để thật chu đáo làm thế nào cho lọ hoa nếu có gì xảy ra cũng không thể vỡ được cho dù lọ hoa đã được đặt ở một vị trí đủ an toàn rồi. Hỏi thì cô chỉ trả lời với thái độ lo âu là để tránh cho nó khỏi bị vỡ. Mọi người trong gia đình đều không thể hiểu được vì chỗ thường xuyên vẫn để lọ hoa nhiều khi còn đảm bảo hơn nơi cô ta đem đặt trước khi đi ngủ. Cô còn cho biết là phải làm như vậy mới ngủ yên được. Việc làm đó cứ kéo dài từ ngày này sang ngày khác mà không có một lời khuyên nào có thể thuyết phục được cô ta.

Sau cùng gia đình phải nhờ đến nhà Tâm phân học. Với sự tin tưởng vào định hướng của mình nhà Tâm phân học nghĩ rằng những hành vi đó là những triệu chứng của một loại bệnh thần kinh được gọi là bệnh bị ám ảnh, tự ám thị và quyết tìm ra ý nghĩa và nội dung của những triệu chứng đó mới có khả năng chữa trị cho cô ta lành bệnh được.

Sau nhiều lần tiếp xúc trò chuyện được cô cho hay là cô rất sợ trong đêm tân hôn của cô lại không thấy chảy máu. Với cô đó là điều bất hạnh không thể chịu nổi đối với một cô gái có giáo dục và thực sự trinh trắng. Nhưng tại sao cô ta lại có hành vi chuyển lọ hoa, sợ lọ hoa bị vỡ chứ không phải là một hành vi khác và

buộc nhà Tâm phân học phải có cách kiểm tra sự tin cậy của lí do mà cô ta đã nêu ra. Cuối cùng nhà Tâm phân học đã tìm ra được những căn cứ đủ tin cậy về lí do trên. Như chúng ta đã biết, trong các lễ đính hôn của nhiều dân tộc trên thế giới thường có phong tục đập cốc chén trong khi tiến hành nghi lễ và mỗi vị khách có mặt đều phải giữ lấy một mảnh vỡ coi đó như là một lời nguyền là từ giờ phút đó không một ai được đụng đến cô dâu tương lai này nữa. Như vậy sự kiện này có một mối liên tưởng với hành vi và ý tưởng khó hiểu của cô gái là rất sợ lọ hoa bị vỡ. Nhưng như thế chưa đủ, nhà Tâm phân học còn phải tìm ra những nguyên nhân quan trọng hơn sâu xa hơn và chỉ khi nào biết được nguyên nhân này mới hi vọng trị được tận gốc căn bệnh. Công sức bỏ ra thực không phụ lòng nhà Tâm phân học và được cô ta cho biết có một lần khi cô còn nhỏ trong một lần bị ốm do bị vấp ngã đã làm vỡ một cái bình sứ. Một mảnh vỡ của chiếc bình đã làm tay cô chảy máu. Đến đây thì mọi việc đã rõ. Những triệu chứng dù khó hiểu đến đâu cũng có một ý nghĩa, một nội dung nhất định và là sự phát biểu của những kỉ niệm đã trở thành vô thức để nói lên một sự kiện của hôm nay, của cuộc sống hiện tại. Đặc tính của bệnh tự ám thị là nhiều khi đương sự biết là cứ để lọ hoa ở chỗ cũ cũng không thể vỡ được nhưng cứ di chuyển đi nơi khác, nghĩa là họ phải làm một cái gì đó mới yên tâm mà không cần để ý gì đến bất cứ một lời giải thích nào của bất cứ ai. Bệnh tâm thần đôi khi còn diễn ra sau một tai nạn gây tổn thương đến thân thể như tai nạn xe cộ, tai nạn do chiến tranh... Giữa những bệnh tâm thần do tai nạn gây ra

và những bệnh tâm thần tự phát có nhiều điều khác nhau. Nhưng cả hai đều có chung một điểm là tất cả những bệnh nhân đó luôn luôn quay trở về thời kì xảy ra sự cố trước đó từ gần đến xa xưa. Họ luôn sống với diễn biến của sự cố xa xưa trong các cơn bệnh. Đây là kết luận quan trọng trong việc tìm hiểu các chứng bệnh tâm thần. Nó mang một nội dung kinh tế trong những hoạt động tinh thần. Theo Freud, ngay chữ bị thương đã không có một ý nghĩa nào khác là nội dung kinh tế, mang ý nghĩa *kinh tế*.

Vậy ý nghĩa *kinh tế* này cần được hiểu như thế nào? Freud đã trả lời như sau: "Chúng ta gọi bằng danh từ đó một biến cố chỉ *trong một thời gian ngắn* đem lại cho đời sống tinh thần *một số khích động quá nhiều* khiến cho ta không thể dùng những phương sách thông thường để gạt bỏ được chúng và hậu quả của tình trạng này là gây ra *những sự rối loạn lâu dài* trong việc *sử dụng nghị lực* con người"[1].

Ý nghĩa trên được áp dụng để tìm hiểu những chứng bệnh tâm thần tự phát và loại bệnh này cũng không là gì khác là do những biến cố gây nhiều xúc động cho người bệnh tương tự người bị tai nạn, bị thương mà người bệnh không đủ khả năng phản ứng với một biến cố tinh thần gây nhiều xúc động như vậy. Chính *cú sốc ấy* đã để lại dấu vết lâu dài trong cả cuộc đời con người và chờ dịp "tái phát" để gây bệnh.

Tuy nhiên không phải bất cứ trường hợp nào quay lại biến cố xa xưa đều dẫn đến bệnh tâm thần. Có

[1] Sđd, tr.321 - 322.

trường hợp chỉ gây cho đương sự một nỗi buồn dù nỗi buồn có sâu đậm đến đâu đi chăng nữa vì nỗi buồn không đồng nghĩa với bệnh tật. Như vậy, những thương tổn về tinh thần trong quá khứ dù có sâu đậm đến đâu cũng không nhất thiết dẫn đến mắc bệnh. Điều đó còn tùy thuộc vào những điều kiện khác nữa. Có điều đáng chú ý mà bất cứ một người nào cũng thấy ở những người bệnh là bản thân họ cũng không hiểu vì sao họ lại có những lời nói, những cử chỉ như vậy và nếu họ có giải thích cho chúng ta thì chúng ta lại thấy đầy rẫy những vô lí, vô nghĩa rất ngô nghê trong những lời huyên thuyên đó.

Tóm lại, là họ không hề biết đến nguồn gốc, ý nghĩa và mục đích của những lời nói và cử chỉ của họ. Như vậy là phải có một động lực nào tiềm ẩn bên trong thúc đẩy mà những cử chỉ là hậu quả của những hoạt động bên trong này. Cái động lực bên trong chính là những ý tưởng vô thức, là sự hoạt động của tinh thần vô thức.

Những triệu chứng ở người bệnh cứ như từ đâu tới, đột nhiên xuất hiện như một cái gì xa lạ làm rối loạn cuộc sống bình thường nơi con người. Rõ ràng đó thực sự là một đời sống khác hẳn đời sống tinh thần bình thường nơi những con người lành mạnh.

Trong vấn đề này có một điều vô cùng quan trọng giúp cho chúng ta hiểu được đúng đắn quan niệm của Tâm phân học, đó là cái vô thức không phải ngay từ đầu đã là vô thức. Nói như Tâm phân học, những động lực thúc đẩy bên trong, những biểu thị của nó thông qua những triệu chứng bệnh không phải là cái vô thức

từ nguồn gốc, từ bản chất, không phải là cái vô thức tự thân. Nghĩa là lúc đầu nó cũng là cái hữu thức. Nhưng do những hoàn cảnh nào đó đã làm cho nó bị đẩy vào tầm sâu của ý thức và trở thành cái vô thức và tồn tại như những động lực xa lạ với những biểu hiện như là triệu chứng bệnh. Freud viết:

"Tất nhiên tự chúng những biểu thị và thúc đẩy này *không có tính cách vô thức,* cũng như cử chỉ ẩm ảnh, *cũng không thoát khỏi cảm giác hữu thức.* Những sự biểu thị và thúc đẩy đó sẽ không trở nên những triệu chứng nếu chúng không xâm nhập vào vô thức."[1]

Ở đây đã xảy ra một sự chuyển hóa quan trọng nơi người bệnh: từ hữu thức trở thành vô thức. Nghĩa là người ta chỉ mắc bệnh tâm thần khi nào người ta để cho cái hữu thức trở thành vô thức. Như thế có nghĩa là những biến cố gây nhiều xúc động tự nó không làm phát sinh bệnh khi nó còn trong lĩnh vực ý thức. Chỉ khi nào nó bị đẩy ra khỏi ý thức và trở thành vô thức thì khi đó nó mới tạo ra một sự mất thăng bằng lớn trong đời sống tinh thần con người và khi đó những triệu chứng mới xuất hiện.

Cứ theo chiều hướng này, chúng ta sẽ thấy Tâm phân học mở ra một khả năng rộng lớn để chữa trị các chứng bệnh tâm thần. Vấn đề là làm thế nào để cho những cái vô thức quay trở lại thành cái hữu thức, trở lại thành những con người bình thường. Mặc dù Tâm phân học chuyên bàn về cái vô thức nên nó ít bàn đến cái hữu thức nhưng nó vẫn dành cho cái hữu thức một

[1] Sđd, tr.326. Tác giả viết nghiêng để nhấn mạnh.

vị trí quan trọng vốn có của nó trong đời sống con người nói chung và đời sống tinh thần nói riêng.

Vấn đề còn lại là làm thế nào để cho cái vô thức trở lại thành cái hữu thức. Tâm phân học với tư cách là một phương pháp, một kĩ thuật khả dĩ có thể hoàn thành công việc khó khăn và phức tạp đó nhằm trả lại cho những con người bất hạnh mắc bệnh tâm thần trở lại thành những con người lành mạnh như mọi người lành mạnh khác. Vì vậy, Freud viết:

"Bao giờ sự phân tích cũng cho thấy rằng những triệu chứng này chỉ là kết quả của những hoạt động tinh thần vô thức *có thể trở thành hữu thức* với một số điều kiện nào đó"[1].

Nghiên cứu những bút tích để lại của Freud, chúng ta sẽ bắt gặp không biết bao nhiêu lần ông khẳng định mục tiêu, phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học nhằm điều trị những chứng bệnh tâm thần là "hữu thức hoá cái vô thức" "biến vô thức thành hữu thức", "làm cho những hoạt động tinh thần vô thức trở thành hữu thức", là "một kĩ thuật hữu thức hoá những hoạt động vô thức"...

Muốn làm được điều đó thì điều kiện tiên quyết là phải thừa nhận sự có mặt của cái vô thức trong đời sống tinh thần của con người chứ không phải cứ coi nó không tồn tại là mọi việc sẽ yên ổn. Tiếp đó phải hiểu được cơ chế tổ chức và hoạt động của nó chứ không phải thừa nhận sự tồn tại của nó mà chẳng nói lên một cái gì cả, hoặc gọi là vô thức thế thôi mà không chỉ định một

[1] Sđd, tr.326.

cái gì có thực cả,hay nó tồn tại dấy nhưng chẳng có liên quan gì đến đời sống con người... Tóm lại, nó là cái vô nghĩa, là vô bằng (gratuit).

Tâm phân học cho rằng một khi người mắc bệnh tâm thần không biết gì về ý nghĩa, nguồn gốc nội dung của những lời nói, những việc làm của họ, tức những triệu chứng chỉ có liên quan chặt chẽ với những ý tưởng vô thức của chính họ. Như vậy, những triệu chứng cũng được xem là có tính chất vô thức, là biểu thị của những ý tưởng vô thức sâu xa. Ở đây có một mối liên quan trực tiếp giữa những ý tưởng vô thức với những hành vi vô thức tức những triệu chứng của người bệnh.

Khẳng định như vậy có nghĩa là những hoạt động tinh thần hữu thức không làm phát sinh ra những triệu chứng của bệnh tâm thần và một khi những hoạt động vô thức trở lại thành hữu thức thì các triệu chứng đó sẽ biến mất và người bệnh sẽ trở lại những con người bình thường, lành mạnh. Freud thường nói một cách khiêm tốn rằng điều trị các chứng bệnh tâm thần theo Tâm phân học chẳng qua chỉ là trả lại cho người bệnh cái con người của họ khi họ chưa mắc bệnh, nếu có được thêm cái gì thì đó là làm cho họ thông minh hơn, khôn ngoan hơn, có kinh nghiệm hơn mà thôi. Dĩ nhiên sự thông minh, sự khôn ngoan, có kinh nghiệm này mang nội dung của một người có nhân cách chân chính, một con người phát triển toàn diện biết hướng những hoạt động của mình vào những mục tiêu nhân bản. Vì thế Freud đã khẳng định:

"Để luận những triệu chứng sẽ biến mất một khi các điều kiện vô thức đã được hữu thức hoá" đã được

mọi công trình khảo cứu về sau khẳng định mặc dù gặp biết bao sự phức tạp và không chờ đợi nhất trong việc áp dụng vào thực tế. "Phương pháp trị bệnh của chúng ta là làm sao biến vô thức thành hữu thức, phương pháp chỉ có hiệu quả khi làm được việc đó"[1].

Làm cho người bệnh sau khi khỏi bệnh trở thành thông minh hơn, như Socrate một triết gia Hi Lạp cổ đại từng nói: "Tội lỗi chính là hậu quả của sự ngu dốt". Người bệnh rơi vào tình trạng bệnh hoạn chỉ vì sự "ngu dốt" này và khi họ trở lại thành thông minh thì tự họ sẽ thoát khỏi bệnh hoạn. Công việc chính có ý nghĩa quyết định là ở nơi người bệnh, còn nhà Tâm phân học, người thầy thuốc chỉ là hỗ trợ, hướng dẫn để tự họ tạo nên sự chuyển biến có ý nghĩa quyết định cho cả cuộc đời mình.

Tâm phân học sau khi đã khẳng định phương hướng trên, còn giúp chúng ta hiểu rõ sự vận hành của quá trình xuất hiện triệu chứng.

Như chúng ta đã biết, triệu chứng có tính cách vô thức đương nhiên là biểu thị của cái vô thức trong người bệnh. Nhưng tại sao lại xảy ra tình trạng như vậy? Tâm phân học cho chúng ta biết có tình trạng trên là do có một vài hoạt động tình thần nào đó *không đi tới được ý thức* nên còn ở trong vòng cương tỏa của cái vô thức và dẫn đến việc phát sinh ra triệu chứng. Và như thế thì triệu chứng chẳng qua chỉ là một hoạt động tinh thần nào đó *bị ngăn chặn* không thể phát triển bình thường do một *nguyên nhân* nào đó làm cho rối loạn. Gây ra rối loạn, theo Tâm phân học là tạo ra những lỗ

[1] Sđd, tr.326.

hổng trong trí nhớ và *làm mất trí nhớ*. Chúng ta thấy trong đời thường người ta còn gọi những người mắc các chứng bệnh tâm thần là những người mắc chứng bệnh mất trí nhớ. Như vậy chứng mất trí nhớ của những người mắc bệnh tâm thần giữ một vai trò quan trọng như thế nào. Vì thế người ta có thể hoặc nói việc chữa trị các chứng bệnh tâm thần là làm cho cái vô thức trở thành cái hữu thức, hoặc lấp hết những lỗ hổng trong trí nhớ, hủy bỏ chứng mất trí nhớ đều có một giá trị như nhau. Freud viết:

"Tôi đã nói phương pháp trị liệu của Tâm phân học là: biến vô thức, căn nguyên của bệnh thành hữu thức. Các bạn sẽ ngạc nhiên nếu thấy công thức này có thể được thay thế bằng công thức sau: lấp hết những lỗ hổng trong trí nhớ, hủy bỏ bệnh mất trí nhớ. Công thức sau chẳng có gì khác công thức trước".[1]

Qua việc giải thích trên, ta thấy nguyên nhân của các loại bệnh tâm thần là cái vô thức được biểu thị ra thông qua triệu chứng. Cái vô thức lúc đầu thường là cái hữu thức thực sự nhưng bị ngăn chặn, bị dồn vào trong vô thức và bị quên lãng đi trong một thời gian và có khi mãi mãi. Chữa trị hiểu theo một nghĩa nào đó là làm thức dậy cái vô thức, từ chỗ mất trí nhớ, người bệnh trở lại có trí nhớ khi được chữa trị khỏi bệnh. Khỏi bệnh có nghĩa là lấy lại trí nhớ đã mất, có nghĩa là *ý thức được cái vô thức*. Quá trình đó được diễn ra theo một trật tự như sau: từ hữu thức (người bình thường) trở thành vô thức (người mang bệnh) và sau cùng là ý

[1] Sđd, tr.331.

thức lại được cái vô thức, nhớ được những điều đã quên lãng như một con người bình thường trước khi mang bệnh. Freud đã viết:

"Nguồn gốc của một triệu chứng chỉ là những cảm giác từ bên ngoài xâm nhập vào, có một lúc có tính cách hữu thức nhưng sau khi đã trở thành vô thức vì bị quên lãng. Mục đích của triệu chứng, khuynh hướng của nó trái lại trong mọi trường hợp, đều là một sự hoạt động tinh thần *có tính cách hữu thức* trong một lúc nào đó nhưng cũng có thể bị vùi lấp trong vô thức mãi mãi."[1]

Chúng ta đã biết một hoạt động tinh thần bị ngăn cấm không vào được trong ý thức hay một vô thức từ đầu cũng như nhau vì cả hai đều đã là những cái vô thức, đều là nguyên nhân gây bệnh. Vậy cái ngăn chặn đó là cái gì?

Kinh nghiệm điều trị những người mang bệnh tâm thần, người thầy thuốc luôn gặp một sự chống đối của người bệnh. Sự cự tuyệt này không hẳn là họ không tin cậy ở người thầy thuốc, hoặc coi thường, vô lễ mà ở chỗ bất cứ người bệnh nào cũng muốn giữ cho mình những điều thầm kín nào đó. Trước sự "chống đối" đó, như kinh nghiệm cho biết, người thầy thuốc phải lấy ngay sự chống đối đó của người bệnh để chống lại người bệnh. Và cuối cùng họ cũng nhượng bộ chút ít và nói rằng đó là những điều thầm kín, hoặc có liên quan đến người khác nên họ không muốn nói ra, hoặc nói ra thì thấy xấu hổ vì nó quá xấu xa.

Tóm lại là không có một người bệnh nào không

[1] Sđd, tr.333 - 334.

muốn giữ cho riêng mình một quãng nào đó trong đời sống tinh thần của họ làm cho việc điều trị không thể len lỏi vào được. Cứ mỗi lần người thầy thuốc thắng được một sự chống đối nào đó của người bệnh thì lại gặp một sự chống đối khác, thường là quyết liệt hơn, tế nhị hơn, khéo léo hơn và đôi khi bằng nhiều lí lẽ, nhiều kiến thức giống như những lời lẽ của những người chống lại môn Tâm phân học. Tất nhiên, người thầy thuốc không bao giờ nhượng bộ mà phải kiên trì cho đến khi thuyết phục được người bệnh để biết những ý tưởng thầm kín nơi người bệnh, những ý tưởng đã trở thành vô thức và là nguyên nhân gây ra bệnh.

Sự chống đối này từ đâu tới? Nó là sự chống đối từ chính cái Tôi của người bệnh. Từ đó, Tâm phân học đi đến một kết luận quan trọng sau đây: Tất cả những người mắc bệnh tâm thần đều là những con người đã bị phân thân thành hai con người khác nhau. Để cho dễ phân biệt, chúng ta có thể gọi con người thứ nhất là con người đang mang bệnh và con người thứ hai là cái Tôi đại diện cho con người bị ràng buộc bởi những quan hệ xã hội, bị ràng buộc bởi những quy định về luân lí, đạo đức, phong tục, tập quán, pháp luật của xã hội... Con người thứ nhất là con người có những mong muốn không phù hợp với những quy tắc sống của xã hội nói trên bao gồm cả những cái hợp lí cũng như những cái không hợp lí. Vì nó không được người đời thừa nhận nên nói chung nó là xấu xa, vô đạo đức, trái với phong tục tập quán, trái với cả pháp luật hiện hành. Những cái mà người đời thường gọi là những ham muốn quá đáng. Nói một cách khác thì cái con người thứ nhất là

con người đại diện cho những ham muốn không phù hợp với những chuẩn mực xã hội hiện hành. Những ham muốn này thường là cái hữu thức, nhưng cũng có thể nó là cái vô thức. Nhưng nó đều là những ý tưởng bị cấm kị bởi xã hội mà hiện thân chính là con người thứ hai trong người bệnh. Chính cái con người thứ hai này, chính cái Tôi này đã ngăn cản những ý tưởng xấu xa đó và đến một lúc nào đó có thời cơ thuận tiện thì nó hiện ra với những bộ mặt mới là triệu chứng và đương sự ngã bệnh. Trong khi tiếp xúc với người thầy thuốc cũng chính cái Tôi xã hội này tiếp tục chống lại không cho tiết lộ ra những điều bí mật đó, không cho những ham muốn xấu xa đó xuất đầu lộ diện. Sự chống đối này tự nhiên tới mức ngay người bệnh cũng không ý thức được, nghĩa là chính họ cũng không biết là mình đang chống đối lại người thầy thuốc. Freud viết:

"Đó chính là sự phát biểu của cái Tôi mà người bệnh dùng để chống lại những sự thay đổi do trị bệnh có thể gây ra. Nhưng đặc điểm của cái Tôi này xuất hiện dưới những điều kiện của bệnh thần kinh và là sự phản ứng đối với căn bệnh".[1]

Sự chống đối này càng gay go bao nhiêu, càng khó khăn cho việc chữa trị bấy nhiêu. Nhưng cũng qua những chống đối này mà người thầy thuốc có điều kiện khai thác được nhiều điều có ích cho việc chữa trị. Chỉ khi nào khắc phục được sự chống đối thì người bệnh mới thực sự giúp đỡ người thầy thuốc hiểu mọi lẽ và việc chữa trị mới có khả năng đạt kết quả.

[1] Sđd, tr.340.

Sự chống đối nói trên có hai tác dụng. Sự chống đối này dồn ép những ham muốn bị cấm kị vào vô thức nhưng cũng chính sự chống đối này lại đẻ ra tình thế để cho các triệu chứng xuất hiện vì sự dồn ép này đến một lúc nào đó sẽ gây ra những rối loạn nghiêm trọng trong tinh thần đương sự và đương sự rơi vào tình trạng bệnh hoạn.

Freud viết: "Chúng ta biết rằng những triệu chứng của căn bệnh xuất hiện là vì sự hoạt động tinh thần không đạt được mức độ bình thường để có thể trở thành hữu thức. Triệu chứng chỉ xuất hiện để thay thế những gì chưa hoàn thành. Do đó chúng ta có thể xác định được vị trí tác dụng của động lực gây ra triệu chứng đó. Chắc phải có một sự chống đối mạnh mẽ không cho sự hoạt động tinh thần tiến vào được ý thức: vì thế cho nên sự hoạt động này phải có tính cách vô thức và với tính cách vô thức đó nó còn xuất hiện dưới hình thức một triệu chứng. Những sự cố gắng biến vô thức thành hữu thức cũng gặp sự phản kháng như thế. Điều phản kháng này chính là một sự chống đối. Chúng ta gọi sự hoạt động gây ra bệnh thần kinh xuất hiện dưới hình thức một sự chống đối này là sự *dồn ép*"[1].

Chúng ta có thể ví sự dồn ép này có vai trò như một sự kiểm duyệt trong giấc mơ. Trong giấc mơ những gì còn sót lại trong ngày không thực hiện được khi thức thì nó xuất hiện khi ngủ thông qua giấc mơ. Những gì còn sót lại trong ngày không thể biểu hiện được đầy đủ trong giấc mơ vì nó bị kiểm duyệt để cho sự tái hiện này chỉ là một sự tái hiện trong hạn chế với những biểu hiện thay thế khác.

---

[1] Sđd, tr.344.

Trong sự hoạt động của các chứng bệnh tâm thần cũng diễn ra tương tự. Sự chống đối, sự dồn ép làm cho những ham muốn bị cấm kị không thể thực hiện được thì nó tìm cách xuất hiện thông qua những triệu chứng với một sự hạn chế và thay thế nào đó. Vậy sự dồn ép chỉ là một điều kiện đi trước sự ra đời của những triệu chứng bệnh hoạn, còn những triệu chứng chỉ là một phần của những ham muốn bị dồn ép. Triệu chứng còn được xem như là cái thay thế cho một cái gì mà sự dồn ép không cho nó xuất hiện ra bên ngoài, tức những ham muốn bị cấm đoán, bị lên án.

Những ham muốn bị cấm kị dẫn đến nhữnh chứng bệnh tâm thần hay ít nhất là đối với một số bệnh tâm thần mà Tâm phân học quan tâm, đã nghiên cứu mà theo Freud là những ham muốn tình dục hay ít nhất cũng có liên quan trực tiếp đến vấn đề tình dục. Vào lúc sinh thời Freud, đây là kết luận cuối cùng của ông.

Những ham muốn tình dục luôn ở bên cạnh những khuynh hướng vô dục. Mới nhìn có vẻ như cái này mang nội dung tình dục còn những cái kia thì không. Nhưng suy xét một cách nghiêm chỉnh thì dù *ham dục* hay *vô dục* cũng là những vấn đề có mang nội dung tình dục. Sự giống nhau là cơ bản, vì chúng đều có liên quan đến tình dục, còn sự khác nhau chỉ là khuynh hướng mà thôi. Chúng đều là những khuynh hướng hoặc là chấp nhận hoặc là từ chối vấn đề tình dục. Vì thế không thể làm thay đổi được bản chất của vấn đề. Nội dung tình dục trong những ham muốn bị cấm kị có thể là loại tình dục xấu xa, có thể là quá đáng. Nhưng cũng có thể vì không hợp với tập quán thói quen của xã hội, bao

gồm cả những ngăn cấm cực kì vô lí. Và chính điều đó đã gây ra biết bao bi kịch của cuộc đời, những bi kịch đối với người bệnh. Trong cuộc sống không thiếu trường hợp những mối tình trong sáng lại bị dư luận lên án chỉ vì một sự ghen ghét nào đó hay chỉ vì một sự ích kỉ, một quan niệm cổ hủ lỗi thời đã làm cho biết bao cuộc tình trở nên ngang trái, dẫn đến việc hủy hoại cả một đời những con người đáng thương. Trước mắt người đời, một người mang bệnh tâm thần chỉ còn là một con người xấu xa hơn là một con người được thương cảm.

Còn khuynh hướng đi chống đối, đi dồn ép là khuynh hướng nào? Đây là khuynh hướng của cái Tôi có nhiệm vụ ngăn cản, chống đối, dồn ép không cho những ham muốn nào đó được thực hiện, mà còn có thể làm phát sinh triệu chứng nếu như sự dồn ép này vượt quá xa sức chịu đựng của con người. Nói đến cái Tôi là nói đến những khuynh hướng tạo nên cái Tôi, là nói đến tính chất tiềm tàng trong cái Tôi và hình thành nên tính cách của cái Tôi. Để làm rõ vấn đề này, Freud đã viết:

"Khảo sát sự chống đối, chúng ta thấy sự chống đối chỉ là một sản phẩm của những động lực trong cái Tôi những tính chất tiềm tàng đã được biết trong tính chất của cái Tôi. Vậy chính những động lực và tính chất đó đã quyết định sự dồn ép hay ít nhất cũng giúp cho nó xuất hiện"[1].

Sự dồn ép này không bao giờ đạt được sự thành công hoàn toàn vì tình dục là cái vốn rất bướng bỉnh, khó giáo dục nếu không hiểu rõ những đặc tính của nó.

---

[1] Sđd, tr.348 - 349.

Việc làm xuất hiện triệu chứng và con người rơi vào bệnh hoạn đã chứng minh điều đó. *Sự xuất hiện triệu chứng chỉ là một phương sách thỏa mãn không bình thường của những hamì muốn tình dục không được thực hiện một cách bình thường.* Sự dồn ép trong trường hợp này đã gây một sự rối loạn, một sự tổn thương trong tâm hồn người bệnh cũng như bị thương do tai nạn. Chúng ta cho dù không biết người bệnh đã trải qua những biến cố gì nhưng là người không chuyên môn, chúng ta cũng có thể biết được sơ lược nguyên nhân gì dẫn đến gây bệnh nơi người bệnh. Những cử chỉ, những lời nói của người bệnh cũng ít nhiều cho chúng ta biết ham muốn mà họ bị cấm đoán, bị dồn ép là những ham muốn thuộc loại nào. Tóm lại, triệu chứng không là cái gì khác một sự biểu thị những ham muốn tình dục chưa được thực hiện nơi người bệnh. Đó chẳng qua chỉ là một sự tái hiện lại một cách không nguyên vẹn sự cố lớn gây tổn thương trong tâm hồn họ. Đồng thời cũng là một sự thỏa mãn một phần những ham muốn mà đương sự chưa được thỏa mãn trong đời thường một cách có ý thức mà chỉ được thỏa mãn một cách vô thức khi đã lâm bệnh. Freud viết:

"Trong mọi trường hợp, chúng ta đều đi sâu vào các biến cố tình dục, đều thấy rõ những ham muốn tình dục của người bệnh và lần nào chúng ta cũng thấy những triệu chứng đều có một mục đích như nhau. Mục đích này không là gì khác hơn là sự thỏa mãn tình dục của người bệnh thay thế cho sự thỏa mãn khi trong đời sống bình thường người bệnh không được thỏa mãn."[1]

[1] Sđd, tr.349 - 350.

Và Freud còn viết tiếp:

"Cách duy nhất để hiểu những triệu chứng là coi chúng như một sự thỏa mãn xuất hiện để thay thế điều mà đời sống tinh thần bình thường đã ngăn không cho thỏa mãn"[2].

Tâm phân học còn gọi sự thỏa mãn này chỉ có tính cách *hâm nóng* lại một phức hợp những ham muốn tình dục nào đó chứ không phải là một sự thỏa mãn thực sự một yếu tố riêng rẽ có thực nào nơi người bệnh.

Chúng ta đã khẳng định sự dồn ép là nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu làm phát sinh bệnh tâm thần nhưng Tâm phân học còn cho rằng điều đó không có nghĩa là cứ có sự dồn ép là sinh bệnh.

Muốn phát bệnh trên cơ sở sự dồn ép còn phải có những điều kiện nhất định khác nữa.

Nếu chúng ta hiểu sự dồn ép chỉ là kìm hãm khát dục ở nguyên một vị trí nhất định nào đó thì còn một tác dụng thứ hai gọi là sự *thụt lùi* của khát dục.

Sự thụt lùi là đưa khát dục trở lại những khát dục ban đầu của cuộc đời người bệnh mà hiện nay lại *không còn khả năng thỏa mãn* như tình dục trẻ em hay những kỉ niệm tình dục ban đầu như những mối tình đầu chẳng hạn.

Nếu như cùng với sự dồn ép, sự thụt lùi nói trên, xuất hiện thêm cái gọi là *sự định cư* của khát dục tức việc cứ bám chặt lấy những đối tượng không còn khả năng thỏa mãn nữa sẽ gây ra một *sự thiếu thốn* tình dục nơi con người. Sự thiếu thốn này có cường độ khác

[2] Sđd, tr.351 - 352.

nhau nơi mỗi người khác nhau. Nó tùy thuộc vào cường độ của khát dục và sức chịu đựng của mỗi người. Cũng vì thế mà sự thiếu thốn đến mức độ nào đó có thể gây bệnh với người này thì một sự thiếu thốn tương tự lại không có khả năng gây bệnh ở người khác. Và chúng ta thấy cuối cùng chính sự thiếu thốn về tình dục là cái trực tiếp làm cho bệnh phát sinh. Sự thiếu thốn tình dục mà chúng ta đang bàn cũng không phải là bất cứ lúc nào cứ có thiếu thốn là sinh bệnh mà phải là sự thiếu thốn *không có khả năng bù đắp*, đã quá sức chịu đựng của đương sự, là khi nó thành quá tải. Freud viết:

"Người ta chỉ mắc bệnh thần kinh khi *bị kìm hãm* không cho thỏa mãn tình dục nghĩa là bị *thiếu thốn*, và những triệu chứng xuất hiện để thay thế cho sự đòi hỏi không được thỏa mãn".[1]

Thực tế cuộc sống cho ta thấy không thiếu gì người sống trong tình trạng thiếu thốn tình dục nhưng nhờ sức chịu đựng tốt mà họ vẫn không mắc bệnh nhưng cũng phải nói rằng họ là những con người sống không lấy gì làm sung sướng cho lắm.

Sự khát dục vốn rất mạnh và có thể gọi là lì lợm, nhiều khi rất liều lĩnh nhưng con người lại vốn có khả năng chịu đựng và có nhiều phương sách chịu đựng có hiệu quả, nhiều khi rất có lợi cho xã hội. Con người sở dĩ có khả năng như vậy vì sự khát dục lại có *khả năng chuyển dịch và thăng hoa.*

Nói một cách khác, con người sở dĩ "nhịn" được khát dục và chỉ "nhịn" thôi là nhờ ở việc con người tận dụng

[1] SđT - tr. 406.

được sự chuyển dịch và sự thăng hoa nói trên.

Sự chuyển dịch (transférence hay displacement) là khả năng khát dục chuyển từ đối tượng tình dục này sang đối tượng tình dục khác với những phương sách khác mà cũng thỏa mãn được một phần khát dục, làm dịu bớt sự thiếu thốn, tránh rơi vào bệnh hoạn. Việc chuyển đối tượng này tùy thuộc vào sự thông minh, sự trong sáng của con người, nghĩa là biết lựa chọn những đối tượng và phương sách không có hại cho sức khỏe, tinh thần cũng như danh dự. Trong trường hợp sự định cư cứ bám riết lấy đối tượng ban đầu, là mối tình đầu mà không thể thực hiện được thì có nên lựa chọn một đối tượng khác hay không. Vấn đề này có liên quan đến sự chung thủy, đến danh dự hay không là một vấn đề rất cần đến sự thông minh và sáng suốt. Hoặc là cứ bám riết lấy mối tình đầu vô vọng để rơi vào tình trạng bệnh hoạn hay vì lí do xã hội nào đó không thể nào tiếp tục mối tình đầu được, mà không phải do lương tâm đương sự thì có phải là lòng chung thủy bị vi phạm hay không. Sự lựa chọn này tùy thuộc vào sự thông minh, lòng dũng cảm và lương tâm mỗi người. Tâm phân học luôn tin vào sự thông minh nơi con người mà không hề làm tổn hại đến lương tâm chúng ta. Khoa học chân chính bao giờ cũng là một hoạt động có lương tri đầy lòng nhân ái và khoa học không bao giờ chống lại lương tâm chân chính của nhân loại và cái lương tâm phù hợp với khoa học chân chính là lương tâm đáng tin cậy hơn cả. Freud viết:

"Sự chịu đựng của khát dục có giới hạn. Sự dẻo dai và linh hoạt của khát dục không hoàn toàn đầy đủ đối

với mọi người, sự hoán chuyển chỉ hủy bỏ được một phần khát dục nào đó thôi, đó là không nói đến việc nhiều người chỉ có một khả năng hoán chuyển rất giới hạn"[1].

Như vậy, sự hoán chuyển của khát dục chỉ làm dịu bớt một phần sự thiếu thốn và như vậy cũng đã đủ cho chúng ta tránh rơi vào bệnh hoạn. Cho nên chúng ta nói "nhịn" là hợp lí hơn cả, nghĩa là *không thể hủy bỏ được khát dục* hoàn toàn mà chỉ hủy bỏ được một phần nào thôi. Điều đó mở ra một quan niệm vô cùng quan trọng: *tình dục là cái bẩm sinh tự nhiên nhưng có khả năng điều tiết nó chứ không phải là con người chịu bó tay trước tính ương bướng, dai dẳng, khó trị vốn có của nó.*

Như đã nói ở trên, khát dục còn có khả năng thăng hoa (sublimation) và muốn cho dễ hiểu, chúng ta có thể quan niệm thăng hoa như một sự siêu việt, một sự xuất thần, một sự thăng tiến về nhân cách của con người.

Thăng hoa là hiện tượng những ham muốn vô thức mang nội dung tình dục đã được con người ý thức và hướng nó vào những mục tiêu cao đẹp, những ước muốn cao đẹp sau khi đã *vô dục hoá* nó để phục vụ cho xã hội, phục vụ cho con người một cách có lợi nhất.

Sự thăng hoa không phải là cái gì dành riêng cho những con người siêu đẳng mà tùy thuộc vào khả năng và nhân cách của từng người. Nó có thể là sự thăng hoa ở mức cao nhất mà cũng có thể ở mức khiêm tốn phù hợp với những con người bình thường. Nó có thể sinh ra những sáng tạo bất ngờ.

---

[1] Sđd, tr.408.

Trong cuộc sống đã có biết bao người từng giải quyết những khát dục bằng công việc kể cả những lao động rất bình thường. Một người phụ nữ còn tràn đầy sức sống không may bị góa bụa có danh dự và biết tự trọng thường làm dịu những đòi hỏi của khát dục bằng những công việc trong nhà như xay lúa giã gạo... Nhiều người khác thường hướng những đòi hỏi khát dục vào những hoạt động lành mạnh có ích như thể thao, du lịch hoặc những hoạt động khác như những việc làm từ thiện và các công tác xã hội khác... Với những nhà hoạt động xã hội, hoạt động chính trị thường hướng những mục tiêu tình dục vào việc cao cả như xả thân vì nước, vì dân, khát khao tự do cho mọi người, mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Nhiều người khác hướng khát dục vào những hoạt động sáng tạo nghệ thuật, khoa học. Và sau cùng phải kể đến các bậc chân tu, kể cả những người tu tại gia. Đó là những con người tìm thấy trong tôn giáo những mục tiêu thay thế được những mục tiêu tình dục theo nghĩa thông thường. Tất cả những con người này đều yêu công việc, yêu nghề nghiệp, yêu lí tưởng cũng mãnh liệt như sự khát dục. Chính vì thế mà họ có thể sống rất đẹp mà không cảm thấy có một sự thiếu thốn nào nghiêm trọng về tình dục. Dĩ nhiên chúng ta không gộp những người chủ trương *cấm dục* bằng những biện pháp ép xác. Những người hướng những mục tiêu tình dục vào những mục tiêu tình dục nói trên hoàn toàn khác với những người chủ trương cấm dục bằng bất cứ biện pháp nào mang tính cách tôn giáo thuần tuý.

Tâm phân học đã giới thiệu một quan niệm tưởng

như đối nghịch nhau về tình dục nhưng lại là sự thực. Tình dục có thể là một vấn đề có hại, có thể rất xấu xa, nhưng tình dục lại có thể rất đẹp, rất cao cả, rất có ích cho con người. Điều đó tùy thuộc vào sự lựa chọn sáng suốt và khả năng lựa chọn của mỗi người.

Vậy sự chuyển dịch và sự thăng hoa nói trên xuất hiện từ đâu? Sự chuyển dịch và sự thăng hoa xuất hiện như là một *khuynh hướng chống đối* và đây là một yếu tố quan trọng nhất trong mọi sự chống đối. Yếu tố chống đối này *mang nội dung xã hội đặc biệt* nhằm thay thế những mục tiêu tình dục bằng những khuynh hướng vô dục nhưng lại có tác dụng như những mục tiêu tình dục khác vì nó cũng tạo ra một sự ham muốn nhiều khi với cường độ khá cao và khi được thỏa mãn nó cũng mang lại cho con người những cảm giác dễ chịu, khoan khoái, sung sướng chẳng kém gì những khoái cảm tình dục theo nghĩa thông thường.Freud viết:

"Trong những yếu tố chống đối này có một yếu tố có một tầm quan trọng xã hội đặc biệt. Đó là việc các khuynh hướng vì không thể thỏa mãn được trong hành vi tình dục nên đã thay thế sự thỏa mãn này bằng một mục tiêu khác tuy cũng giống như mục tiêu trên nhưng không còn tính cách tình dục mà chỉ còn tính cách xã hội thôi"[1].

Yếu tố xã hội này chính là cái Tôi xã hội, cái Tôi vô dục, cái Tôi nhân cách và đó là những khuynh hướng mang ý thức đầy đủ về vai trò xã hội của mình. Còn yếu tố bị chống đối, bị dồn ép là khuynh hướng tình dục vô

[1] Sđd, tr.407.

thức đại diện cho những khát dục bản năng hay nói một cách khác là cái Tôi đại diện cho bản năng tình dục tự nhiên di truyền bẩm sinh.

Như vậy, dù cho có sự dồn ép, có sự thụt lùi nhưng nhờ cái Tôi xã hội, khát dục chuyển sang được những mục tiêu khác chẳng khác gì mục tiêu tình dục, hoặc những mục tiêu vô dục mang tính xã hội thì sẽ không có sự định cư (bám riết) ở những kỉ niệm không còn khả năng thỏa mãn khát dục. Sự thiếu thốn lúc này được giảm thiểu, khát dục được thỏa mãn một phần và sẽ tránh khỏi rơi vào bệnh hoạn. Ngược lại nếu khát dục định cư ở những kỉ niệm không còn khả năng thỏa mãn khát dục đương nhiên sẽ tạo ra sự thiếu thốn nghiêm trọng về tình dục và sẽ phát sinh ra triệu chứng.

Bây giờ, có thể khẳng định được là triệu chứng chỉ xuất hiện khi có hai điều kiện. Đó là *sự định cư* và sự thiếu thốn.

Tâm phân học coi sự định cư là yếu tố quyết định bên trong có tác dụng mạnh, còn sự thiếu thốn là yếu tố quyết định từ bên ngoài có ít ảnh hưởng hơn. Như thế, do sự định cư mà sinh ra sự thiếu thốn, còn nếu chuyển dịch được mục tiêu tình dục sang những mục tiêu xã hội khác như chúng ta đã bàn về sự chuyển dịch và thăng hoa ở trên thì sẽ không có định cư và sự thiếu thốn sẽ giảm đi nhiều bằng cách thỏa mãn khát dục ở những mục tiêu thay thế khác với những phương pháp khác thích hợp hơn.

Nói vắn tắt thì đây là một cuộc xung đột, một cuộc đấu tranh giữa cái Tôi đại diện cho khuynh hướng vô

dục với khát dục, giữa khuynh hướng xã hội với khuynh hướng mang tính tự nhiên bản năng, giữa ý tưởng hữu thức và ý tưởng vô thức. Có một điều mà chúng ta cần chú ý đến vai trò của cái Tôi xã hội một cách toàn diện hơn. Nếu như cái Tôi xã hội có một sự hiểu biết cần thiết, có những quan niệm đúng đắn về đời sống tình dục và tiến hành một cuộc đấu tranh *hợp tình hợp lí* với cái Tôi khát dục thì sự việc sẽ diễn ra theo chiều hướng tích cực nghĩa là con người không chỉ tránh rơi vào bệnh hoạn mà còn trưởng thành hơn, thông minh hơn giúp ích được nhiều hơn cho đời. Trái lại nếu cái Tôi xã hội thiếu hiểu biết, xuẩn ngốc, bị cầm tù bởi những quan niệm lạc hậu thiên kiến về vấn đề tình dục và tiến hành một cuộc đấu tranh thiếu thận trọng chống cái Tôi khát dục, một cuộc đấu tranh chỉ có áp đặt, cưỡng chế thì sự việc lại diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Nếu khát dục bị bao vây từ mọi phía không còn bất cứ một phương cách nào có thể làm cho sự thiếu thốn dịu đi, gây một sự căng thẳng kéo dài, sinh ra một sự rối loạn nặng nề trong đời sống tinh thần con người thì con đường ngã bệnh là không thể tránh khỏi. Lúc này cái Tôi khát dục chỉ có một con đường để thỏa mãn khát dục là thông qua triệu chứng, nghĩa là sự thỏa mãn của người ngã bệnh tâm thần,của một người điên và xã hội coi sự thỏa mãn khát dục của một người điên là điều chẳng có gì đáng quan tâm, không cần lên án hoặc có lên án cũng không hề làm cho vấn đề thay đổi chút nào... Trong trường hợp này, người đời thường buông một câu lạnh lùng tới mức những người có lương tâm phải giật mình như "cử chỉ của thằng điên đấy mà" và

như thế coi như hết chuyện, coi như hết trách nhiệm.

Cũng tương tự như vậy, nhiều khi lại gây ra những hậu quả không thể lường hết được là cái Tôi xã hội cho phép giải quyết sự thiếu thốn đó bằng cách cứ để cho cái Tôi khát dục thỏa mãn tùy ý mà không cần bất cứ một sự kiểm soát nào. Trong trường hợp này cái Tôi xã hội là cái Tôi thiếu hiểu biết và cũng chưa được phát triển về mặt xã hội. Cái Tôi xã hội này chỉ nghĩ một cách đơn giản là nếu kìm hãm khát dục, sự thiếu thốn về tình dục sẽ dẫn đến bị mắc bệnh tâm thần. Để tránh không mắc phải bệnh tâm thần hoặc muốn cho bệnh đó được khắc phục thì chỉ cần cho người ta tự do hưởng thụ tối đa đời sống tình dục là mọi chuyện sẽ trở nên bình thường. Cái Tôi xã hội này không biết rằng sự hưởng thụ tối đa đời sống tình dục cũng có hại không kém mà thường là có hại hơn cả sự hạn chế, sự ngăn cấm. Chỉ riêng sự hưởng thụ tối đa khát dục, sự sa đọa này đã là một chứng bệnh tâm thần tiềm ẩn rồi. Đó là loại bệnh tình dục không bình thường. Ngoài ra một đời sống buông thả còn có thể dẫn đến biết bao bệnh khác làm mòn mỏi cả thể xác và tâm hồn mà trực tiếp là nhân cách con người sẽ bị xuống cấp nhanh chóng, cái cốt lõi của mọi hành vi ứng xử nơi con người xã hội. Họ là những con người bệnh hoạn theo cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen của vấn đề. Đời sống tình dục của những con người này là một đời sống tình dục hoàn toàn mang tính tự phát như ở những loài động vật khác. Cũng vì thế mà người đời từ xưa đến nay vẫn gọi những hành vi đó là loại hành vi tình dục mang tính thú vật. Nghĩa là có thể làm cho một thực thể xã hội rơi xuống đời sống

của các loài sinh vật, quay lại thời cổ xưa của loài người khi con người chưa tách hẳn ra khỏi cuộc sống của các loài vật hoặc trong giai đoạn đầu của con người với bao dấu vết của loài hoang dã.

Căn cứ vào những phân tích ở trên chúng ta thấy cuộc đấu tranh giữa những khát dục và những khuynh hướng vô dục là vô cùng phức tạp. Cho nên Freud đã viết:

"Tâm phân học không bao giờ quên rằng có những khuynh hướng phi tình dục, chính Tâm phân học được xây dựng trên nền tảng của một sự phân biệt rõ ràng giữa những khuynh hướng tình dục và những khuynh hướng của cái Tôi và luôn luôn khẳng định rằng bệnh tâm thần không phải là sản phẩm của tình dục mà là sự mâu thuẫn giữa tình dục và cái Tôi. Tâm phân học không thấy có lí do nào vững chắc để phủ nhận sự có mặt hay tầm quan trọng của những khuynh hướng của cái Tôi trong khi tìm cách phát hiện và định nghĩa vai trò của các khuynh hướng tình dục trong bệnh tâm thần và trong cuộc đời. Nên Tâm phân học đã nói đến những khuynh hướng tình dục trước chính là vì những bệnh tâm thần đã làm nổi bật những khuynh hướng này lên và hiến cho Tâm phân học một phạm vi nghiên cứu mà người khác không thèm để ý."[1]

Cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trên còn có thể giúp cho chúng ta hiểu một khía cạnh khác của vấn đề. Đây là cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng: một khuynh hướng tìm cách thỏa mãn cái Tôi, còn khuynh hướng kia tìm cách bảo vệ sự tồn tại của cái Tôi tránh

[1] Sđd, tr.414 - 415.

mọi sự cám dỗ, nghĩa là cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trong một con người. Cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng này lại diễn ra không giống nhau trong từng giai đoạn phát triển của cái Tôi cũng như sự phát triển của khát dục. Có những giai đoạn hình như giữa hai khuynh hướng này không có xung đột gì cả. Nhưng lại có những giai đoạn cái Tôi cấu kết với khát dục, thuận theo ham muốn của khát dục. Và dương nhiên cũng có những giai đoạn cái Tôi chống lại quyết liệt mọi khuynh hướng của khát dục một cách không khoan nhượng.

Đã nhiều lần chúng ta thấy Tâm phân học khẳng định nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bệnh tâm thần là do có sự dồn ép quá mức chịu đựng của con người, là do sự dịnh cư và kèm theo với nó là sự thiếu thốn về tình dục. Bây giờ chúng ta lại thấy Tâm phân học quả quyết là do có sự xung đột giữa các khuynh hướng khát dục và khuynh hướng của cái Tôi đại diện cho cái vô dục. Những kết luận sau không hề phủ định những kết luận trước mà chỉ dựa vào những kết quả nghiên cứu đầy đủ mà chỉ ra cái động lực thúc đẩy mọi quá trình diễn biến của đời sống tình dục và hậu quả của nó, trong đó có cả nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bệnh tâm thần.

Cuộc đấu tranh đó bao hàm cả sự dồn ép, sự dịnh cư, sự thiếu thốn, sự chuyển dịch và sự thăng hoa. Cuộc đấu tranh đó diễn ra theo cách này thì sinh bệnh, theo cách khác thì thăng hoa và theo một cách khác nữa thì con người rơi vào tình trạng sa đọa mất nhân cách, bệnh hoạn. Để cho dễ hình dung, Freud giới thiệu với chúng ta một ví dụ. Ví dụ này là nội dung một vở kịch

nhan đề: "ở tầng dưới (trệt) và tầng lầu" của Nestroy.

Trong một toà nhà mà tầng dưới là chỗ ở của gia đình người gác cổng. Trên tầng lầu là chỗ ở của một gia đình giầu có, có quyền thế, có học vấn. Trong thời thơ ấu, con gái ông chủ và con gái người gác cổng đã từng là bạn của nhau không hề có gì phân biệt con chủ và con người làm công. Tình thân thiết đó rất là tự nhiên giữa con trẻ. Trong những cuộc vui chơi, bên cạnh những trò chơi lành mạnh giữa bọn trẻ đôi khi cũng có những trò chơi tục tĩu được thực hiện lén lút khi vắng mặt người lớn. Cùng với sự trưởng thành cô con gái ông chủ trở thành người phụ nữ có học thức, được trang bị một nền giáo dục đúng với đòi hỏi của xã hội. Lúc này cô ta tỏ ra hối hận về những trò chơi tục tĩu trước kia. Mặc dù đã đến tuổi dậy thì những đòi hỏi tình dục ngày càng có cường độ cao nhưng cô ta quyết không lặp lại những trò chơi đó dù chỉ với chính thân thể mình.Tình trạng đó kéo dài, từ một tâm trạng u uất, cô ta rơi vào bệnh tâm thần. Còn cô con gái người gác cổng cùng với tuổi trưởng thành do vị trí xã hội và nền giáo dục mà cô ta không có điều kiện với tới được. Nhà nghèo không được đến trường, cha mẹ cô chỉ lo kiếm ăn chẳng còn ai quan tâm đến cô. Cô ta chẳng hề hối hận về những trò chơi tục tĩu trong thời thơ ấu vì cô không cho đó là việc làm xấu xa đáng hổ thẹn. Vì vậy, khi vào tuổi dậy thì, với những đòi hỏi về tình dục mạnh hơn trước, cô ta tiếp tục những trò chơi tục tĩu đó một mình và bằng chính thân thể mình mà không hề có một băn khoăn do dự gì, hoặc cô ta có thể thỏa mãn khát dục với bất cứ người nào mà cô ta muốn. Và như chúng ta biết cứ nhìn bề

ngoài thì cô ta là một con người bình thường khỏe mạnh không có dấu hiệu của bệnh tâm thần. Nhưng mặt khác thì cô ta đã trở thành một con người sa đọa, nhân cách kém phát triển với lối sống tự nhiên, tự phát, buông thả.

Qua ví dụ trên chúng ta thấy sự phát triển của khát dục và cái Tôi cũng như sự xung đột giữa hai khuynh hướng đó ở hai cô gái hoàn toàn khác nhau.

Trong trường hợp với cô con gái ông chủ, cuộc đấu tranh đó dẫn đến mang bệnh u uất, một chứng bệnh tâm thần. Còn trong trường hợp với cô con gái người gác cổng thì không mang bệnh tâm thần thực sự, nhưng lại mang những chứng bệnh xã hội khác không kém nguy hiểm so với bệnh tâm thần mà có khi còn nguy hiểm hơn, nan giải hơn.

Vì thế Tâm phân học rút ra kết luận từ hai trường hợp trên như sau: Sự phát triển của cái Tôi trong hai cô gái là rất khác nhau. Một đằng là cái Tôi tương đối phát triển ở cô này còn ở cô kia thì không có một sự phát triển nào đáng kể vì đời sống tình dục ở đây có tính chất tự nhiên và không gây một ý tưởng gì khi còn là trẻ con cũng như khi đã trưởng thành. Sự phát triển cái Tôi trong cô con gái nhà chủ là kết quả của học vấn, của một nền giáo dục và đòi hỏi của nền đạo đức xã hội nói chung. Vấn đề là nền học vấn, nền giáo dục xã hội cũng như nền đạo đức xã hội như thế nào mà thôi. Tâm phân học cũng không hề cổ vũ khuyến khích sự thiếu học vấn, sự vô giáo dục, vô đạo đức.

Tất cả vấn đề là ở chỗ phải có một nền giáo dục, đạo đức xã hội như thế nào để có thể tránh được cả hai hậu

quả nói trên đồng thời hướng đời sống tình dục phát triển như thế nào để có lợi cho cá nhân cũng như cho xã hội, tạo ra những quá trình thăng hoa nơi con người nhằm phát triển nhân cách của mỗi người. Vì một nền học vấn, giáo dục và luân lí thiếu khôn ngoan, không hợp lí cũng tai hại không kém gì mà nhiều khi còn tai hại hơn là chưa được giáo dục.

Tâm phân học coi ba yếu tố dưới đây sẽ dẫn đến mắc bệnh tâm thần. Freud viết:

"Vì thế những ý kiến của chúng ta về quy định bệnh thần kinh được bổ túc. Thứ nhất chúng ta có điều kiện tổng quát nhất, đó là sự thiếu thốn, rồi đến sự định cư của tình dục đưa thiếu thốn hướng về một vài hướng nào đó và thứ ba là sự cần thiết của khuynh hướng mâu thuẫn gây ra do sự phát triển của cái Tôi trong khi cái Tôi chống lại những khuynh hướng khát dục"[1].

Để làm rõ thêm vấn đề khi nào con người bị rơi vào bệnh hoạn, hoặc khi nào sống tự nhiên với đời sống tình dục sa đọa bất bình thường, để từ đó dùng chính sức mạnh của tình dục vào những mục đích có lợi cho con người với tư cách là những thực thể xã hội phát triển về nhân cách, chúng ta cần tìm hiểu thêm một vài đặc tính của tình dục cũng như tính cách của cái Tôi đại diện cho khuynh hướng tự bảo tồn.

Tâm phân học cho rằng sự phát triển của tình dục cũng như sự phát triển của cái Tôi chỉ là sự kế thừa tiến trình phát triển chung của loài người. Tình dục bắt nguồn từ sự bảo tồn và phát triển giống nòi. Nhưng

[1] Sđd, tr.416.

tình dục lại được biểu hiện với hai đặc tính: di truyền và sự tích lũy kinh nghiệm từ đời nọ sang đời kia, nhưng tính di truyền lại luôn luôn có mặt. Nói cách khác, động lực thúc đẩy khát dục dù là do di truyền hay do kinh nghiệm sống thì theo Tâm phân học vẫn là sự *cần thiết của cuộc sống*. Freud viết:

"Khi khuyến cáo rằng sự cần thiết của cuộc sống là động cơ chính của sự phát triển này, chúng ta không làm giảm tầm quan trọng của những khuynh hướng bên trong."[2]

Còn khuynh hướng tự bảo tồn mà đại diện là cái Tôi, là cái có thể giáo dục được, chúng có khả năng thích nghi được với cuộc sống thực tế.

Tâm phân học coi tình dục như là một cái gì đó *sống ăn bám vào các cơ quan trên thân thể*, chúng không cần có đối tượng bên ngoài, thậm chí còn gọi là chúng không có nhu cầu nên rất khó giáo dục. Chúng không cần đến bất cứ cái gì bên ngoài mà vẫn tự thỏa mãn. Tất cả những đặc tính trên nhằm diễn tả *đặc tính di truyền dai dẳng và độc lập của tình dục* nói chung và khát dục nói riêng.

Đối với trẻ em, xã hội dùng những biện pháp giáo dục nghiêm khắc hình như có hiệu quả nhưng thực tế thì không phải như vậy mà khát dục lẩn tránh vào bên trong và ẩn mình trong đó. Khi trưởng thành , chúng ta thấy biện pháp giáo dục khắt khe về tình dục hình như không có hiệu quả gì đáng kể.

Tâm phân học quan niệm rất rõ cái khó tiếp thu giáo

[2] Sđd, tr.420.

dục là tình dục mang tính di truyền con cái Tôi đại diện cho khuynh hướng tự bảo tồn là cái có khả năng giáo dục và có khả năng thích nghi với cuộc sống hiện thực.

Quan niệm như vậy dẫn ta đến một kết luận là đối với tình dục thuần tuý thì ít có hi vọng giáo dục được nó. Trái lại xã hội lại có dư thừa khả năng giáo dục cái Tôi với tư cách là khả năng tự bảo tồn, *tức khả năng thích nghi với đòi hỏi cuộc sống hiện thực có lợi nhất cho cá nhân.* Đây là mối quan hệ giữa tình dục mang tính di truyền với xã hội mà đại diện là những con người xã hội. Nói cụ thể hơn, theo Tâm phân học, tình dục là cái có bản chất di truyền, nhưng khi đi vào xã hội nó đã trở thành vấn đề *mang tính xã hội* vì nó là một phần cuộc sống của những thực thể xã hội. Nó luôn gắn liền với những hoạt động của những con người xã hội và nó cần được đối xử *hợp tình, hợp lí* của con người. Mặc dù nó có tính chất di truyền, nhưng với những con người được hưởng một nền giáo dục hợp lí lại có thể chi phối được nó, điều tiết được nó cho phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống, sử dụng nó có lợi cho con người.

Quá trình này được thực hiện theo nguyên tắc khoái cảm và nguyên tắc thực tế. Một mặt, khát dục làm phát sinh sự căng thẳng, tiêu phí nghị lực và đôi khi còn kèm theo cả sự đau khổ. Nhưng khi khát dục được thỏa mãn, gây khoái cảm thì tình trạng trên được giảm thiểu đáng kể, làm cho con người cảm thấy khoan khoái, dễ chịu, sung sướng. Để điều tiết sự hưởng thụ những khoái cảm, con người lại tuân theo nguyên tắc thực tế nghĩa là do lợi ích thực tế của cuộc sống mà con người có thể hoãn sự hưởng thụ khoái cảm vào một lúc khác có lợi nhất nhằm

tránh những hao phí sức lực không cần thiết mà vẫn tạo được một thế cân bằng trong mọi hoạt động, tạo ra một trạng thái tâm lí thoải mái, minh mẫn, một con người có một đời sống lành mạnh.

Tâm phân học còn quả quyết rằng mọi hoạt động tinh thần đều hướng vào việc tìm kiếm sự dễ chịu, sự khoan khoái, sự sung sướng, sự thanh thản và được gọi chung là những khoái cảm và điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng cách áp dụng hai nguyên tắc trên. Nếu chỉ áp dụng đơn thuần nguyên tắc khoái cảm sẽ dẫn tới sự sa đọa. Ngược lại nếu chỉ áp dụng đơn thuần nguyên tắc thực tế sẽ rơi vào sự thiếu thốn. Sự kết hợp hài hoà hai nguyên tắc này chính là sự điều tiết tình dục nơi những con người phát triển làm cho khát dục cũng như cái Tôi trở nên biết điều hơn, khôn ngoan hơn. Freud viết:

"Chúng ta có nhiệm vụ gạt bỏ những gì gây khó chịu chẳng kém nhiệm vụ tìm kiếm khoái cảm; cái Tôi sẽ được biết là cần phải chối bỏ sự đòi hỏi phải được thỏa mãn ngay tức khắc, rời công việc tìm kiếm khoái cảm vào lúc khác, chịu đựng một vài sự khó nhọc và không tìm kiếm một vài nguồn khoái cảm nữa. Cái Tôi được giáo dục như thế sẽ trở thành biết điều, sẽ không để cho *nguyên lí khoái lạc chế ngự* nữa, nhưng sẽ tuân theo *nguyên lí thực tế*. Nguyên lí này cũng có mục đích tìm khoái lạc nhưng là một sự khoái lạc mà cường độ và thời gian tiếp nhận bị giảm bớt dễ được tin cậy hơn đối với những đòi hỏi của thực tế"[1].

Tất cả những điều Tâm phân học giải thích cho

[1] Sđd, tr.422.

chúng ta ở trên sẽ cung cấp cho chúng ta những cơ sở cần thiết để tìm hiểu trực tiếp những căn bệnh tâm thần mà trước hết là những triệu chứng của nó.

Qua nghiên cứu triệu chứng của các căn bệnh tâm thần Tâm phân học phải một lần nữa lưu ý chúng ta là Tâm phân học chỉ quan tâm đến những triệu chứng về mặt tinh thần phát sinh từ bệnh thần kinh tinh thần. Nhưng triệu chứng với tư cách là những hành vi tinh thần thường được coi như những hành vi có hại, đáng sợ thường kèm theo những đau khổ. Những cái tai hại hơn lại là ở chỗ người ta phải có nhiều nỗ lực về tinh thần lắm mới dám thực hiện cũng như chống lại nó. Cả hai loại cố gắng này thường làm giảm nhiều sức lực khiến cho người bệnh *không còn đủ nghị lực để hoàn thành những công việc hàng ngày kể cả những công việc bình thường nhất*. Đó là điều rất thực tế mà mọi người có thể thấy một cách dễ dàng và không thể bỏ qua được.

Chúng ta biết rằng, triệu chứng chỉ xuất hiện khi sự xung đột giữa khát dục và cái Tôi tự bảo tồn đạt tới đỉnh điểm mà khát dục chỉ còn có một con đường để thỏa mãn mới là thông qua triệu chứng, con đường mới mà chúng ta chưa hề thấy trong cuộc sống của những con người bình thường, lành mạnh. Con đường mới này lấy lại những kỉ niệm sâu sắc trong thời thơ ấu gồm những đối tượng và những phương sách đã từ lâu không còn ý nghĩa. Sự thụt lùi này cũng bị cái Tôi kiểm soát, bịt ngay cả con đường quay trở lại thời xa xưa của khát dục. Trước tình hình bế tắc như vậy, khát dục tìm mọi cách chiếm lại những vị trí đã mất bởi sự kiểm soát dồn ép này. Không những thế, khát dục còn tìm cách

tách khỏi sự khống chế của cái Tôi, cũng như những quy luật hoạt động của cái Tôi và sự giáo dục mà cái Tôi đã mang lại cho nó. Nói một cách khác, khi nào còn hi vọng để cho nó thỏa mãn, khát dục còn để cho cái Tôi dẫn dắt. Nhưng khi không còn một tia hi vọng nào nữa thì khát dục trở nên khó bảo, ương bướng và bất chấp mọi trở ngại, quay về với những sự hưởng thụ xa xưa tiềm ẩn trong hệ thống vô thức và được biểu hiện ra thông qua triệu chứng sau khi đã biến dạng đi một phần đáng kể.

Như vậy, những khát dục của hiện tại mà không thể thực hiện được thì khát dục quay trở lại thời thơ ấu với những kỉ niệm thời xa xưa, làm sống lại những kỉ niệm đó để tìm sự thỏa mãn cho những khát dục của hiện tại, của hôm nay.

Mặc cho những sự hoài nghi, cho những chống đối, Tâm phân học vẫn kiên trì bảo vệ quan niệm của mình về những dấu vết của thời thơ ấu đối với cả một đời người.

Có điều rất lạ là khi những người chống đối quan niệm trên của Tâm phân học thì họ lại công nhận câu ngạn ngữ: "Dạy con từ thủa còn thơ". Câu ngạn ngữ trên không chỉ khẳng định một chân lí là "cây non dễ uốn" mà còn thừa nhận rằng tuổi thơ sẽ mang theo những dấu ấn khó phai trong suốt cả cuộc đời.

Quan tâm đến diễn biến tinh thần trong thời thơ ấu vì nó gắn liền với cả cuộc đời một con người, nên Tâm phân học đòi hỏi xã hội phải quan tâm đến đời sống của trẻ thơ, đặc biệt là đời sống tinh thần của chúng.

Xã hội thường cho rằng quan tâm đến trẻ em là phải

nghiêm khắc, phải sát sao, phải cứng rắn... thậm chí còn cho phép người lớn xử sự thô bạo với các em, vì cho là các em chưa biết gì. Với những biện pháp đó, xã hội cho là cách tốt nhất để giáo dục các em vì khi trẻ đã khôn lớn thì những biện pháp đó sẽ trở thành vô nghĩa. Đó chính là một sai lầm tồi tệ nhất mà xã hội không lường hết được hậu quả của nó. Ngạn ngữ còn có câu "cây non cả uốn gẫy cành" chứ đâu cho phép người lớn áp dụng bất cứ một phương pháp bất kì để giáo dục trẻ em.

Quan sát nơi trẻ nhỏ ai cũng có thể thừa nhận rằng, nếu đàn áp các em, kể cả khi các em còn ở tuổi bú sữa, sẽ tạo cho các em mối hoài nghi đối với mọi người. Các em trở nên lầm lì, ít cởi mở, nhút nhát, một số không ít các em cả đời luôn sống trong lo sợ, sống trong tâm trạng u uất. Người ta hi vọng khi lớn lên các em sẽ thay đổi tính tình. Điều đó có thể xảy ra ở một số trường hợp nào đó và nói chung là rất ít thay đổi, hoặc lắng tạm thời một thời gian. Khi có cơ hội những tâm tưởng đó sống lại, trong tâm hồn các em thậm chí còn sâu sắc hơn. Đối với đời sống tình dục của trẻ em, thì càng bị ngăn cấm vô lí lại càng biểu hiện gay gắt hơn, nhất là khi người ta áp dụng những biện pháp thô bạo. Đó là những tội vết rất khó xoá khi trưởng thành, thậm chí trong cả một đời người do những hành vi thô bạo gây ra.

Trái lại, xã hội cũng không thể để thả lỏng cho các em vào đời với một hành trang bằng hoặc gần như số không. Vấn đề là phải trang bị cho các em bằng một hành trang như thế nào, chứ không phải bằng bất cứ cái gì hoặc không trang bị gì cả, chỉ bởi lẽ trẻ em là trẻ

em, có gì ảnh hưởng đến tuổi trưởng thành đâu mà lo.

Tâm phân học còn cho chúng ta biết một loại bệnh thần kinh trẻ em. Ví dụ do giáo dục thô bạo, chỉ nghiêng về trừng phạt, coi thường các em mà nhiều em đã trở thành những con người nhút nhát, cái gì cũng đáng sợ, luôn trong tâm trạng lo sợ, u uất. Nhiều em đã mang căn bệnh đó suốt cả đời và đã trở thành một con người nhút nhát, u sầu, hay hoài nghi và luôn luôn lo sợ một cái gì đó không rõ rệt.

Ngày nay khoa tâm lí học về trẻ em đã cho chúng ta biết nhiều điều lí thú. Nếu để ý quan sát trẻ em, chúng ta thấy chỉ trong khoảng năm sáu tháng tuổi, các em đã nói lên đời sống tinh thần của mình bằng những phản ứng rất rõ rệt. Người lớn hay trợn mắt để dọa các em, các em tỏ ra biết sợ và thường khóc thét lên, rúc vào nách mẹ và cứ nỗi lần các em thấy lại gương mặt đó là các em phản ứng tương tự như vậy mà không cần chờ đến khi người đó trợn mắt. Trái lại, nếu người lớn vui đùa khi đến với các em, chúng ta thấy các em cười ròn hoặc với vẻ mặt hớn hở thân thiện rõ rệt. Hoạt động tinh thần nơi trẻ em vào thời kì này đủ sức phân biệt được hai thái độ trên: âu yếm thân thiện hay đe dọa uy hiếp.

Tâm phân học quan tâm đến đời sống tinh thần trẻ em không chỉ đơn thuần nhằm mổ xẻ những chứng bệnh thần kinh mà còn tìm cách điều trị nó sao cho có kết quả nhất mà xa hơn nữa còn đặt ra cho xã hội một vấn đề quan trọng là phải đối xử với trẻ em như thế nào để các em không những tránh rơi vào những chứng bệnh thần kinh mà còn để trở thành những con người

có nhân cách phát triển toàn diện trong đó có những nhân cách lớn. Thấy hết vai trò của đời sống tình thần nơi trẻ em để có cách nuôi dạy thích hợp vì các em đã có một đời sống tinh thần rất sớm và đời sống tinh thần này lại có ý nghĩa và vai trò quan trọng khi các em vào tuổi trưởng thành.

Có một điều mà Tâm phân học muốn lưu ý với chúng ta là những biến cố trong thời thơ ấu dù không có gì quan trọng lắm trong thời kì ấy nhưng lại trở thành quan trọng vô cùng khi trưởng thành cũng như suốt cả một đời người. Cũng chính vì thế mà xã hội và người lớn rất thiếu thận trọng trong việc đối xử, nuôi dạy các em, nghĩa là với trẻ nhỏ người lớn muốn làm gì cũng được. Freud đã từng nhắn nhủ như sau:

"Người ta có coi sóc trẻ em kĩ đến dâu chăng nữa cũng chẳng ích lợi gì vì người ta không thể làm gì được đối với yếu tố cấu thành (tức di truyền, TG). Sự coi sóc này rất khó thực hiện và có hai điều nguy hiểm mới không nên coi thường: điều thứ nhất người ta sẽ đi quá xa mục tiêu bằng cách tạo điều kiện cho một sự dồn ép thái quá có thể đưa đến những hậu quả tai hại; điều thứ hai người ta du trẻ em vào đời mà không cho nó những phương tiện chống lại sự tràn ngập của các khuynh hướng tình dục trong tuổi dậy thì. Những lợi ích của sự dự phòng tình dục của trẻ em vì thế không chắc đã thu được kết quả như ý, người ta sẽ phải tự hỏi không biết có nên tìm một thái độ mới trong việc dự phòng bệnh thần kinh hay không?"[1]

[1] Sđd, tr.432.

Để giúp chúng ta dễ hình dung cơ chế và tổ chức hoạt động của các chứng bệnh thần kinh Tâm phân học giới thiệu với chúng ta một công thức như sau:

Căn bệnh thần kinh — tình hình do sự định cư của khát dục gây ra — biến cố tình cờ bên ngoài (hiện tại)

cấu tạo khát dục (biến cố của đời sống tiền sử) (di truyền. NV)

biến cố trong đời sống trẻ em

Để hiểu được công thức trên, chúng ta cần quan tâm đến một số liên quan quan trọng sau đây:

Liên quan thứ nhất bao trùm là liên quan giữa "tình hình do định cư của khát dục gây ra" tức cái vô thức, kết quả của sự dồn ép, của sự thụt lùi khiến khát dục cứ bám vào những kỉ niệm xa xưa mà nay không còn khả năng thỏa mãn khát dục với "biến cố tình cờ bên ngoài "tức những sự cố gây xáo trộn đời sống tinh thần đương sự hiện nay, tức những biến cố của hiện tại, của cuộc sống đời thường hôm nay.

Liên quan thứ hai ở ngay bên trong sự định cư giữa "cấu tạo của khát dục" biến cố của đời sống thời tiền sử, tức tính di truyền của tình dục với "biến cố trong đời sống trẻ em" tức những gì xảy ra với con người trong thời thơ ấu.

Cả hai liên quan trên đều nói lên sự khăng khít của tính di truyền, cái vô thức với đời sống xã hội có thực, đời

sống trong một lúc nào đó đương sự có ý thức rõ ràng.

Bổ sung cho công thức trên và chỉ ra những mối liên quan giữa các yếu tố trong công thức, Freud viết:

"... trước hết tôi yêu cầu các bạn chú ý đến những dây liên lạc chặt chẽ giữa khát dục và vô thức một đằng, giữa ý thức và thực tế đằng khác"[1].

Điều nói trên giúp chúng ta hiểu đúng đắn hơn Tâm phân học trên những vấn đề cơ bản có tính cách nền tảng để xây dựng bất cứ một lí thuyết nào về xã hội khả dĩ có thể tin cậy được. Tâm phân học là một lí thuyết rất coi trọng hai yếu tố: di truyền và xã hội, mà vai trò của xã hội luôn giữ một vị trí quyết định nhưng không coi nhẹ tính di truyền; cái vô thức và cái hữu thức mà vai trò của cái hữu thức luôn giữ vai trò quyết định; nhưng cũng không bao giờ được phép coi nhẹ vai trò của cái vô thức, không bao giờ cho mình cái quyền đàn áp thô bạo cái vô thức, coi như nó không tồn tại hoặc nó không có ý nghĩa gì cả.

Vì vậy, Tâm phân học cho chúng ta, những nhà giáo dục, một lời khuyên như sau. Freud viết:

"Tất cả những sự kiện này đáng được các nhà sư phạm quan tâm khi họ muốn ngăn cản bệnh thần kinh bằng cách kiểm soát tình dục trẻ em ngay trong những ngày đầu của đời sống"[1].

Nhưng tại sao những người bị bệnh tâm thần lại luôn quay trở về thời thơ ấu và quá khứ? Tâm phân học trả lời với chúng ta rằng sở dĩ như vậy vì thời thơ ấu

[1] Sđd, tr.426 - 427.
[1] Sđd, tr.432.

hoặc một thời kì nào đó trong quá khứ là thời kì mà người bệnh không hề bị thiếu thốn trong việc thỏa mãn khát dục, thời kì mà đương sự cảm thấy sung sướng nhất trong việc tìm khoái cảm. Tất cả những triệu chứng đều nói lên điều đó dù cho nó có kì lạ, khó hiểu đến đâu do sự biến dạng gây ra, do sự kiểm soát ở những mức độ khác nhau của cái Tôi xã hội thực hiện.

Quan sát những triệu chứng nhiều khi thấy người bệnh còn có những cử chỉ chống đối lại những thỏa mãn đó. Điều đó nói lên sự xung đột trong chính bản thân đương sự: một mặt muốn hưởng thụ khoái cảm, nhưng mặt khác lại ghê tởm nó, chống lại nó, đôi khi cũng quyết liệt không kém gì bất cứ một cuộc đấu tranh sinh tử nào.

Sau nhiều lần quan sát trẻ em, Tâm phân học ghi nhận là trẻ em rất thích bú, thể hiện sự thỏa mãn được đáp ứng, nhưng chỉ sau đó ít lâu chúng lại rất sợ sữa mẹ. Chính lúc này là lúc người ta tận dụng để cai sữa cho các em.

Những triệu chứng nhiều khi thể hiện một cái gì đó rất ngông cuồng. Những ý tưởng ngông cuồng này không phải là không có nguồn gốc và vai trò của nó không phải là cái không đáng quan tâm. Những ý tưởng ngông cuồng của con người có nguồn gốc sâu xa được tổ tiên truyền lại cho. Để sống, con người phải luôn sống với những cái có thực đang diễn ra hàng ngày nhưng con người lại còn sống được nhờ ở những ý tưởng ngông cuồng do trí tưởng tượng sinh ra. Những truyện thần thoại, những truyện cổ tích cũng như tôn giáo đều

là những ý tưởng tưởng tượng ít nhiều mang tính chất ngông cuồng. Nhiều khi nhờ ở những ý tưởng này mà con người có thể vượt được bao khó khăn trở ngại để tiếp tục sống. Trong cuộc sống thực không phải bao giờ con người cũng được toại nguyện. Lúc đó, con người sẽ toại nguyện bằng trí tưởng tượng nhiều khi cũng có giá trị không kém gì sự hưởng thụ trong thực tế hay ít nhất cũng làm cho người ta bớt đi được nhiều đau khổ, nhiều phiền muộn. Làm như vậy, con người đã có được một sự hưởng thụ mới mà chẳng mất gì, chẳng băn khoăn lo lắng gì. Freud viết:

"Vì thế cho nên con người tự dành cho mình một sự hoạt động tinh thần, để làm sao cho những sự hưởng lạc mà anh ta bị bắt buộc phải rời bỏ vẫn tồn tại dưới một hình thức không trái với sự đòi hỏi của thực tế và điều mà chúng ta gọi là "sự thử thách của cuộc đời". Lúc đó mọi khuynh hướng đều nấp dưới hình thức mà nó cho là đã được thỏa mãn, con người lúc đó cũng cảm thấy được thỏa mãn với những điều mà trí tưởng tượng cho là thỏa mãn mà không thấy thắc mắc gì. Vì vậy con người vẫn tiếp tục được tự do hoạt động trong trí tưởng tượng của mình trong khi trong đời sống thực tế không còn được tự do nữa. Con người đã làm được một điều vô cùng khó khăn là có thể vừa sống như một con vật đi tìm khoái lạc, vừa sống như một con người có đủ lí trí".[1]

Đời sống tinh thần nơi con người thực là vô cùng phong phú và có một khả năng thật là kì diệu. Tâm phân học coi khả năng này là một "dự trữ tự nhiên" nơi

[1] Sđd. tr.441 - 442.

con người. Nhờ sự dự trữ tự nhiên này mà con người có thể kéo dài tình trạng chịu đựng những hi sinh bắt buộc vì lợi ích của cuộc sống. Trong cái kho dự trữ tự nhiên này, mọi điều vô ích và nguy hại đều được tự do phát triển. Những ý tưởng ngông cuồng nhất của trí tưởng tượng đều có mặt trong cái kho dự trữ tự nhiên này và nó không hề bị cuộc sống thực tế kiểm soát. Biểu hiện rõ nhất của trí tưởng tượng ngông cuồng mà ai cũng có thể thấy được trong *những giấc mơ khi thức*. Đó là hiện thân của những tham vọng to lớn, của những tình duyên tràn đầy hạnh phúc. Nó càng huy hoàng bao nhiêu thì đời sống thực tế lại càng khiêm nhường bấy nhiêu và sự kiên nhẫn chờ đợi cũng kéo dài tương ứng.

Thực tế trong những giấc mơ khi thức con người cũng nhận thấy được thực chất của cái hạnh phúc tưởng tượng làm cho con người được hưởng mọi hoan lạc bất cần cuộc sống ra sao trong thực tế. Và chính những giấc mơ trong khi thức lại là trung tâm điểm của những giấc mơ trong khi ngủ, tức giấc mơ theo nghĩa thông thường của nó. Trong nhiều trường hợp những giấc mơ khi thức được hình thành một cách vô thức lại có thể trở thành nguồn gốc của những triệu chứng chẳng khác gì những giấc mơ khi ngủ khi con người lâm bệnh.

Việc trí tưởng tượng ngông cuồng dẫn đến triệu chứng cũng diễn ra tương tự như những trường hợp khác. Khát dục bị dồn ép bởi cái Tôi nhưng lại chính cái Tôi làm điều đó không triệt để. Cái Tôi luôn một mặt chống lại khát dục; mặt khác lại nhân nhượng với khát dục. Vì vậy, trí tưởng tượng biểu thị một sự khát dục

nào đó bị dồn ép không thể được thỏa mãn, định cư trong vô thức, lợi dụng sự nhân nhượng của cái Tôi tìm cách xuất hiện như là những triệu chứng. Điều đó nói lên cái Tôi do nguyên tắc thực tế phải chống lại những khát dục ngông cuồng nhưng lại cũng muốn hưởng thụ chúng trong một giới hạn nào đó và dưới những hình thức khác mà xã hội, cuộc sống thực tế có thể chấp nhận được. Nói cho cụ thể hơn, trong trường hợp này, do bị dồn ép mạnh, khát dục quay trở về với những đối tượng tình dục tưởng tượng mà Tâm phân học gọi là sự "*tái nhập nội tâm*". Nghĩa là khát dục xa lánh những sự thỏa mãn thực sự để quay về với những tưởng tượng ngông cuồng mà người đời thường cho là vô hại. Chỉ riêng việc tái nhập nội tâm chưa hẳn là bệnh hoạn. Sự tái nhập nội tâm với những đối tượng tưởng tượng nếu được thỏa mãn một phần trong thực tế thì chắc chắn không rơi vào bệnh hoạn. Sự thỏa mãn một phần này có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức và phương cách khác nhau như khi đi vào sáng tạo khoa học, nghệ thuật, tham gia những hoạt động xã hội, đi du lịch hay chơi thể thao... Và nói chung là những hoạt động *hứng thú có ích và thích hợp*. Thông qua những hoạt động này, kể cả sự thỏa mãn khát dục theo nghĩa thông thường đều làm cho sự tái nhập nội tâm được thỏa mãn một phần khát dục, làm dịu đi sự chịu đựng căng thẳng và không dẫn đến việc làm cho những triệu chứng xuất hiện. Trái lại nếu việc tái nhập nội tâm quay trở lại những đối tượng tưởng tượng không được thỏa mãn một chút nào sự khát dục thì nó phải tìm cách thỏa mãn qua triệu chứng nghĩa là một sự thỏa mãn bệnh hoạn.

Giá trị của luận điểm trên có một ý nghĩa rất to lớn trong việc điều trị những chứng bệnh tâm thần, cũng như ngăn ngừa mắc bệnh. Ngoài những biện pháp chuyên môn của người thầy thuốc, người ta thường hướng người bệnh đi vào những hoạt động nhiều vẻ của cuộc sống nhằm qua đó người bệnh thỏa mãn được một phần khát dục, sự căng thẳng được giảm thiểu đáng kể. Thay thế cho những rối loạn là sự ổn định dần dần đời sống tinh thần người bệnh. Như thế sẽ giúp đỡ cho việc điều trị được thuận lợi hơn cũng như để tránh cho con người rơi vào bệnh hoạn. Xã hội cần chú ý tìm cách thỏa mãn một phần khát dục thông qua những hoạt động xã hội có ích. Qua đó con người giải toả bớt sự dồn ép, thỏa mãn được một phần trí tưởng tượng đang gây căng thẳng trong tâm hồn họ. Nếu làm tốt, con người có khả năng phát huy được những mặt tích cực của trí tưởng tượng ngông cuồng vào việc sáng tạo ra nhiều điều kì diệu có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt cho xã hội. Trí tưởng tượng lúc này đã được hiện thực hoá. Đó là những trường hợp đã từng xảy ra ở rất nhiều người trong rất nhiều trường hợp khác nhau, đặc biệt ở những con người kiệt xuất. Để diễn tả quá trình trên, Freud viết:

"Mọi sự đều tùy thuộc vào *số lượng* tình dục không được dùng đến mà một người có thể tích luỹ được và *vào cái phần to hay nhỏ của tình dục* mà người đó có thể hướng dẫn ra khỏi con đường tình dục về phía hoán chuyển. Về phương diện chất, mục đích cuối cùng của sự hoạt động tinh thần được mô tả như một khuynh hướng đi tìm khoái lạc và tránh sự khó nhọc, nhưng về phương diện kinh tế, mục đích này phải coi như một cố

gắng để chế ngự được những sự khích động ở trung tâm guồng máy tinh thần và như một cố giắng để tránh sự khó nhọc xảy đến vì *tính cách tù túng của* những khích động đó"[1].

Để duy trì thế cân bằng cần thiết cho con người, tránh rơi vào bệnh hoạn thì mối tương quan giữa những khối lượng tình dục *được tích luỹ* với số lượng tình dục *được thỏa mãn* theo một hướng mới phải đủ để giảm thiểu những căng thẳng, chế ngự được sự khích động, giữ vững được sự hoạt động bình thường của cuộc sống nhất là cho cuộc sống tinh thần. Đó là điều có ý nghĩa quyết định cho sự hoạt động sáng tạo.

Những con người kiệt xuất, những nhà khoa học, những nhà nghệ thuật và nói chung là những con người có nhân cách phát triển đều là những con người có thể thực hiện được điều đó và làm chủ được đời sống tình dục của mình. Hơn thế nữa, họ còn có thể làm cho những ham muốn chính đáng của cá nhân thành những ước vọng chung của mọi người. Qua những công trình sáng tạo của họ nhất là thông qua những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, mọi người chỉ thấy chính bản thân mình chứ ít thấy cá nhân người nghệ sĩ cũng như ước vọng riêng tư của họ. Tâm phân học quan niệm, bất cứ một sáng tạo có giá trị nào nhất là những sáng tạo nghệ thuật vĩ đại nhất thiết phải làm được điều đó. Là những ước vọng của cá nhân nhưng lại không thấy lồ lộ ra cái cá nhân trong tác phẩm mà chỉ thấy ước vọng của nhân loại, của từng người. Freud viết:

---

[1] Sđd, tr.445 - 446.

"Những sự dồn ép không thương hại họ, bắt buộc họ phải tạm hài lòng với những giấc mơ khi thức mà nhiều khi họ không ý thức được. Người nghệ sĩ thực sự có thể làm được hơn thế. Ông ta biết gán cho những giấc mơ trong khi thức của mình một hình thức mất hết tính cách cá nhân làm cho người khác khó chịu và trở thành một nguồn cảm thụ cho những người khác. Nghệ sĩ cũng biết làm cho sự vật đẹp lên để che giấu nguồn gốc đáng nghi. Nghệ sĩ còn có quyền lực bí ẩn nhào nặn các vật liệu để trở thành hình ảnh trung thành của trí tưởng tượng vô thức làm cho trí tưởng tượng này gây ra một nguồn khoái cảm đủ để che giấu hay hủy bỏ, dù chỉ là tạm thời những sự dồn ép. Thực hiện được điều đó, nghệ sĩ có thể thể hiện cho người khác niềm an ủi trong nguồn hưởng thụ của vô thức của chính họ; nghệ sĩ vì thế được mọi người cảm ơn và kính phục, và bằng cách đó đã đạt được những điều trước kia chỉ có trong tưởng tượng của mình thôi, đó là danh vọng, quyền lực và tình ái"[1].

Khi nghiên cứu các tổ chức hoạt động của những bệnh tâm thần theo quan niệm của Tâm phân học, chúng ta thấy vấn đề tình dục luôn luôn có mặt, và để hiểu đúng đắn bệnh tâm thần, có cách điều trị có hiệu quả lại càng phải hiểu đầy đủ và đúng vai trò của tình dục. Nhưng xin đừng bao giờ lầm lẫn rằng, theo Tâm phân học, *tình dục là nguyên nhân phát sinh ra bệnh tâm thần*. Vì nếu tình dục là nguyên nhân cơ bản dẫn đến bệnh tâm thần thì chỉ cần đơn giản là *diệt dục*.

[1] Sđd, tr.447 - 448.

Trên đời đã có biết bao nhiêu người trong chúng ta vẫn là những con người bình thường, trong đó có cả những con người đã để lại cho đời một khối lượng công việc có ích to lớn là những con người sống với sự có mặt của tình dục. Như thế là trong trường hợp này tình dục có vai trò tích cực và trong trường hợp khác nó lại có vai trò tiêu cực dẫn đến những sa đọa, xuống cấp về nhân cách và trở thành những con người bệnh hoạn.

Đấy là chưa kể có không ít người rơi vào bệnh tâm thần chỉ do bị tai nạn gây thương tích về mặt thể chất. Có người lại do buôn bán làm ăn thua lỗ, hoặc mất đi những của cải quý giá, hoặc do một nguyên nhân nào đó cũng rơi vào bệnh tâm thần. Tâm phân học gọi những loại bệnh thần kinh này là những bệnh *thần kinh hiện tại* mà nguyên nhân gây bệnh trước tiên là do bị tổn thương về cơ thể hay do một cái sốc về tinh thần nào đó gây ra. Các bệnh này không thuộc đối tượng nghiên cứu của Tâm phân học với tư cách là một môn học chuyên nghiên cứu những bệnh thần kinh tinh thần. Mặc dù khi nghiên cứu những chứng bệnh thần kinh tinh thần, Tâm phân học không phủ nhận ảnh hưởng của các bộ phận trong cơ thể. Ngay vấn đề tình dục là vấn đề khoái cảm Tâm phân học cũng thừa nhận nó có liên quan đến những biến đổi về cơ thể. Freud đã đưa ra một ví dụ để khẳng định quan niệm trên của mình như sau:

"Theo ý tôi sự giống nhau đó đưa đến kết luận là bệnh thần kinh bắt nguồn ở những sự rối loạn trong việc thay đổi những phân tử tình dục trong cơ thể. Hoặc vì những phân tử này phát ra quá nhiều chất độc khiến

cho người bệnh không chịu nổi, hoặc vì một vài điều kiện bên trong hay tinh thần làm rối loạn sự hoạt động của những phân tử này. Quần chúng khôn ngoan phát biểu ý kiến về tính chất của nhu cầu tình dục thường cho rằng ái tình là sự say sưa do một số đồ uống hay nước ngải gây ra... Toà lâu đài lí thuyết của Tâm phân học mà chúng ta sáng tạo thực ra chỉ là một thượng tầng kiến thiết mà chúng ta phải đặt trên một hạ tầng cơ sở lấy trong cơ thể"[1].

Bằng chính lời của Freud, người khởi xướng môn Tâm phân học cho phép chúng ta hiểu rằng Tâm phân học lấy đời sống tinh thần làm đối tượng nghiên cứu nhưng không bao giờ phủ nhận vai trò của những cơ sở vật chất, tức cơ thể con người cũng như đời sống xã hội.

Tâm phân học cũng hiểu rằng, mối quan hệ này là vô cùng phức tạp không thể một lúc làm rõ ngay được mọi vấn đề, nhưng trong phạm vi những vấn đề cần thiết Tâm phân học cũng đã làm được nhiều điều bổ ích giúp cho việc tìm hiểu cơ chế và tổ chức của những hoạt động tinh thần, nhất là trong phạm vi nghiên cứu những chứng bệnh tâm thần. Điều đó được thể hiện xuyên suốt trong từng vấn đề riêng rẽ và được tập trung nghiên cứu làm rõ vai trò của chính bản thân con người với tư cách một cái Tôi xã hội , cái Tôi đại diện cho khả năng tự bảo tồn *trong những điều kiện của cuộc sống thực tế với tất cả những ràng buộc về xã hội.*

Từ đó, Freud xây dựng một hệ thống lí luận về cái Tôi và thường được gọi là tâm lí học về cái Tôi, tức Ngã,

[1] Sđd, tr 462 - 463

tâm lí học về cơ cấu nhân cách toàn diện hay còn gọi là *siêu tâm lí học*.

Trong tác phẩm "Những bài giảng nhập đề môn Tâm phân học" (Tâm phân học nhập môn) Freud đã trình bày khá rõ quan niệm của Tâm phân học về vai trò của cái Tôi. Đó là những quan điểm vào thời kì chín chắn nhất trong cuộc đời của ông. Nhưng cũng vào lúc đó và sau đó vào những năm 1915 - 1923 ông đã cho công bố hai tác phẩm chuyên bàn tập trung về cái Tôi. Đó là tác phẩm "*Vô thức*" và tác phẩm "*Ngã và phi Ngã*" (cái Tôi và cái không Tôi).

Nhiều người cho rằng dưới con mắt của Tâm phân học thì cái Tôi không có một ý nghĩa gì đáng kể. Đó là cái Tôi tiêu cực, thụ động để cho khát dục chi phối, một cái Tôi chỉ biết tuân theo sự điều khiển của cái vô thức, của cái không Tôi.

Sự thực không phải là như vậy. Cái Tôi của Tâm phân học là một cái Tôi đa dạng như một diễn viên trên sân khấu. Nó có thể đóng nhiều vai khác nhau tùy thuộc vào những điều kiện phát triển của chính bản thân nó. Lúc này nó sắm vai một con người chính trực. Lúc khác trong một vở diễn khác nó lại sắm vai phản nghịch và tính cách của hai vai diễn này lại trái ngược hẳn nhau nhưng lại hiện diện thực sự trên sàn diễn.

Nói cách khác, cái Tôi có thể là tích cực lại có thể là tiêu cực tùy theo điều kiện và khả năng của nó trong từng trường hợp cụ thể trong quá trình sống ở đời. Cái Tôi khi thì chống đối quyết liệt mọi đòi hỏi của tình dục, của mọi khát dục. Trong trường hợp này, nó rất là

nghiệm khắc. Trong trường hợp khác cái Tôi lại tỏ ra quá nhu nhược trước những đòi hỏi của khát dục. Trong trường hợp thứ ba, cái Tôi lại tỏ ra khoan dung biết điều hơn trong việc đối xử với khát dục. Nó vừa chống lại khát dục nhưng nó cũng biết nương nhẹ đôi chút với khát dục vì nó biết rằng khát dục là cái rất khó tính, hay nổi khùng, hay phá đám, hay làm loạn.

Chúng ta có thể quan niệm được rằng cái Tôi là một nhân tố vừa tích cực lại vừa tiêu cực. Đây là hai đặc tính luôn xen kẽ vào nhau nên sự chống đối khát dục của nó vô cùng vất vả và rất khó khăn. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa chúng ta vẫn có thể khẳng định được rằng cái Tôi yếu ớt nhu nhược, thiếu khôn ngoan, thiếu kinh nghiệm là cái Tôi dễ dẫn đến làm cho con người mắc bệnh. Trái lại cái Tôi cường tráng, lành mạnh, khôn ngoan, thông minh có kinh nghiệm, tự trọng là cái Tôi có khả năng chế ngự được những đòi hỏi quá đáng của khát dục và giữ cho con người khỏi rơi vào bệnh hoạn, phát triển được nhân cách. Freud viết:

"Tôi không phải không nhận thấy rằng: không phải bất cứ căn bệnh thần kinh nào cũng bắt nguồn ở đời sống tình dục. Có nguồn trực tiếp ở một sự rối loạn tình dục, nhưng cũng có bệnh phát sinh ra sau khi mất nhiều món tiền quan trọng hay sau khi bị một bệnh nặng nào đó trong cơ thể. Mãi sau này chúng ta mới cắt nghĩa được sự việc này khi bắt đầu nhận thấy liên quan hỗ tương giữa cái Tôi và sự khát dục, rồi khi có được nhiều bằng chứng hơn về sự liên quan này thì điều cắt nghĩa trên lại càng có giá trị hơn. Một người chỉ bị bệnh thần kinh khi cái Tôi của anh ta không chế ngự được

khát dục bằng cách này hay cách khác. Cái Tôi càng khỏe bao nhiêu, càng dễ chế ngự được khát dục bấy nhiêu. Mỗi khi cái Tôi bị yếu đi, bất cứ vì lẽ gì thì lập tức khát dục mạnh lên theo và mở đường cho bệnh thần kinh phát hiện"[1].

Theo Tâm phân học thì nhân cách là một cấu trúc với nhiều hệ thống tinh thần, gồm toàn bộ đời sống của một con người với tư cách là một cá nhân, cả tinh thần và thể chất cùng những phản ứng của nó với thế giới xung quanh. Đó là toàn bộ những hoạt động của con người cả về tinh thần và vật chất. Đương nhiên, Tâm phân học chú trọng nhiều về mặt tinh thần nhưng không có nghĩa là không tính đến những hoạt động khác ví như tên gọi của nó "tâm lí học về cơ cấu toàn diện nhân cách".

Tâm lí học về cơ cấu toàn diện nhân cách có ba yếu tố cơ bản sau đây:

1/. Mọi hoạt động của con người chỉ có một mục đích trung tâm và cuối cùng là thỏa mãn những ước vọng, những ham muốn, những giây phút khoan khoái dễ chịu, sung sướng. Sự khích động theo mục đích ấy có vai trò của cái vô thức. Vì vậy, tâm lí học về cơ cấu toàn diện nhân cách khám phá ra những gì chứa đựng trong những ước muốn cũng như trong cái vô thức. Trong những ước muốn đó, có cái là những ước muốn hữu thức nhưng cũng có những ước muốn là cái vô thức bất chợt từ đâu tới nhiều khi có một ý nghĩa vô cùng to lớn đặc biệt trong những hoạt động yêu cầu nhiều sáng tạo.

[1] Sđd, tr.460 - 461.

Việc nhận thức và làm chủ được cái vô thức tạo ra cho nhân cách những bước nhảy vọt trong quá trình phát triển nhân cách. Nhân cách một con người, một thực thể sống động chứ không phải một ý niệm trừu tượng và mọi hoạt động của mỗi nhân cách đều nhằm thực hiện những ước muốn này hay những ước muốn khác.

2/. Để thực hiện được những ước muốn, đạt được trạng thái tinh thần dễ chịu, khoan khoái, sung sướng, mỗi nhân cách phải hao phí một số lượng sức lực cả về tinh thần và thể chất rất lớn bao gồm cả sự chịu đựng một số khổ đau đáng kể mà nhiều khi còn rất lớn. Điều đó nói lên mặt kinh tế của vấn đề theo quan niệm của Tâm phân học, tương tự như có thu thì phải có chi trả thậm chí có khi còn phải trả với một giá đắt với số lượng rất cụ thể có thể đo đếm được. Điều này rất có ý nghĩa trong việc hình thành nhân cách cũng như phát triển của nhân cách. Muốn đạt được những ước muốn to lớn thì không có một cách nào khác là cũng phải chi phí một số lượng sức lực đáng kể, nhiều khi còn phải chịu đựng khá nhiều khổ đau. Vai trò của nguyên tắc thực tế ở đây rất có ích và do cuộc sống đặt ra. Đây là cách tính toán lợi ích của con người khi đi tìm sự thỏa mãn những ước vọng mong muốn theo nghĩa rộng chứ không phải chỉ trong việc thỏa mãn khát dục theo nghĩa thông thường.

3/. Nhân cách gồm nhiều hệ thống tinh thần trong đó có cả hệ thống hữu thức và hệ thống vô thức. Mỗi hệ thống lại có những quy luật hoạt động riêng rất khác nhau và từ đó hình thành những vùng khác nhau. Muốn hiểu được nhân cách, con người phải hiểu được vai trò và tác dụng của từng hệ thống và vai trò của

chủ thể như thế nào. Nói một cách khác là mỗi nhân cách như thế nào tùy thuộc vào việc nắm được những quy tắc hoạt động của từng hệ thống và vai trò làm chủ của con người với nó như thế nào. Đây là mối tương quan giữa chủ thể với hệ thống hữu thức cũng như với hệ thống vô thức trong chính chủ thể đó. Tùy thuộc vào những mối tương quan này mà mỗi cái Tôi với tư cách là một nhân cách có sự trưởng thành khác nhau và có cuộc sống khác nhau.

Trên cơ sở ba ý tưởng trên, Tâm phân học xây dựng một cơ cấu toàn diện về nhân cách với ba cấp độ thuộc ba vùng khác nhau tương ứng với việc hiểu và làm chủ ba ý tưởng trên trong mọi hoạt động của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở cho việc tìm hiểu mọi hiện tượng tâm lí dù là tâm lí học bề mặt (ý thức) hay tâm lí học miền sâu (vô thức), cũng như siêu tâm lí học (siêu thức).

Đó là cái Không Tôi (phi ngã)

cái Tôi (ngã)

cái Siêu Tôi (siêu ngã)

Cái Không Tôi có thể được hiểu một cách đơn giản và ngắn gọn là những *con người chưa thực sự thành nhân hay những phần trong nhân cách biểu thị một lối sống tự nhiên, bản năng tự phát.* Một con người sống theo "chiều gió" chưa có khả năng làm chủ cuộc sống người của mình. Điều đó nói lên một nhân cách với lối sống mà định hướng chưa được xác định rõ ràng. Họ chưa có ý thức gì về cuộc sống nói chung cũng như mọi hoạt động của chính mình. Vận dụng nội dung ý tưởng thứ nhất nói trên thì đây là những con người mà ước

vọng sống chưa được hình thành một cách chủ động. Mục đích của cuộc sống nói chung và mục đích của mỗi hành vi nói riêng không rõ rệt hoặc chưa được hoạch định trước. Họ tìm kiếm những khoái cảm theo kiểu được đến đâu hay đến đó, không có chủ đích nhất định. Với ý tưởng thứ hai thì loại người Không Tôi (phi ngã) lại tìm kiếm những khoái cảm bất chấp nguyên tắc thực tế, bất chấp lợi ích hơn thiệt, nghĩa là không mang nội dung kinh tế vì họ không cần biết và cũng không quan tâm đến những hao phí sức lực nhiều hay ít trong việc thỏa mãn khát dục, tìm kiếm khoái lạc. Ở họ không có một tính toán gì trong việc trả giá cho những khoái cảm. Tất cả những ý nghĩ cũng như hành động của họ cũng không thuộc về họ với tư cách là một chủ thể đang sống, suy nghĩ và hành động. Họ sống như vay mượn ở nơi khác, xa lạ với chính bản thân mình. Vận dụng ý tưởng thứ ba ở những người Không Tôi hay cái phần Không Tôi trong một con người, chúng ta thấy chủ thể không phân biệt được đâu là ý tưởng ý thức, đâu là những ý tưởng vô thức. Đương nhiên cũng không phân biệt được những định luật tác động nơi ý thức cũng như nơi những vô thức để từ đó làm chủ những tác động mang tính quy luật này. Cấp độ Không Tôi có thể tương ứng với sự hoạt động và sự chi phối *một cách mù quáng của cái vô thức* thuần tuý. Cái Tôi Không Tôi này là cái Tôi chưa có ý thức gì về mình và cuộc sống cũng như những hành vi của mình. Một cuộc sống đến đâu biết đến đó. Tất cả trông chờ vào sự may rủi. Những khích động nơi cái Tôi Không Tôi được xem như

là những khích động sơ khởi của chính chủ thể. Nhiều hành vi ở cấp độ này chỉ là tự phát vô tổ chức ví như phá hoại chỉ để phá hoại chứ không nghĩ gì đến những quy phạm về luật pháp hay đạo đức xã hội và cũng không biết sợ những hậu quả do việc làm đó gây ra. Mọi hành vi đều mang tính bột phát. Sự lệ thuộc của nó vào nguyên tắc khoái cảm thực là rõ nét và chỉ nhằm có mục đích đó.

Cái Tôi (ngã) này là cái Tôi chủ động và có khả năng kiểm soát mọi ý tưởng, mọi cảm nghĩ và nói chung là mọi hoạt động tinh thần như là cái người ta thường gọi là một sự tự ý thức.

Đây là cái Tôi biểu hiện của mọi khuynh hướng xã hội, sống và làm việc với những quy định của xã hội một cách nghiêm túc. Đó là cái Tôi đã *thành nhân* có khả năng định hướng được cuộc sống của mình. Dù cho những khích động như thế nào từ bên trong cũng như từ bên ngoài mang lại, cái Tôi xã hội này luôn hướng những khát vọng của mình vào việc tìm kiếm những thỏa mãn hợp với nền luân lí xã hội *dù cho nó có hợp lí hay không;* đồng thời kiểm soát nghiêm ngặt những ước vọng mà xã hội cấm kị dù *cho nó có chính* đáng đến đâu. Cái Tôi này sống và làm việc theo đúng nguyên tắc thực tế, theo nguyên tắc lợi ích để tự bảo tồn cá nhân *ngay cả khi không thể bảo tồn được trong thực tế.* Tình hình đó cũng xảy ra tương tự khi nó tự bảo tồn giống nòi. Sự hưởng thụ khoái cảm, sự dễ chịu, sự sung sướng cũng luôn được tính đến ý nghĩa kinh tế của sự hưởng thụ làm sao cho sự tiêu phí sức lực ít nhất, vào lúc có

lợi nhất mà cũng không ảnh hưởng gì đến những hoạt động khác mà trước mắt là tránh rơi vào bệnh hoạn. Cái Tôi đã thành Tôi này đại diện cho cái hữu thức, cho ý thức và luôn đối lập với cái vô thức. Cái Tôi này luôn suy nghĩ và hành động *theo lí trí và chỉ do lí trí mà thôi.* Nó không biết gì đến cái vô thức và dung nạp được cái vô thức trong cuộc sống của mình. Nó là đại diện cho một thành phần của cơ cấu toàn diện về nhân cách như là một cái Tôi có tổ chức. Nó là khuynh hướng gây ức chế và mọi cấm đoán đối với những gì mà xã hội không chấp nhận. Nó còn là đại diện cho xã hội để tiến hành những trừng phạt khi cần thiết. Đây là cái Tôi nghiêm khắc và nghiêm nghị trong mọi trường hợp. Nó *sống bằng lí chứ không bằng tình.* Nó thực sự là đại diện cho một con người xã hội "mực thước". Freud viết:

"Đó chính là con người kiểm duyệt của cái Tôi: ý thức con người. Chính ý thức này kiểm duyệt các giấc mơ, đó chính là nơi xuất phát của những sự dồn ép các ham muốn không thể chấp nhận được. Chịu ảnh hưởng của thói quen hay quan sát ý thức bị tan rã và cho ta biết nguồn gốc của nó: đó là những ảnh hưởng của cha mẹ, những nhà giáo dục, bầu không khí xã hội xung quanh, đồng hoá với một vài người mà người ta chịu ảnh hưởng"[1].

Theo tâm lí học cổ điển, chỉ biết đến vai trò của ý thức thì đúng là một mẫu người xã hội mà mọi người "đoan chính" cần noi theo. Nó rất phù hợp với những đòi hỏi của xã hội dù cho những đòi hỏi đó có chính

[1] Sđd, tr 516

đáng hay không, có phù hợp với con người vừa là sản phẩm của giống nòi (di truyền) có nhiệm vụ bảo tồn dòng giống lại vừa là con người xã hội sống với những quy định xã hội do con người đặt ra và tôn sùng.

Chúng ta có thể hiểu đây là một mẫu người nếu chúng ta muốn gọi thì đó chính là những con *người một chiều*, chỉ biết có cái hữu thức.

Tâm phân học rất coi trọng vai trò của ý thức, của cái hữu thức, của đời sống xã hội với những đòi hỏi thực tế, nhưng Tâm phân học không muốn nhân cách con người chỉ hoàn thiện ở cấp độ như vậy. Vì thế Tâm phân học còn chú ý đến một cấp độ của nhân cách toàn diện mà ta gọi là *cái siêu Tôi*.

Nếu như cái không Tôi chỉ biết đến cái vô thức, chỉ sống và hành động theo sự hướng dẫn mù quáng của cái vô thức, cái Tôi ý thức lại chỉ biết suy nghĩ và hành động theo sự hướng dẫn của cái hữu thức với tư cách là một thực thể xã hội, thì cái Siêu thức, cái Siêu Tôi lại suy nghĩ và hành động trên cơ sở hiểu biết đúng đắn cả cái ý thức và cái vô thức bao gồm cả những quy luật hoạt động của chúng. Nó được hiểu theo tâm lí học về cơ cấu nhân cách toàn diện như là lí tưởng sống của những con người có nhân cách phát triển đủ chín chắn để vừa ý thức được những đòi hỏi *hợp tình hợp lí của cuộc sống* lại vừa kiềm chế được những ham muốn riêng tư tầm thường trước mắt, đồng thời hướng nó vào những mục tiêu cao cả có ích cho đời cũng như cho bản thân. Đây là những con người có những tố chất đặc biệt trong con người họ khiến họ không bao giờ dám phạm

phải những lầm lỗi kể cả những lầm lỗi mới nảy sinh trong suy nghĩ. Từ trong sâu thẳm tâm hồn họ có một cái gì đó luôn là *quan toà* để phán xét ngay cả những ý tưởng xấu xa. Họ không phải là loại người không làm những sai trái là do phải giữ những quy phạm về đạo đức xã hội, về luật pháp của nhà nước mà là do *sự phán xét của lương tâm* họ. Suy nghĩ và hành động của cái Siêu Tôi là cái được sự hướng dẫn của sự *kết hợp hài hoà* giữa cái hữu thức và cái vô thức. Trong cái Siêu Tôi, cái hữu thức và cái vô thức được hoà nhịp trong một ý tưởng cũng như một hành động. Cái vô thức trong cái Siêu Tôi là cái vô thức đã được thuần dưỡng, đã được nhận thức, đã được hướng vào những mục tiêu có ý thức gần hay xa, trực tiếp hay gián tiếp tương đối rõ rệt. Như việc hướng những ước muốn tình dục ngay cả theo nghĩa hẹp vào những mục tiêu cao cả mà sự sung sướng, những khoái cảm mang lại không kém gì những khoái cảm khi khát dục được thỏa mãn, không chỉ cho riêng họ mà còn cho cả nhân loại, cho đời. Những ý tưởng ngông cuồng vô thức đã trở thành mục tiêu hiện thực trong một phạm vi nào đó mà họ đã phấn đấu một cách có ý thức đầy đủ. Ngay cả những cuồng vọng vô thức, những đam mê vô thức cũng có thể trở thành những động lực có sức mạnh to lớn để hoàn thành những công việc to lớn có ích cho đời.

Trong cái Siêu thức, cái Siêu Tôi, cái hữu thức đã trở nên mềm mỏng hơn, biết điều hơn, biết đối xử gượng nhẹ hơn đối với cái vô thức. Nó không là cái hữu thức vô đoán, quá khắt khe và thô bạo như trước.

Cái Siêu Tôi được sự hướng dẫn của *sức mạnh nội tâm lành mạnh* tạo ra một lương tâm trong sáng, cái mà người đời từ xưa đến nay luôn đề cao và có vai trò có ý nghĩa hàng đầu trong mọi suy nghĩ và hành động của con người. Cái mà chúng ta gọi là lương tâm đó như là một cái gì *hư ảo* nhưng thực ra nó lại có một sức mạnh rất cụ thể nhiều khi còn mạnh hơn cả những quy phạm về đạo đức, những thể chế, những luật lệ xã hội gấp nhiều lần. Sự phán xét của lương tâm chân chính lại là sự phán xét công minh, nghiêm khắc và có hiệu quả hơn bất cứ một toà án nào ngoài đời. Và người đời đã từ lâu rất coi trọng cái toà án lương tâm này. Thiếu nó thì chẳng có một toà án nào ngoài đời có thể làm được cái gì đáng kể và lâu bền.

Từ bao đời nay con người luôn nói đến lương tâm. Trong xã hội hình như có một lúc nào đó hoặc ở một nơi nào đó, phạm trù lương tâm bị quên lãng hoặc là coi nhẹ. Luật pháp là cái không thể thiếu được trong việc duy trì kỉ cương xã hội nhưng xin đừng nghĩ rằng luật pháp là tất cả những gì chúng ta cần cho việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền. Luật pháp mà không lấy lương tâm trong sáng làm cơ sở thì chính luật pháp lại được dùng làm phương tiện để biện hộ cho tội ác, cho những cái thất nhân tâm, nhất là vào lúc sự lừa bịp đã trở thành một công nghệ như một trò ảo thuật, một kỉ xảo tinh vi và nguy hiểm nhất cho xã hội, cho con người.

Nhưng cuối cùng người ta lại phải nói đến lương tâm vì sức mạnh của nó là vô địch và không gì có thể thay thế được trong cuộc sống muôn thủa. Thực tế cuộc sống đã giúp cho những con người quá tin vào những

thể chế và luật pháp xã hội hiểu rằng chỉ riêng luật pháp và thể chế xã hội tách khỏi lương tâm thì chỉ trở thành một trò ảo thuật không hơn không kém. Chính nhờ có lương tâm mà luật pháp xã hội trở thành nghiêm minh và có hiệu lực. Lương tâm thực chất là cái tình, cái bẩm sinh di truyền, là cái vô thức, sau khi đã loại bỏ những mặt hạn chế của nó.

Sống theo sức mạnh nội tâm, theo lương tâm, theo tình của những con người chân chính thực vừa rất là khó nhưng cũng lại rất dễ, vừa cao cả nhưng cũng lại rất đời thường. Nhờ có lương tâm mà nhân loại có thể tạo dựng cho mình một cuộc sống bền vững và tốt đẹp hơn bất cứ một thể chế xã hội nào. Chỉ khi nào con người thực hiện được sự phán xét nội tâm theo lương tâm chân chính, sống và hành động không phải chỉ vì luật pháp hoặc vì thói đời, biết sám hối thì xã hội mới thực sự tốt đẹp vì một xã hội tốt đẹp phải là một xã hội mà ở đó không còn sự dối trá, sự lừa lọc, sự bịp đời và nói chung là không còn thấy những gương mặt đạo đức giả. Và chỉ khi đó con người mới thực sự được sống một kiếp người đúng với nghĩa đời của nó. Chúng ta cần nhớ rằng, cái Tôi Không Tôi, cái Tôi và cái Siêu Tôi chỉ là *ba con người trong một con người hiện thực* bằng xương bằng thịt có suy tư và luôn sống động. Cũng từ đó mà Freud gọi là cơ cấu toàn diện nhân cách. Ba phạm vi đó, ba cấp độ đó, ba mặt đó được coi như những yếu tố cấu thành nhân cách và ba bộ phận này được xem như là ba vùng khác nhau nhưng lại đan xen vào nhau trong một suy nghĩ, cũng như trong mọi hành động của toàn bộ cuộc sống của mỗi người. Một nhân cách toàn

diện không bao giờ chỉ có cái Tôi Không Tôi. Tuy nhiên, trong một lúc nào đó, cái Tôi Không Tôi này lại trội lên như một cái gì đó chi phối toàn bộ tâm tư và hành động của một người, có khi chỉ trong từng việc hay từng lúc cụ thể nào đó. Cũng như vậy, cái Tôi xã hội, cái Tôi ý thức có thể chi phối hầu hết những suy nghĩ và hoạt động của những con người "mực thước" trong xã hội nhưng cũng không thể nói rằng ở họ không còn cái gì của cái Không Tôi. Cái Không Tôi này là cái có khả năng tàng hình rất giỏi, thậm chí chủ thể cũng không hay biết chính mình cũng không phải là mình nữa. Cũng như nhiều trào lưu triết học và xã hội học khác, Tâm phân học cho rằng con người sống như là một *cái Tôi xã hội* đầy đủ nhất lại là một cuộc sống dễ nhất, đơn giản nhất vì họ chẳng cần suy nghĩ gì nhiều, mọi cái xã hội đã nghĩ hộ họ cả rồi. Mọi cái đã được quy định thật là rõ ràng trong các quy phạm về đạo đức, trong những thể chế xã hội, trong hệ thống luật pháp. Cái con người *mực thước* của xã hội, cái Tôi xã hội chỉ việc theo cái mẫu đó mà suy nghĩ, mà hành động là yên tâm nhất, là có lợi nhất cho những con người mực thước, cho cái Tôi xã hội. Mọi cái đã có mẫu, đã đóng khuôn chặt chẽ rồi, đã có người suy nghĩ hộ rồi, mọi cái đã có xã hội lo hết nên chẳng cần dấn đo làm gì, cật vấn làm gì cho mệt. Chỉ cần thực hiện như thế là đủ trở thành những con người mẫu mực của xã hội và chắc chắn sẽ được cả xã hội hoan nghênh và noi theo. Nhưng thực ra thì đó là một mẫu người sống buồn tẻ nhất, phẳng lặng nhất và cũng đơn điệu nhất. Sống đơn thuần theo những quy phạm của xã hội một cách máy móc nhiều khi hoặc là

vô tình hay cố ý lại bao che cho cái sai, cho tội lỗi và không ít người đã làm điều đó một cách có ý đồ hẳn hoi. Họ không thấy rằng những quy phạm xã hội vẫn chỉ là những quy ước chưa hoàn chỉnh và rất cần được bổ sung thường xuyên một cái gì đó thuộc lương tâm con người. Người sống chỉ bằng những quy phạm xã hội đơn thuần là những con người sống như một cỗ máy được vận hành đúng theo thiết kế đã định từ trước mà nó chỉ vận hành theo thiết kế cho phép mà thôi. Rất may là con người, cái Tôi với tư cách như là một cơ cấu nhân cách toàn diện lại không phải là một cái máy, một đồ vật, một phương tiện, một đồ dùng theo nghĩa tầm thường nhất mà nếu như chúng ta muốn dùng từ máy để gọi thì đây là một *cỗ máy có tâm tưởng*, có ước vọng, có sự phân biệt rạch ròi phải trái, thiện ác, tốt xấu... một cái máy có đời sống tình cảm, đời sống người đích thực với cuộc sống động chứ không phải là sống nhưng thực ra là đã chết, là sống nhưng lại không sống cuộc sống người.

Chúng ta không hề coi thường cái Tôi ý thức nhưng cần thiết phải thấy hết những hạn chế của nó để giúp đỡ nó. Cái con người mực thước, cái con người kỉ cương này là những con người rất dễ rơi vào tình trạng xơ cứng, trong khi đó, cuộc sống lại rất sinh động đa dạng và biến đổi từng giờ từng phút. Vì cái Tôi kỉ cương không phải là cái Tôi hoàn chỉnh mà con người cần nhận diện nó và phấn đấu để khắc phục những hạn chế của nó, để tạo ra cái Siêu Tôi.

Trong mỗi cơ cấu toàn diện nhân cách, bên cạnh cái Tôi Không Tôi, cái Tôi ý thức còn một cái Tôi khác như

chúng ta đã biết đó là cái Siêu Tôi. Cái Siêu Tôi sống theo sự hướng dẫn của ý thức sau khi đã được lương tâm xem xét nhưng đồng thời cũng chịu sự chi phối của cái Tôi Không Tôi tức của cái vô thức.

Cái Tôi Siêu Tôi là một cấp độ hoạt động vừa biết tôn trọng mọi thể chế xã hội nhưng nó lại được xây dựng trên một lương tâm trong sáng. Nó có đời sống nội tâm khá cao và chính đời sống nội tâm này luôn là sự phán xét cuối cùng của mọi suy tư và hành động nơi chủ thể, con người. Sự siêu việt trong nhân cách mỗi con người có vẻ như khó với tới đối với những con người bình thường. Sự thực không phải là như vậy, mà trong mỗi cơ cấu toàn diện nhân cách luôn có cái Siêu Tôi như là một bộ phận không thể thiếu được trong việc hình thành một nhân cách toàn diện. Nó không phải là cái chỉ dành riêng cho các bậc siêu nhân, cho những con người kiệt xuất như người ta thường hiểu. Nó là tài sản của mọi người và tồn tại trong mỗi con người. Ở đây cũng gần như triết lí của đạo Phật. Để trở thành Phật không đơn giản, nhưng không phải là không thể trở thành hiện thực nơi mỗi con người bình thường vì trong mỗi con người bình thường đã tiềm tàng cái khả năng đó, cái mà người ta gọi là Phật tính. Vấn đề là mỗi người hãy làm thức tỉnh cái tiềm năng đó. Nói cho đúng hơn là hãy vun đắp cho nó từ chỗ chỉ là tiềm năng trở thành năng lực thực sự để tích cực tham gia vào việc hình thành một nhân cách toàn diện nơi con người. Trong cái Siêu Tôi, trí tưởng tượng ngông cuồng giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Các nhà nội tâm lí hiện nay đã cho rằng, một con người giầu trí tưởng tượng

thường là những con người thông minh và giầu tài năng. Các nhà tâm lí chuyên nghiên cứu về trẻ em đều thừa nhận rằng những đứa trẻ nhiều trí tưởng tượng thường là những đứa trẻ có nhiều triển vọng khi trưởng thành. Ở đây, chúng ta có thể ví trí tưởng tượng cũng như con dao hai lưỡi. Trong những điều kiện thuận lợi nó sẽ giúp cho con người cất cánh bay cao bay xa. Nhưng trong những điều kiện khác nó có thể đưa con người vào ngõ cụt, vào sự bế tắc. Những triệu chứng của bệnh tâm thần thường là biểu hiện của những con người giầu trí tưởng tượng nhưng bị cấm đoán một cách vô lí. Trái lại trong những điệu kiện thuận lợi, trí tưởng tượng thường dẫn đến những sáng tạo to lớn, những việc làm mang lại nhiều lợi ích cho đời. Như vậy, trí tưởng tượng dẫn đến những hậu quả như thế nào là tùy thuộc vào sự nhận thức nó và đối xử với nó như thế nào. Cũng như thế đối với khát dục. Khát dục là cái vô tội nhưng nó có thể trở thành tội lỗi khi nó bị hiểu sai và nhất là bị đối xử một cách tùy tiện. Khát dục chính đáng và lành mạnh của một người nào đó không được thỏa mãn vì bị ngăn cấm một cách vô lí, bị dồn ép tới mức không thể chịu nổi của cái Tôi xã hội hà khắc thiếu thông minh, nó sẽ nổi loạn làm cho con người rơi vào bệnh hoạn hoặc là sa đọa. Nhưng nó cũng có thể là một sức mạnh to lớn cho những sáng tạo to lớn khi nó được đối xử một cách thông minh và tế nhị thích hợp. Tâm phân học đã có lúc cho ta biết nguyên nhân của mọi chứng bệnh tâm thần là do tình dục không được thỏa mãn một cách bình thường. Sau đó Tâm phân học lại cho chúng ta biết bản thân tình dục không có tội gì mà

là do sự dồn ép của những cấm đoán vô lí gây ra bệnh hoạn chứ không phải là sự dồn ép nói chung vì sự dồn ép trong phạm vi ce kiểm soát, để điều tiết tình dục lại là một sự cần thiết... Và bây giờ Tâm phân học lại khẳng định nguyên nhân làm phát bệnh là do cái Tôi xã hội, cái Tôi ý thức thiếu thông minh, hẹp hòi thiên kiến, thô bạo và không biết điều. Lập luận như vậy hình như là thiếu nhất quán nhưng sự thực bản thân vấn đề là như vậy và rất khoa học. Đó là lôgic của vấn đề và là một phương pháp tiếp cận đến chân lí một cách dễ hiểu nhất. Tất cả là nơi con người, là do cái Không Tôi, cái Tôi ý thức hay cái Tôi Siêu thức mà ra cả. Freud viết:

"Không có gì làm cho bệnh thần kinh dễ phát sinh ra hơn việc con người không đủ khả năng chịu đựng trong một thời gian dài hay ngắn sự dồn ép khát dục."[1]

Con người trong tâm lí về cơ cấu nhân cách toàn diện lại là một con người luôn trong tình trạng bị phân thân làm hai ba con người khác nhau. Đây không phải là một con người như nhiều người quan niệm chỉ như một thiên thần. Tâm phân học không muốn thi vị hoá cuộc đời và luôn luôn chấp nhận sự đối nghịch: thiên thần và quỷ dữ trong một kiếp người. Chấp nhận nó không phải để chiêm ngưỡng nó, không phải để bó tay mà để có đối sách thích hợp mà không hề có một ảo tưởng huyễn hoặc nào. Vì thế Freud cay đắng nhận thấy rằng:

"Con người đã làm được một điều vô cùng khó khăn

[1] Sđd, tr.488.

là có thể vừa sống như một con vật đi tìm khoái lạc, vừa sống như một con người có đủ lí trí."[2]

Dù cay đắng đến đâu đi chăng nữa Tâm phân học cũng không muốn tự lừa dối mình cũng như lừa dối thiên hạ. Tâm phân học cũng chưa một lần tự nhận là môn đạo đức học chuyên rao giảng đạo đức cho người đời.

Nói về hai mặt cơ bản trong con người hay cũng có thể nói về hai con người trong mỗi con người, Freud viết:

"Tình dục là cơ năng độc nhất trong cơ thể con người vượt ra khỏi cá nhân và ràng buộc con người với dòng giống con người. Sự hoạt động của cơ năng này không có ích cho cá nhân như các cơ năng khác, trái lại còn gây ra biết bao nhiêu nguy hiểm de dọa đời sống con người, nhiều khi làm mất đời sống này nữa, khi cơ năng đó đạt đến mức khoái lạc quá cao. Vả lại có thể có một phần nào của đời sống cá nhân được truyền lại cho đời sau với tính cách di truyền. Sau cùng con người cá nhân thường tự coi như yếu tố cần thiết nhất và coi tình dục như một cách thỏa mãn như trăm ngàn cách thỏa mãn khác về phương diện sinh lí, chỉ là một giai đoạn trong bao nhiêu thế hệ, một cái bướu trong một nguyên sinh chất bất diệt, một người chiến binh tạm thời trong một sự giao thác di sản... Chúng ta có đủ lí do tin rằng chỉ loài người mới có sự phân biệt giữa hai cái Tôi cá nhân và xã hội này, con người đã hiến cho chúng ta một môi trường tốt nhất để khảo sát về bệnh thần kinh... Tất nhiên chính những điều kiện này cũng là điều kiện phát sinh ra những sự tiến bộ to lớn của

[2] Sđd, tr.442.

loài người, những điều tiến bộ giúp cho con người bỏ lại đằng sau tất cả những gì có chung với loài vật, thành ra tính cách di truyền làm cho con người dễ mắc chứng bệnh thần kinh chính là mặt trái của tấm huân chương, nghĩa là của những năng khiếu có tính cách thuần tuý con người"[1].

Quan hệ giữa cái Tôi cá nhân hiện thân của tính di truyền và cái Tôi xã hội hiện thân của những đòi hỏi của một tập thể cộng đồng là mối quan hệ trong xung đột ở tất cả các mặt và trên mọi cấp độ khác nhau. Chính sự xung đột này, khi đạt được ở một trình độ nào đó thì xuất hiện các triệu chứng và phát sinh bệnh thần kinh. Nói một cách khác là do xã hội đòi hỏi một sự cấm đoán vô lí mà cái Tôi xã hội là đại diện nên mới làm cho bệnh thần kinh phát sinh.

Cũng chính vì thế mà Tâm phân học đã lưu ý với chúng ta một điều vô cùng quan trọng là tình dục, khát dục lại cũng chính là con người đó thì làm thế nào chống lại được chính mình. Điều đó nói lên chính cái Tôi xã hội không đủ sức chống lại khát dục với tư cách là một thành phần trong chính con người anh ta. Freud viết:

"Vì thế chúng ta đừng quên rằng khát dục của một người nào đó cũng là một thành phần trong người đó và không thể chống lại người đó như một sự kiện từ bên ngoài vào"[1].

Tâm phân học cho rằng để giải quyết cuộc xung đột giữa cái Tôi Không Tôi và cái Tôi xã hội thì không thể

[1] Sđd, tr.496.
[1] Sđd, tr.484.

dùng *một trong hai đối thủ đó là quan toà, làm trọng tài.* Vì một lẽ rất đơn giản là nếu dùng cái Tôi Không Tôi thì sẽ đi đến chỗ thả lỏng khát dục, để cho khát dục sống tự nhiên vô tổ chức, bừa bãi. Nếu dùng cái Tôi xã hội làm quan toà, làm trọng tài thì lại chỉ có cấm đoán, dồn ép và như thế sẽ bế tắc nghĩa là đâu vẫn vào đó, bệnh thần kinh sẽ tiếp tục phát sinh như vẫn thường phát sinh. Về vấn đề này Freud đã viết:

"Tất nhiên cái Tôi này (ý thức xã hội) còn lâu mới trở thành vị thẩm phán vô tư và chắc chắn. Trong khi cái Tôi có quyền phủ nhận vô thức và dồn ép nó, làm sao chúng ta có thể chờ đợi cái Tôi có thể phán đoán công bình về vô thức được. Trong các đối tượng bị dồn ép, chúng ta phải nói trước tiên đến những sự đòi hỏi không được tán thành của tình dục, điều này có nghĩa rằng nếu dựa theo quan niệm của cái Tôi về những đòi hỏi này chúng ta không bao giờ biết được độ lớn và tầm quan trọng của chúng. Kể từ khi chúng ta thấy xuất hiện quan điểm của sự dồn ép, chúng ta được báo trước là *không thể dùng một trong hai đối thủ trong cuộc xung đột để làm quan toà, nhất là đối thủ từ xưa đến nay vẫn giữ phần thắng.* Chúng ta biết rằng tất cả những điều cái Tôi nói cho chúng ta nghe đều chỉ có mục đích đưa chúng ta vào con đường sai lầm"[1].

Theo quan niệm trên của Tâm phân học thì chúng ta có thể nói không cần úp mở rằng các chứng bệnh thần kinh sở dĩ xuất hiện là do xã hội, một xã hội với đầy rẫy những thiên kiến, những sai lầm trong việc

[1] Sđd, tr.451 - 452.

hiểu và đối xử với tình dục. Một xã hội mà trong đó người ta không thừa nhận sự có mặt của đời sống tình dục có ngay từ thời thơ ấu, hoặc đến tuổi dậy thì. Đến khi không còn cách nào khác buộc phải thừa nhận sự có mặt của nó thì lại chỉ có một cách đơn giản nhất là ngăn cấm và ngăn cấm. Từ đó người ta yên chí là những biện pháp "tốt nhất" để ngăn chặn những đòi hỏi của khát dục mà người đời cho là xấu xa là không thể khác được. Vì thế đã từ bao đời nay người ta đã coi bệnh thần kinh là loại bệnh xã hội với nghĩa là do những ngang trái bất công mà người bệnh đã gặp phải trên đường đời do xã hội gây ra.

Bây giờ chúng ta nên bổ sung vào căn bệnh xã hội này một nguyên nhân trực tiếp, "hợp pháp", "hợp đạo đức"... mà xã hội tự cho phép được áp dụng là đối xử thô bạo đối với những đòi hỏi của khát dục. Những tai ương, những bất công dẫn đến bệnh thần kinh, nhiều khi người ta tiến hành một cách lén lút, không dám công khai trước công luận. Nhưng những cấm kị vô lí, những sự không hiểu biết gì về đời sống tình dục thì hình như chẳng cần giấu giếm một ai. Người ta còn nhân danh *vì nền đạo đức xã hội* mà tha hồ tăng cường sự đàn áp vô lí này. Nhiều khi người ta còn tự hào với những sai lầm của chính mình khi người ta chưa nhận ra sai lầm của mình. Lúc đó xã hội rất yên tâm là đã làm tròn trách nhiệm của mình, đã bảo vệ nghiêm minh những chuẩn mực về đạo đức mà xã hội đã quy định. Một khi đã là những quy định của xã hội thì bao giờ cũng đúng và người thực hiện đầy đủ những sai lầm đó bao nhiêu lại càng được xã hội coi là những con

người mực thước nhất, là một tấm gương cho mọi người noi theo. Bi kịch của xã hội chính là ở chỗ người ta tự hào với biết bao sai lầm gây nhức nhối cho xã hội mà nạn nhân chính là những người chẳng may mang bệnh. Trước con mắt người đời thì những nạn nhân này lại trở thành những thủ phạm đáng bị lên án. Xã hội thường ném trẻ em vào đời với những trừng phạt vô lí mà thiếu một sự hướng dẫn cần thiết và đáng tin cậy. Đến tuổi dậy thì họ cũng lo tự giải quyết lấy những ham muốn tình dục theo bất cứ cách nào mà họ cho là tiện lợi nhất vì họ chẳng còn biết dựa vào đâu. Còn xã hội thì yên tâm với những thể chế xã hội mà xã hội đã ban hành. Mọi việc cứ tưởng như thế là xong và người bệnh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với chính mình cũng như trước xã hội.

Như vậy, theo Tâm phân học, cái Tôi đại diện cho xã hội một cách có tổ chức với biết bao nhiêu quy định chính thức và không chính thức, hợp lí và không hợp lí không những bất lực trước vấn đề tình dục mà còn là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh bệnh thần kinh dù cho điều đó xảy ra ngoài ý muốn của xã hội. Nói một cách khác chính sự dồn ép quá đáng, sự cấm kị vô lí và thô bạo vì không hiểu biết một cách đầy đủ đời sống tình dục là nguyên nhân của việc làm tình trạng gia tăng chứ không hề giải quyết được cuộc xung đột giữa khát dục và cái Tôi xã hội. Vậy con người đành bó tay trước tính di truyền của tình dục hay có phương cách nào khả dĩ có thể giải quyết được xung đột trên, ngăn chặn tận gốc các chứng bệnh thần kinh.

Tâm phân học không chịu bó tay và nhiệm vụ chính

của Tâm phân học là chữa trị các chứng bệnh thần kinh với phương pháp và kĩ thuật của riêng mình. Phương pháp và kĩ thuật đó được xây dựng trên một quan niệm cho rằng, dù bệnh thần kinh là sản phẩm của tình dục bị dồn ép quá mức, rằng tình dục mang tính di truyền thì vẫn có khả năng chữa trị được.

Khi nghiên cứu về giấc mơ để tìm hiểu các chứng bệnh thần kinh, Tâm phân học đã rút ra được một kết luận quan trọng trong việc mở ra khả năng chữa trị những chứng bệnh thần kinh một cách có cơ sở khoa học. Vì thế Freud đã cho rằng:

"Và nếu chúng ta có thể thêm vào tính cách tương đồng giữa giấc mơ và bệnh thần kinh, một sự biến đổi nhanh chóng khiến cho người nằm mơ trở thành một người thức tỉnh, biết điều thì chúng ta có thể chắc chắn rằng căn bệnh thần kinh cũng chỉ là sự suy sụp của những liên quan thông thường giữa những động lực khác nhau trong đời sống tinh thần."[1]

Từ những kết quả khi nghiên cứu giấc mơ, Tâm phân học nghiên cứu những chứng bệnh thần kinh và thấy rằng những triệu chứng của bệnh thần kinh cũng có trong đời sống của những con người khỏe mạnh bình thường nhưng nó chưa có ý nghĩa và một tầm quan trọng gì có ảnh hưởng đến đời sống bình thường trong thực tế. Sự khác nhau giữa con người khỏe mạnh bình thường và những con người mang bệnh thần kinh chỉ là sự khác nhau về số lượng còn về chất thì không có một khác biệt gì. Nghĩa là những cái diễn ra trong giấc mơ

[1] Sđd, tr.286.

của những con người bình thường chẳng có gì khác với những cái đã được diễn ra trong giấc mơ của những người mang bệnh thần kinh và giữa chúng luôn có một mối liên quan rất chặt chẽ. Như thế có nghĩa là ngay trong những con người khỏe mạnh bình thường đã có những mầm mống những triệu chứng của bệnh thần kinh nhưng còn trong giai đoạn tiệm tiến, chỉ là những triệu chứng tiềm ẩn nếu chúng ta muốn coi chúng là như vậy. Ở những con người khỏe mạnh bình thường những triệu chứng bệnh chỉ xuất hiện trong giấc mơ còn ở người bệnh, triệu chứng lại xuất hiện ngay khi thức. Sự hiểu biết đó mang lại cho Tâm phân học tin tưởng rằng dù có tính di truyền thì vẫn có khả năng chữa trị được căn bệnh này. Freud viết:

"Vậy sự khác biệt giữa sức khỏe bình thường và bệnh thần kinh chỉ là một sự khác biệt về đời sống thực tế và phụ thuộc vào mức hưởng thụ và hoạt động mà người đó còn làm được. Sự khác biệt này rút lại chỉ là sự khác biệt giữa những số lượng sinh lực còn được tự do và số lượng sinh lực bị ngưng hoạt động vì sự có mặt của dồn ép. Vậy sự khác biệt không phải về chất mà chỉ về lượng. Tôi không cần nhắc lại là quan điểm trên đây hiến cho ta một căn bản để tin tưởng rằng bệnh thần kinh có thể chữa khỏi được dù chúng có tính cách di truyền"[1].

Khi nói về tính di truyền Tâm phân học cho rằng người đời đã biết đến nó từ lâu và quan niệm của Tâm phân học không có gì là mới thậm chí còn thừa nhận nó có một sức mạnh cần được chú ý. Hơn nữa Tâm phân

[1] Sđd, tr.554.

học còn cho rằng con người chẳng có thể thay đổi được gì về tính di truyền. Đó là một cái gì có sẵn từ trước và sự cố gắng của con người cũng không thể vượt qua được. Nhưng không thể vượt qua được không có nghĩa là cứ để cho nó tự do hoành hành để làm hại đến đời sống của con người. Lại càng không phải như một số người cho Tâm phân học là một lí thuyết đòi hỏi con người phải sống phụ thuộc hoàn toàn vào tính di truyền, coi đó là cái chủ yếu chi phối mọi suy nghĩ và hành động nơi con người.

Và còn biết bao nhiêu khó khăn khác mà Tâm phân học phải đương đầu như khi Tâm phân học cho rằng ngay trong những con người khỏe mạnh cũng có trong mình những triệu chứng của bệnh thần kinh mà người ta gọi là bệnh thần kinh nơi những người khỏe. Dĩ nhiên nó chỉ là mầm mống, chỉ là thời kì tiềm ẩn như đã nói ở trên. Những người phản đối kịch liệt quan niệm nói trên không muốn biết rằng trong những con người bình thường đã có sẵn những mầm mống đó và nó sẽ phát bệnh khi có những điều kiện thích hợp. Bệnh thần kinh cũng như mọi bệnh khác, chúng không thể từ hư vô mà ra.

Cái trở ngại lớn nhất đụng chạm đến mảnh đất thiêng liêng của xã hội là nền giáo dục, nền đạo đức cùng với những quy định có tính pháp quy của người đời. Tâm phân học luôn đứng về phía xã hội và chính vì lẽ đó mà Tâm phân học thấy cần phải tiến hành một cuộc phê bình ngay chính cái xã hội mà người đời cho là lãnh địa không một ai được xâm phạm đến. Chính vì thế mà Tâm phân học đã gây biết bao khó chịu cho

không ít người trong đó phần lớn là những người tự nhận là có trách nhiệm phải bảo vệ "nền luân lí xã hội", bảo vệ kỉ cương pháp luật của cộng đồng và nhân danh cộng đồng, họ không thể dung thứ cho bất cứ ai vi phạm đến "lợi ích của cộng đồng". Cho nên chúng ta không lấy gì làm lạ là có không ít người cố tình hiểu sai và coi Tâm phân học là một lí thuyết ca ngợi sự dâm dục, một thứ bệnh loạn dâm di truyền.

Về phần mình, các thầy thuốc Tâm phân học lại luôn ý thức được rằng mình không phải là một vị hoàng đế với một quyền lực tuyệt đối trước thần dân mà chỉ đơn giản là một người hành nghề chữa bệnh để kiếm sống, một loại người nghèo trong số những người nghèo trong xã hội. Mà muốn sống thì phải hành nghề cho tốt và chỉ có thể sống được với những việc làm có kết quả rõ rệt. Vì thế các thầy thuốc Tâm phân học không có gì khác là phải vượt qua mọi khó khăn để hành nghề và chỉ có hành nghề cho tốt với một lương tâm trong sáng. Cũng may là thời kì người ta nhân danh con người, nhân danh thần thánh để đưa lên dàn thiêu những con người chân chính đã qua, nên Freud mới còn sống sót để hoàn thành một công việc mà đến nay người đời mới có cơ hội biết đến. Cũng nhờ đó những ngộ nhận về Tâm phân học được dần dần thay thế bằng những hiểu biết đúng đắn những ý tưởng xác đáng của chính tác giả. Mặc dù Tâm phân học còn nhiều điều chưa thật hoàn chỉnh nhưng với cái nhìn của những con người vô tư trong sáng thì nó không phải là một lí thuyết cần dè chừng mà trái lại nó thực sự là một lí thuyết rất con người, rất nhân bản. Sau khi đề ra không biết bao

nhiêu là khó khăn cũng như những điều đã được khẳng định là vô cùng quan trọng và cần thiết cho việc chữa bệnh, Freud viết:

"Sau cùng chúng ta có tất cả những cái gì mà chúng ta gọi chung là "một sự từ bỏ thực sự", mọi sự đau khổ trên đường đời bắt buộc con người phải từ bỏ tình yêu, gây ra biết bao đau đớn, bao sự bất hoà trong gia đình, bao cuộc hôn nhân không cân xứng, đó là không nói đến những điều kiện khó khăn trong xã hội và những sự đòi hỏi khắt khe về luân lí mà ai cũng phải chịu áp lực".[1]

Chính những áp lực sai lầm này của xã hội đã gây ra sự dồn ép thái quá và là nguyên nhân thực sự dẫn con người rơi vào bệnh hoạn. Cách dễ dàng nhất là con người cứ tự vượt qua những ngăn cấm vô lí của xã hội để cho khát dục tự do thỏa mãn mà không cần một sự kiểm soát nào thì mọi việc sẽ tốt đẹp và bệnh thần kinh sẽ không còn chỗ nào để bấu víu và xuất đầu lộ diện. Tâm phân học cho rằng cách giải quyết như vậy là đi vào ngõ cụt vì nếu khát dục thắng thế thì luân lí xã hội lại bị dồn ép và triệu chứng của biết bao thứ bệnh lại xuất hiện. Và nếu áp dụng phương sách này thì đúng là Tâm phân học thực sự khuyến khích sự dâm loạn không phù hợp với quan niệm đã nói ở trên của chính Tâm phân học là không thể dùng một trong hai đối thủ làm quan toà, không thể để cho *đối thủ này loại trừ hoàn toàn đối thủ kia* trong việc giải quyết cuộc xung đột giữa chúng. Freud viết:

"Nếu xã hội đã bắt buộc con người phải theo một

[1] Sđd, tr.519 - 520.

giới hạn nào đó về luân lí và chính cái giới hạn đó đã làm cho người bệnh đau khổ thì tại sao chúng ta lại không chữa chạy cho người bệnh bằng cách khuyến khích họ rũ bỏ những sự giới hạn này, tìm cách thỏa mãn và lấy lại sức khỏe mà không cần để ý gì đến sự theo đuổi một lí tưởng mà xã hội đặt ra trong khi chính xã hội cũng không theo. Điều đó có nghĩa là người bệnh sẽ khỏi bệnh nếu sống hoàn toàn từ đầu đến cuối đời sống tình dục của mình. Nếu sự chữa chạy phải đi đến chỗ đó thực sự thì người ta trách là nó đã trái lại con đường luân lí tổng quát của xã hội vì nó đã cho cá nhân cái mà nó đã lấy đi của tập thể... Việc khuyên người ta sống hoàn toàn đầy đủ cuộc sống tình dục của mình không liên quan gì đến sự trị liệu trong Tâm phân học cả dù rằng tôi đã nhiều lần nói rằng trong người bệnh luôn luôn có sự xung đột giữa khuynh hướng khát dục và sự dồn ép tình dục, giữa khía cạnh tình dục và khía cạnh luân lí của người bệnh. Chúng ta không thể giải quyết cuộc xung đột bằng cách giúp cho bên nọ thắng bên kia. Đối với những người tinh thần bất an thì nhà luân lí đã thắng với hậu quả là khuynh hướng tình dục sẽ được đền bù bằng sự xuất hiện triệu chứng bệnh thần kinh. Trái lại, nếu khía cạnh tình dục của con người thắng thì khía cạnh luân lí sẽ bị dồn ép và cũng sẽ tìm cách tự đền bù bằng sự xuất hiện các triệu chứng. Hai giải pháp này đều không chấm dứt được xung đột vì thế nào cũng có một bên không thỏa mãn"[1].

Tâm phân học cũng thừa nhận có những trường

[1] Sđd, tr. 520 - 521.

hợp sự xung đột giữa tình dục và luân lí xã hội không căng thẳng cho lắm thì việc *nới ra chút ít* cho khát dục được thỏa mãn cũng có khả năng mang lại một số hiệu quả nào đó, nhưng như thế thì còn cần gì đến người thầy thuốc vì chính người bệnh cũng có thể tự giải quyết được. Vì thế Freud viết:

"Những người có thể dễ dàng chịu ảnh hưởng như thế của bác sĩ có thể đạt được kết quả mà không cần đến bác sĩ. Khi một người bị thiếu thốn về tình dục đi tìm sự thỏa mãn bằng mọi cách, họ đâu có cần xin phép ông bác sĩ hay nhà Tâm phân học"[2]. Vì thế phương pháp trị liệu của Tâm phân học phải là phương pháp trị liệu lâu dài. Freud viết:

"Lối trị liệu của chúng ta là một lối trị liệu lâu dài, phải mất nhiều thì giờ lắm mới hi vọng có hiệu quả".[3]

Mặt khác chúng ta ít ra cũng đã hơn một lần nói đến quan niệm của Tâm phân học về vai trò của luân lí xã hội và đừng bao giờ nghĩ rằng nếu không cho khát dục thắng thì dĩ nhiên phải để cho luân lí xã hội thắng. Những nhà Tâm phân học không hề muốn tự nhận mình là những nhà cải cách xã hội, mà nhiều lắm cũng chỉ là người quan sát nhưng là người quan sát dám phê phán. Một quan điểm nhất quán từ đầu đến cuối của Tâm phân học là những quy định xã hội như luân lí, đạo đức là cần thiết nhưng không thể đồng tình với những cấm đoán vô lí của xã hội trong vấn đề tình dục. Cái mà Tâm phân học gọi là một sự cấm đoán *thiếu cả*

[2] Sđd, tr. 521.
[3] Sđd, tr. 520.

sự thông minh lẫn sự thành thực. Cách trị bệnh của Tâm phân học là nói hết sự thực về những vấn đề có liên quan đến vấn đề tình dục cũng như những vấn đề về luân lí, đạo đức xã hội cho người bệnh biết mà không hề giấu giếm và cũng không hề đan xen những ý tưởng thành kiến. Không nên xem đây là những lời dạy bảo của một người thầy thuốc hay một nhà giáo dục mà vấn đề là tùy thuộc vào sự lựa chọn độc lập của người bệnh. Nhà Tâm phân học chỉ đóng vai trò người thầy thuốc hay nhà giáo dục trong trường hợp người bệnh còn quá trẻ chưa đủ kinh nghiệm và những hiểu biết cần thiết để tự rút ra những kết luận xác đáng qua những sự thực được kể trên mà nhà Tâm phân học cung cấp cho họ. Trong trường hợp này người thầy thuốc phải rất thận trọng và luôn nhớ không được lạm dụng quá nhiều vai trò giáo dục này. Một nguyên tắc trị liệu của Tâm phân học là *không bao giờ được làm thay người bệnh*. Vì thế cách thức tiến hành tùy thuộc vào kinh nghiệm và trách nhiệm của người thầy thuốc nhưng cuối cùng là người bệnh phải tự quyết định lấy. Lúc đó người bệnh sẽ đủ vững vàng trước mọi khát dục và có cách xử sự hợp với những chuẩn mực về luân lí xã hội, đạo đức xã hội có phần nào khác với những chuẩn mực đạo đức thường được áp dụng trong xã hội từ trước đến nay. Nghĩa là họ sẽ sống với những chuẩn mực đạo đức thực sự của những con người khôn ngoan, trung thực và có giáo dục. Nói tóm lại là nhà Tâm phân học chỉ giúp cho người bệnh tự chống lại chính mình, sống phù hợp với cuộc sống của những con người chân chính thực sự.

Những con người như vậy sẽ có đủ khả năng chống lại mọi hiểm nguy do những ham muốn tình dục quá đáng gây ra. Như thế cũng có nghĩa là họ đã tiến thêm được một bước khá dài trong việc chi phối đời sống tình dục với tư cách là cái vô thức, là cái có tính cách di truyền. Họ chỉ chi phối chứ không hề triệt tiêu cái vô thức có tính cách di truyền này. Freud viết:

"Khi thấy trong việc trị liệu tôi không muốn thúc đẩy người bệnh sống hoàn toàn đầy đủ cuộc sống tình dục của họ thì đừng cho rằng tôi bênh vực luân lí xã hội... Thực ra chúng ta không phải là những người cải cách xã hội mà chỉ là những người biết quan sát thôi, nhưng cũng không thể chỉ quan sát mà không phê bình chỉ trích. Vì thế chúng ta không thể bênh vực nền luân lí xã hội về tình dục tán thành phương sách mà xã hội đưa ra để giải quyết vấn đề đời sống tình dục. Điều mà luân lí xã hội dòi hỏi nhiều sự hi sinh mà không mang lại những kết quả cân xứng, xã hội thiếu cả khôn ngoan và lòng thành thực. Chúng ta không ngần ngại gì mà không nói cho người bệnh nghe những điều vừa nói, làm cho họ quen dần với sự suy nghĩ về những sự kiện tình dục mà không có thành kiến cũng như với mọi sự kiện khác, để rồi sau khi chữa trị xong, nếu họ trở nên độc lập và chọn một giải pháp dung hòa giữa một đời sống tình dục buông thả và một đời sống khổ hạnh tuyệt đối thì chúng ta chẳng có gì đáng hổ thẹn trong lương tâm. Kẻ nào sau khi đã chống lại được chính mình tiến tới sự thực của cuộc đời, kẻ đó sẽ tránh được mối hiểm nguy của mọi sự vô luân và hiến cho mình

một bậc thang giá trị về luân lí khác với bậc thang luân lí thường áp dụng trong xã hội... Vậy không thể giải nghĩa tác dụng trị liệu của Tâm phân học bằng cách nói rằng phương pháp này cho phép người ta sống hoàn toàn và đầy đủ đời sống tình dục"[1].

Như vậy, qua những điều trình bày ở trên, chúng ta biết được những quan điểm cần thiết của phương pháp và mục đích chữa trị các chứng bệnh tâm thần của Tâm phân học. Bây giờ phải xem xét một cách cụ thể hơn việc áp dụng những quan điểm trên vào những việc làm thiết thực trong việc trị liệu như thế nào căn bệnh xã hội này.

Làm thế nào giúp cho người bệnh "độc lập lựa chọn một giải pháp dung hoà" giữa một đời sống tình dục buông thả và một đời sống khổ hạnh tuyệt đối. Nói theo ngôn ngữ của Tâm phân học thì đó là tìm cách *thay thế cái vô thức bằng cái hữu thức, biến cái vô thức thành cái hữu thức*. Muốn biến vô thức thành hữu thức hay nói theo không gian là đưa cái vô thức vào cái hữu thức thì phải xoá bỏ được sự dồn ép, xoá bỏ được những điều kiện và nguyên nhân làm cho triệu chứng xuất hiện, biến cuộc xung đột gây bệnh thành cuộc xung đột bình thường có thể giải quyết bằng nhiều cách khác dễ hơn và không làm phát sinh ra triệu chứng.

Để làm được việc đó, người thầy thuốc lại không có một thứ thuốc nào mà cũng không thể áp dụng những biện pháp chữa trị thông thường như đối với các chứng bệnh khác về cơ thể. Nhà Tâm phân học chỉ còn cách

[1] Sđd, tr.523.

duy nhất là thông qua những tác động về tinh thần để tạo ra một sự thay đổi trạng thái tinh thần nơi người bệnh theo hướng hủy bỏ sự dồn ép, biến vô thức thành hữu thức. Sự thay đổi trạng thái tinh thần này lại phải chính do người bệnh tự làm lấy với sự giúp đỡ của người thầy thuốc. Một công việc như vậy chỉ mới nghe chúng ta cũng đã thấy nó khó khăn và phức tạp đến mức nào.

Với các loại bệnh về cơ thể, chỉ cần người thầy thuốc đưa thuốc vào cơ thể người bệnh bằng cách nào đó là thuốc có nhiệm vụ chống trả trực tiếp bệnh tật. Nếu người bệnh không chịu uống, không chịu tiêm thì người thầy thuốc cũng còn nhiều thủ pháp khác để đưa được thuốc vào cơ thể người bệnh trong giấc ngủ tự nhiên hay trong giấc ngủ nhân tạo... Nhưng với các chứng bệnh tinh thần nếu người bệnh nhất định cự tuyệt thì không còn cách nào mà len vào tâm hồn họ để giúp họ tạo ra một sự thay đổi trong đời sống tinh thần họ được. Có người cho rằng có thể dùng thôi miên cho người bệnh ngủ nhân tạo rồi nói chuyện với người bệnh. Tâm phân học lại từ chối lối chữa trị bằng thôi miên vì nó không thể chữa trị tận gốc, nó không mang lại hiệu quả như nhau với những người bệnh khác nhau và bệnh không thể khỏi hẳn. Phương pháp chữa trị bằng thôi miên chỉ có mục đích đánh thẳng vào triệu chứng mà không tìm ra được cơ chế hoạt động của bệnh, không đánh vào nguyên nhân gây bệnh nên với người bệnh này thì có một sự thuyên giảm tạm thời, với người bệnh khác nhau lại không có kết quả gì. Đó là cách chữa trị chỉ đánh vào hiện tượng một cách trực tiếp, vào triệu chứng bên ngoài nên không có khả năng xoá bỏ được sự

dồn ép và cũng không có khả năng biến vô thức thành hữu thức. Freud viết:

"Chúng ta có thể diễn tả mục tiêu của chúng ta dưới nhiều hình thức: chúng ta có thể nói chúng ta muốn làm cho vô thức trở thành hữu thức, hay hủy bỏ sự dồn ép, hay lấp lỗ trống trong bệnh mất trí nhớ, tất cả hình thức này đều có giá trị như nhau"[1].

Vậy vấn đề là làm thế nào để đưa được vô thức vào hữu thức, biến vô thức thành hữu thức. Cái vô thức ở đây chính là những ham muốn mang nội dung tình dục, những khát dục. Như vậy, phải tác động trực tiếp vào *khát dục mù quáng* làm cho nó trở thành những khát dục đã được nhận thức tức cái hữu thức. Muốn làm như vậy Tâm phân học cho rằng chúng ta không tác động trực tiếp vào khát dục để tạo ra một sự biến đổi theo mong muốn. Muốn cho vô thức (khát dục) trở thành hữu thức, chúng ta chỉ tác động vào một khâu trong mối quan hệ giữa khát dục và cái Tôi xã hội (ý thức) đại diện cho luân lí xã hội mà thôi.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, chúng ta hãy trở lại với ví dụ mà Freud đã giới thiệu với chúng ta trong phần trên.

Đứng về mặt không gian, chúng ta có hai căn phòng liền nhau và có một cái cửa thông từ phòng này sang phòng kia. Trong cái phòng thứ nhất chứa đầy cái vô thức (khát dục). Khát dục này muốn được thỏa mãn phải làm thế nào sang được căn phòng thứ hai trong đó có ý thức, qua cái cửa thông. Ngồi ở cửa thông có một người gác. Người gác này được coi như cái Tôi xã hội đại

[1] Sđd, tr.524.

diện cho luân lí xã hội làm nhiệm vụ kiểm tra xem cái vô thức đại diện cho khát dục mong muốn cái gì. Nếu là những mong muốn phù hợp với những quy tắc đạo đức xã hội thì cho qua. Trái lại nếu mong muốn đó *vi phạm* đến luân lí xã hội thì chặn lại không cho qua cửa thông. Vì những ham muốn này biểu hiện cho những ham muốn quá đáng, cũng có khi rất chính đáng nhưng chưa được xã hội chấp nhận. Vốn tính ương bướng cái vô thức không chịu ở trong căn phòng thứ nhất, nơi dành riêng cho cái vô thức. Lợi dụng khi người gác sơ hở, hoặc một sự đồng tình nửa vời của người gác, cái vô thức lẻn qua được cửa thông và sang được phòng thứ hai là nơi chiếm giữ của cái hữu thức. Tuy sang được phòng thứ hai nhưng vẫn chưa thành được cái hữu thức, mới chỉ là tiền ý thức. Đến lúc này người gác phát hiện ra sự vi phạm và huy động mọi khả năng sức lực để chống lại sự vi phạm đó tạo ra một sự phản kháng quyết liệt, tạo ra một sự phản công để đẩy cái vô thức trở về phòng thứ nhất. Sự đề kháng này là sự phản công gây ra sự dồn ép mãnh liệt đối với cái vô thức, dồn nó trở về nguyên trạng vô thức của nó. Nghĩa là trong một lúc nào đó nó đã trở thành tiền ý thức nay buộc phải trở về trạng thái ban đầu, thụt lùi về cái vô thức và sự xung đột giữa vô thức (khát dục) với cái Tôi xã hội (ý thức) trở nên vô cùng quyết liệt.

Nếu sự việc được hình dung như vậy thì sự việc biến vô thức thành hữu thức đúng là không cần tác động trực tiếp đến cái vô thức vì chính diễn biến trong ví dụ trên cho ta thấy sự tác động giữa vô thức và cái Tôi xã hội thông qua sự phản công của cái Tôi dẫn đến

xung đột quyết liệt giữa khát dục và cái Tôi xã hội là điểm nóng làm phát sinh ra bệnh. Nên vấn đề chỉ còn một cách là xoá bỏ sự đề kháng mang tính phản công để làm dịu đi sự xung đột, nghĩa là vẫn còn một sự đề kháng nào đó nhưng không mang tính chất phản công, không tạo ra *sự thụt lùi*. Nếu dùng hình ảnh thì chúng ta có thể hình dung biện pháp trên chỉ làm giảm bớt sức nén đối với sức chịu đựng của một chiếc lò so chứ không phải là xoá bỏ hoàn toàn sự phản công, đảm bảo cho chiếc lò so vẫn còn sức nén nhưng có thể chịu đựng được, không bị gẫy nghĩa là tránh được việc phát sinh ra bệnh.

Tóm lại, ta thấy khát dục nếu không được sự chấp nhận của xã hội dù là chính đáng hay không chính đáng vẫn tìm mọi cách để thỏa mãn nghiã là trở thành ý thức. Nó đã trở thành tiền ý thức thì bị đẩy lùi trở lại vị trí cũ bằng một sự đề kháng mang tính phản công quyết liệt của cái Tôi xã hội (luân lí). Từ đó làm cho sự xung đột ở mức bình thường trở thành gay gắt có nguy cơ trở thành bệnh hoạn hoặc đã trở thành bệnh thực sự.

Cho nên Tâm phân học cho rằng để giải quyết xung đột trên phải *làm dịu hoặc xoá bỏ sự đề kháng có tính chất phản công* chứ không phải là tác động trực tiếp đến khát dục, vốn là cái khó bảo và mù quáng. Muốn xoá bỏ sự đề kháng có tính chất phản công này thì không còn cách nào khác là tác động vào ngay đối tượng tiến hành sự phản công tức cái Tôi luân lí xã hội.

Còn vì sao lại không tác động trực tiếp lên khát dục? Vì khát dục là cái có tính chất di truyền, là cái

giúp cho nòi giống tiếp tục tồn tại và phát triển, là cái trong nhiều trường hợp rất có ích cho đời, là cái không thể xoá bỏ được, lại rất khó giáo dục, mù quáng nhiều khi rất háu ăn nữa. Vậy chỉ còn một cách là làm cho vô thức biết điều hơn, dễ bảo hơn, phần nào chịu sự chi phối của cái hữu thức, của cái Tôi xã hội.

Muốn làm được điều đó thì không còn con đường nào khác là phải làm cho cái Tôi ý thức trở nên thông minh hơn, khôn ngoan hơn, tránh làm những điều hao phí nhiều sức lực một cách vô lí mà kết quả thu được lại không tương xứng thậm chí kết quả chỉ bằng không hoặc bằng âm.

Nói theo mục tiêu đề ra của Tâm phân học, đưa vô thức vào hữu thức, biến vô thức thành hữu thức là xã hội dừng có ngăn cấm một cách quá đáng trong việc đòi hỏi thỏa mãn của khát dục. Vấn đề là phải giáo dục nó làm cho nó biết điều hơn và hưởng thụ phải chăng, lành mạnh trong đời sống tình dục. Làm được điều này có nghĩa là đã biến được nó vốn là cái vô thức mù quáng thành cái hữu thức có tổ chức, có kỉ cương. Một vấn đề to lớn cần ghi nhận ở đây là muốn chữa trị các loại bệnh thần kinh tinh thần mà người đời coi là một loại bệnh xã hội thì có nghĩa là nguyên nhân sinh bệnh là từ xã hội. Muốn khỏi bệnh nhất thiết phải tác động trực tiếp lên nguyên nhân xã hội này.

Tâm phân học không chỉ cho rằng sự cần thiết phải tác động trực tiếp lên nguyên nhân xã hội mà còn chỉ ra đó là những sai lầm của con người. Điều đó có vẻ bình thường vì xã hội chính là con người với tư cách là *cái*

hội tụ mọi cái gì gọi là hoạt động xã hội, là trung tâm làm nên xã hội. Nhưng cái bình thường đó xét về mặt tâm lí lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì người đời thích nghe nói đến từ xã hội chung chung chứ không thích nói đến nguyên nhân lại là chính con người gây ra, là anh, là chị, là tôi, là chúng ta những con người bằng xương bằng thịt với bao chiến tích cũng như lỗi lầm.

Nói đến nguyên nhân xã hội mà thủ phạm chính là con người bằng xương bằng thịt luôn tự cho mình là cao cả, là thánh thiện thì đúng là một thách thức nguy hiểm cho kẻ nào dám lên án cái con người thánh thiện này.

Lường trước được mối nguy hiểm này, Freud đã phải nhắc tới những bi kịch do những con người quá hợm hĩnh về mình, những con người quá ngạo mạn mắc phải. Freud cho rằng loài người đã hơn một lần là tác giả thực sự của những bi kịch khó quên. Bi kịch lớn nhất khi có người cho rằng quả đất không phải là trung tâm của vũ trụ mà chỉ là một hành tinh nhỏ bé, khiêm tốn nằm trong vũ trụ bao la, chỉ là một phần tử nhỏ phụ thuộc vào cái bao la đó thì loài người phẫn nộ đòi và đã đưa lên giàn thiêu người đã dám nói lên sự thực đó vì như thế là đã chống lại lời phán truyền của Chúa và thoá mạ con người. Lần thứ hai khi học thuyết Darwin ra đời khẳng định con người là từ những sinh vật nhỏ bé mà ra thì loài người lại nổi giận đùng đùng cho nói như thế là thoá mạ con người, chúa tể của muôn loài, do Chúa tạo dựng. Và người đó đã phải chịu một hình phạt nặng nhất khi đó là không được công nhận là con của Chúa. Lần thứ ba con người tự cho là khôn

ngoan, thông minh cao thượng, phủ nhận sự có mặt của đời sống tình dục hoặc có thừa nhận sự có mặt của nó thì lại coi nó như là một cái gì xa lạ, là xấu xa, là bẩn thỉu và tự cho phép mình trừng trị đàn áp bằng mọi cách và đã dẫn đến biết bao đau khổ cho con người trong đó có biết bao nhiêu người rơi vào cảnh bệnh hoạn suốt đời, sống nhưng thực ra lại là không sống.

Và bây giờ nếu muốn thêm vào một bi kịch nữa của thời đại bùng nổ thông tin, của rô-bốt và của bao nhiêu điều kì lạ khác thì chúng ta phải kể đến việc chính con người đang là thủ phạm hủy diệt môi trường sống của chính mình. Con người cũng chính là thủ phạm chính của biết bao hành vi hủy diệt chính con người nhưng lại được che giấu bằng những danh từ như "vì con người" "vì dân chủ" " vì nhân quyền" "vì tiến bộ xã hội"... Con người ngạo mạn thường nghĩ rằng mình muốn làm gì cũng được mà chẳng có ai ngăn cản được, chống lại được những điều con người muốn làm và thích làm. Con người đã làm cái gì thì nhất thiết là phải đúng. Người ta sống thực lòng với nghĩa đen của những câu được coi như chân lí tuyệt đối "dời non lấp biển" "thay trời làm mưa" rồi "công trình thế kỉ này công trình thế kỉ khác".... Không ai lại cấm con người có những ước mơ, những hoài bão. Nhưng xin đừng quên đó chỉ là những ao ước. Và nếu những ước ao đó có thể trở thành hiện thực trong một phạm vi nào đó thì xin đừng nghĩ đó là những cái gì hoàn hảo tuyệt đối. Trước những tai họa liên tiếp và khủng khiếp như hiện nay có không ít người đã nghĩ đến một trận đại hồng thủy mới đã bắt đầu đổ xuống trên trái đất này.

Cái con người hợm hĩnh này lại có trong mọi người. Đó là cái con người chỉ chú trọng đến cái mà họ tưởng là lợi ích đích thực của con người. Nhân danh xã hội nó coi khinh cái con người tự nhiên vốn là một sản phẩm tự nhiên của trời đất từ gốc. Nếu nói về lòng tham lam ích kỉ thì cái con người này là một thứ ích kỉ siêu hạng và chúng ta cũng không lấy gì làm lạ là đã có không ít người có lương tri đang thực sự lo ngại dù là sự lo ngại có vẻ hão huyền.

Như vậy, chúng ta đã làm rõ sự cần thiết phải tác động trực tiếp vào cái Tôi xã hội vì chính nó là nguyên nhân sâu xa cũng như trực tiếp của căn bệnh tâm thần.

Cần thiết nhưng chúng ta liệu có thể tác động có kết quả hay không, vì là cần thiết nhưng lại không làm gì được thì cũng như bằng không, là vô nghĩa.

Tâm phân học cho rằng chúng ta có đủ khả năng làm cho cái Tôi xã hội chịu ảnh hưởng của sự tác động và phải dẫn đến những thay đổi mà chúng ta mong muốn. Nghĩa là cái Tôi xã hội, cái Tôi ý thức, cái Tôi luân lí cũng phải trở thành cái Tôi hoàn toàn khác trước.

Tin tưởng như vậy vì nếu với tính di truyền con người chẳng có thể làm gì được để cho nó thay đổi với nghĩa là không còn đặc tính di truyền nữa thì cái Tôi xã hội, cái Tôi luân lí lại có thể trở thành một cái Tôi khác. Cái Tôi này nhiều khi cũng không thay đổi gì được nhiều lắm nhưng lại có ý nghĩa rất to lớn đối với người bệnh. Nó có thể biến một con người bệnh hoạn trở thành một con người khỏe mạnh bình thường, thông minh hơn trước, có kinh nghiệm hơn trước và sẽ không

bao giờ để cho bệnh tâm thần tái phát. Tâm phân học có thể làm được điều đó vì cái Tôi luân lí xã hội này tuy ngạo mạn, thiển cận đấy nhưng lại không phải là cái ngoan cố như cái Tôi khát dục, cái Tôi tự nhiên bẩm sinh, di truyền. Nói một cách khác nó cũng biết phục thiện và có thể giáo dục được dù cho tính phục thiện đó chỉ có duy một mục đích cho sự tồn tại của chính nó. Con người thường rất là ích kỉ với người khác nhưng lại rất là độ lượng với chính mình. Mới nghe thì như một nghịch lí nhưng hai mặt đó chỉ là sự biểu hiện của một đặc tính cố hữu nơi con người, đó là lòng ích kỉ.

Sau khi Tâm phân học chỉ ra đối tượng cần tác động trực tiếp để giải quyết sự xung đột giữa khát dục (vô thức) với cái Tôi xã hội (ý thức) thì công việc lúc này là phải làm gì? Tâm phân học cho rằng phải cho hai đối thủ dàn mặt với nhau để làm một cuộc hiệp thương trong hoà bình, một cuộc đối thoại trên tinh thần thân ái và bình đẳng. Đã gọi là thương lượng thì mỗi bên phải biết tự kiềm chế, phải biết nhân nhượng nhau, phải biết giảm bớt tính ích kỉ của mình xuống. Cái Tôi xã hội phải biết mềm mỏng hơn, độ lượng hơn, khôn ngoan hơn. Còn cái Tôi khát dục thì phải giảm bớt sự đòi hỏi được thỏa mãn tối đa tới mức cái Tôi xã hội có thể chấp nhận được. Một sự dung hoà như vậy cái vô thức có thể được tiếp nhận vào cái hữu thức mà không làm tổn thương gì đến luân lí xã hội. Nói một cách khác cụ thể hơn là nhờ cái Tôi xã hội thay đổi thái độ mà khát dục vừa lòng với cách thức và mức độ thỏa mãn mà nó không cảm thấy bị ức chế, bị dồn ép, bị cấm đoán. Nhờ đó nó sẵn sàng từ bỏ những ham muốn quá

đáng, sa đọa để hưởng thụ những cái mà cả hai đều có thể chấp nhận được một cách vui vẻ; vì cái Tôi xã hội lúc này đã không còn là cái Tôi luân lí đạo đức cố chấp và cổ hủ như trước kia, một cái Tôi ốm yếu, ấu trĩ thiếu thông minh, thiếu kinh nghiệm, thiếu khôn ngoan. Lúc này nó trở nên biết điều hơn. Freud viết:

"Vậy lúc này không phải là lúc chúng ta tìm cách ảnh hưởng đến khát dục... Chúng ta chỉ cần hủy diệt sự dồn ép là vô thức lập tức được thay thế bằng hữu thức... Trước hết phải xem có sự dồn ép không, rồi sau đó mới tìm cách hủy diệt sự đề kháng giúp cho dồn ép được tồn tại... Sự đề kháng phát sinh ra do một sự phản công có mục đích dồn ép khuynh hướng tục tĩu... Sự phản công hay sự đề kháng không thuộc vô thức mà thuộc cái Tôi..."[1]

Nói như trên là về phương diện lí thuyết , còn trong thực tế muốn tiến hành biến vô thức thành hữu thức lại khó khăn và phức tạp hơn nhiều. Khó khăn đầu tiên gặp phải là phải tìm cho ra sự dồn ép xem nó có hay không và là cái gì một cách cụ thể. Rồi phải tìm cho ra cái đề kháng mang tính chất phản công là cái do nó mà dồn ép tồn tại. Còn phải tiếp tục nghiên cứu khám phá xem cái Tôi đại diện cho khuynh hướng phản công thúc đẩy đề kháng làm phát sinh ra sự dồn ép. Ở từng người bệnh những vấn đề trên lại rất khác nhau về hoàn cảnh sống hiện tại và những biến cố xa xưa, về sự tiếp thu nền luân lí xã hội như thế nào...

Tất cả những điều người thầy thuốc muốn biết hay đã biết nhiều khi lại không phù hợp với cái mà người

[1] Sđd, tr.526 - 527.

bệnh đã trải qua hay đã nghĩ tới hoặc đã biết. Người đó lại đang trong tình trạng bệnh hoạn thì những điều họ cho người thầy thuốc biết thì đâu là trí tưởng tượng đâu là sự dối trá mà chính họ cũng không ý thức được.

Đây thực sự là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc vì nếu chỉ có một sai sót nhỏ cũng có thể làm cho mọi cố gắng của người thầy thuốc biến thành mây khói.

Trong xã hội, những công trình nghiên cứu về đời sống tinh thần , về hiện trạng tư tưởng của con người hay về một lớp người nào đó, về những biến cố trong lịch sử nếu có sai thì xã hội gánh chịu, còn tác giả của nó không những không phải hứng chịu gì mà nhiều khi lại thu về cho cá nhân mình rất nhiều cái như danh vọng, địa vị, tiền tài và cả vợ đẹp con khôn nữa là khác. Với người thầy thuốc, nếu chữa không khỏi bệnh thì sự trừng phạt là không thể tránh khỏi, một sự trừng phạt êm ả nhưng thật là khắc nghiệt, chỉ còn cách là bỏ nghề mà nhiều khi bỏ nghề cũng không xong.

Người bệnh luôn mong muốn bệnh của mình mau lành nên khi người thầy thuốc chỉ cho họ sự dồn ép là cái gì và từ đâu tới, sự đề kháng và sự phản công do cái gì tiến hành là người bệnh có thể nhận ra những quyết định sai lầm của họ trước kia đã gây ra bệnh và bây giờ, lúc này họ cần có một quyết định khác là bệnh sẽ thuyên giảm và đi đến chỗ khỏi hẳn vì lúc này họ đã nhận ra cái vô thức, biến cái vô thức thành cái hữu thức, không còn sự đề kháng mang tính cách phản công nữa và cũng không còn sự dồn ép.

Nhìn vào kết quả, nhiều khi ta có cảm tưởng là quá ít ỏi so với công sức của người thầy thuốc cũng như của đương sự phải bỏ ra. Cảm giác đó là hoàn toàn đúng. Sau khi khỏi bệnh, người bệnh chỉ hủy bỏ được một vài vô thức, thêm được một vài hữu thức hay nói đúng hơn là *chuyển được một vài cái vô thức thành hữu thức.* Thực ra những kết quả trên thật là to lớn. To lớn ở chỗ khỏi được một căn bệnh rất khó chữa trị có thể hủy hoại cả một đời người. Nhưng cái to lớn hơn là biến một người ốm yếu, vô tích sự, một nỗi đau cho những người thân trong gia đình và cho xã hội thành một người có ích cho xã hội. Từ một người sống đó nhưng lại sống ngoài cộng đồng nay trở lại cuộc sống chung với mọi người trong xã hội cũng như với những người thân. Cái ít ỏi đó thật là quan trọng rất xứng đáng với những ai dám bỏ ra một khối lượng công sức và trí tuệ cũng như thời gian để đổi lấy nó.

Sau khi bỏ ra nhiều tâm trí và sức lực để biến vô thức thành hữu thức, đẩy lùi được bệnh hoạn, người bệnh trở lại cái con người của họ trước kia khi chưa lâm bệnh đã là vô giá. Tâm phân học còn cho rằng cái con người sau khi khỏi bệnh còn có đủ khả năng tránh được mọi cám dỗ của cuộc đời cũng như những cạm bẫy của cuộc sống tình dục để giữ cho cuộc đời một cuộc sống người hơn cả cuộc sống trước kia khi chưa mắc bệnh. Cái con người này không còn là cái Tôi luân lí thiển cận, thành kiến với cách cư xử thiếu khôn ngoan nhưng lại có phần hợm hĩnh và rất tự đắc.

Quá trình biến vô thức thành hữu thức cũng là một quá trình làm cho cái Tôi luân lí xã hội thay đổi đủ để

chấm dứt sự đề kháng mang tính phản công, chấm dứt sự dồn ép lại luôn diễn ra thông qua *sự hoán chuyển*.

Sự hoán chuyển (conversion) là một danh từ mà các nhà nghiên cứu có sự giải thích có phần nào khác nhau, kể cả việc dịch sang tiếng Việt. Có người gọi là *biến chứng*.

Trước khi có một sự thống nhất về dịch thuật cũng như nội dung của danh từ chúng ta chỉ còn một cách là dựa vào chính sự giải thích của tác giả. Freud đã giải thích như sau:

"Sự kiện mới này chẳng gì khác hơn là một sự hoán chuyển tình cảm từ người bệnh sang ông thầy thuốc, vì chúng ta không tin rằng công việc chữa chạy đó đã làm tình cảm đó nảy sinh"[1].

Trong quá trình chữa trị Tâm phân học luôn gặp một hiện tượng kì lạ là bất kể con bệnh là nam hay nữ, ít tuổi hay nhiều tuổi đều tỏ ra âu yếm người thầy thuốc dù người thầy thuốc đã luống tuổi không còn bao nhiêu khả năng về sức lực.

Tình cảm này lại rất khác nhau giữa những người bệnh. Có người thì lộ liễu sôi nổi, có người thì kín đáo tế nhị, thậm chí có người bề ngoài rất lạnh nhạt nhưng qua những thái độ khác nhau nói trên đều bao hàm một cái gì đó trìu mến người thầy thuốc. Về mặt chữa trị các chứng bệnh tâm thần khác nhau, thì đây là điều thuận lợi cho người thầy thuốc. Nó không chỉ có lợi về mặt tình cảm nghĩa là một khi người bệnh quý mến người thầy thuốc mà còn có một lợi ích khác to lớn hơn là nhờ đó người thầy thuốc hiểu được những điều sâu

[1] Sđt, tr.534.

kín của người bệnh. Đồng thời đây là một cơ hội tốt để người bệnh thỏa mãn khát dục đã thành vô thức và người thầy thuốc là đối tượng mới cho sự thỏa mãn đó.

Sự hoán chuyển phải để cho nó tự diễn ra trong quá trình chữa trị mới đáng tin cậy nghĩa là người thầy thuốc không vì thấy nó có lợi mà hoạt động theo hướng tạo ra tình cảm đó một cách chủ quan nóng vội.

Nếu chú ý quan sát những người mắc các chứng bệnh tâm thần cũng có thể thấy những sự hoán chuyển đó. Không ít người bệnh lang thang ngoài đường phố hễ cứ thấy người khác giới là anh anh, em em với những cử chỉ và lời nói rất là tình tứ, rất âu yếm như với một người yêu thân thiết từ lâu. Đó là những khát dục bị ngăn cấm chưa một lần được thỏa mãn nay nó tìm sự thỏa mãn thông qua triệu chứng. Hoặc đã có một lúc nào đó họ cũng đã được âu yếm tình tự như vậy nhưng do một nguyên nhân nào đó bị ngăn cấm không được tiếp tục thỏa mãn khát dục đó. Khát dục lui vào trong vô thức, trở thành cái vô thức và bây giờ nó xuất hiện để thỏa mãn thông qua triệu chứng trong bệnh hoạn.

Những cử chỉ và lời nói này lại luôn lặp đi lặp lại mà không có thay đổi gì đáng kể. Vẫn một nội dung tình cảm như vậy với những cử chỉ tương tự.

Sự âu yếm đó, những tình cảm đó khiến cho người thầy thuốc biết rằng đó không phải đơn thuần là sự biết ơn người đang chữa bệnh cho mình. Mà cái chính là người bệnh đang sống lại những gì đã từng diễn ra trong quá khứ bằng những sự kiện sâu sắc thầm kín hoặc chỉ là những ý tưởng riêng tư.

Chúng ta không nên nghĩ rằng trong trường hợp này người thầy thuốc cứ để cho sự hoán chuyển diễn ra vô tận, cứ để cho người bệnh tự thỏa mãn theo cách đó là sẽ khỏi bệnh. Người thầy thuốc chỉ được phép tận dụng cơ hội này để tìm cách nói cho người bệnh biết hết sự thực để *chấm dứt sự hoán chuyển* và bệnh sẽ khỏi. Vì nếu cứ để cho sự hoán chuyển kéo dài thì người bệnh tiếp tục thỏa mãn khát dục qua triệu chứng mãi mãi thì làm sao khỏi được bệnh. Người thầy thuốc chỉ được phép đóng vai trò đối tượng tình dục của người bệnh trong một thời gian nhất định để có cơ hội biết được những điều cần biết nơi người bệnh một cách dễ dàng hơn và từ đó tiến hành việc khuyên bảo, việc giáo dục tốt hơn. Đến một lúc thích hợp, chính người thầy thuốc phải chủ động chấm dứt mối tình vờ này tránh cho người bệnh rơi vào những ảo tưởng khát dục mới rất có hại cho việc chữa trị. Nếu không may mà trường hợp này xảy ra thì việc chữa trị phải làm lại từ đầu với những khó khăn mới phức tạp hơn rất nhiều.

Chúng ta cần ghi nhận một nguyên tắc nền tảng của việc chữa trị theo Tâm phân học là *không bao giờ để cho người bệnh thỏa mãn tối đa khát dục* để chữa trị những bệnh tâm thần do khát dục quá đáng gây ra. Vấn đề chính là phải đánh vào sự thông minh, sự biết điều nơi người bệnh để họ tự kiềm chế khát dục quá đáng và chỉ thỏa mãn nó trong chừng mực cho phép của những con người trưởng thành, sống có kinh nghiệm và sáng suốt. Nếu chữa trị bằng cách *cho thỏa mãn khát dục tối đa* sẽ dẫn đến bệnh tái phát khi người bệnh không được thỏa mãn đầy đủ. Sự hoán chuyển trong

tay người thầy thuốc như một con dao hai lưỡi. Đó là điều mà Tâm phân học nhắc nhở những ai muốn áp dụng phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học để chữa trị các căn bệnh tâm thần. Nó có thể là một phương tiện giúp cho người thầy thuốc một cách rất đắc lực mà cũng có thể làm cho sự nghiệp của người thầy thuốc trở thành mây khói.

Trường hợp nói trên Tâm phân học gọi là sự hoán chuyển tích cực nghĩa là khi sử dụng nó đúng mực, việc chữa trị sẽ rất thuận lợi. Bên cạnh sự hoán chuyển tích cực còn một sự hoán chuyển khác mà Tâm phân học gọi là sự hoán chuyển tiêu cực. Nghĩa là đáng ra người bệnh tỏ ra âu yếm người thầy thuốc thì lại là những cử chỉ thái độ cự tuyệt, chống đối sự hợp tác với người thầy thuốc trong việc chữa trị bệnh cho chính mình.

Gọi là hoán chuyển tích cực và hoán chuyển tiêu cực chỉ có nghĩa là hai sự hoán chuyển này chỉ khác nhau hoặc là thuận lợi hay là bất lợi cho việc chữa trị, còn về bản chất của nó thì vẫn là việc người bệnh chuyển tình cảm của họ sang người thầy thuốc. Nói cách khác, người bệnh tỏ thái độ như thế nào đối với người thầy thuốc thì vẫn là một cách phát biểu những tình cảm của chính họ.

Tâm phân học cho rằng từ yêu trở thành ghét là hai trạng thái của một tình cảm và thường lại là những tình yêu mãnh liệt. Một người yêu tha thiết người yêu của mình nhưng vì nhiều lẽ tình yêu đó không được đền đáp tương xứng thì tình yêu say đắm đó trở thành thù ghét cay độc người mình yêu. Nhưng dù thế nào thì vẫn

là tình yêu, vẫn là sự đòi hỏi của khát dục.

Nhưng nếu đứng về phương diện chữa trị, người bệnh lại chuyển những tình cảm của mình sang người thầy thuốc bằng sự oán giận, bằng sự căm thù thì thực là khó khăn ghê gớm cho người thầy thuốc.

Không thiếu gì trường hợp Tâm phân học đã cho chúng ta biết có những người chỉ thỏa mãn được khát dục bằng cách hành hạ người mình yêu. Sự hành hạ này trước hết là về xác thịt kể cả việc cắn cấu làm tổn thương đến thân thể người mình yêu. Biết bao trường hợp người ta chuyển tình yêu sang căm thù, nhiều khi có thể giết chết người yêu và sau khi đã giết xong người mình yêu người ta lại hối tiếc khôn nguôi.

Trong đời sống thường nhật, đối với bất cứ ai chúng ta cũng luôn vừa yêu lại vừa ghét. Chỉ có điều cái yêu và cái ghét này ở mức không đáng kể nên chúng ta ít chú ý tới mà thôi. Vì thế khi gặp người bệnh có thái độ ghét bỏ người thầy thuốc thì chúng ta cũng phải thừa nhận đó là một điều thường tình để làm chuyển biến nó từ ghét thành yêu để phục vụ cho việc chữa bệnh của chúng ta.

Như vậy, dù cho người bệnh có một sự hoán chuyển tiêu cực đối với người thầy thuốc thì điều quan trọng là phải chuyển tình cảm tiêu cực đó sang tình cảm tích cực gây cho được sự tin tưởng ở người bệnh và đó là điều có ý nghĩa hàng đầu trong phương pháp trị liệu của Tâm phân học. Mặt khác người thầy thuốc phải lợi dụng thái độ tiêu cực này để tìm hiểu những gì đã xảy ra trong quá khứ nơi người bệnh làm cho người bệnh

thiếu thiện cảm trên. Một khi người thầy thuốc làm được những công việc trên thì có thể nói chiếc chìa khoá của mọi bí mật đã nằm trong tay người thầy thuốc và việc chữa trị chắc chắn thành công. Dù cho sự hoán chuyển có làm phát sinh ra nhiều vấn đề phải vượt qua nhưng nếu không có sự hoán chuyển nào cả thì có nghĩa là người bệnh không nằm trong vòng ảnh hưởng của người thầy thuốc và không thể áp dụng sự điều trị bằng phương pháp và kĩ thuật của Tâm phân học được.

Trong trường hợp như vậy người thầy thuốc phải có một cách khác mới hi vọng việc chữa trị có kết quả. Freud viết:

"Vì không có hiện tượng hoán chuyển (conversion) nên người bệnh này thoát khỏi ảnh hưởng của chúng ta và không thể khỏi bệnh bằng phương pháp của chúng ta"[1].

Qua việc chữa trị cho nhiều bệnh nhân có sự hoán chuyển tiêu cực Freud đã rút ra một kết luận quan trọng là sau một công trình nghiên cứu tỷ mỉ và công phu khi người thầy thuốc nắm được chắc chắn cội nguồn của thái độ tiêu cực trên, rồi khéo léo trao đổi với người bệnh làm họ thay đổi thái độ không khó khăn gì cho lắm. Sở dĩ như vậy vì có người bệnh nào lại không muốn khỏi bệnh và muốn khỏi bệnh thì phải giúp đỡ người thầy thuốc. Hơn nữa thái độ không hợp tác với người thầy thuốc đâu có phải là ý tưởng thực của người bệnh mà chỉ là do sự tác động của cái vô thức trong họ. Đó chỉ là sự biểu hiện của một tình cảm thù ghét đã có trong họ từ trước nay có dịp mới xuất hiện khi quan hệ

[1] Sđd, tr.541 - 542.

với người thầy thuốc. Khi người bệnh nhận ra điều đó có nghĩa là họ đã chuyển được cái vô thức thành hữu thức để từ đó chuyển cả một hệ thống vô thức thành hữu thức nghĩa là họ nhận ra tất cả mọi ý nghĩ cũng như hành động mà trước kia họ không thể nhận ra được vì nó đã bị đẩy vào trong vô thức.

Như đã nói ở trên, nếu không có sự hoán chuyển nơi người bệnh thì người thầy thuốc không thể tác động đến người bệnh được, không thể làm cho người bệnh chịu ảnh hưởng của lối chữa trị và dĩ nhiên là không thể khỏi bệnh. Vì vậy, sự hoán chuyển do sự ám thị gây ra hay chính nó là một sự ám thị đích thực. Chính nhà Tâm phân học dùng ám thị để cho sự hoán chuyển xuất hiện hoặc ít ra cũng là thúc đẩy cho nó hình thành.

Nhiều lần Tâm phân học đã phản đối việc chữa trị bằng thôi miên mà thôi miên chính là ám thị. Nay nhà Tâm phân học lại nói đến sự hoán chuyển mà hoán chuyển lại chính là do ám thị tạo ra. Như thế ở đây phải có sự phân biệt giữa ám thị bằng thôi miên và ám thị của Tâm phân học.

Là một nhà khoa học, Freud luôn có thái độ khoa học và rất trân trọng đối với những thành công của người khác, nhưng cũng chính là nhà khoa học nên ông không thể bằng lòng với bất cứ thành công nào chưa hoàn chỉnh. Vì vậy, một mặt, Freud rất kính trọng những bậc thầy, các cộng sự, những người bạn của mình nhưng ông lại thấy cần phải hoàn chỉnh những cái mà những người đi trước, trong đó có cả chính bản thân ông đã tạo ra khi thấy nó còn thiếu sót. Vì vậy

chữa trị bằng phương pháp ám thị thông qua thôi miên trước kia cũng mang lại một số kết quả nhất định nhưng Freud lại kết thức bằng ám thị theo Tâm phân học tạo ra sự hoán chuyển để qua đó ảnh hưởng đến người bệnh và làm cho bệnh được chữa trị tận gốc.

Theo Freud việc chữa trị bằng thôi miên chỉ là sự ám thị trực tiếp gây tác động lên triệu chứng. Nghĩa là nó có khả năng làm cho triệu chứng thuyên giảm trong một lúc, trong một thời gian nhất định nào đó và bệnh sẽ tái phát vì ám thị bằng thôi miên không có ý định *tìm ra nguồn gốc của triệu chứng* và không có tác dụng gì nhiều đến triệu chứng. Thấy lối chữa trị bằng thôi miên để ám thị chỉ là sự tác động trực tiếp lên triệu chứng không đụng chạm gì đến cội nguồn của bệnh mà cứ tiếp tục như thế mãi chỉ là một công việc nhàm chán phản khoa học, chỉ là công việc của người lao công, Freud đã tâm sự như sau:

"Trong nhiều năm Tôi đã dùng thôi miên để chữa bệnh... Vậy Tôi có đủ kinh nghiệm để nói về thôi miên hay ám thị. Nếu như một cách ngôn về y khoa: phương pháp trị liệu lí tưởng là phương pháp có tác dụng nhanh, đúng và không làm người bệnh khó chịu... Phương pháp này có thể đem áp dụng rất nhanh cho người bệnh, nhanh hơn phương pháp Tâm phân học nhiều, không làm mệt người bệnh, không đưa lại một sự khó chịu nào. Đối với một ông thầy thuốc mà cứ áp dụng mãi một phương pháp, làm mãi một vài công việc để làm mất đi những triệu chứng rất khác nhau mà không hề biết ý nghĩa và tầm quan trọng của những

triệu chứng này, quả là một điều chán nản. Đó là công việc của một anh lao công, chẳng có gì là khoa học, có vẻ như làm phù thủy, ảo thuật, tuy vậy người ta vẫn tiếp tục làm công việc đó vì lợi ích của người bệnh, Nhưng phương pháp này thiếu điều kiện thứ ba nghĩa là không chắc chắn dưới bất cứ một phương diện nào. Đúng cho người này lại không đúng cho người khác, có hiệu quả với người này lại thất bại với người khác, chẳng ai hiểu vì sao. Nhưng điều khó chịu nhất là hiệu quả lại không chắc chắn. Chỉ trong ít lâu là bệnh lại tái phát hay được thay thế bằng bệnh khác. Người ta lại dùng thôi miên, nhưng dùng thôi miên mãi đâu có được... Ngay cả trong những trường hợp rất hiếm, người ta thu được một vài kết quả đầy đủ và lâu dài, người ta cũng không biết tại sao theo điều kiện nào kết quả đó được tiếp tục"[1].

Sự ám thị bằng thôi miên và sự ám thị theo Tâm phân học có những điểm khác nhau dưới đây:

1/. Phương pháp ám thị bằng thôi miên tìm cách che giấu một cái gì đó trong đời sống tinh thần, không biết gì đến cái vô thức, còn phương pháp ám thị bằng Tâm phân học lại đưa vô thức ra ánh sáng.

2/. Phương pháp ám thị bằng thôi miên chỉ có tác dụng trên bề mặt, trên hiện tượng, còn phương pháp ám thị theo Tâm phân học lại có tác dụng như một cuộc mổ xẻ nội tạng bên trong để tìm ra nguồn gốc của bệnh.

3/. Phương pháp ám thị bằng thôi miên chỉ ngăn chặn triệu chứng không cho nó phát sinh ra, tăng

[1] Sđd, tr.543 - 544.

cường sự dồn ép nhưng không hề đụng đến những hoạt động là nguyên nhân làm phát sinh triệu chứng. Trái lại phương pháp ám thị theo Tâm phân học đứng trước những xung đột làm phát sinh ra triệu chứng lại tìm cách trở về tận cội nguồn để làm biến dổi những xung đột đó theo kết quả tích cực mong muốn.

4/. Phương pháp ám thị bằng thôi miên làm cho người bệnh trở nên thụ động, không có một sự thay đổi nào có ý nghĩa và như thế là người bệnh không có khả năng phản ứng gì trước những nguyên nhân dẫn đến phát sinh những bệnh mới khác. Còn phương pháp ám thị theo Tâm phân học buộc người bệnh cũng như người thầy thuốc phải có nhiều cố gắng để chế ngự những đề kháng mang tính phản công bên trong đại diện cho cái Tôi xã hội. Một khi sự đề kháng có tính cách phản công đó được khắc phục, sự dồn ép còn ở mức bình thường mà người bệnh có thể chịu đựng được, dẫn đến những thay đổi to lớn về tinh thần người bệnh. Một sự thay đổi vững chắc và lâu dài trên một trình độ tư tưởng cao hơn trước, có khả năng chống chọi được những bệnh mới có thể phát sinh sau khi chữa trị.

Những sự khác nhau nói trên được thể hiện tập trung ở hai sự khác nhau thứ ba và thứ bốn. Đó là điều có một tầm quan trọng to lớn đồng thời cũng vô cùng khó khăn. Tất cả phải bằng mọi cách tạo ra một sự thay đổi cơ bản nơi người bệnh, một sự thay đổi có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành một cơ cấu nhân cách toàn diện. Nói một cách khác thực sự khiêm tốn cũng phải thừa nhận rằng đây là một quá trình phải tạo ra một nhân cách mới nơi người bệnh, một con người khác

với cái con người khi anh ta lâm bệnh. Không một ai có thể làm thay đổi được con người anh ta bằng chính anh ta. Không có ai có thể chống anh ta có hiệu quả bằng chính anh ta. Freud viết:

"Công việc chống lại đề kháng (đề kháng mang tính phản công) là công việc chính yếu của Tâm phân học và chính người bệnh phải làm công việc này, ông thầy thuốc chỉ dùng sự ám thị (Tâm phân học) để giúp đỡ người bệnh bằng cách giáo dục anh ta thôi. Cho nên người ta có lí khi cho rằng việc chữa trị theo Tâm phân học chính là một lối giáo dục".[1]

Tâm phân học còn chỉ cho chúng ta biết rằng sự ám thị bằng thôi miên *phụ thuộc vào khả năng hoán chuyển của bản thân người bệnh. Còn ám thị theo Tâm phân học lại trực tiếp tác động vào chính khả năng hoán chuyển* theo hướng có lợi cho việc điều trị. Nếu không tác động trực tiếp vào khả năng hoán chuyển buộc người bệnh phải thực hiện một sự hoán chuyển tích cực thì họ có thể thực hiện một sự hoán chuyển tiêu cực và nhà thôi miên đành chịu bó tay. Chính vì thế mà ám thị bằng thôi miên không có khả năng giải quyết vấn đề tận gốc.

Phương pháp ám thị theo Tâm phân học không đánh thẳng vào triệu chứng mà đánh vào động lực gây bệnh, tức đánh vào nguyên nhân chính làm cho bệnh xuất hiện. Động lực chính gây bệnh, nguyên nhân chính làm phát sinh bệnh chính là cái Tôi xã hội, cái Tôi luân lí chưa đủ thông minh cần thiết. Vì thế phải

[1] Sđd, tr.545 - 546 .

nói là đánh vào cái Tôi luân lí tức là đánh vào trí thông minh của người bệnh làm cho nội tâm người bệnh có một sự thay đổi quyết định tạo ra một sự trùng hợp giữa sự hiểu biết của người bệnh với thực tế nghĩa là nhận biết đúng đắn thực tế xã hội nói chung và thực tế cuộc sống tình dục nói riêng. Freud viết:

"Người bệnh trong trường hợp đó cũng chẳng khác gì người thường như một người học trò chẳng hạn, chỉ có điều trong trường hợp này người ta dùng ảnh hưởng tác dụng không phải trên căn bệnh mà là trên trí thông minh của người bệnh. Người ta chỉ có thể giải quyết cuộc xung đột và tiêu hủy sự đề kháng bằng cách gây ra cho người bệnh những biểu tượng trùng hợp với thực tế, với sự thực"[1].

Diễn tả như trên là diễn tả quá trình trị liệu và làm rõ vai trò của sự hoán chuyển tức sự ám thị theo Tâm phân học.

Đứng về mặt lí thuyết chúng ta thấy người bệnh là những con người không còn khả năng hành động và hưởng thụ như những con người khỏe mạnh bình thường nên chúng ta coi họ như là những con người mất khả năng hành động và hưởng thụ.

Điều đó bất cứ một ai cũng có thể thấy được nơi người bệnh nhưng vì sao? Vì những con người mang bệnh tâm thần là những con người *hướng khát dục vào những đối tượng không có thực mà chỉ có trong trí tưởng tượng*, vì thế, làm thế nào mà hưởng thụ được theo nghĩa bình thường.

---

[1] Sđd,tr.547 - 548.

Người mang bệnh tâm thần là người không còn khả năng hành động vì mọi nghị lực của họ đều tập trung vào việc bảo vệ khát dục trong sự bị dồn ép, đồng thời, anh ta lại luôn bị khát dục tấn công (đòi hỏi). Cho nên muốn cho người bệnh khỏi bệnh thì phải chấm dứt sự xung đột giữa cái Tôi và khát dục. Chấm dứt tình trạng khát dục tách khỏi cái Tôi như là một đối thủ. Muốn chấm dứt sự xung đột thì phải làm cho khát dục phụ thuộc vào cái Tôi, do cái Tôi chế ngự, đặt khát dục dưới sự kiểm soát của cái Tôi, phụng sự cái Tôi như khi người bệnh chưa mang bệnh. Sở dĩ khát dục tách khỏi cái Tôi, không chịu sự kiểm soát của cái Tôi, không phụng sự cái Tôi nữa vì cái Tôi cấm đoán không cho nó thỏa mãn dù chỉ vừa đủ sự khát khao của nó. Vì thế, nó phải tìm cách thỏa mãn một cách không bình thường thông qua triệu chứng nghĩa là một sự thỏa mãn trong bệnh hoạn và dĩ nhiên cũng là một cách thỏa mãn tưởng tượng mà thôi.

Như thế, trên cơ sở giải quyết từ gốc và cuối cùng vẫn phải xoá bỏ cho được triệu chứng và chỉ làm được điều đó bằng cách giáo dục người bệnh mà trực tiếp là cái Tôi luân lí xã hội. làm cho cái Tôi phải có một sự nhân nhượng đáng kể, một sự nhân nhượng của một con người thông minh, một người biết điều.

Để giải quyết sự xung đột như đã nói ở trên, cái Tôi phải trở thành một cái Tôi thông minh hơn trước và sẵn sàng nhượng bộ khát dục theo đúng như một con người hiểu biết phải làm là thế nào? Vấn đề này có vẻ như một *sự tiết dục*, một sự hạn chế việc thỏa mãn khát dục.

Nhưng Tâm phân học lại cho rằng việc tiết dục, việc hạn chế tình dục không phải là một giải pháp tốt nhất thậm chí còn có hại. Sự tiết dục này nếu ở mức độ nhẹ có thể làm cho người ta luôn ở trong trạng thái như thiếu thốn một cái gì và luôn bị nó ám ảnh. Nặng có thể sinh bệnh. Và như thế có vẻ như là đi ngược lại việc nhân loại đang coi là đạo đức của những con người "văn minh" trái với chương trình dân số nhằm làm giảm sự bùng nổ dân số đang đe dọa loài người, là phản đối việc sinh đẻ có kế hoạch. Phải chăng Tâm phân học phản đối sự tiết dục và đòi hỏi phải được hưởng đời sống tình dục tối đa. Và nếu đúng là như vậy thì mọi lí thuyết của Tâm phân học chỉ là những điều nói suông.

Sự thực không phải là như vậy, vì Tâm phân học cho rằng sự tiết dục không phụ thuộc vào những biện pháp này hay những biện pháp khác trong sinh hoạt tình dục dù rằng những biện pháp đó có một vai trò nhất định. Cái có ý nghĩa ở đây là *trạng thái tâm lí người sử dụng* những biện pháp mà mình sử dụng. Cùng một biện pháp như nhau với người này là một sự tiết dục, hạn chế sự hưởng thụ những khoái cảm thì với người khác lại chỉ là bình thường và họ cũng cảm nhận những khoái cảm một cách bình thường mà không hề gây một trạng thái hẫng hụt, một sự tiếc rẻ nào. Với những người thứ nhất là có hại vì hậu quả của nó làm phát sinh một tâm trạng không bình thường còn với những người thuộc loại thứ hai là vô sự.

Nếu vấn đề được hiểu như vậy thì rõ ràng sự tiết dục là không bình thường và có hại và vấn đề có tiết dục hay không phụ thuộc vào sự hiểu biết, vào quan

niệm và vào thái độ của mỗi người. Nói một cách khác thì cùng một biện pháp như nhau, cùng một cách tìm khoái cảm như nhau, với người này là hạn chế, là tiết dục còn với người khác là sống đời sống tình dục bình thường, lành mạnh. Như vậy, người ta vẫn có thể thực hiện một kế hoạch có ý nghĩa chiến lược toàn cầu, là chiến lược dân số với những biện pháp hạn chế sự sinh đẻ mà không tạo ra một tâm trạng hụt hẫng, thiếu thốn và như thế không thể gọi là tiết dục. Nhưng với một số người nào đó thì là một sự tiết dục thực sự. Vấn đề là phải trên cơ sở một sự hiểu biết vấn đề và có một thái độ đúng mực trong việc đối xử với khát dục. Nếu trong đầu óc mỗi người còn để cho danh từ khát dục ám ảnh và ngự trị thì mọi cái vốn là bình thường cũng sẽ trở nên không bình thường. Vì thế tiết dục theo Tâm phân học là có hại là hiểu theo nghĩa tâm lí nói trên. Thực tế cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình, sinh đẻ có kế hoạch nằm trong một chiến lược dân số của thế giới đang gặp không ít khó khăn trong đó có những khó khăn rất lớn về tâm lí. Nếu những khó khăn về tâm lí không được giải quyết tốt thì những hậu quả xấu là không thể tránh khỏi nhất là người ta phải áp dụng tràn lan những biện pháp trừng phạt về nhiều mặt đối với những người vi phạm. Đây là những hậu quả lâu dài mà hình như không được mọi người biết đến.

Đứng về mặt lí thuyết thì việc điều trị có mục đích là chữa trị các chứng bệnh tâm thần là: *chấm dứt sự tách đôi cái Tôi và khát dục, tái lập tính cách duy nhất của đời sống tinh thần. Nói như vậy* cũng có nghĩa là *biến vô thức thành hữu thức, làm cho cái vô thức trở*

thành hữu thức, để cho vô thức đi vào ý thức. Một khi cái vô thức đã trở thành hữu thức thì cũng là chấm dứt sự tách đôi giữa cái Tôi và khát dục (vô thức), tái lập một tính cách duy nhất trong đời sống tinh thần. Nói như thế không phải trong đời sống tinh thần của con người không còn tồn tại cái vô thức mà lúc này đã được cải Tôi ý thức được nó, chi phối được nó và bắt nó phải phục vụ cái Tôi. Cái vô thức lúc này vẫn còn nhưng đã bớt ương bướng hơn, mềm mỏng hơn, biết điều hơn và sẵn sàng phục vụ cái Tôi. Nói theo cách nói thông thường thì đây là lúc cái vô thức đã được nhận thức và nó hoạt động như là cái hữu thức và thực sự nó đã trở thành cái hữu thức.

Cái vô thức vốn thiếu mềm mỏng nên nó vẫn tìm cách bấu víu vào một cái gì đó trong con người và khi có điều kiện nó sẽ quay trở lại thành cái vô thức như trước, như khi phát sinh ra bệnh tâm thần. Hơn nữa cái vô thức nào đó được nhận thức chứ không phải là tất cả mọi cái vô thức đã được nhận thức đồng loạt. Cuối cùng thì tất cả đều phụ thuộc vào cái Tôi. Freud viết:

"Nhờ Tâm phân học biến vô thức thành hữu thức nên cái Tôi mới lớn mạnh hơn, nhờ những lời khuyên của người thầy thuốc, cái Tôi sẽ tỏ ra khoan dung hơn đối với khát dục, dành cho khát dục một vài thỏa mãn..."[1]

Để diễn tả cái Tôi lúc lâm bệnh và muốn khỏi bệnh cần có một cái Tôi khác. Freud viết tiếp:

"... chúng ta nhắc cho người bệnh biết rằng trước

[1] Sđd, tr.551.

kia có một quyết định nào đó làm cho bệnh phát sinh ra, muốn khỏi bệnh cần có một quyết định khác và từ khi bệnh phát sinh ra tới nay các điều kiện đã thay đổi rất nhiều. Vào thời kì bệnh mới phát sinh ra, cái Tôi ốm yếu, ấu trĩ và đã có đủ lí do để khước từ những đòi hỏi của khát dục vì sợ xảy ra nguy hiểm. Ngày nay cái Tôi khỏe mạnh hơn, có kinh nghiệm hơn..."[1]

Hoặc dưới một góc độ và một cách diễn tả khác, Freud nói:

"... có bạn muốn rằng sau khi khỏi bệnh họ sẽ thành một con người khác hẳn vậy mà Tôi lại bảo rằng họ sở dĩ khỏi bệnh chỉ bởi vì họ có thêm một vài ý thức, mất đi một vài vô thức hơn trước thôi. Người bệnh sau khi khỏi bệnh trở thành một người khác, cố nhiên, nhưng thực ra anh ta vẫn như trước, nghĩa là trước khi bị bệnh với những điều kiện khả quan hơn thôi..."[2]

Dẫn ra tất cả những lời nói đó của Freud để chúng ta tìm hiểu con người sau khi khỏi bệnh cụ thể như thế nào và hi vọng có thể giúp cho chúng ta hình dung ra một mẫu người vừa cao cả lại vừa bình thường. Một mẫu người mà bất cứ ai cũng có thể trở thành được chứ không phải một mẫu người như người ta thường hiểu là chỉ dành riêng cho một số người đặc biệt nào đó. Tâm phân học không phải là một lí thuyết chỉ dành riêng cho những bậc vĩ nhân, những con người siêu đẳng mà chỉ là một lí thuyết phục vụ mọi người bình thường mà ai cũng có thể phấn đấu thực hiện được.

---

[1] Sđd, tr.528 - 529.
[2] Sđd, tr.524 - 525.

Để chuẩn bị cho việc nghiên cứu con người có vai trò như thế nào trong tư cách một thực thể xã hội theo quan niệm của Tâm phân học chúng ta đã xem xét đến cái mà Freud gọi là "tâm lí học về cái Tôi" hay còn gọi là "tâm lí học về cơ cấu toàn diện nhân cách" "Siêu tâm lí học".

Trong phần này chúng ta đã thấy theo quan điểm của Freud thì một con người xã hội là một nhân cách với ba thành phần chủ yếu tạo ra gọi là cơ cấu toàn diện nhân cách. Đó là cái không Tôi (vô ngã), cái Tôi (ngã) và cái siêu Tôi (siêu ngã).

Tương ứng với cái Tôi không Tôi là sự có mặt của cái vô thức với tư cách là đại diện chủ yếu cho cái không Tôi. Tương ứng với cái Tôi là ý thức với tư cách là đại diện chính cho cái Tôi luân lí xã hội. Còn tương ứng với cái siêu Tôi là một nhân cách có khả năng làm chủ cái vô thức , biến cái vô thức thành cái đã được nhận biết để phục vụ có ích cho nhân cách. Thực chất đó là sự làm chủ của cái hữu thức đối với cái vô thức. Cái hữu thức lúc này cũng đã khác với cái hữu thức trước kia. Nó là cái hữu thức đã không còn định kiến với cái vô thức, khôn ngoan hơn và thông minh hơn. Như vậy, cái Siêu Tôi thực sự là đại diện cho cả cái vô thức và cái hữu thức sau khi đã bỏ được tất cả những mặt chưa được hoàn chỉnh của cả vô thức và hữu thức. Nó là một sự kết hợp nhuần nhuyễn và là sự biểu hiện sức mạnh của cả hai cái đó sau khi đã loại bỏ những mặt hạn chế của nó. Sức mạnh của cái Siêu Tôi là nội tâm đủ khả năng tự kiềm chế tránh mọi tội lỗi trên đời ở mức cao nhất có thể mà không phải vì luân lí xã hội,

hay đạo đức luật pháp mà trước hết là vì lương tâm hay gọi là nhân cách nếu chúng ta muốn chỉ những con người có nhân cách phát triển toàn diện.

Với tư cách là một thành phần của cơ cấu nhân cách toàn diện cái Tôi Không Tôi tương ứng với cái vô thức nghĩa là sống với những ước vọng vô thức, những khát dục vô thức. Cái Tôi ý thức tương ứng với nền luân lí xã hội nên Freud gọi là cái Tôi xã hội. Cái Tôi luân lí xã hội này sống một cách có ý thức đầy đủ với mọi quy tắc xã hội bao gồm cả những quy tắc chưa hợp lí, chưa hoàn chỉnh. Vì thế cái Tôi này đã gây ra xung đột gay gắt với khát dục, luôn đối lập với cái vô thức. Giữa cái Tôi này và khát dục luôn tách rời nhau. Vì vậy khát dục không chịu sự kiểm soát của cái Tôi ý thức và dương nhiên là nó không chịu phụng sự cái Tôi thiếu trung thực này. Từ đó đẻ ra xung đột và đến một lúc nào đó khi có đủ điều kiện thì bệnh tâm thần xuất hiện. Đây là cái Tôi của người bệnh dẫn đến mang bệnh và là cái Tôi ốm yếu, ấu trĩ, thiếu khôn ngoan, thiếu thông minh, không biết điều, thiếu kinh nghiệm và thiếu thiện chí. Chính cái Tôi này dẫn đến cấm đoán vô lí làm phát sinh dồn ép, những đề kháng có tính chất phản công đối với khát dục (vô thức) làm cho khát dục chỉ còn một con đường duy nhất là thỏa mãn khát dục qua triệu chứng trong bệnh hoạn. Một sự thỏa mãn có tính chất tượng trưng, trong tưởng tượng và cũng vì thế mà khát dục vẫn không được thỏa mãn thực sự trong thực tế. Cái Tôi này là đại diện cho nền luân lí xã hội và cũng là đại diện cho cái thiếu khôn ngoan, thiếu trung thực của xã hội. Thiếu khôn ngoan ở chỗ cứ tưởng dàn

áp khát dục là khát dục sẽ không còn nữa. Thiếu trung thực ở chỗ trong khi không thừa nhận sự có mặt của khát dục, không thừa nhận sự sa đọa trong đời sống tình dục bao gồm cả sự loạn luân thì chính những vấn đề đó lại được xem là những điều luật, những quy tắc đạo đức... Tất cả quy định đó được xem là nền tảng của nền luân lí xã hội. Không thành thực còn được biểu hiện ở chỗ một đằng thì không thừa nhận đời sống tình dục ở trẻ em với những đặc tính thực sự trẻ em, mặt khác lại rất nghiêm khắc với trẻ em không cho chúng được hưởng thụ những khoái cảm bình thường nhất. Xã hội không thừa nhận đời sống tình dục ở trẻ em thì đó chẳng qua chỉ là mầm mống của đời sống tình dục khi trưởng thành, chỉ là giai đoạn tiền sinh dục mà thôi. Thiếu khôn ngoan còn được biểu hiện ở chỗ ném trẻ em vào đời mà không được trang bị một chút gì cho các em để các em có thể tự bảo vệ được mình trước sự cám dỗ của khát dục.

Như thế là Tâm phân học có một quan niệm rất khác với nhiều quan niệm đã và đang lưu hành hiện nay về vai trò của ý thức xã hội. Những quan niệm đó cho rằng ý thức là một hình thức tinh thần lí tưởng của con người trong cuộc sống xã hội. Theo những quan niệm này thì ý thức luôn là cái hoàn hảo nhất và chỉ có ý thức là cái có khả năng dẫn dắt tốt nhất mọi hành vi nơi con người xã hội...

Triết học, xã hội học, tâm lí học cổ điển phương Tây là những trào lưu lí thuyết chỉ biết đến lí trí, đến mặt lí mà quên mất mặt tình. Đó là những khuynh hướng như người ta thường gọi là những khuynh hướng *thuần*

lí hay còn gọi là *duy lí*. Các khuynh hướng duy lí nói trên cũng có những mặt tích cực nhất định, thậm chí vào một thời điểm nào đó nó cũng có một ý nghĩa rất to lớn. Các nước phương Tây từ lâu đã được coi là những nơi có một nền triết học duy lí đáng trân trọng. Nhờ đó mà họ đã tạo ra một nền sản xuất phát triển, khoa học và công nghệ tiên tiến. Nhờ đó mà chỉ trong một thời gian không dài lắm, chỉ vài ba thế kỉ, họ đã đưa đất nước họ tiến được những bước nhảy vọt bỏ lại phía sau những nước từ lâu vẫn được coi là những nước có một nền văn minh đứng hàng đầu thế giới. Cũng vì quá say sưa với những thành tựu vật chất này mà họ đã bỏ quên mất chính họ, cái con người đã làm nên những kì tích đó. Con người đã trở thành nô lệ của ngay chính những cái mà họ sáng tạo ra. Con người đã thực sự bị giáng cấp xuống hàng những công cụ loại hai, công cụ của công cụ. Cũng từ đó xã hội đã đẻ ra không biết bao nhiêu là hội chứng. Con người trở nên sung túc về vật chất nhưng tâm hồn thì trở nên cằn cỗi và luôn trong tình trạng bất an. Vì vậy, cũng chính những con người này đã bừng tỉnh và nhận ra rằng của cải vật chất không phải là tất cả mà con người lại rất cần một đời sống tâm linh trong sáng và cao đẹp, cái mà họ đã đánh mất. Cái mà xã hội thiếu nó thì xã hội cũng không còn là xã hội người mà chỉ là xã hội của những đồ dùng, một xã hội tiêu dùng như chính con người hiện đại hôm nay thường gọi. Điển hình cho khuynh hướng thuần lí này chúng ta phải kể đến chủ nghĩa thực dụng. Tiếp đó chúng ta phải nói đến lí thuyết người hùng của Nietzsche (le Surhomme). Đó là những khuynh hướng

triết học đề cao sức mạnh của lí trí tới mức bệnh hoạn mà bọn phát xít một thời đã coi đó là nền tảng tư tưởng của mình. Theo họ nhờ sức mạnh của lí trí mà những con người hùng có thể làm được tất cả bao gồm cả tội ác mà ngay cả Chúa với một quyền lực vạn năng cũng không dám nghĩ tới. Cũng vì vậy nhân loại trong vòng hơn một nửa thế kỉ lại đây ra sức đi tìm những triết thuyết làm sao vừa có lí lại phải vừa có tình. Thậm chí còn không ít khuynh hướng từ cực này sang cực khác phủ nhận tuyệt đối vai trò của lí trí. Với những khuynh hướng này thì mọi tội lỗi mà con người gây ra là do lí trí. Điển hình cho khuynh hướng này chúng ta phải kể đến các khuynh hướng khác nhau của chủ nghĩa Hiện sinh. Họ chỉ biết đến cảm tính, đến thức giác (intuition) đến cái phi lí (irrationnel, inconscient, absurde). Tuy nhiên, tất cả những khuynh hướng nói trên hoặc là không biết đến vai trò của cái vô thức hoặc là không để ý đến nó. Hoặc là có thấy đâu đó nói tới vô thức nhưng cũng không hiểu họ nói đến vô thức theo nghĩa nào, cơ chế hoạt động của nó ra sao, vì thế cũng không làm cho chúng ta hiểu được điều gì đáng kể về cái vô thức.

Còn Tâm phân học và đứng đầu là Freud từ những ngày đầu, những năm đầu của thế kỉ XX, đã khẳng định những mặt tích cực cũng như những hạn chế của cái vô thức trên cơ sở khoa học bằng cách chỉ ra cái cơ chế hoạt động của nó. Không những thế, cũng chính Tâm phân học và Freud là người rất coi trọng vai trò của cái hữu thức, của ý thức nhưng cũng đồng thời chỉ ra những hạn chế của chính cái hữu thức. Trên cơ sở đó nêu lên vai trò to lớn của cái siêu thức một hình thức

cao của đời sống tinh thần nơi con người.

Điều đó nói lên dù ý thức có vai trò như thế nào đi chăng nữa thì ý thức không phải là hình thức tinh thần lí tưởng. Vai trò của nó là vô cùng quan trọng và nó cũng có không ít hạn chế thậm chí là những hạn chế nguy hiểm có thể hủy hoại cả một đời người làm cho con người rơi vào một căn bệnh khó chữa, một căn bệnh làm tê liệt cả đời sống tinh thần lẫn đời sống vật chất, một cuộc sống không còn khả năng hoạt động và như thế cũng có nghĩa là sống mà không sống. Nếu như ý thức chưa phải là một hình thức tinh thần lí tưởng chính là vì nó *đã tách khỏi cái vô thức* mà trong căn bệnh tâm thần là tách khỏi khát dục. Nó không còn khả năng kiểm soát, chế ngự khát dục và bắt khát dục phải phụng sự có ích cho con người. Cái Tôi luân lí đó đại diện cho một nền giáo dục của xã hội thiếu khôn ngoan và không thành thực như Tâm phân học đã giới thiệu với chúng ta.

Vì thế trong tâm lí học về ngã (cái Tôi), trong cơ cấu toàn diện nhân cách của Tâm phân học còn một cái Tôi khác với cái Tôi Không Tôi và cái Tôi ý thức. Đó là cái Siêu Tôi đại diện cho một cấp độ tư tưởng trong đó cái hữu thức đã cùng vô thức hợp thành một hình thức *tinh thần thống nhất* hoàn chỉnh mà trong đó cái vô thức đã trở thành cái vô thức *hợp lí* còn cái hữu thức đã trở thành cái hữu thức *hợp tình*. Đây thực sự là một bước thăng hoa đối với một nhân cách phát triển toàn diện. Từ đó sự tách rời vô thức và hữu thức được chấm dứt. Từ chỗ không kiểm soát được cái vô thức, cái Siêu Tôi, cái Siêu thức có đủ khả năng kiểm soát nó và bắt nó

phải phục vụ cái Siêu Tôi. Cái Siêu Tôi không sống và hành động dưới sự chỉ đạo của nền luân lí xã hội thiếu khôn ngoan, thiếu thông minh và thiếu trung thực. Tất cả những quy tắc sống mà xã hội đặt ra được cái Siêu Tôi thực hiện trong một cuộc sống "Tái nhập nội tâm". Sự tái nhập nội tâm này về thực chất là biến những quy định của xã hội thành cái của chính mình sau khi đã xem xét nghiêm chỉnh cả mặt hợp lí và mặt không hợp lí của nó.Sống bằng sự tái nhập nội tâm là sống bằng chính cái Tôi đích thực thông minh và trung thực chứ không phải là sống bằng cách thi hành nghiêm túc nhưng máy móc tất cả những quy định vô lí thiển cận của xã hội. Vì thế cái Siêu Tôi có khả năng tránh mọi tội lỗi do cái Tôi luân lí cũng như cái Tôi Không Tôi gây ra. Khả năng tránh mọi tội lỗi không do một cái gì bên ngoài (luân lí xã hội) thúc đẩy mà do lương tâm bao gồm những quy định hợp tình hợp lí của cuộc sống muôn thủa. Một quy định đạt tình thấu lí là cơ sở để thực hiện mà không cần có một sự "chỉ bảo" của bất cứ ai. Nói theo cách nói quen thuộc là một sự tự giác cao. Nó có khả năng không những giúp cho con người tránh được mọi tội lỗi không thể che giấu được mà còn có khả năng tránh được cả những tội lỗi hoàn toàn trong bí mật mà không một ai có thể biết được bao gồm cả những ý tưởng xấu xa và thầm kín nhất. Sự tái nhập nội tâm chỉ có thể có được với những con người trong sáng, có kinh nghiệm, có hiểu biết và trưởng thành. Họ có một cuộc sống độc lập, tự chủ, tự tin và không bao giờ để cho một thế lực nào có thể sai khiến được mình nếu lương tâm anh ta không chấp nhận. Sự tái nhập

nội tâm là biến đạo lí sống của người đời, biến lương tâm nhân loại thành những cái của chính mình bằng chính con người mình.

Còn cái Tôi sau khi khỏi bệnh là cái Tôi như thế nào? Trước hết là cái Tôi có khả năng chấm dứt sự đề kháng có tính phản công gây ra sự dồn ép khát dục vô thức mà đại diện là cái Tôi Không Tôi. Cái Tôi sau khi đã khỏi bệnh là cái Tôi đã mất đi một số vô thức và có thêm một vài ý thức. Điều đó nói lên cái Tôi này đã có khả năng dung nạp, thuần dưỡng được một số vô thức, kiểm soát được nó, chấm dứt được sự tách đôi giữa vô thức và cái Tôi, tạo ra một hoạt động tinh thần duy nhất và cuối cùng buộc khát dục trở lại phụng sự cho cái Tôi. Rõ ràng bây giờ không phải là cái Tôi luân lí xã hội hay nói đúng hơn là cái Tôi luân lí xã hội đã thay đổi thành cái Siêu Tôi. Việc biến vô thức thành hữu thức hay hữu thức hoá vô thức cũng có nghĩa là đưa vô thức vào hữu thức. Còn cái Tôi luân lí lại không chịu để cho vô thức đi vào hữu thức, vì thế mới xuất hiện triệu chứng và con người mới lâm bệnh. Vì thế, chỉ có cái Tôi Siêu Tôi mới có khả năng tạo ra tình hình mới này.

Khi lâm bệnh là do những quyết định nào đó của cái Tôi ốm yếu ấu trĩ tức cái Tôi luân lí thiển cận. Muốn khỏi bệnh phải có những quyết định khác do cái Tôi lúc này đã khỏe mạnh, cường tráng, thông minh lựa chọn. Quyết định này cũng là những quyết định của cái Siêu Tôi chứ cái Tôi luân lí xã hội không có khả năng đề ra những quyết định sáng suốt như vậy, vì chính nó đã là cái Tôi ấu trĩ, ốm yếu tác giả của những quyết định sai lầm là nguyên nhân phát sinh ra bệnh. Như thế thì cái

Tôi sau khi đã khỏi bệnh không phải là cái Tôi Không Tôi (vô thức), cũng không phải là cái Tôi luân lí xã hội vì chính cái Tôi này chỉ chấp hành nghiêm chỉnh nhưng máy móc những quy định thiếu thông minh và trung thực của xã hội. Vậy chỉ còn cái Tôi Siêu Tôi. Vì chỉ còn cái Tôi này mới đủ thông minh, kinh nghiệm và bản lĩnh để đề ra những quyết định mới nhằm chấm dứt sự xung đột giữa cái Tôi Không Tôi và cái Tôi xã hội, giữa vô thức và ý thức xã hội tạo ra một tính cách duy nhất về tinh thần.

Sau khi khỏi bệnh, con người đã trở thành một con người thông minh hơn, biết điều hơn đủ sức tránh được mọi cạm bẫy của cuộc đời vì nó đã *dám chống lại chính mình*. Đó chính là cái Tôi Siêu Tôi và bằng một cuộc tái nhập nội tâm nó đã biến lương tâm nhân loại thành lương tâm của chính mình. Nó đã tạo ra một nghị lực to lớn đủ sức tránh mọi cám dỗ tội lỗi vì nó đã đủ sức để chống lại chính nó.

Xem như thế thì cuộc đấu tranh chống các căn bệnh tâm thần là cuộc đấu tranh giữa ba cái Tôi trong một con người đại diện cho ba cấp độ, cho ba hệ thống tinh thần. Đó là cái vô thức, cái hữu thức và cái siêu thức. Như thế là trong mỗi con người luôn có một sự phân làm ba chứ không phải như người ta thường nói là một sự phân thân thành hai. Có lẽ vì thế mà có một trong những chứng bệnh tâm thần là bệnh tâm thần phân liệt để chỉ ra sự tách rời giữa những hệ thống tinh thần này. Ba cái Tôi này đại diện cho ba hệ thống tinh thần khác nhau trong một con người, hợp thành ba bộ phận của cơ cấu toàn diện nhân cách.

Cuộc đấu tranh này diễn ra như thế nào sẽ quyết định nhân cách mỗi người khác nhau. Trong trường hợp để cho cái Tôi Không Tôi chiếm ưu thế, cái vô thức có vai trò chủ dạo trong mọi hoạt động của con người bao gồm cả đời sống tinh thần và mọi sự ứng xử trong các hoạt động khác thì anh ta là người nhưng chưa thực sự làm người. Đây là những con người sống tự nhiên mặc sóng đời đưa đẩy, là những con người sống chủ yếu theo bản năng tự nhiên. Văn hoá hơn, người ta gọi những con người như vậy là những con người sống theo chủ nghĩa tự nhiên. Chắc chắn con người này không bao giờ là con người lí tưởng của Tâm phân học như một số người hiểu lầm mà chính lại là con người mà Tâm phân học lấy làm đối tượng để cứu vớt. Người mắc các chứng bệnh tâm thần khác nhau đều là những con người sống do cái vô thức chi phối hoàn toàn hoặc là chủ yếu tùy theo mức độ của bệnh tật. Nếu họ may mắn chưa rơi vào bệnh hoạn thì họ chỉ là những con người chưa thành người theo đúng nghĩa của nó. Họ chỉ là những cái Tôi Không Tôi, nghĩa là sống chưa có bản ngã, không có cá tính, trần trụi, tròn vo, trơn bóng, không có hình thù rõ rệt. Chính xác hơn họ là những con người chưa có nhân cách, chưa thành một con người cá thể cụ thể. Và như vậy họ chưa được xem là những thực tế xã hội đúng với ý nghĩa mà người đời thường hiểu.

Trong trường hợp cái Tôi luân lí xã hội chiếm ưu thế thì anh ta đã trở thành một con người, sống với mọi quy định của đời bao gồm cả cái hợp lí và không hợp lí. Anh ta là một con người sống có "tổ chức" do xã hội quy định, nghĩa là do người khác quy định hộ anh ta chứ

không phải do chính anh ta, do lương tâm anh ta. Đây là những con người hình như chưa có lương tâm hoặc lương tâm còn quá mờ nhạt. Những con người này chỉ có đủ khả năng thực hiện một cách máy móc những cái người khác nhân danh xã hội đòi hỏi còn anh ta không hề có những chủ đích riêng theo nghĩa đích thực của danh từ bao giờ. Cái Tôi luân lí là cái Tôi chỉ có khả năng thích ứng với cuộc sống đã "an bài", đã định sẵn, phẳng lặng và hình như mọi cái đều được diễn ra theo những quy tắc không bao giờ thay đổi. Họ là những con người rất xa lạ với những gì bất chợt đến, bất chợt đi" và không bao giờ làm chủ được những tình huống đó. Cái Tôi luân lí tuy là cần thiết trong đời sống xã hội nhưng lại là một cái Tôi xơ cứng thiếu một sự linh hoạt mềm dẻo cần thiết trong khi đó cuộc sống tuy vẫn có những quy tắc nhất định lại rất sinh động với bao rủi ro bất ngờ, quanh co kể cả những thất bại, những thụt lùi khi cần. Đây là một mẫu người cần cho xã hội vì xã hội vốn là một cơ cấu có tổ chức, luôn đòi hỏi phải có tổ chức và phải có kỉ cương nhưng chưa đủ vì thế cái Tôi luân lí xã hội là cái Tôi chưa hoàn hảo, thậm chí trong nhiều trường hợp cái xơ cứng đó gây nhiều hậu quả to lớn có hại cho cả xã hội cũng như cho từng cá nhân. Cái Tôi này mới đáp ứng được một phần đòi hỏi của cuộc sống người đích thực. Phần quan trọng khác như tình nghĩa, sự thông minh, sự thành thực, sự sống vô tư lợi... vốn dĩ của cuộc sống người thì cái Tôi này lại không có khả năng đáp ứng được. Vì thiếu thông minh nên nó không thể áp dụng một cách thông minh những quy tắc của xã hội. Vì thiếu thông minh nên nó không có khả

năng phát hiện những cái chưa hợp lí trong những quy định mà xã hội đã ban hành. Vì thiếu thông minh nên nó chỉ biết làm theo những cái người khác sai bảo. Ở cái Tôi này người ta không thấy dấu ấn của bản sắc riêng. Nó thiếu thành thực vì nó cấm đoán khát dục một cách bất công nhưng nó lại để cho xã hội tha hồ hưởng thụ. Nó nghiêm khắc với người này nhưng lại nhượng bộ với kẻ khác. Vì thế cái Tôi luân lí không phải là cái Tôi lí tưởng theo lí thuyết về cơ cấu toàn diện nhân cách và dĩ nhiên thuộc loại người trung bình nếu không dám nói là dưới trung bình. Cái thiếu sót lớn nhất và cũng lại là cái mà xã hội cần nhất trong mọi hoạt động là lương tâm chân chính thì cái Tôi luân lí chưa có. Cái cần nhất cho cuộc sống mỗi người chính là tạo ra cho mình một tính cách đặc biệt trong tâm hồn mình để kiểm tra có hiệu lực chính mình tránh mọi tội lỗi gây ra cho người khác và cho chính cuộc đời mình.

Chúng ta có thể hình dung cái Tôi Không Tôi như là một sự mù loà, là đêm tối, nhưng đáng yêu và vô tội, đại diện cho những khát dục vô thức chỉ quen sống trong sự chất phác và ngay thẳng. Cái Tôi luân lí lại chỉ quen sống trong ánh sáng chan hoà của giờ ngọ không có khả năng thích nghi với bóng đêm đã đành mà còn không thể thích nghi với cảnh tranh tối tranh sáng. Nó có vẻ như rất sáng tỏ nhưng lại là một sự chói sáng làm nhức mắt mọi người. Còn cái Tôi Siêu Tôi là cái Tôi có khả năng thích nghi với cả đêm tối, cả tranh sáng tranh tối cũng như giữa ban ngày đầy ánh sáng trong suốt làm dịu mắt người đời vì cuộc sống đâu chỉ có đêm tối, đâu chỉ có sáng trưng mà còn cả tranh tối tranh sáng.

Nhận biết được những gì trong đêm đen, trong tranh tối tranh sáng mới là cái khó, mới là cái thực cần thiết để tránh ngộ nhận, tránh tội lỗi và luôn biết hối hận. Cái Tôi Siêu Tôi có khả năng tránh được mọi đam mê không có lợi, chuyển dịch những đam mê mãnh liệt có thể gây đau khổ cho mình và cho thiên hạ thành những đam mê lành mạnh có ích cho đời và cho sự phát triển của nhân cách. Những ham muốn tình dục thông thường nhưng mạnh mẽ và mù quáng trở thành những ham muốn đẹp "vô dục" trở thành những nỗ lực phi thường với những sáng tạo vô giá. Đó là một khả năng hùng mạnh của cái Siêu Tôi. Nó không bóp nghẹt ham muốn và đam mê mà chuyển dịch những ham muốn và đam mê đó vào hướng nhân bản hơn, biểu hiện một nhân cách hoàn thiện có tình hợp lí của cuộc sống vốn bao giờ cũng vừa tình vừa lí này.

Cho nên khi nói biến vô thức thành hữu thức, hữu thức hoá vô thức, đưa vô thức vào hữu thức, làm mất đi một vài vô thức, có thêm một vài hữu thức không phải là một sự chuyển biến đơn giản mà nó thực sự là một biến dổi trong đó vẫn có mặt cả vô thức và hữu thức nhưng nó đã không còn là cái vô thức cũng như cái hữu thức trước kia. Nó đã trở thành những yếu tố hợp thành một cái gì mới về chất, đó là cái Siêu thức. Đứng về mặt nhân cách thì đây là một nhân cách trong đó có cả cái Không Tôi và cái Tôi xã hội. Nó không đơn giản là xoá bỏ cái Không Tôi để chỉ còn tồn tại cái Tôi xã hội. Nó trên cơ sở cả cái Không Tôi và cái Tôi xã hội để hình thành cái Siêu Tôi sau khi đã được cải biến cả hai cái Tôi nói trên. Nó trên cơ sở cả cái vô thức và cái hữu

thức sau khi đã được cải tạo để hình thành cái siêu thức. Ở đây không có một sự loài trừ nào với bất cứ một hình thức tinh thần nào cũng như bất cứ cái Tôi nào mà là một sự kết hợp đặc biệt chúng trong một sự chung sống biết điều hơn, thông minh hơn trong cái siêu thức cũng như trong cái Siêu Tôi mà đặc tính hàng đầu là sự có mặt của một lương tâm có đủ khả năng phân biệt đúng sai, tạo ra một khả năng có thể tránh được mọi tội lỗi và mở đường cho những hành vi hướng thiện mang tình người đích thực. Đây không phải là một sự nhận biết đơn giản như chúng ta thường nói ý thức được cái này, ý thức được cái kia mà đây thực sự là một bước nhẩy vọt trong đời sống tinh thần, thực sự là một sự thăng hoa, là một sự siêu việt theo nghĩa bình dị nhất của nó nơi cuộc sống người mà ai cũng có khả năng thực hiện được miễn là trong con người vẫn còn chút ít lương tâm chân chính, còn ít nhiều khả năng hướng thiện nghĩa là vẫn còn ít nhiều chất người. Trong cái Siêu Tôi mà đại diện của nó là cái siêu thức là cái giữ vai trò chủ đạo vẫn không loại trừ cái vô thức và cái hữu thức. Giữa chúng lúc này không còn những xung đột có hại mà chỉ có những quan hệ, những khác biệt có thể hoà giải được và tránh được việc nổ bùng thành những xung đột quyết liệt tạo ra những lỗ hổng trong hoạt động tinh thần, một sự hẫng hụt trong đời sống tâm lí, trong tâm hồn. Sự hẫng hụt này là mảnh đất tốt cho mọi lầm lỗi, cho mọi tội ác lớn nhỏ ở những trình độ khác nhau.

Tóm lại, trong cái Siêu Tôi, trong cái siêu thức, người ta thấy đủ mặt cả cái vô thức và cái hữu thức, cái

Không Tôi và cả cái Tôi. Nhưng sự có mặt này đã loại trừ tất cả những cái tiêu cực, những cái hạn chế trong chúng và chỉ giữ lại những cái tích cực. Nhưng cái Siêu Tôi và cái siêu thức chỉ làm được điều đó mới trở thành Siêu Tôi và siêu thức được.

Cái mà người đời gọi là lương tâm, là cái thiện là vấn đề mà loài người đã bàn đến từ rất lâu và cũng còn lâu con người mới không phải bàn đến nó. Tâm phân học với lí luận về cơ cấu nhân cách toàn diện, với lí luận của tâm lí học về cái Tôi tức ngã cũng chưa có thể cho chúng ta một lời giải cuối cùng nhưng ít ra những lí luận đó cũng cho chúng ta biết bất cứ cái gì được coi là lương tâm theo đúng nghĩa của nó cũng phải dựa trên cơ sở của tình thương, của tình yêu được xây dựng trên cái lí đúng của đời thường. Người ta chỉ có thể thương yêu một người biết xả thân vì nghĩa cả chứ chẳng bao giờ người ta lại thương những kẻ hại dân hại nước. Dĩ nhiên tình thương yêu đó phải được biểu hiện bằng những hành động cụ thể, thiết thực và tương xứng chứ không phải là khẩu hiệu hay chỉ làm cho có lệ. Chỉ có tình đơn thuần sẽ là một thứ tình yêu mù quáng, nhiều khi thương cả tội ác. Nếu chỉ có lí đơn thuần thì còn đâu là xã hội người mà chỉ còn là "xã hội những đồ dùng". Vì thế mục đích của cái lương tâm mà Tâm phân học hướng tới là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái tình và cái lí chứ không phải như có người thường nghĩ là Tâm phân học chỉ chú trọng đến cái tình cảm tự nhiên, đến cái vô thức.

Như vậy, cái con người mà Tâm phân học vươn tới không phải là những con người chỉ sống theo bản năng

di truyền, chỉ sống bằng cái vô thức. Cái đích phải vươn tới cũng không phải là những con người chỉ sống bằng những quy định xã hội, bằng ý thức. Cái nhân cách mà con người vươn tới là những con người biết sống bằng chính cái vô thức cũng như cái hữu thức sau khi đã gạt bỏ được những mặt tiêu cực, những mặt hạn chế của chúng, phát huy tích cực những cái tốt nơi chúng tạo ra một chất để kháng mới, một động lực mới trong đời sống tinh thần để hướng dẫn mọi ứng xử trong đời thường theo hướng cái thiện và tránh xa cái ác. Đó là cách sống bắt nguồn từ lương tâm trong sáng chứ không dựa vào bất cứ một cái gì áp đặt từ bên ngoài. Phải sống bằng chính cái con người của mình thì cuộc sống mới thực sự vững chắc và lâu bền. Cái con người này phải có khả năng "tái nhập nội tâm" những chuẩn mực sống của người đời. Nói cho cùng, nếu không tu thân thì lấy gì để tề gia chứ đừng nói gì đến trị quốc và bình thiên hạ với nghĩa là thu phục trái tim của người đời trên mọi phương trời.

Trong xã hội những đồ dùng, cái gì không còn tác dụng người ta được phép ném vào đống phế thải là điều bình thường hợp đạo lí. Nhưng trong xã hội những con người thì lại hoàn toàn khác. Lúc trẻ thì con người còn nhiều khả năng cống hiến, người ta đã cống hiến hết mình. Khi có tuổi, lúc mà khả năng cống hiến bị giảm sút, nhưng người ta vẫn phải sống như mọi người khác với những nhu cầu tối thiểu của cuộc sống người xã hội thì không thể đối xử với họ như là đối xử với các đồ dùng. Đấy là chưa nói đến không ít người còn ít nhiều khả năng hoặc khả năng còn khá dồi dào để cống hiến.

Đất nước đang rất cần những tài năng. Nhưng trong thực tế những tài năng này cũng bị người ta xem như những đồ phế thải với nhiều lí do mà phần lớn là những lí do không chính đáng. Đó là điều không mấy tự hào đối với một dân tộc, với một đất nước luôn coi trọng tình nghĩa. Có thể nói không có một tội ác nào có thể sánh với tội ác lãng phí tài năng khi mà đất nước đang rất cần đến nó. Cái nguy hiểm hơn là theo một quy luật thông thường thì khi mà người ta lãng phí và bỏ rơi những tài năng đích thực, đương nhiên là sự bất tài sẽ chiếm lĩnh trận địa và ra sức phá phách chà đạp lên mọi giá trị vì mọi cái đã bị đảo lộn từ gốc.

Tâm phân học là một phương pháp, là một kĩ thuật điều trị các chứng bệnh tâm thần, tức các chứng bệnh thần kinh tinh thần mà người đời gọi là một loại bệnh xã hội rất khó chữa trị. Đã gọi là bệnh xã hội thì nguồn gốc của bệnh phải bắt nguồn từ xã hội mà trước hết là đời sống tinh thần với tư cách là nguyên nhân trực tiếp. Vì thế muốn chữa trị loại bệnh này thì không phải như một số người cho rằng Tâm phân học không quan tâm gì đến đời sống xã hội trong việc chữa trị căn bệnh xã hội này.

Trái lại, trong việc chữa trị các căn bệnh xã hội này, Tâm phân học lại đặc biệt coi trọng đến những điều kiện xã hội đã làm bệnh phát sinh và những điều kiện xã hội nào giúp cho việc chữa trị có hiệu quả. Nếu có sự khác nhau nào đó giữa Tâm phân học và những ý kiến chống đối trong vấn đề này là những điều kiện xã hội đó cụ thể là những điều kiện xã hội nào chứ không phải là ở chỗ Tâm phân học không chú ý đến những

hoàn cảnh xã hội tức là những hoàn cảnh sống của người bệnh trong quá trình lâm bệnh cũng như trong quá trình điều trị.

Cái mà Tâm phân học quan tâm mà ta gọi là môi trường xã hội, những điều kiện xã hội không phải là chế độ kinh tế, chính trị và xã hội rộng lớn như một thể chế xã hội. Cái mà Tâm phân học quan tâm có ý nghĩa kinh tế, chính trị xã hội đó nằm trong môi trường xã hội hẹp có quan hệ trực tiếp đến người bệnh. Vì thế, trong quá trình chữa trị Freud đề ra một điều kiện có tính cách tiên quyết cho rằng những người thân gần hay xa của người bệnh không được can thiệp vào quá trình điều trị không phù hợp với đòi hỏi của người thầy thuốc nhằm khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường xã hội này đối với người bệnh. Theo ông nếu để cho cái môi trường xã hội này phát huy hết những mặt tiêu cực của nó thì công sức của người thầy thuốc và của người bệnh sẽ trở thành mây khói. Trái lại, nếu như môi trường xã hội hẹp này thuận lợi thì người thầy thuốc luôn luôn tận dụng mặt tích cực của nó nhằm hỗ trợ tốt cho việc chữa trị đạt kết quả. Theo Tâm phân học, cái có ảnh hưởng trực tiếp đến đại đa số bệnh nhân chính là cái môi trường hẹp chứ không phải là cái môi trường rộng lớn toàn xã hội rất xa lạ với người bệnh. Chính cái môi trường xã hội hẹp này thường không có vai trò gì đáng kể về mặt lí thuyết nhưng lại có ý nghĩa rất lớn trong thực tế.

Freud viết: "Tuy nhiên ta phải công bằng mà nói nếu trong những lần đầu tiên Tâm phân học đã gặp nhiều thất bại thì không phải là người thầy thuốc thiếu

kinh nghiệm mà chính vì những điều kiện không thuận lợi. Từ trước tới nay chúng ta chỉ nói đến những sự đề kháng bên trong, những đề kháng này do người bệnh đưa ra rất cần thiết và không thể cấm đoán được. Nhưng còn những chướng ngại vật bên ngoài, chung quanh người bệnh tạo ra tuy không có lợi gì về mặt lí thuyết nhưng lại rất quan trọng trong thực tế"[1].

Chúng ta có thể dễ dàng chứng minh tầm quan trọng của những thái độ mà những người chung quanh ảnh hưởng tới việc điều trị. Những thái độ tạo ra một không khí thuận lợi thường dễ giải thích hơn vì những người đó đều mong muốn cho người bà con của mình chóng lành bệnh. Với những thái độ tiêu cực, nhiều khi làm cho ta ngỡ ngàng. Ví dụ một người bệnh có nhiều anh em ruột thịt. Thông thường thì những người này rất mong cho người bà con mình khỏi bệnh, nhưng không thiếu gì trường hợp lại chính những người ruột thịt chống lại việc điều trị. Việc chống lại sự chữa trị lại thường được che giấu đằng sau những sự "quan tâm" quá đáng. Tìm hiểu những trường hợp này chúng ta thấy không ít sự việc đã diễn ra do nguyên nhân về quyền lợi vật chất ví như việc thừa kế tài sản. Mới nghe có vẻ hơi lạ nhưng sự đời lại diễn ra đúng là như thế. Nếu người bệnh khỏi bệnh sẽ làm cho họ mất đi một số tài sản nhất định. Trái lại nếu người bệnh không được chữa khỏi và suốt đời mang bệnh thì họ sẽ được tăng phần tài sản thừa kế đáng kể. Có trường hợp lại do chính là vợ hay chồng không muốn cho vợ hay chồng

[1] Sđd, tr.557.

mình khỏi bệnh vì một trong hai người không muốn tiếp tục việc chung sống hợp pháp với nhau nữa. Đây là một thuận lợi cho họ thực hiện lòng ích kỉ của mình. Chỉ một sự ghen ghét về danh vọng hay một lí do hiềm khích nào đó là họ sẵn sàng chống lại việc chữa trị một cách tinh ranh mà không thể khép họ vào tội gì được. Trong cuộc sống đời thường chúng ta đã từng thấy nhiều vụ án giết người chỉ vì những nguyên nhân tương tự như trên thì tại sao lại không có sự giết người bằng cách chống lại việc chữa bệnh mà thủ phạm vẫn rất sạch tay, pháp luật đành phải quay mặt đi. Chỉ bằng một vài lời nói có vẻ như vô ích là bao công sức tiêu tan. Trong trường hợp này mọi việc phải làm lại từ đầu với bao nhiêu thành kiến, bao nghi ngờ nơi người bệnh, khó khăn lại chồng chất thêm.

Đấy là chưa nói đến trình độ hiểu biết của những người thân, những thành kiến đối với bệnh tật cũng như đối với việc chữa trị. Tất cả những khó khăn này tạo ra một bầu không khí xã hội rất tồi tệ mà người thầy thuốc không dễ vượt qua nổi.

Còn bầu không khí xã hội rộng hơn như nơi cư ngụ của người bệnh. Bầu không khí xã hội này đã vượt ra khỏi khuôn khổ gia đình ruột thịt. Đó là những điều kiện xã hội đích thực mà chúng ta muốn nói tới.

Cái không khí xã hội này vô cùng phức tạp. Nó chẳng bắt nguồn từ những tranh chấp về quyền lợi, về danh vọng cũng như về tình ái. Hoặc nếu có thì cũng không phải là phổ biến cho lắm mà nó thường bắt nguồn từ những hiểu biết không đầy đủ, từ những

thành kiến lâu đời và một thói quen rất tự nhiên. Điều đó dẫn đến một thái độ rất có hại cho việc chữa trị. Chỉ riêng một cái nhìn thôi cũng có thể làm cho người bệnh và ông thầy thuốc mất hết hi vọng chữa trị. Chỉ một lời nói vu vơ vô tội vạ cũng đủ làm cho người thầy thuốc lo lắng. Chỉ một thái độ xa lánh cũng dủ làm cho tâm trạng người bệnh vốn hay hoài nghi lại càng hoài nghi về người đời. Một người bệnh thường hôm trước còn khỏe mạnh được người ta gọi là ông, là bà, là cô, là cậu... Hôm sau khi bắt đầu ngã bệnh thì người đời thường buông một câu thằng điên, con điên, thằng cha điên, con mẹ điên... một cách rất tự nhiên mà không hề có một ẩn ý xấu nào do ghen ghét hay thù hằn hoặc tranh chấp gì. Hình như với tất cả những người mang bệnh thần kinh đều chỉ xứng đáng với cách xưng hô đó của xã hội. Một thái độ như vậy thì làm thế nào để đưa người bệnh trở về với sinh hoạt chung của cộng đồng. Và nếu như người bệnh cứ phải sống tách ra khỏi sinh hoạt chung đó thì làm sao có thể giúp cho họ chấm dứt được bệnh tật. Người ta khó tìm thấy một sự cảm thông dù nhỏ của xã hội đối với những người mang căn bệnh xã hội này. Nếu như có một vài thái độ thương hại nào đó thì cũng rất hiếm. Phải nói rằng trên đời này ít có một chứng bệnh nào lại bị người đời thành kiến như đối với bệnh nhân thần kinh mà thủ phạm lại thường không phải là chính họ.

Đấy là chưa nói đến có một thời nào đó người ta chữa trị cho những người bị bệnh thần kinh các loại bằng những nhục hình như roi vọt, cùm nhốt... Điều trị cho những người bị bệnh thần kinh các loại bằng một

phương pháp với những hình thức thô bạo nhất thì làm sao thay đổi được trạng thái tinh thần người bệnh.

Ngay nay việc chữa trị theo phương pháp trên có thể ít thấy nhưng thái độ đối với người mang bệnh chưa phải là đã có những thay đổi gì đáng kể. Người ta không đánh đập cùm kẹp người bệnh nữa, nhưng thái độ lạnh nhạt xa lánh, coi họ là những người thừa, chỉ là gánh nặng cho xã hội không phải là đã hết. Vấn đề này tuy Tâm phân học coi là những điều kiện bên ngoài nhưng nó lại là một phần quan trọng không những trong điều trị mà còn trong cả lí thuyết. Freud viết:

"Tất nhiên sẽ dễ dàng nhận thấy rằng chữa bệnh có thành công hay không là tùy thuộc vào bầu không khí xã hội chung quanh người bệnh và trình độ học thức của gia đình người bệnh."[1]

Dù cho cách diễn đạt của Tâm phân học về vai trò của những điều kiện xã hội đối với việc trị liệu có khác nhau với những quan niệm của người đời như thế nào đi chăng nữa thì một tinh thần nhất quán là xã hội nói chung, những điều kiện xã hội nói riêng có vai trò quyết định sự thành bại của phương pháp và kĩ thuật Tâm phân học. Cái điều kiện có ý nghĩa quyết định này lại không nằm trong tầm tay người thầy thuốc mà nằm trong tay toàn xã hội từ cái tế bào nhỏ nhất như gia đình cho đến cái xã hội đích thực mà người bệnh sống. Do đó dù cho cách nói về vai trò của xã hội có cái gì không hoàn toàn giống quan niệm của một số người khác thì cũng không thể vì thế mà cho rằng Tâm phân học không biết đến vai trò của xã hội

[1] Sđd, tr.560.

trong hệ thống lí thuyết của mình. Cái xã hội này lại rất chú ý đến vai trò của văn hoá, của sự hiểu biết, tức vai trò của trí thức.

Một xã hội có nền kinh tế phát triển khá cao chưa chắc đã có một nền văn hoá, văn minh tương ứng. Vì thế ngay ở những nước tư bản phát triển và giầu có, những người có cái nhìn sâu sắc đã phân biệt rất rõ thế nào là văn hoá vật chất, thế nào là văn hoá tinh thần và thế nào là trình độ văn minh. Không ít người cho rằng ở những nơi đó nền văn minh vật chất lại ở thế nghịch đảo với nền văn minh tinh thần. Lịch sử đã đang và sẽ còn thấy diễn ra sự nghịch đảo đó. Hình như trong không ít trường hợp càng giầu về vật chất bao nhiêu lại càng nghèo nàn về tinh thần bấy nhiêu. Đó thực sự là một lời cảnh tỉnh với những ai có thói quen đề cao một chiều vai trò của cơ sở vật chất, của nền kinh tế xã hội nhưng lại sao lãng đời sống văn hoá tinh thần. Trong nhiều trường hợp vai trò của văn hoá tinh thần lại có ý nghĩa quyết định trực tiếp. Cho nên người ta mới nói suy cho đến cùng, những điều kiện vật chất là cái quyết định là như vậy. Vì thế Tâm phân học nói đến điều kiện xã hội lại rất quan tâm đến văn hoá, tri thức. Chỉ vì thiếu văn hoá tri thức mà cái Tôi luân lí mới tự cho mình muốn làm gì cũng được mà hậu quả tai hại thì xã hội hứng chịu, do những người dân lành hứng chịu.

Tâm phân học trước hết với tư cách là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị các chứng bệnh tâm thần còn được coi là một phương pháp, một kĩ thuật có khả năng áp dụng vào việc nghiên cứu trong một số ngành

học khác về khoa học xã hội, về khoa học nhân văn. Từ đó hình thành cái mà người ta gọi là Tâm phân học ứng dụng. Điều đó đã được chính Freud khẳng định nhiều lần và ông cũng là người đầu tiên thực hiện để nghiên cứu nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Những kết quả thu lượm được trong lĩnh vực mới mẻ này không phải là không gây ra những sự quan tâm đặc biệt của nhiều người hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn trước đây cũng như hiện nay.

Nhiều người khác không dừng lại ở việc coi Tâm phân học là một phương pháp, một kĩ thuật mà họ còn tiến xa hơn Freud nhiều. Với những người này, họ cho rằng Tâm phân học không chỉ cung cấp cho con người một phương pháp và một kĩ thuật có đủ sức tin cậy về mặt khoa học mà còn cung cấp cho người đời nhiều quan niệm cơ bản làm nền tảng cho việc xây dựng nhiều lí thuyết mới. Ngày nay bên cạnh cái gọi là Tâm phân học ứng dụng, người ta còn xây dựng những lí thuyết mới nhằm phát triển và mở rộng những tư tưởng của Freud như "chủ nghĩa Freud mới"... Làm như vậy vì người ta cho rằng những kết quả mà Tâm phân học thu được trong việc điều trị các chứng bệnh thần kinh tinh thần trên bình diện lí thuyết có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đó là những lĩnh vực hoạt động của con người dẫn đến một trạng thái tâm lí có ảnh hưởng lớn đến mọi mặt trong cuộc sống của con người.

Cái có vai trò nền tảng mà Tâm phân học cống hiến cho nhân loại là cái gì? Ngoài vai trò của ý thức mà

chúng ta đã biết thì cái lớn nhất của Tâm phân học là làm rõ vai trò của cái vô thức. Cái vô thức có ý nghĩa quan trọng nhất là cái vô thức mang nội dung tình dục, cái vô thức thời ấu thơ (biến cố thời thơ ấu) mà mọi người trưởng thành còn mang theo suốt đời.

Kết quả của các ngành Tâm phân học ứng dụng khác nhau cũng như những khuynh hướng khác nhau của những trào lưu theo "chủ nghĩa Freud mới" đến đâu, mặt tích cực cũng như mặt tiêu cực của nó như thế nào không phải là công việc khảo cứu về Tâm phân học mà chúng ta đang tiến hành trong khuôn khổ của công trình này. Muốn có một sự thẩm định nào đó về các trào lưu ấy phải có nhiều công trình khác. Chúng ta chỉ ghi nhận một điều là Tâm phân học là một lí thuyết cho đến nay đã được nhiều giới , nhiều ngành học quan tâm.

Trong khuôn khổ của công trình khảo cứu này chúng ta chỉ có thể nêu một vài ví dụ về việc ứng dụng những quan niệm của Tâm phân học vào một số lĩnh vực khác nhau của các ngành về khoa học xã hội mà thôi.

Văn học là một lĩnh vực có nhiều ảnh hưởng rõ nhất trong việc ứng dụng những quan niệm của Tâm phân học vào việc nghiên cứu và sáng tác những tác phẩm văn chương nghệ thuật.

Cái mà người ta nói nhiều trong văn chương nghệ thuật là "Mặc cảm Œdipe". Mặc cảm Œdipe đã trở thành một ý tưởng cốt lõi xuyên suốt nhiều tác phẩm văn học có giá trị. " Huyền thoại Œdipe" của Sophocle là một điển hình và cái tên Œdipe đã được đặt tên cho cái mặc cảm tội lỗi này. Sau nữa chúng ta phải kể đến

vở kịch "Hoàng tử Hamlét" của nhà soạn kịch vĩ đại và lừng danh Shakespeare. Theo các nhà nghiên cứu phương Tây thì mặc cảm này còn thấy nhiều trong các tác phẩm văn chương khác sau khi đã được người nghệ sĩ thêm bớt cải biên và diễn đạt dưới nhiều hình thức đa dạng khác. Nhưng đằng sau tất cả những cái đó đều có hơi thở và dấu ấn mặc cảm này. Dấu ấn của đời sống trẻ em đã trở thành vô thức còn thể hiện khá rõ trong các tác phẩm nghệ thuật phục vụ cả người lớn cũng như con trẻ nhất là cho trẻ em như những mơ tưởng mang tính chất thần tiên, nhân cách hoá các con vật trong hàng loạt tác phẩm. Tất cả những tưởng tượng đó được thực hiện một cách có ý thức nơi những người trưởng thành nhưng lại mang tính chất rất là con trẻ, trẻ con từ mức phi lí nhất tới mức ngông cuồng nhất. Trong quá trình sáng tác cái vô thức luôn tác động đến tác giả. Một tác phẩm nghệ thuật là một sáng tạo có ý thức đầy đủ của người nghệ sĩ. Từ mục đích, tư tưởng, nội dung, kết cấu, tình tiết... đều được nhà văn suy nghĩ cân nhắc từ trước. Nhưng trong quá trình sáng tác lại luôn có những ý tưởng vô thức chợt đến chợt đi làm cho tác phẩm được bổ sung và thay đổi khá nhiều, thậm chí có khi trở thành một tác phẩm khác hẳn dự kiến ban đầu của tác giả. Những ý tưởng này nhiều khi phát động được một sức mạnh bất ngờ với những cảm hứng đặc biệt nơi người nghệ sĩ. Nhờ đó mà tác phẩm có một giá trị rất to lớn thể hiện được những mong muốn của nhiều người với điều kiện là tác giả đã biến được cái chợt đến cái chợt đi đó thành cái đã được nhận biết sâu sắc. Những ý tưởng vô thức này thường rất táo bạo như

những ý nghĩ của trẻ em và nó được thể hiện ra sau khi đã biến những cái rất là trẻ con đó trở thành những cái của những người trưởng thành. Một tác phẩm nghệ thuật giá trị đến đâu có thể nói nó đã phụ thuộc vào việc tác giả nắm bắt và sử dụng như thế nào những ý tưởng vô thức rất ngây ngô, chất phác và trẻ con này bằng tài nghệ của mình.

Trong các công trình nghiên cứu về thần thoại học phải kể đến những công trình của Rank, một người được coi như có một trí thông minh ít ai sánh bằng. Ông đã cho rằng đối với mỗi người, giấc mơ có một giá trị như thế nào thì đối với cộng đồng người những huyền thoại cũng có một ý nghĩa như vậy. Những huyền thoại đều nói lên ước mơ chung của nhiều người và những mơ tưởng đó được thể hiện trong nền văn hoá cổ truyền của các dân tộc trên thế giới đặc biệt là trong dân ca. Tất cả những mơ tưởng đó đều rất trẻ con nhưng lại do người lớn lấy đó làm nội dung để xây dựng nên những huyền thoại, xây dựng nền văn hoá nói chung và trong dân ca nói riêng.

Trong tác phẩm nổi tiếng "Huyền thoại về sự ra đời của một anh hùng" Rank đã chứng minh nhận định đó trong việc nghiên cứu những vị anh hùng trong huyền thoại của các dân tộc khác nhau trên thế giới.

Rank cho rằng tất cả những vị anh hùng trong huyền thoại đó đều có một điểm giống nhau là từ một em bé gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống nhưng có ý chí cao, có tình thương lớn mà vượt mọi trở ngại làm nên những chiến công lẫy lừng làm rạng rỡ cho non

sông đất nước, cho giống nòi. Ở Việt Nam ta truyện Thánh Gióng và biết bao huyền thoại khác đã chứng minh cho nhận định đúng đắn nói trên.

Có một điều cần chú ý là những truyện nói trên được các dân tộc khác nhau trên thế giới sáng tạo ra trong điều kiện mà hầu như giữa họ chưa có một quan hệ nào, vào thời kì mà mọi dân tộc như sống trong một thế giới riêng biệt. Vậy cái gì thúc đẩy họ sáng tác một cách có ý thức và không có ý thức những huyền thoại đó. Phải chăng ở họ đều có một sự thôi thúc bởi một cái gì đó giống nhau ở trong tiềm thức, trong vô thức. Đó chẳng qua chỉ là những mơ tưởng của họ khi họ còn là trẻ con mà chính họ cũng không hay biết nay sống lại nơi họ khi họ đã trưởng thành.

Áp dụng những quan niệm của Tâm phân học vào việc nghiên cứu những phong tục tập quán, các nghi lễ truyền thống của các dân tộc trên thế giới mà ngày nay còn để lại khá nhiều vết tích, người ta cũng chứng minh được rằng những ý tưởng, tưởng tượng của trẻ em đã thành vô thức, còn lại những dấu ấn khá rõ nét. Đó là việc các dân tộc lấy con vật này hay con vật khác làm tổ tiên của dân tộc mình. Đó là những vật tổ. Cùng với việc thờ cúng những con vật được coi là tổ tiên của dân tộc mình thì có lệ "huý kị" cấm kị rất nghiêm khắc. Việt Nam ta chắc cũng không phải là ngoại lệ mà tập tục này còn khá phổ biến ở nhiều vùng trên đất nước ta nhất là ở những vùng các dân tộc ít người. Việc coi những con vật là tổ tiên của nhiều dân tộc có vẻ như là một cái gì khó hiểu mà người ta thường giải thích là do mê tín dị đoan và tất cả chỉ là mê tính dị đoan. Chúng

ta thường coi đó là biểu hiện trình độ thống trị tự nhiên nơi con người. Khi con người chưa có khả năng chống lại cả những con vật thì người ta coi những con vật là một cái gì linh thiêng và có sức mạnh phi thường. Muốn sống yên ổn thì phải thờ Ngài, tôn Ngài là thánh là thần. Điều đó hoàn toàn có cơ sở. Nhưng nó lại rất phù hợp với những ý tưởng nơi trẻ con khi mà bất cứ con vật nào cũng đáng sợ đối với các em. Nếu nhìn nhận như vậy thì thời kì bán khai nơi con người có gì khác thời kì trẻ con nơi những người trưởng thành. Luật lệ đó lại được đặt ra khi họ đã thực sự là những người hoàn toàn trưởng thành và được đặt ra với một ý thức đầy đủ nhằm bảo vệ sự tồn tại của dân tộc mình, của nòi giống mình. Tâm phân học cho rằng đó là sự sống lại của những ý tưởng của trẻ em đã trở thành vô thức ở những người trưởng thành trong các dân tộc bán khai cũng như không ít những dân tộc đã bước vào con đường văn minh hiện nay.

Trên đây chỉ là một vài nét để chứng minh việc ứng dụng những quan niệm của Tâm phân học với tư cách là một phương pháp, một kĩ thuật điều trị các chứng bệnh tâm thần vào các ngành nghiên cứu khác. Bản thân Freud cũng đã tiến hành một số công trình theo hướng này. Phần lớn những công trình ứng dụng loại này thuộc những người tiếp tục sự nghiệp mà Freud là người đề xướng. Vì vậy cái đúng cũng như cái sai có phần nào là do ảnh hưởng của Freud nhưng chủ yếu là thuộc những người ứng dụng những quan niệm của Tâm phân học. Một ý tưởng đúng nếu được vận dụng đúng và sáng tạo sẽ làm cho ý tưởng được hoàn thiện

hơn. Trái lại nếu được vận dụng sai, máy móc không những không làm cho ý tưởng đúng được hoàn thiện và phát triển mà còn làm cho nó đi vào ngõ cụt gây nhiều ngộ nhận đối với chính người khởi xướng. Đó là lẽ thường tình trong cuộc sống đời thường cũng như trong hoạt động khoa học. Công việc tìm hiểu về Freud và Tâm phân học trong chuyên khảo này chỉ có tính chất sơ khảo. Nhưng bước mở đầu này lại vô cùng quan trọng nếu nó thực sự giúp cho mọi người hiểu được một cách đúng đắn diện mạo của Tâm phân học cũng như con người Freud.

Viết xong tại Hà Nội 10 - 1989
Sửa chữa và bổ sung lần cuối tháng 6 - 2000

TÀI LIỆU THAM KHẢO

S. FREUD:

Nhà xuất bản Payot:

- Introduction à la psychanalyse (1921)
- La psychopathologie de la vie quotidienne
- Psychologie collective et analyse du moi (suivi de cinq lecons sur la psychanalyse)

Nhà xuất bản Gallimard:

- Ma vie et la psychanalyse (1938)
- Métapsychologie
- Trois essai sur la théoric de la sexualité (1932, 1964)

Nhà xuất bản P.U.F.

- La science des rêves (1899)
- Abrégé de psychanalyse (1938)
- Études sur l'hystérie (1965)
- Inhibitions, symptomes et angoisse (1965)

A. ADLER:

- Le tempérament nerveux (Payot)
- Connaissance de l'homme (Payot)

- Le sens de la vie (Payot)

K.G.JUNG:

- L'inconscient, Payot, 1928
- La théorie psychanalytique, Aubier
- Essai de psychologie analytique, Stock, 1931
- Le moi et l'inconscient, Gallimard, 1938
- L'homme à la déceuverte de son âme (Mont Blanc, 1948, Payot, 1962)

E.FROMM:

- The art of loving, Bantam, 1956
- Beyond the chains of illusion, my encounter with Marx and Freud, Simon-Schuster, Inc, 1962

CH.BLONDEL:

- La psychanalyse, Alcan, 1924

E.JONES:

- Traité théorique et pratique de la psychanalyse, Payot, 1925

F.WITTELS:

- Freud, l'homme, la doctrine, l'école, Alcan, 1925

S.ZWEIG:

- Freud, Stock, 1931

R.DALBIEZ:

- La méthode psychanalytique, Desclée de Brouwer, 1936

F.CHALLAYE:

- Freud, Mellotée, 1948

O.BRACHFELD:

- Les sentiments d'infériorité, Mont Blanc, 1945

M.GANS:

- La psychologie d'Alfred Adler, Delachaux-Niestlé

JOLAN JACOBI:

- La psychologie de C.G.Jung, Delachaux- Niestlé 1950.

R. BASTIDE:

- Sociologie et psychanalyse, P.U.F., 1950

D.LAGACHE:

- La psychanalyse, P.U.F., 1955

LAPLANCHE-PONTALIS:

- Vocabulaire de la psychanalyse, P.U.F., 1966

J.C.FILLEUX:

- L'inconscient, P.U.F., 1967

J.B.PONTALIS:

- Après Freud, Gallimard, 1968

S.LECLAIRE:

- Psychanalyser, Le Seuil, 1970

P. RICOEUR:

- De l'interprétation, essai sur Freud, Seuil, Paris, 1966

SÁCH TIẾNG VIỆT TẠI SÀI GÒN TRƯỚC NĂM 1975

HERBERT MARCUSE:

- Éros et civilisation, Minuit, Paris 1966 (Dục tính và văn minh, Nxb Kinh thi dịch)

SUZUKI-É.FROMM:

- Thiền và Phân tâm học, Kinh thi Sài Gòn xuất bản.

VŨ ĐÌNH LƯU:

- Thăm dò tiềm thức, Kinh thi Sài Gòn xuất bản.

S.FREUD:

- Phân tâm học tình dục, Kinh thi Sài Gòn xuất bản.

S. FREUD:

- Phân tâm học nhập môn, Khai trí Sài Gòn 1970, dịch giả Nguyễn Xuân Hiếu.

J.P.CHARRIER:

- L'inconscient et la psychanalise - dịch giả Lê Thanh Hoàng Dân: Phân tâm học, Trẻ Sài Gòn 1971.

LÊ TÔN NGHIÊM:

- Những vấn đề triết học hiện đại, Ra Khơi, Sài Gòn, 1971.

SÁCH XUẤT BẢN TẠI LIÊN XÔ

- Academy of Sciences of the Géorgian SSR, Tbilisi State University, Institute of Neurology, USSR, Acad Sci: The unconscinus: nature, function method of study, "Metsniereba" Publishing House, Tbilisi, 1985.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

- Phần *Triết học phương Tây* trong "*Vấn đề con người trong sự nghiệp hóa, hiện đại hóa*". Nghiên cứu xã hội học, đề tài cấp quốc gia. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

- Phần *Triết học phương Tây* trong "*Ảnh hưởng các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với người Việt Nam hiện nay*". Đề tài cấp quốc gia. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

- Phần *Chủ nghĩa Hiện sinh và chủ nghĩa Freud* trong giáo trình triết học Mác-Lênin. Đề tài cấp quốc gia. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội , 1999.

- *Cái tiên nghiệm của Cantơ* trong *Cantơ người sáng lập nền triết học cổ điển Đức*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội, 1997.

- *Mấy trào lưu triết học phương Tây*. Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội xuất bản năm 1984 và tái bản năm 1986.

- *Vài nét về Freud và Tâm phân học*. Tạp chí *Triết học*, Viện Triết học, thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, số 5, 1999.

- *Hiện tượng luận của E.Husserl và sự tự do sáng tạo của chủ thể tư duy*. Tạp chí *Triết học*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, số 3, 1993.

MỤC LỤC

• *Thay lời giới thiệu* 5

Chương 1: Khái luận 19

Chương 2: Lí thuyết về cái vô thức 57

Chương 3: Lí thuyết về tình dục 155

Chương 4: Mấy nét về các chứng bệnh tâm thần - phương pháp điều trị và vai trò của cái Tôi (Tâm lí học về cái Tôi) 215

• *Tài liệu tham khảo* 361

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN AN CHƯƠNG
Biên tập:
NGUYỄN TẤT HÒA
Trình bày:
ANH TRÍ
Vẽ bìa:
HOÀNG HÀ
Sửa bản in:
TRUNG TÂM ĐÔNG TÂY

Tổng đại lý phát hành:
NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY, 466 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
14 M6 Láng Trung, Đống Đa, Hà Nội
ĐT/Fax: (84-4) 7731938 - 7731436

FREUD VÀ TÂM PHÂN HỌC
Phạm Minh Lăng
Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin, 43 - 45 Lò Đúc, Hà Nội
Cuốn sách của Phạm Minh Lăng, nhà nghiên cứu phương Tây, trình bày về các luận điểm cơ bản của Freud về Tâm phân học giúp độc giả hiểu rõ hơn về một chủ thuyết gây nhiều tranh cãi.

In 800 cuốn khổ 13x19 tại Công ty in Ba Đình Thanh Hoá
Giấy phép xuất bản số: 914-CXB/22-VHTT
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2000

Freud, người gốc Do Thái, sinh năm 1856 tại Fribourg, Moravie thuộc Tiệp Khắc. Năm ông 3 tuổi gia đình sang cư trú tại Vienne.

Năm 1873 Freud vào học khoa Y Đại học Vienne chuyên ngành Thần kinh học và đã đóng góp cho Thần kinh học nhiều công trình quan trọng về thực nghiệm và điều trị.

Từ Thần kinh học chuyển sang Tâm phân học là một bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời khoa học của Freud và ông được coi là người sáng lập ra Tâm phân học tức tâm lí học về cái vô thức, tâm lí học chiều sâu hay còn gọi là Siêu tâm lí học mà sau này được tôn thành chủ nghĩa Freud.

TRUNG TÂM VĂN HOÁ - NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY
14 M6 LÁNG TRUNG, ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

Giá: 30.000đ